

HÀNH TRÌNH TÂM LINH CỦA TÔI

Nguyên bản: My Spiritual Journey
Tác giả: Đức Đạt Lai Lạt Ma với Sofia Stril-Rever
Chuyển ngữ: Tuệ Uyển

MỤC LỤC

Contents

LẮNG NGHE LỜI KÊU GỌI CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA VỚI THỂ GIỚI	3
BA CHỈ NGUYỆN CỦA TÔI TRONG ĐỜI SỐNG	7
Phần 1: Như Một Con Người.....	8
1- Loài người chúng ta.....	9
TÔI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT NGƯỜI ĐẶC BIỆT	10
TÔI SẼ THỰC HÀNH TỪ BI CHO ĐẾN HƠI THỞ CUỐI CÙNG.....	17
2- Sự sống của tôi không có bắt đầu hay kết thúc	24
TÔI HOAN HỈ LÀ CON CỦA NHỮNG NÔNG DÂN GIẢN DỊ	27
THỜI THƠ ẤU CỦA TÔI Ở LHASA.....	34
DÒNG TRUYỀN THỪA HÓA THÂN CỦA TÔI	42
Phần 2: Như Một Tu Sĩ.....	52
3- Chuyển hóa tự thân.....	53
LÝ TƯỞNG CỦA TÔI: BỒ TÁT ĐẠO.....	54
NHỮNG CHÙA VIỆN ÂN CẦN TRONG TRÁI TIM CỦA CHÚNG TA...60	
CHUYỂN HÓA TÂM THỨC CHÚNG TA	65
4- Chuyển hóa thể giới.....	76
TÔI KÊU GỌI MỘT CUỘC CÁCH MẠNG TÂM LINH	77
TÔI KHÔNG TIN VÀO NHỮNG HỆ TƯ TƯỞNG	80

SỰ ĐỐI THOẠI CỦA TÔI VỚI NHỮNG NHÀ KHOA HỌC.....	86
5- Chăm sóc trái đất	96
TRÁCH NHIỆM VỚI SINH QUYỀN	97
HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA LÀ MỘT THẾ GIỚI DUY NHẤT	109
Phần 3: Như Một Đạt Lai Lạt Ma	116
6- Năm 1959 Đức Đạt Lai Lạt Ma gặp gỡ thế giới	117
TÔI LÀ NGƯỜI DUY NHẤT CÓ THỂ ĐẠT ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ RỘNG RÃI.....	118
THIỆU NHI CỦA TÔI, CÁC CHÁU LÀ TƯƠNG LAI CỦA TÂY TẠNG	130
7- Tôi kêu gọi tất cả mọi người trên thế giới	145
TÔI TỔ CẠO SỰ HÁN HÓA TÂY TẠNG	146
TÂY TẠNG THÁNH ĐỊA HÒA BÌNH CỦA THẾ GIỚI.....	159
KẾT LUẬN: Tôi Đặt Niềm Hy Vọng Của Tôi Trong Trái Tim Con Người	187
LỜI BẠT	190
Đạt được hòa bình với Đức Đạt Lai Lạt Ma	190
PHÁT BIỂU HÀNG NĂM CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NHÂN LỄ KỶ NIỆM NGÀY ĐỒNG KHỞI Ở LHASA 10 THÁNG BA NĂM 1959.....	193
Mạn Đà La Thời Luân.....	197

LẮNG NGHE LỜI KÊU GỌI CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA VỚI THẾ GIỚI



Đức Đạt Lai Lạt Ma là vị tái sinh lần thứ mười bốn thuộc dòng truyền thừa hình thành với sự hóa thân Giác Ngộ từ bi lần thứ nhất của Gendun Drup vào năm 1391. Đức Đạt Lai Lạt Ma đàm luận về những giai thoại và những thành tựu của các kiếp sống trước của ngài một cách tự nhiên cũng như ngài liên hệ đến những ký ức thời thơ ấu của ngài. Ngài duy trì một nối kết sống động với mười ba vị tiền thân của ngài, thường đề cập đến sự hiện diện quý yêu, quen thuộc của họ. Ngài bây giờ bảy mươi bốn tuổi, nhưng từ khi đảm trách gánh nặng lãnh đạo tâm linh và thế quyền của Tây Tạng, sự tỉnh giác của ngài bao hàm bảy thế kỷ lịch sử. Trong quyển sách này, chúng tôi đã gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma vào lúc ngài đang quán chiếu vào sự hóa thân kế tiếp của ngài, và ngài biết rằng sự tồn tại hiện tại của ngài đang đi đến chỗ kết thúc. Nhưng ngài cũng biết rằng sự sống của ngài sẽ không chấm dứt với sự chết của ngài.

Tuy nhiên, ngài thừa nhận rằng ngài "không là một người đặc biệt" nhưng là "một con người" như mọi người khác. Việc gặp gỡ ngài chắc chắn gợi lên nhiều câu hỏi, vì không gian "loài người" của ngài không biểu lộ những giới hạn bình thường trong điều kiện của chúng ta; tôi thường tự hỏi sự giảng dạy tinh hoa mà chúng ta tiếp nhận từ ngài có phải đơn giản về việc trở thành con người trọn vẹn không.

Tôi tự hỏi mình câu hỏi này một lần nữa vào ngày 10 tháng Ba năm 2006 ở Dharamsala, khi tôi lắng nghe Đức Đạt Lai Lạt Ma nói chuyện kỷ niệm cuộc khởi nghĩa ở Lhasa. Tôi có cảm giác rằng những lời nói của ngài vượt xa khỏi các đám mây phủ trên những đỉnh núi và hàng trăm người tập hợp trong một cơn mưa lạnh lẽo, đều đều để nghe ngài. Ngài kêu gọi cho nhân quyền được tôn trọng ở Tây Tạng, nhưng lĩnh vực những lời nói của ngài là phổ quát. Đó là con người chúng ta, ngài đang bảo vệ để chống lại sự dã man và vô nhân đạo. Đức Đạt Lai Lạt Ma đang kêu gọi lương tâm của nhân loại.

Trong mười lăm năm, tôi đã đi theo và thông dịch lời giảng dạy của ngài trong hệ thống thiền tập Thời Luân - Kalachakra, được xem như tối thượng bởi những Phật tử Tây Tạng và hồi hướng cho hòa bình thế giới. Ngày hôm ấy tôi đã thấy một sự liên hệ liên lũy thậm thâm giữa tính nhân bản phi thường và ngôn ngữ của ngài như một đạo sư của Thời Luân, và bài diễn thuyết chính trị của ngài. Nghĩ lại điều này, tôi đã hiểu rằng là con người đối với ngài có nghĩa là sống một tính chất tâm linh đến từ trái tim và được biểu hiện đồng thời trong đời sống thường nhật của

ngài, như trong sự trao đổi với những nhà khoa học nổi tiếng của thế giới hay những tuyên bố của ngài trong những diễn đàn quốc tế. Chắc chắn rằng không phải bởi may mắn mà Đức Thánh Thiện Đạt Lai Lạt Ma Thứ Mười Bốn đã đề xuất và thực hiện một chính sách gọi là "Trung Đạo" đối với Trung Cộng, vì Trung Đạo trình bày tinh hoa của tuệ giác nhận thức về tánh không, trong Phật Giáo.

Tôi nhận ra rằng với một sự tiếp cận tâm linh như vậy, người ta có thể phá vỡ những hàng rào thường ngăn cách những hành động, tư tưởng, và cảm giác và tiến gần tới tính phổ quát của trái tim. Và khi tôi đồng ý để những hàng rào ấy hạ xuống, tôi có một kinh nghiệm về sự chuyển hóa trong sáng nội tại. Tôi đã hiểu rằng, đối với Đức Đạt Lai Lạt Ma, việc cầu nguyện vượt khỏi những hình thức của tín tưởng. Cầu nguyện bắt đầu từ những gì phổ quát của tất cả những tôn giáo gọi mời chúng ta khám phá chiều kích bên trong loài người chúng ta và cải hóa "phẩm chất con người của chúng ta."

Tôi thảo luận phạm vi của điều này với Samdhong Rinpoche, thủ tướng của chính phủ Tây Tạng lưu vong và là bạn của Đức Đạt Lai Lạt Ma; tôi đã gặp ông khi tôi đang học ở Ấn Độ tại Đại học Tây Tạng ở Sarnath, ông là hiệu trưởng. Tôi đề nghị làm chứng nhân cho tâm linh "cởi mở" này của Đức Đạt Lai Lạt Ma bằng việc xuất bản những bài vở chọn lọc chưa từng được xuất bản trước đây ở Pháp, kể cả bài diễn thuyết ngày 10 tháng Ba và những bài thuyết giảng được thực hiện trên diễn đàn quốc tế. Việc xuất bản này sẽ cho thấy sự ảnh hưởng của tính nhân bản của Đức Đạt Lai Lạt Ma với thế giới chúng ta vào một thời kỳ khủng hoảng trong lịch sử khi sự sống còn của những thế hệ tương lai dường như bị đe dọa. Những sự tuyên bố của ngài, kêu gọi cho một cuộc cách mạng tâm linh và đó cũng là một cuộc cách mạng đạo đức, cố gắng thuyết phục chúng ta công nhận nhân loại là một, trong sự phù hợp với nguyên tắc của Phật Giáo về liên hệ hỗ tương. Sự tỉnh thức rằng mọi thứ là liên hệ với nhau trong trong thực tế chung sức của đời sống được biểu hiện trong mức độ cá nhân bằng bi mẫn và trên mức độ tập thể bằng trách nhiệm phổ quát. Những quan điểm này đã góp phần cho việc đổi mới thuật ngữ và sự tiến bộ tinh thần của những tài liệu của Liên Hiệp Quốc công hiến cho một nền văn hóa hòa bình.

Sau khi Đức Đạt Lai Lạt Ma đồng ý dàn bài tổng quát tác phẩm của tôi, mà lúc mới đầu tôi đặt tựa đề là Lời Kêu Gọi đến Thế Giới, tôi tự hiến dâng cho nó, và trong phạm vi sự nghiên cứu của tôi cho một hình thức thứ hai liên lũy đã đánh động tôi: đó là sự tương tục thế gian của tư tưởng của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Thực tế, mặc dù trải qua năm tháng, những thông điệp của ngài đã được hỗ trợ với những liên hệ mới và được nối kết với những sự kiện hiện tại và đến sự phát triển

của xã hội đương thời, nhưng việc phân tích những thông điệp đó đã đi theo một chiều hướng dẫn chúng ta trở lại cùng nguồn gốc - một tuệ giác và ân cần dường như không mệt mỏi và một lẽ thật bất tận.

Tôi có một kinh nghiệm ấn tượng về điều này trong tháng Hai năm 2008, vào cuối một buổi phỏng vấn dài cho bộ phim Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đồi Núi Tiếp Đồi. Khi Lhasa và Tây Tạng bùng cháy lên một tháng sau đó, có một thời khắc của nghi ngờ. Trong sự trình chiếu của nó, như được dự định cho tháng Tám, không phải bộ phim đã được thấy như lạc đề với những sự kiện hiện tại hay sao? Nhưng một cách rất nhanh chóng, rõ ràng rằng trước và sau những sự kiện này, chí nguyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma đối với bất bạo động, hòa giải, và đối thoại vẫn không thay đổi. Tôi đã đi đến kết luận rằng những từ ngữ của ngài có một sự thích hợp không thay đổi với những sự kiện của lịch sử. Lẽ phải của ngài sở hữu một phẩm bất biến hiếm có.

Tôi tự hỏi tại sao điều này như vậy. Lý do dường như là tầm nhìn của Đức Đạt Lai Lạt Ma bao quát cuộc sống phổ biến, trong sự nhân nhượng hoàn hảo. Những ai đạt đến trình độ lẽ thật này - được Thánh Gandhi gọi là sự kháng cự thụ động, satyagraha, một vĩ nhân khác của nhân loại và là một bậc quý kính đối với Đức Đạt Lai Lạt Ma - những sự đối kháng bây giờ không còn phản đối nhau nữa mà ngồi lại với nhau trong sự bổ khuyết hòa hiệp. Vì vậy, người Trung Cộng, thí dụ thế, không phải là những "kẻ thù" mà là "những anh chị em". Sự thử thách của tôi là tạo một cảm quan thâm thúy như vậy trong cấu trúc của quyền sách.

Trong phương diện cuối cùng của công việc tôi nhận ra rằng những bản văn của người đầu tiên mà tôi đã lựa chọn để dựng lên một tự truyện tâm linh. Tôi sử dụng thuật ngữ "tâm linh" ở đây trong ý nghĩa mà Đức Đạt Lai Lạt Ma cho nó - được gọi là, sự phát triển toàn diện những giá trị nhân bản là thiết yếu cho sự tốt lành của tất cả. Tôi đã nói chuyện với Samdhong Rinpoche về ý tưởng này vào tháng Mười Hai năm 2008, khi tôi ở Dharamsala. Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận thức điều ấy vào đầu tháng Giêng năm 2009, ngài chấp nhận, nói rằng ngài rất vui với khái niệm ấy. Ngài thấy rằng những thông điệp của ngài như được trình bày trong quyền sách này phù hợp với những nguyện vọng căn bản của ngài, và cũng cho phép việc xuất bản những bản ghi chép diễn thuyết của ngài vào ngày 10 tháng Ba năm 2007, được chú thích với những ghi chép tay của ngài và được Samdhong Rinpoche giữ gìn.

Tôi hiểu rằng với sự phê chuẩn này thì tôi chạm với thử thách mà tôi thiết lập trong việc viết quyền sách này - sự thử thách của việc làm cho nó thành hiện thực sống động và đem độc giả đến gần đúng mức những từ ngữ của Đức Đạt Lai Lạt Ma để

nghe chúng và thiền quán về chúng trong một cuộc đối thoại mạnh mẽ vô tư mà từ đây hy vọng có thể tỏa sáng.

Sofia Stril-Rever/ Sarnath, Tháng Giêng năm 2009

BA CHÍ NGUYỆN CỦA TÔI TRONG ĐỜI SỐNG

Chí nguyện thứ nhất của tôi trong đời sống, như một con người, là thúc đẩy những giá trị nhân bản và những phẩm chất đó của tâm linh là những nhân tố then chốt trong một cuộc sống hạnh phúc, cho dù là một cá nhân, một gia đình, hay một cộng đồng. Ngày nay, dường như đối với tôi thì chúng ta không trau dồi những phẩm chất nội tại này đầy đủ; đó là tại sao ưu tiên của tôi là phát triển chúng.

Chí nguyện thứ hai của tôi trong đời sống, như một tu sĩ Phật Giáo, là thúc đẩy sự hòa hiệp giữa những tôn giáo khác nhau. Trong dân chủ, chúng ta thừa nhận sự cần thiết của chủ nghĩa đa nguyên trong đời sống chính trị. Nhưng chúng ta do dự khi nó là một vấn đề của sự phân hóa niềm tin và tôn giáo. Mặc dù những khái niệm và triết lý khác nhau, nhưng tất cả những truyền thống tôn giáo đem đến cho chúng ta cùng thông điệp của từ ái, bi mẫn, bao dung, sự chừa mược, và kỷ luật tự giác. Chúng cũng có cùng năng lực phổ quát để giúp đưa chúng ta hướng đến một đời sống hạnh phúc hơn.

Chí nguyện thứ ba của tôi trong đời sống, như một Đức Đạt Lai Lạt Ma, là vấn đề của Tây Tạng, là điều liên quan với tôi một cách rất đặc biệt. Tôi có một trách nhiệm đặc biệt với người Tây Tạng, vì họ tiếp tục đặt hy vọng của họ và tin tưởng tôi trong thời điểm nghiêm trọng của lịch sử chúng tôi. Sự cát tường của người Tây Tạng là động lực liên tục của tôi, và trong sự đấu tranh cho công lý của họ tôi tự xem mình là phát ngôn viên tự do của họ trong lưu vong.

Chí nguyện sau cùng sẽ đi đến chấm dứt ngay khi có một giải pháp thỏa mãn hồ tương được tìm ra giữa người Tây Tạng và người Trung Cộng. Đối với hai chí nguyện đầu, tôi sẽ duy trì chúng cho đến hơi thở cuối cùng của tôi.

*

Phần 1: Như Một Con Người

1- Loài người chúng ta

TÔI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT NGƯỜI ĐẶC BIỆT

Tôi Chỉ Là Một Con Người

THUẬT NGỮ "ĐẠT LAI LẠT MA" có những ý nghĩa khác nhau tùy theo những con người khác nhau. Đối với một số người, thuật ngữ này tuyên bố rằng tôi là một vị Phật Sống, hóa thân trên trái đất của Quán Thế Âm, một vị Bồ tát của Từ Bi. Đối với một số người khác, nó có nghĩa rằng tôi là một vị "Thánh Vương." Vào cuối những năm 1950, một vị Đạt Lai Lạt Ma có nghĩa là thi hành chức năng của "Phó Chủ tịch Quốc Hội Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa." Sau đó, vào lúc đầu của sự lưu vong sau sự đào thoát của tôi, tôi được gọi là một "kẻ phản cách mạng" và một "kẻ ăn bám." Nhưng không tên gọi nào tương ứng với tôi.

Như tôi thấy nó, danh hiệu "Đạt Lai Lạt Ma" tương ứng trách nhiệm giao xuống cho tôi. Đối với tôi, tôi chỉ là một con người, và nó rất ngẫu nhiên rằng tôi cũng là một người Tây Tạng được chọn để là một tu sĩ Phật Giáo. Cho nên trước khi tôi kể những sự kiện về hành trình tâm linh của tôi, tôi muốn quán chiếu trên những gì đã ràng buộc tất cả chúng ta với nhau, những yếu tố căn bản của con người thông thường chúng ta và sự từ bi mà nó kêu gọi đến.

Một Nhu Cầu Quan Trọng Cho Tình Cảm Trong Dòng Máu Của Chúng Ta

ĐỜI SỐNG CỦA CHÚNG TA LỆ THUỘC VÀO NHỮNG NGƯỜI KHÁC rất nhiều, ở tại gốc rễ sự tồn tại của chúng ta có một nhu cầu nền tảng cho từ ái. Đó là tại sao thật tốt đẹp để trau dồi một cảm nhận xác thật của trách nhiệm và sự quan tâm chân thành cho lợi ích của những người khác.

Bản chất thật sự như những con người là gì? Chúng ta không chỉ là những thứ vật chất, và thật sai lầm khi đặt tất cả những hy vọng cho hạnh phúc trong sự phát triển ngoại tại. Không cần đi vào cuộc tranh luận ồn ào về sự tạo hóa và tiến hóa của vũ trụ, thì tất cả chúng ta đều đồng ý rằng mỗi con người là sản phẩm của cha mẹ họ. Phần quan trọng nhất, sự thụ thai của chúng ta liên hệ không chỉ là khát vọng dục tình mà cũng là quyết định của họ để có một đứa con. Dự tính của họ được căn cứ trên trách nhiệm vị tha và chí nguyện chăm sóc chúng ta cho đến khi chúng ta trở thành độc lập. Cho nên ngay chính lúc thụ thai của chúng ta, tình thương của cha mẹ chúng ta là nhân tố thiết yếu.

Hơn thế nữa, chúng ta lệ thuộc hoàn toàn vào sự chăm sóc của mẹ chúng ta vào buổi đầu sinh ra đời. Theo một số nhà khoa học, tình trạng của tâm thức - tĩnh lặng hay kích động - của một bà mang thai có một tác động vật lý ngay lập tức vào đứa bé trong bụng.

Biểu lộ của tình thương cũng thiết yếu lúc sinh ra. Vì động tác đầu tiên của chúng ta là bú sữa từ vú bà mẹ, cho nên một cách bản năng chúng ta cảm thấy gần gũi với mẹ chúng ta, người cũng cảm thấy tình yêu nhằm để nuôi dưỡng chúng ta, vì nếu bà giận dữ hay không vui, dòng sữa mẹ sẽ không tuôn chảy thật thoải mái.

Rồi thì có thời điểm quan trọng cho việc cấu thành não bộ, từ lúc mới sinh cho đến ba hay bốn tuổi. Sự xúc chạm tình cảm của thân thể là nhân tố chính cho đứa bé lớn lên một cách bình thường. Nếu nó không được nuông chiều, ôm ấp, yêu thương, sự phát triển của nó sẽ bị giới hạn và não bộ của nó sẽ không lớn mạnh với khả năng trọn vẹn của nó.

Vì đứa bé không thể sống còn mà không có sự săn sóc của người khác, cho nên tình thương là thiết yếu. Ngày nay nhiều trẻ con lớn lên trong những gia đình không hạnh phúc. Thiếu thôn tình cảm, sau này trong đời sống chúng sẽ hiếm hoi yêu thương cha mẹ chúng và sẽ thường gặp rắc rối trong việc yêu thương người khác. Điều này là rất đáng buồn.

Vài năm sau, khi trẻ con đến trường, chúng cần được giúp đỡ bởi giáo viên của chúng. Nếu một giáo viên không tự giới hạn mình với việc dạy dỗ, nếu vị ấy cũng lãnh lấy trách nhiệm chuẩn bị cho học trò của vị ấy cho cuộc sống, thì chúng sẽ phải tôn trọng giáo viên ấy và tin tưởng vị ấy. Những điều chúng học hỏi từ giáo viên sẽ để lại ấn tượng mãi mãi trong tâm thức chúng. Ngược lại, những chủ đề được dạy bởi người nào đó không quan tâm đến sự cáit tường của học trò sẽ chỉ thoáng qua chúng và sẽ bị quên lãng không lâu sau đó.

Tương tự thế, khi một người bệnh được chữa trị tại bệnh viện bởi một bác sĩ biểu lộ tình người nồng ấm, bệnh nhân sẽ cảm thấy thoải mái. Bác sĩ mong ước tận dụng không tiếc những y cụ chữa trị, bất chấp những chi tiết kỹ thuật của tiến trình y khoa. Trái lại khi một bác sĩ thiếu sự thấu cảm và dường như không thân thiện, không kiên nhẫn, hay khinh thường, ngay cả nếu vị ấy là rất nổi tiếng, đoán bệnh đúng, và vị ấy quy định những phương pháp hiệu quả nhất, thì bệnh nhân vẫn ở trong tình trạng phiền muộn.

Trong trường hợp của một cuộc đối thoại hàng ngày, khi người nói chuyện của chúng ta nói với chúng ta với một cảm giác nhân bản, thì chúng ta lắng nghe và

đáp lại với sự vui vẻ, vì thế cuộc đối thoại trở thành hấp dẫn mặc dù nó thật bình thường. Trái lại, nếu người nào đó nói một cách lạnh lùng hay thô lỗ, chúng ta cảm thấy phiền toái và muốn chấm dứt cuộc đối thoại một cách nhanh chóng. Từ những sự kiện nhỏ nhất đến những sự kiện lớn nhất, tình cảm và sự tôn trọng người khác là nhân tố quan trọng.

Mới đây, tôi đã gặp một nhóm các nhà khoa học Hoa Kỳ, họ nói rằng tỉ lệ người mắc bệnh tâm thần ở xứ sở họ là khá cao - khoảng 12 phần trăm dân số. Theo cuộc thảo luận, nó nổi bật lên rõ ràng rằng nguyên nhân chính không phải là thiếu thôn vật chất mà là thiếu tình cảm.

Một điều dường như rõ ràng. Cho dù chúng ta có cảm giác về nó hay không, từ lúc chúng ta mới ra đời, nhu cầu cho tình cảm vốn ở chính trong dòng máu của chúng ta. Tôi tin tưởng rằng không ai được sinh ra mà không có nhu cầu yêu thương này. Và trái lại với những trường phái tư tưởng hiện đại nào đó, điều này chứng minh rằng loài người không bị giới hạn với trình độ vật chất mà thôi. Bất chấp đối tượng vật chất, bất chấp nó đẹp đẽ và quý giá đến thế nào đi nữa, lại có thể cho chúng ta cảm giác của việc được yêu thương được, bởi vì bản chất sâu xa hơn, đặc tính chân thật của chúng ta có gốc rễ trong tính tự nhiên khách quan của tâm thức.

Từ bi, là điều đôi khi tôi cũng gọi là tình cảm con người, là nhân tố quyết định của đời sống chúng ta. Liên hệ với lòng bàn tay của chúng ta, năm ngón tay trở thành chức năng: cắt đứt nó ra, chúng vô dụng. Tương tự thế, mỗi hành động của con người trở thành nguy hiểm khi nó thiếu vắng cảm giác con người. Khi chúng được được biểu hiện với cảm giác và sự tôn trọng cho những giá trị của loài người, thì tất cả mọi hành động trở thành xây dựng.

Mẹ Tôi, Một Người Phụ Nữ Từ Bi

TÔI ĐƯỢC SINH RA TRONG MỘT GIA ĐÌNH GIẢN DỊ từ một vùng xa xôi hẻo lánh của tỉnh Amdo ở Tây Tạng. Như một đứa bé, tôi lớn lên trong vòng tay yêu thương từ ái của mẹ tôi, một người phụ nữ đại bi. Và sau khi tôi đến Lhasa vào lúc bốn tuổi, mọi người chung quanh tôi, những vị thầy của tôi và những người phục vụ, đã dạy tôi điều gì có nghĩa là tốt lành, trung thực, và quan tâm. Đó là môi trường mà tôi lớn lên.

Sau này, sự giáo dục cổ điển trong tư tưởng Phật Giáo phơi bày cho tôi với những nhận thức chẳng hạn như liên hệ nhân duyên hỗ tương và khả năng con người cho lòng từ bi vô hạn. Điều đó cho tôi tỉnh giác với tầm quan trọng của trách nhiệm toàn cầu, bất bạo động, và sự thấu hiểu trong những tôn giáo. Niềm tin ngày nay

trong những giá trị này cho tôi một động cơ để thúc đẩy những phẩm chất nhân loại căn bản. Trong phạm vi của cuộc chiến đấu của tôi cho nhân quyền và một sự tự do rộng rãi hơn của dân tộc Tây Tạng, thì những giá trị này tiếp tục hướng đạo những chí nguyện của tôi đến con đường bất bạo động.

Đã Đến Lúc Để Suy Nghĩ Trong Mô Thức Loài Người

KHI TÔI NÓI CHUYỆN VỀ ÂN CẦN VÀ TỪ BI, tôi không bày tỏ tự thân tôi như một Phật tử, hay như một Đức Đạt Lai Lạt Ma, hay như một người Tây Tạng, mà đúng hơn tôi là một con người. Và tôi hy vọng rằng quý vị cũng tự xem mình như những con người, chứ không là những người Mỹ, những người phương Tây, hay những thành viên của nhóm này hay nhóm khác. Những sự phân chia như vậy là thứ yếu. Khi chúng ta nói như những con người, thì chúng ta có thể chạm vào vấn đề thiết yếu. Nếu tôi nói, "tôi là một tu sĩ," hay, "tôi là một Phật tử", đó là một vấn đề của những thực tế tạm thời trong sự so sánh với bản chất con người của tôi. Sự thật được sinh ra như con người là căn bản và sẽ không thay đổi cho đến khi chết. Những phần còn lại, cho dù chúng ta có nghiên cứu hay không, giàu hay nghèo, là thứ yếu.

Ngày nay chúng ta đối diện với nhiều vấn nạn. Trách nhiệm của chúng ta liên hệ trực tiếp với những xung đột bị kích động bởi tư tưởng, tôn giáo, và kinh tế. Do đó, đã đến lúc cho chúng ta suy nghĩ trong dạng thức con người, trên một trình độ sâu sắc hơn nơi chúng ta quan tâm một cách tôn trọng phẩm chất của người khác, vì họ cũng là những con người như chúng ta. Chúng ta phải xây dựng những mối quan hệ gần gũi trong lòng tin hỗ tương, thấu hiểu và hỗ trợ lẫn nhau, mà không chú ý nhiều tới những khác biệt về văn hóa, triết lý, tôn giáo, hay tín ngưỡng.

Xét cho cùng, tất cả con người là giống nhau - được làm bởi thịt, xương, và máu. Tất cả chúng ta muốn hạnh phúc, và tất cả muốn xa lánh khổ đau. Chúng ta là những thành viên của một gia đình nhân loại duy nhất, và những sự tranh cãi của chúng ta được sinh ra từ những nguyên nhân thứ yếu. Những sự tranh chấp, dối trá, và giết chóc là vô ích.

Mỗi Người Chúng Ta Gặp Là Anh Chị Em Của Chúng Ta

TÔI MUỐN NHẤN MẠNH VÀO ĐIỂM NÀY, mà tôi nghĩ là thiết yếu. Sự hạnh phúc của mỗi người có thể làm thành một sự cống hiến thậm thâm, hiệu quả và nó có thể cải thiện toàn bộ cộng đồng nhân loại.

Bằng việc nhận ra rằng chúng ta cùng chia sẻ nhu cầu để được yêu thương, chúng ta có cảm giác rằng trong mỗi hoàn cảnh mỗi con người chúng ta gặp gỡ là anh chị em của chúng ta. Không hề gì nếu khuôn mặt của họ là không quen thuộc hay nếu hiện tượng và thái độ của họ là bất thường. Không có sự ngăn cách quan trọng giữa chúng ta và người khác. Thật vô lý để chú ý vào những sự khác biệt bên ngoài, vì nền tảng tự nhiên của chúng ta là đồng nhất.

Trong sự phân tích rốt ráo, nhân loại chỉ là một, và ngôi nhà duy nhất của chúng ta là hành tinh nhỏ bé này. Nếu chúng ta muốn bảo vệ nó, mỗi người chúng ta phải trải nghiệm lòng vị tha phổ quát. Chỉ có cảm nhận này mới loại trừ được những động cơ vị kỷ thúc ép người ta lợi dụng nhau. Với một trái tim chân thành và cởi mở, tự nhiên chúng ta vững tin và bảo đảm với chính chúng ta, và chúng ta không có gì để lo sợ từ những người khác.

Tôi tin rằng trong tất cả mọi trình độ của xã hội - gia đình, quốc gia, và quốc tế - chìa khóa cho một thế giới tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn là lòng đại bi. Không nhất thiết để đi theo một tôn giáo, hay tin tưởng trong một hệ tư tưởng nào. Điều quan trọng là phát triển những phẩm chất nhân bản tối đa như có thể. Tôi cố gắng để xử sự với mỗi người mà tôi gặp như một người bạn cũ, và điều ấy cho tôi một cảm giác thật sự của hạnh phúc.

Từ Ái, Điều Kiện Cho Sự Sống Còn Của Chúng Ta

LÚC MỚI SINH RA, con người tự nhiên được phú cho những phẩm chất chúng ta cần có cho sự tồn tại của chúng ta, chẳng hạn như quan tâm, nuôi dưỡng, và từ ái yêu thương. Mặc cho sự thật là chúng ta đã sở hữu những phẩm chất tích cực, tuy thế, chúng ta có xu hướng quên lãng nó. Như một kết quả, loài người đối diện những vấn nạn không cần thiết. Chúng ta cần thực hiện thêm những nỗ lực để duy trì và phát triển những phẩm chất căn bản này. Đó là tại sao việc thúc đẩy những giá trị nhân bản là điều quan trọng chính yếu. Chúng ta cũng cần tập trung trong việc nuôi dưỡng những mối quan hệ nhân bản tốt đẹp vì, cho dù những sự khác biệt quốc gia, tôn giáo tín ngưỡng, chủng tộc, sự giàu sang, hay học vấn của chúng ta là gì, thì tất cả chúng ta cũng là những con người. Đối diện với những khó khăn, chúng ta luôn luôn gặp gỡ những người nào đó, có lẽ là những người xa lạ, cũng tự động dành sự giúp đỡ cho chúng ta. Tất cả chúng ta lệ thuộc vào nhau trong những hoàn cảnh khó khăn và chúng ta cũng làm như thế vô điều kiện. Chúng ta không hỏi người đó là ai trước khi chúng ta giúp đỡ họ. Chúng ta giúp đỡ họ bởi vì họ là những con người như chúng ta.

Tôi Cầu Nguyện Cho Một Gia Đình Nhân Loại Yêu Thương Nhau Hơn

Ngay cả khi gặp một người xa lạ
Mỗi lần ấy tôi đều có một cảm giác như nhau
"Người ấy là một thành viên khác của gia đình nhân loại của tôi."
Một thái độ như vậy làm sâu sắc hơn
Tình cảm và sự tôn trọng của tôi cho tất cả chúng sanh.
Nguyên cho lòng từ ái tự nhiên này
Trở thành sự công hiến nhỏ nhoi của tôi cho thế giới hòa bình!
Tôi cầu nguyện cho một thế giới thân hữu hơn,
Yêu thương nhau hơn, và cho một sự thấu hiểu tốt đẹp hơn
Trong gia đình nhân loại trên hành tinh này.
Đó là lời kêu gọi mà tôi thực hiện từ đáy lòng của tôi
Đến tất cả những ai chán ghét khổ đau
Và yêu thương hạnh phúc bền lâu.

Tất Cả Chúng Ta Là Giống Nhau (*)

BẤT KỂ CHÚNG TA ĐẾN từ nơi nào trên thế giới, một cách căn bản tất cả chúng ta là những con người như nhau. Tất cả chúng ta tìm cầu hạnh phúc và muốn lẫn tránh khổ đau. Một cách chính yếu tất cả chúng ta có những nhu cầu giống nhau và những quan tâm tương tự. Như những con người, tất cả chúng ta muốn được tự do để có quyền quyết định vận mạng của chính mình như những cá nhân cũng như vận mạng của dân tộc chúng ta. Đó là tính nhân bản tự nhiên.

Những vấn nạn đối diện với chúng ta ngày nay được tạo bởi con người, cho dù là những xung đột bạo lực, sự tàn phá môi trường, sự nghèo cùng hay đói khát. Những vấn nạn này có thể được giải quyết, cảm ơn những nỗ lực của con người, bằng việc thấu hiểu rằng chúng ta là những anh chị em và bằng việc phát triển ý nghĩa tình anh em này. Chúng ta phải nuôi dưỡng một trách nhiệm toàn cầu đối với mỗi người và mở rộng nó ra toàn hành tinh mà chúng ta phải chia sẻ.

Tôi cảm thấy lạc quan rằng những giá trị cổ truyền vốn đã giữ vững loài người đang được củng cố ngày nay, đang chuẩn bị cung cách cho thế kỷ 21 tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Tôi cầu nguyện cho tất cả chúng ta, kẻ áp bức và bè bạn, vì thế tất cả chúng ta có thể xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn qua sự thấu hiểu hỗ trợ và yêu thương, và trong việc làm như vậy chúng ta có thể giảm thiểu đau đớn và khổ sở của tất cả chúng sanh."

(*) Vào ngày 10 tháng Chạp năm 1989, [Đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu nhận giải Nobel Hòa Bình](#), được trích dẫn ở trên, đã được truyền thông trên toàn thế giới. Vấn đề Tây Tạng đã trở thành quốc tế. Nhưng không như một lãnh tụ của chính phủ Tây Tạng lưu vong, hay như một người Tây Tạng, mà Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận giải Nobel. Ngài chia sẻ vinh dự này như một con người với tất cả những ai nhìn nhận những giá trị căn bản loài người của mỗi người chúng ta. Bằng việc xác nhận tình người của ngài trong ngôn ngữ quốc tế của trái tim, nó đã vượt khỏi những rạn nứt tư tưởng và khái niệm của đặc tính văn hóa, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đưa lại tình người cho chúng ta.

Ở Oslo, ngày 10 tháng Chạp năm 1989, tất cả chúng ta đã nhận giải Nobel Hòa Bình.

TÔI SẼ THỰC HÀNH TỪ BI CHO ĐẾN HƠI THỞ CUỐI CÙNG

Chúng Ta Muốn Nói Gì Với "Từ Bi"?

TỪ BI CÓ THỂ BỊ trộn lẫn với khao khát và dính mắc: tình thương của cha mẹ dành cho con cái, thì dụ thế, thường phối hợp với nhu cầu cảm xúc của chính họ và vì vậy không phải toàn bộ từ bi. Tương tự thế, trong hôn nhân tình yêu giữa vợ và chồng - một cách đặc biệt vào lúc mới đầu, khi một người không nhận thức toàn bộ đặc tính của người kia - thì thường giống dính mắc hơn là tình yêu thật sự. Khát vọng của chúng có thể rất mạnh và người chúng ta dính mắc dường như tốt đẹp, ngay cả nếu người kia thật sự là rất tiêu cực. Điều chi hơn nữa, chúng ta có xu hướng thổi phồng những phẩm chất khiêm tốn nhất. Cho nên khi thái độ của người ta thay đổi, thì người kia thường thất vọng, và thái độ của người kia cũng thay đổi như một kết quả. Đó là một dấu hiệu cho thấy tình yêu được thúc đẩy nhiều từ nhu cầu cá nhân hơn là từ sự quan tâm xác thật cho người yêu. Từ bi thật sự không chỉ là một đáp ứng cảm xúc: nó là một chí nguyện kiên cố, vô tư. Do vậy, một thái độ đáng tin của từ bi không thay đổi, ngay cả phải đối diện với thái độ tiêu cực của một người khác.

Dĩ nhiên, thật sự không dễ dàng để phát triển hình thức này của từ bi. Để bắt đầu, chúng ta phải thấu hiểu rằng những cá thể kia cũng là những con người như chúng ta. Họ muốn hạnh phúc và không muốn đau khổ. Khi quý vị biết rằng tất cả chúng sanh là bình đẳng trong nguyện ước cho hạnh phúc và quyền của họ để đạt được nó, quý vị tự động cảm thấy một sự thấu cảm và nó đem quý vị gần gũi hơn với họ. Bằng cách tập cho quen tâm thức quý vị với một lòng vị thay phổ quát, thì quý vị sẽ phát triển một cảm giác trách nhiệm cho người khác và nguyện ước giúp đỡ họ vượt thắng khổ đau của họ một cách hiệu quả. Một khát vọng như vậy không phải là lựa chọn mà là được áp dụng tới mọi người một cách không thiên vị. Cho đến khi mà con người còn cảm thấy vui sướng và khổ đau như quý vị, thì không có một căn bản hợp lý nào cho phép chúng ta thiết lập những sự phân biệt hay giảm bớt niềm ước ao cho họ, ngay cả khi thái độ của họ là tiêu cực.

Với sự nhẫn nại và thời gian, quý vị sẽ phát triển hình thức từ bi này. Dĩ nhiên, vị kỷ và dính mắc với cảm giác một tự ngã độc lập, tự trị là những nhân tố làm hạn chế từ bi. Trong thực tế, lòng từ bi chân thành, chỉ có thể trải nghiệm được khi sự chấp thủ vào tự ngã được loại trừ. Nhưng điều ấy không ngăn trở chúng ta trong việc thực hiện một sự bắt đầu và tiến trình trên con đường ấy bây giờ.

Từ Bi Chân Thành Là Phổ Quát

CHÚNG TA ĐÔI KHI XEM từ bi giống như là một cảm giác thương hại. Chúng ta nên phân tích bản chất của từ bi chân thành một cách sâu sắc hơn.

Chúng ta cảm giác gần gũi với bạn bè của chúng ta một cách tự nhiên, nhưng đó không phải là lòng từ bi xác thật. Nó là một cảm giác cục bộ, trái lại lòng từ bi chân thành là phổ quát.

Lòng từ bi chân thành không phải xuất phát từ cảm giác vui sướng gần gũi người này hay người nọ, nhưng từ niềm tin chắc chắn rằng những người khác cũng giống như tôi và không muốn khổ đau mà là hạnh phúc, và từ một chí nguyện giúp đỡ họ vượt thắng những nguyên nhân làm họ đau khổ. Chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta có thể giúp họ ít khổ đau hơn. Đó là lòng từ bi chân thành, chính đáng, vô tư.

Thái độ đó không bị giới hạn trong phạm vi những người thân và bè bạn của chúng ta. Nó cũng phải được mở rộng đến những kẻ thù của chúng ta. Lòng từ bi chân thành là không thiên vị và mang với nó một cảm giác trách nhiệm vì lợi ích và hạnh phúc của người khác.

Lòng từ bi chân thành mang theo với nó việc làm nguôi những mãnh liệt nội tại, một thể trạng yên bình và tĩnh lặng. Nó thành ra rất hữu ích trong đời sống hàng ngày khi chúng ta đối diện với những hoàn cảnh đòi hỏi sự tự tin. Và một con người từ bi tạo ra một không khí ấm áp, thoải mái của sự hoan nghênh và thấu hiểu chung quanh người ấy. Trong những mối quan hệ nhân bản, từ bi cống hiến đến sự thúc đẩy hòa bình và hòa hiệp.

Năng Lực Của Từ Bi

SÂN HẬN VÀ THÙ OÁN là những chướng ngại chính cho lòng từ bi. Những cảm xúc mạnh mẽ này có năng lực tràn ngập hoàn toàn tâm thức, nhưng đôi khi chúng ta có thể kiểm soát chúng. Nếu chúng ta không quản lý chúng, thì chúng sẽ liên tục giày vò chúng ta, ngăn trở chúng ta đạt đến sự tĩnh lặng là đặc tính của một tâm từ ái.

Thật lợi lạc để tự hỏi mình trước nhất rằng sân hận có bất cứ giá trị nào hay không. Đôi khi chúng ta bị tràn ngập với chán nản và đối diện với một hoàn cảnh khó khăn, sân hận dường như đem đến một khối lượng năng lượng, tự tin và quyết tâm bổ sung. Đó là lúc thật hữu ích để thẩm tra thể trạng tâm thức của chúng ta một

cách cẩn thận. Mặc dù thật đúng là sân hận ban cho một năng lượng nào đó, nhưng khi chúng ta quán sát nó thì chúng ta khám phá ra rằng nó là mù quáng. Thật không thể quyết định giá trị của nó sẽ là tích cực hay tiêu cực, bởi vì sân hận che phủ phần tuyệt vời nhất của não bộ, là lý trí. Đó là tại sao năng lượng của sân hận phải được đưa ra để cảnh cáo. Nó có thể châm ngòi cho một cách cư xử tàn phá và bất hạnh kinh khủng. Khi nó được đẩy tới cực độ, sân hận có thể làm người ta điên cuồng, đến mức họ hành động làm phương hại cho chính họ và người khác.

Chúng ta vẫn có thể phát triển một năng lượng cũng mạnh mẽ như thế, nhưng kiểm soát tốt đẹp hơn là sân hận, nhằm để đối diện với những hoàn cảnh khó khăn. Năng lượng được kiểm soát này đến từ một thái độ từ bi và cả từ lý trí, phối hợp với nhẫn nại. Đây là những đối trị rất hiệu quả chống lại sân hận. Bất hạnh thay, nhiều người khinh thường những phẩm chất này, đồng hóa chúng với yếu kém. Trái lại, tôi tin tưởng rằng chúng là những dấu hiệu thật sự của sức mạnh nội tại. Từ bi bản chất vốn ân cần, hòa bình, và tế nhị, trong khi vẫn rất mạnh mẽ. Những người dễ dàng đánh mất sự kiên nhẫn là không vững vàng và không ổn định. Đó là tại sao trong sự đánh giá của tôi sự bùng phát của sân hận là một dấu hiệu không sai lầm được của yếu kém.

Đối diện với một vấn nạn, sau đó, hãy cố gắng để duy trì sự khiêm hạ, trong khi giữ một thái độ chân thành, và hãy nghĩ về một giải pháp đúng đắn. Không nghi ngờ gì một số người nào đó sẽ lợi dụng thái độ của quý vị. Nếu sự tĩnh lặng của chúng ta dường như khuyến khích một sự công kích bất công, hãy kiên quyết, nhưng với từ bi. Nếu hóa ra chúng ta cần thiết chứng tỏ quan điểm của chúng ta bằng những biện pháp đối phó, thì hãy làm như thế mà không có mục đích của phần uất hay xấu xa.

Chúng ta phải thấu hiểu rằng ngay cả nếu những đối thủ của ta dường như đang làm tổn hại chúng ta, vào lúc kết thúc hành động tàn phá của họ sẽ trở ngược chống lại họ. Để kèm chế sự thôi thúc vị kỷ trả thù, hãy nhớ khao khát thực tập từ bi và trách nhiệm để giúp đỡ người khác tránh khổ đau và những hậu quả do chính hành động của họ. Một cách trầm tĩnh trong việc chọn lựa những biện pháp nào sẽ hiệu quả hơn, áp dụng tốt đẹp hơn, và năng lực hơn, trái lại việc trả thù căn cứ trên năng lượng mù quáng của sân hận hiếm khi đạt được mục tiêu của nó.

Tôi Là Một Cây Cười Chuyên Môn

TÔI ĐÃ TỪNG CHẠM TRÁN với nhiều hoàn cảnh khó khăn trong cả đời tôi, và quê hương tôi đang trải qua một thời điểm nghiêm trọng. Nhưng tôi cười thường xuyên, và nụ cười của tôi là lây lan. Khi người ta hỏi tôi là tôi tìm thấy sức mạnh

để cười bây giờ như thế nào, tôi trả lời rằng tôi là một cây cười chuyên môn. Cười là một đặc trưng của người Tây Tạng, những người khác biệt với điều này là người Nhật Bản và Ấn Độ. Người Tây Tạng rất vui vẻ, như người Ý Đại Lợi, chứ không hơi kín đáo như người Đức và Anh.

Sự vui vẻ của tôi cũng đến từ gia đình tôi. Tôi đến từ một ngôi làng nhỏ, không phải một thành phố lớn, và lối sống của chúng tôi là vui tính hơn. Chúng tôi luôn luôn chọc cười chúng tôi, trêu ghẹo nhau, nói đùa với nhau. Đó là thói quen của chúng tôi.

Thêm vào đó, như tôi thường nói, trách nhiệm là thực tế. Dĩ nhiên, những rắc rối vẫn đây. Nhưng suy nghĩ chỉ về khía cạnh tiêu cực không giúp tìm ra giải pháp, và nó phá hoại sự bình an của tâm hồn. Tuy nhiên mọi thứ là tương đối. Quý vị có thể thấy khía cạnh tích cực của những thảm kịch ngay cả tệ hại nhất nếu quý vị tiếp nhận một quan điểm toàn diện [thấy mối quan hệ hữu cơ giữa những thành phần và tổng thể]. Tuy nhiên, nếu quý vị lấy sự tiêu cực như tuyệt đối và dứt khoát, quý vị sẽ gia tăng sự lo lắng và băn khoăn, trái lại bằng việc mở rộng cung cách chúng ta nhìn vào một vấn nạn, thì chúng ta thấu hiểu điều gì tệ hại cho nó, nhưng chúng ta chấp nhận nó. Thái độ này xảy đến với tôi, tôi nghĩ, theo việc thực hành của tôi từ triết lý Phật Giáo, và đã giúp đỡ tôi vô kể xiết.

Thí dụ lấy việc mất nước của chúng tôi. Chúng tôi là những người không quốc gia, và chúng tôi phải đối diện với bất hạnh cùng với nhiều hoàn cảnh đau thương ở chính Tây Tạng. Tuy thế, những kinh nghiệm như vậy cũng đem đến nhiều lợi lạc.

Như đối với tôi, tôi đã là người không nhà trong hơn nửa thế kỷ. Nhưng tôi đã tìm thấy rất nhiều ngôi nhà khắp nơi trên thế giới. Nếu tôi vẫn ở điện Potala, tôi không nghĩ là tôi sẽ có cơ hội để gặp gỡ rất nhiều người, rất nhiều vị nguyên thủ quốc gia ở Á châu, Đài Loan, Hoa Kỳ, và Âu châu, các vị giáo hoàng cũng như nhiều nhà khoa học và kinh tế gia nổi tiếng.

Cuộc sống lưu vong là một đời sống bất hạnh, nhưng tôi luôn luôn cố gắng để nuôi dưỡng một thể trạng hạnh phúc của tâm, biết ơn những cơ hội cho sự hiện hữu này đã cống hiến cho tôi, dù không quê hương, xa cách tất cả những nghi thức. Cách này tôi đã có thể bảo tồn sự hòa bình nội tại của tôi."

Tôi Là Một Phụng Sự Viên Tận Tâm Của Từ Bi (*)

SỰ THỰC HÀNH TỪ BI cho tôi một sự toại nguyện lớn nhất. Bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ thảm kịch nào tôi đối diện, thì tôi thực hành từ bi. Điều đó củng cố sức

mạnh nội tại của tôi và đem hạnh phúc đến cho tôi bằng việc cho tôi cảm giác rằng sự sống của tôi là hữu ích. Cho đến bây giờ, tôi đã cố gắng thực hành từ bi hoàn hảo nhất như tôi có thể, và tôi sẽ tiếp tục làm như thế cho đến ngày cuối cùng của tôi, cho đến hơi thở cuối cùng của tôi. Vì trong chiều sâu thẳm nhất của tôi, tôi cảm thấy rằng tôi là một phụng sự viên tận tâm của từ bi.

() Đức Đạt Lai Lạt Ma thường nói rằng khi ngài rời Tây Tạng, ngài bỏ tất cả tài sản lại phía sau, nhưng ngài mang trong tim ngài kho tàng vô giá là lòng từ bi vô hạn.*

Từ Bi Con Đường Hạnh Phúc Của Tôi

MỘT CÂU HỎI LỚN tiềm tàng trong kinh nghiệm chúng ta, cho dù chúng ta có nhận thức về nó hay không: Sự sống có ý nghĩa gì? Tôi đã nghĩ về điều này, và tôi muốn chia sẻ suy nghĩ của tôi về đề tài này.

Tôi tin rằng mục tiêu của đời sống là hạnh phúc. Từ lúc mới ra đời, mỗi con người ngưỡng vọng hạnh phúc và không muốn khổ đau. Những điều kiện xã hội, giáo dục, tư tưởng không ảnh hưởng những xu hướng này trong sự hiện hữu sâu thẳm nhất của chúng ta. Đó là tại sao thật quan trọng để thấy điều gì sẽ mang đến hạnh phúc nhất cho chúng ta.

Thứ nhất, chúng ta phân chia hạnh phúc và khổ đau thành hai đặc phạm trừu tượng, tinh thần và vật chất. Nhưng chính tâm thức hoạt động là ảnh hưởng nhất đối với chúng ta. Điều kiện vật chất của chúng ta đóng một vai trò thứ yếu trong đời sống, ngoại trừ chúng ta bị bệnh trầm trọng hay bị tước đi những thứ cần thiết. Khi thân thể được thỏa mãn, chúng ta gần như không nhận thức điều ấy. Tâm thức, trái lại, nghi nhận sự kiện nhỏ nhiệm nhất, bất chấp nó là nhỏ bé thế nào. Cho nên chúng ta phải tận hiến nỗ lực của chúng ta để phát triển sự hòa bình của tâm thức.

Theo kinh nghiệm của riêng tôi, trình độ cao nhất của sự tĩnh lặng nội tại đến từ việc phát triển từ ái và bi mẫn. Chúng ta càng quan tâm đến hạnh phúc của người khác, sự cát tường của chúng ta càng tăng trưởng. Thân hữu và ấm áp đối với người khác làm thư giãn những căng thẳng tinh thần để xua tan sợ hãi hay bất an vì thế chúng ta có thể vượt thắng những chướng ngại. Đó là cội nguồn căn bản cho sự thành công trong cuộc đời.

Trong thế giới này, nơi chúng ta bị ràng buộc để chạm trán với những khó khăn, nếu chúng ta đánh mất hy vọng và trở nên ngã lòng, chúng ta sẽ giảm thiểu khả

năng để đối diện với sự việc. Điều gì hơn nữa, nếu chúng ta nhớ rằng mọi người, không chỉ chúng ta, phải trải nghiệm khổ đau, nhận thức thực tiễn này củng cố quyết tâm và năng lực của chúng ta để vượt thắng khó khăn. Trong thực tế, với thái độ này, mỗi chương ngại mới sẽ được xem như một cơ hội tốt để cải thiện thể trạng tâm thức của chúng ta.

Đó là vấn đề chúng ta có thể dần dần cố gắng để từ bi hơn như thế nào - bằng việc trau dồi cả sự thông cảm thật sự khi đối diện với khổ đau của người khác và một khát vọng giúp đỡ họ giải thoát chính họ khỏi khổ đau. Trong cách này sự tĩnh lặng và sức mạnh nội tại của chúng ta sẽ gia tăng.

Tôi Yêu Sự Mỉm Cười, Đặc Thù Của Loài Người

Nếu chúng ta bằng lòng với việc nghĩ rằng từ bi, sự hợp lý, và kiên nhẫn là tốt lành, như thế không thật sự đủ để phát triển những phẩm chất này. Những khó khăn cung ứng hoàn cảnh cho chúng ta đưa chúng vào thực tập. Ai có thể làm cho những hoàn cảnh như vậy sinh khởi? Chắc chắn không phải bè bạn chúng ta, nhưng đúng hơn là những kẻ thù của chúng ta, vì họ là những người khiến hầu hết các rắc rối sinh ra. Vì thế, nếu chúng ta thật sự muốn tiến bộ trên con đường tu tập, chúng ta phải xem những kẻ thù như những vị thầy tốt nhất của chúng ta.

Vì bất cứ ai giữ lòng từ ái và bi mẫn trong sự quý trọng cao cả, thì sự thực hành về bao dung là thiết yếu, và nó đòi hỏi một kẻ thù. Chúng ta phải biết ơn những kẻ thù của chúng ta, bởi vì họ giúp chúng ta sinh ra một tâm thức tĩnh lặng tốt nhất! Sân hận và thù oán là những kẻ thù thật sự mà chúng ta phải đối diện và đánh thắng chúng, không phải là những "kẻ thù" xuất hiện lúc này lúc nọ trong đời sống chúng ta.

Dĩ nhiên, tự nhiên và đúng là tất cả chúng ta muốn có bạn bè. Tôi thường nói đùa rằng một người thật sự vị kỷ thì phải vị tha. Quý vị phải chăm sóc những người khác, sự cát tường của họ, bằng việc giúp đỡ họ và phụng sự họ, để có thêm những người bạn và để làm rõ nở thêm những nụ mỉm cười. Kết quả? Khi chính quý vị cần giúp đỡ, quý vị sẽ thấy tất cả mọi người quý vị cần! Trái lại, nếu quý vị phớt lờ hạnh phúc của người khác, thì quý vị sẽ là người thua cuộc về lâu về dài. Có phải tình bạn sinh ra tranh cãi, sân hận, ghen tỵ, và ganh đua không kèm chế? Tôi không nghĩ như thế. Chỉ có tình cảm mới sản sinh những người bạn xác thật.

Trong xã hội vật chất đương thời này, nếu quý vị có tài lực và quyền lực, thì quý vị sẽ có ấn tượng rằng quý vị có nhiều bè bạn. Nhưng họ không phải là bạn của quý

vị, họ là bạn của tiền và quyền lực. Nếu quý vị không còn tiền tài và ảnh hưởng, thì quý vị sẽ khó để tìm thấy những người này một lần nữa.

Bất hạnh thay, miễn là mọi thứ diễn tiến tốt đẹp, thì chúng ta nghĩ là chúng ta có thể sinh hoạt hoàn toàn với tự chính chúng ta. Tuy thế, khi hoàn cảnh và sức khỏe của chúng ta suy đồi, thì chúng ta nhanh chóng nhận ra chúng ta đã sai lầm như thế nào. Đó là lúc chúng ta hiểu ai thật sự giúp đỡ chúng ta. Để chuẩn bị cho chúng ta vào những lúc như thế, bằng việc nối kết tình bạn thật sự, người nào hữu ích khi chúng ta cần họ nhất, thì chúng ta phải trau dồi lòng vị tha.

Đối với tôi, tôi luôn luôn muốn thêm bạn. Tôi thích mỉm cười, và mong ước của tôi là thấy thêm những nụ cười mỉm, những nụ cười mỉm thật sự, vì có nhiều loại - chế nhạo, giả tạo, hay ngoại giao. Một số nụ cười mỉm không đánh thức bất cứ sự châm biếm nào, và một số gây ra sự nghi ngờ hay sợ hãi. Một nụ cười đáng tin, dường như, đánh thức một cảm giác tươi mát thật sự, và tôi nghĩ nụ cười chỉ thuộc về nhân loại mà thôi. Nếu chúng ta muốn những nụ cười đó, thì chúng ta phải tạo những lý do để chúng xuất hiện.

*

2- Sự sống của tôi không có bắt đầu hay kết thúc

Ở Dharamsala, trong những người Tây Tạng lưu vong, chúng ta đi gặp người này, một con người trọn vẹn mà chỉ tiếp cận với người ấy có thể thay đổi chúng ta. Đó là kinh nghiệm được liên hệ bởi nhà tâm lý học nổi tiếng Paul Ekman: khi ông bắt tay Đức Đạt Lai Lạt Ma, ông nói rằng ông có cảm giác ông đang "chạm" lòng từ bi. Ông khám phá rằng sự ân cần có thể "sờ mó" được, và đời sống của ông đã được chuyển hóa bởi kinh nghiệm này. Quá khứ cá nhân của Ekman được đánh dấu bởi thời thơ ấu khó khăn, trang bị cho ông những cảm giác của sân hận và phản uất. Sau khi gặp gỡ Đức Đạt Lai Lạt Ma, ông tìm thấy sức mạnh của sự tha thứ và không bao giờ phát sinh sân hận một lần nữa. Đã trở thành một người khác, ông tự hỏi về sự biến thái này. Ông đi đến kết luận rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể làm cho những người khác tốt lành hơn bởi vì trong phạm vi của sự thiển quán thường nhật, ngài cũng hoàn toàn tưới tẩm tâm thức của ngài trong từ ái và bi mẫn cho nên ngài có thể trao truyền những phẩm chất này một cách trực tiếp đến những người khác.

Để gặp Tenzin Gyatso, Đức Thánh Thiện Đạt Lai Lạt Ma thứ mười bốn, chúng ta đi đến bang Himachal Pradesh của Ấn Độ. Cũng được gọi là "Vùng đất của Chư Thiên", vùng này ở Tây Bắc Ấn Độ trải dài đến chân núi của dãy Hy Mã Lạp Sơn, những vùng mà đỉnh núi được bao phủ bởi tuyết trắng trong những tầng ở trên bình nguyên Kangra. Kangra một lần đã là thành phố của những đại vương (maharajas) và ngã tư của những nền văn hóa Ấn Độ - Moghul, Sikh, rồi Anh Quốc, và cuối cùng là Tây Tạng.

Về địa lý chúng ta ở Ấn Độ, nhưng về tâm linh chúng ta ở trong lãnh địa của Tây Tạng. Tại những không gian thông thường, thung lũng vang dội với lời kêu gọi sâu lắng từ những âm thanh của nghi lễ Tây Tạng: radong [kèn không lồ kêu như voi rống], gyaling [như kèn cổ truyền Việt Nam], và kangling [kèn làm từ một lồng xương ông]. Trong những nhạc cụ này, có thứ thường được làm từ những xương của một con bò búu trẻ (Brahman), những tu sĩ trên Nóc Nhà Thế Giới đã trích ra những âm thanh uy nghiêm, cao vút để khai mở tâm thức đến những không gian thiêng liêng. Cầu nguyện có mặt ở mọi nơi, được thì thầm bởi những người hành hương tay lần chuỗi hạt, được chạm khắc trên những bức tường nhà, được in bằng mực đen trên những tấm vải vuông của bốn đại và cột vào những cột trụ. Gió thổi qua những mẫu tự thiêng liêng và mang chúng đi đến những không gian xa xôi rộng lớn, truyền đi những sự gia hộ đến tất cả chúng sanh mà nó chạm đến.

Khu cư trú của Đức Đạt Lai Lạt Ma được xây dựng trên đỉnh một ngọn đồi nhìn khắp vùng McLeod Ganj. Đồi trạm này được đặt tên của một Thống đốc người Tô Cách Lan của bang Punjab, được sử dụng như trại nghỉ hè của những viên chức hoàng gia Anh Quốc; ngày nay nó đã trở thành một "tiểu Lhasa". Đó là ngôi nhà của hơn mười nghìn người - một phần tư là tăng ni - sống trong những tu viện được sơn màu đất vàng hay nâu đỏ và chen chúc nhau trên những chân đồi cao của rặng Dhauladhar. Nhiều khách sạn rải rác khắp vùng, vì mọi người đến từ khắp nơi trên thế giới đến để viếng thăm thị trấn này với những con đường nhỏ và dốc của nó, họ đến để thăm nhuần những giáo huấn của Đức Đạt Lai Lạt Ma ban bố trong Đại Cầu Nguyên Pháp Hội (Great Monlam), lễ hội của những lời cầu nguyện ngưỡng vọng bắt đầu ở Lhasa trong tháng đầu tiên của lịch Tây Tạng. Truyền thống đã được tiếp tục trong lưu vong, hấp dẫn không chỉ hàng trăm người viếng thăm Tây Tạng mà cả đến những người Âu châu, Úc châu, và Mỹ châu. Họ đến như những người hoặc là Phật tử hay quan sát viên tò mò, và đến với họ là những người Á châu từ Nhật Bản, Đại Hàn, Thái Lan, Việt Nam, Mã Lai, Singapore, Hồng Kông, và Đài Loan. Với việc phục hồi giới luật tu sĩ ở Mongolia và và những nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ như Kalmykia, Buriatia, và Tuva, những nhóm từ Trung Á cũng đã đến hơn một thập niên qua để tỏ lòng tôn kính với Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trên khu cư trú vây quanh bởi những cây sồi, cây vân sam, và cây tuyết tùng Hy Mã Lạp Sơn với những bóng cây mảnh khảnh, trắng lợt, những con đại bàng trắng mỡ vàng lượn vòng, cùng với những con diều và những con chim ăn thịt khác. Những con chim sải cánh từng đôi, một con đại bàng và một con quạ bay với nhau, tạo thành những vòng cung chớp nhoáng trên bầu trời, lên và xuống với vận tốc chóng mặt.

Đó là vào tháng Hai năm 2008, chỉ trước tết Tây Tạng, Losar, ngày đầu tiên của năm âm lịch. Vào sáng sớm, những tu sĩ Tây Tạng với áo quần sắc sảo biểu diễn những điệu múa cham, nghi lễ nhằm mục đích xua tan những tiêu cực của năm cũ và để tránh những linh thức xấu ác. Đức Đạt Lai Lạt Ma, trong khóa tu, chỉ cho phép một vài cuộc phỏng vấn. Một nhóm tu sĩ Mongolia tập hợp trước chung quanh cửa ra vào khu vực biệt điện trong những y áo nghi lễ dệt bằng lụa thổ cẩm với trang sức bạc.

Theo lịch sử, những người mãnh liệt này đã bảo vệ Đức Đạt Lai Lạt Ma chống lại người Mãn Châu xâm nhập; những vị Khan - vua Mông Cổ - này đã thề bảo vệ chủ quyền của Nóc Nhà Thế Giới, người họ xem như lãnh đạo tinh thần của họ. Ở Mongolia ngày nay Phật Giáo đã hồi sinh, những chùa viện bị tàn phá trong những thập niên cộng sản đã được hồi phục. Nhưng chỉ có một phần năm dân số

Mongolia là người Mông Cổ - đa số là người Hoa. Đây là hoàn cảnh mà Đức Đạt Lai Lạt Ma lo ngại cho quê hương của ngài. Tây Tạng trong thực tế bị sự tấn công dân số của người Hán và bị buộc đồng hóa.

Những người Mongolia đã phải đi ra, với đôi mắt đầm lệ của họ, sau khi dâng cúng vị lãnh đạo tinh thần một kata, khăn choàng nghi lễ, được làm bằng lụa xanh và thêu tám biểu tượng cát tường. Vị thư ký riêng của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Tenzin Taklha, gọi tôi khi Đức Thánh Thiện ra dấu bằng đôi tay của ngài, mời tôi đến với ngài mà không còn chuyện gì làm trong phòng phỏng vấn. Những cửa sổ màu hồng rộng mở bầu trời vô tận vào căn phòng dài được trang bị khiêm tốn, những bức tường phủ đầy những tranh thangka, những bức họa vẽ trình bày những hình ảnh của những bậc đại bi Giác Ngộ.

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma nói về ngài trong riêng tư, cũng với sự vui vẻ, tự nhiên, giản dị như ở trên diễn đàn quốc tế. Sự vui tươi lây lan của ngài có thể nhanh chóng nhường cho nỗi buồn khi những khổ đau của thế giới được đề cập: "Nhiều Đức Phật đã đến trong chúng ta, tuy thế loài người tiếp tục khổ đau. Đó là thực tế của cõi luân hồi. Đó không phải là sự thất bại của chư Phật, nhưng là do con người không đem giáo huấn vào thực tập."

*

TÔI HOAN HỈ LÀ CON CỦA NHỮNG NÔNG DÂN GIẢN DỊ

Đời Sống Mỗi Ngày Của Tôi

NHỮNG NGÀY TRONG ĐỜI TÔI bắt đầu vào khoảng ba đến ba giờ rưỡi sáng. Khi thức dậy, tôi nghĩ về Đức Phật, và tôi trì tụng những lời tán thán được viết bởi đại hiền nhân Ấn Độ, Long Thọ. Tôi đọc lời cầu nguyện nằm xuống, hai tay chắp lại, nửa tôn kính, nửa như ngủ, ...

Như một tu sĩ hành giả, ngay khi thức dậy tôi tỏ lòng quy kính Đức Phật, và tôi cố gắng để chuẩn cho tâm tư tôi vị tha hơn, từ bi hơn, trong ngày ấy để tôi có thể làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi tôi tập thể dục - tôi đi trên máy đi bộ treadmill.

Khoảng năm giờ tôi ăn điểm tâm; sau đó tôi có thêm vài buổi thiền tập nữa, và tôi trì tụng cho đến tám hay chín giờ. Sau đó tôi thường đọc báo, nhưng đôi khi tôi cũng đi vào phòng phỏng vấn cho những cuộc hội kiến. Nếu không có chuyện gì khác để làm, chính yếu tôi học tập kinh điển mà những vị thầy đã dạy cho tôi trong quá khứ, nhưng tôi cũng đọc một số sách vở mới đây.

Sau đó tôi thực tập thiền phân tích về lòng vị tha, mà tôi gọi là bodhicitta, hay "tâm giác ngộ", tâm bồ đề, trong thuật ngữ Phật Giáo. Tôi cũng thiền quán về tánh không. Tâm giác ngộ và tánh không là những đề mục thiền quán quan trọng nhất trong sự thực tập hàng ngày của tôi, vì chúng sẽ hỗ trợ tôi suốt cả ngày. Bất cứ khó khăn gì, những sự kiện buồn, hay tin tức xấu có thể hiện lên, những thiền quán này cho phép tôi ổn định tâm thức tôi một cách sâu sắc và hỗ trợ nó từ bên trong.

Sau buổi ăn trưa, tôi trở lại phòng phỏng vấn cho những buổi hội kiến khác. Vào lúc này [tết Tây Tạng], hầu như mỗi tuần, tôi tiếp những người Tây Tạng vừa mới đến từ quê hương Tuyết Sơn.

Khoảng năm giờ là thời uống trà buổi chiều của tôi. Như một tu sĩ Phật Giáo, tôi không ăn tối. Nếu đói bụng, tôi nhắm một miếng bánh ngọt, thỉnh cầu Đức Phật tha thứ. Sau đó tôi tận tụy cho những buổi cầu nguyện và thiền tập nữa...

Khoảng bảy hay tám giờ tôi đi ngủ - không phải không có sự thẩm tra lại những gì tôi đã làm suốt trong ngày trước. Nhiều đêm tôi đã ngủ bảy hay chín giờ đồng hồ. Đó là lúc tuyệt vời nhất! Hoàn toàn thư giãn ... (Cười).



Tôi Được Sinh Ra Vào Ngày Năm Tháng Năm

TÔI ĐƯỢC SINH RA VÀO ngày năm tháng Năm, năm Con Heo Gỗ của lịch Tây Tạng, hay sáu tháng Bảy năm 1935, của Dương Lịch. Tôi được đặt tên là Lhamo Thondup, có nghĩa là, "Thiên nữ, người hoàn thành mọi ước nguyện." người Tây Tạng đặt tên người, nơi chốn, và sự vật thường nghe rất tượng hình khi được phiên dịch. Tsangpo, thí dụ thế, tên của con sông lớn nhất ở Tây Tạng - sẽ trở thành dòng Brahmaputra dễ sợ ở Ấn Độ - có nghĩa là "Người Làm Cho Trong Sạch".

Tên của ngôi làng tôi là Takster, hay "Tiếng Rống của Cọp". Khi tôi là một đứa bé, đó là một làng xã nhỏ nghèo, ở trên đồi nhìn xuống một thung lũng rộng. Đất đai không phải để cho những nông dân mà cho những người du mục, do bởi thời tiết không thể dự đoán được trong vùng. Khi tôi còn nhỏ, gia đình tôi, cùng với khoảng hai mươi gia đình khác, kiếm được ít ỏi cho cuộc sống trên vùng đất này.

Takster tọa lạc ở vùng cực đông bắc của xứ sở, trong tỉnh Amdo. Ngôi nhà mà tôi sinh ra là đặc thù của vùng đó ở Tây Tạng - được xây dựng bằng đá và đất, với nóc bằng phẳng. Những máng xối làm bằng nhánh cây bách xù xoi thủng đến đường nước mưa, đó là vật liệu bất thường trong khối kiến trúc đó. Ngay phía trước căn nhà, giữa hai cánh là một sân nhỏ, giữa sân, là một trụ cao để treo lá cờ với nhiều lời cầu nguyện được đính vào.

Thú vật được nhốt phía sau nhà, vốn có sáu phòng: nhà bếp, nơi mà hầu như chúng tôi dành nhiều thời gian nhất trong mùa đông, phòng cúng kiến với một bàn thờ nhỏ, nơi mà tất cả chúng tôi tập hợp vào buổi sáng để cúng dường; phòng ngủ của cha mẹ tôi; một phòng khách; một kho chứa những vật thực, và cuối cùng là chuồng cho thú vật.

Trẻ con không có phòng riêng cho chúng. Như một bé con, tôi ngủ với mẹ tôi, và sau đó trong nhà bếp, gần lò lửa. Chúng tôi không có ghế hay giường, nói một cách chính xác, nhưng có những tấm gỗ phẳng được dựng lên để ngủ trong phòng cha mẹ tôi và trong phòng khách. Chúng tôi cũng có vài thùng gỗ, được sơn màu sắc sáng chói.

Tôi Có Thể Nhìn Thấy Những Tâm Hồn Khiêm Hạ Nhất

GIA ĐÌNH TÔI SỐNG trong một vùng rất xa xôi hẻo lánh. Sining, thủ phủ của Amdo, là thị trấn gần nhất, nhưng cũng phải mất ba giờ đồng hồ đi bằng ngựa hay lừa để đến đây. Làng chúng tôi rất nghèo, chỉ có thể nói lời cảm ơn người anh tôi, người được nhìn nhận là một vị lạt ma tái sinh từ đại tu viện Kumbum, đó là điều chúng tôi hơi hơn những người khác.

Tôi luôn luôn vui thích với sự nguyên sơ của tôi. Nếu tôi được sinh ra trong một gia đình giàu có hay danh giá, thật khó để tôi chia sẻ những sự quan tâm cho những người Tây Tạng giản dị. Những năm tháng thơ ấu của tôi ở Takster có một ảnh hưởng sâu sắc với tôi. Chúng cho phép tôi nhìn thấy vào trong những tâm hồn khiêm hạ nhất, để đồng cảm với họ, khi tôi cố gắng để làm cho những điều kiện sống của họ tốt đẹp hơn.

Tôi có nhiều anh chị em; mẹ tôi sinh ra mười sáu đứa con trong thế giới này, nhưng chỉ có bảy đứa sống còn. Chính là người chị tôi đã giúp mẹ tôi khi tôi được sinh ra, vì lúc ấy chị đã mười chín tuổi. Chúng tôi rất gần gũi với nhau, và có rất nhiều niềm vui trong đời sống khó khăn ấy.

Cha mẹ chúng tôi là những nông dân nhỏ, nói một cách nghiêm túc, nhưng không phải là những bần nông, vì họ mướn một thửa đất đai cho chính họ. Lúa mạch và lúa mạch đen là những hạt chính ở Tây Tạng. Gia đình tôi gieo trồng chúng, cùng với khoai tây. Nhưng nhiều khi nỗ lực cả năm bị tiêu tan bởi những trận mưa bão hay khô hạn.

Chúng tôi cũng có một ít gia súc, là một nguồn lợi đáng tin cậy hơn. Tôi nhớ năm hay sáu con dzomo (thú lai giữa yak và bò), mà mẹ tôi thường vắt sữa. Ngay khi

tôi đứng được trên bàn chân tôi, tôi liền đi với mẹ tôi đến chuồng thú. Trong áo tôi, tôi mang theo một cái chén, và bà sẽ đổ sữa vào, vẫn còn ấm, ngay trong ấy.

Chúng tôi cũng có một đàn thú nuôi khoảng tám mươi con, cả cừu và dê, và cha tôi luôn luôn có một hay hai con ngựa, đôi khi ba con ngựa, mà ông rất gắn bó. Trong vùng này, ông có tiếng là biết chăm sóc ngựa và thậm chí biết chữa trị chúng nếu gặp dịp.

Cuối cùng, gia đình tôi nuôi hai con tuyết ngưu (yak), là tặng phẩm của thiên nhiên cho loài người, vì chúng có thể sống còn ở một độ cao trên mười nghìn bộ. Chúng tôi cũng nuôi những con gà mái để lấy trứng, mà tôi chịu trách nhiệm để lừa chúng vào chuồng. Tôi thường tự thích thú bằng việc leo lên ổ gà, mà ở đây tôi thích ngồi trên cao và túc túc như một con gà mái!

Cha Mẹ Tôi Không Bao Giờ Nghĩ Tôi Có Thể Là Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ Mười Bốn

CHÍNH MẸ TÔI đã nhắc tôi về những ký ức hai năm đầu trong đời tôi. Bà ngạc nhiên khi nghe tôi lập đi lập lại rất sớm: "Tôi đến từ vùng trung Tây Tạng, tôi phải trở lại đây! Tôi sẽ đem cả nhà đi với tôi." Và trò chơi thích thú của tôi là khăn gói đồ đạc của tôi; sau đó tôi sẽ nói lời giả biệt với mọi người và giả vờ ra đi, ngồi dạng chân như cỡi ngựa. Thân quyến tôi nghĩ đó là trò chơi của trẻ con, và không ai chú ý đến. Chỉ sau này chính mẹ tôi mới nghĩ rằng tôi có một trực giác về số phận nào đó sẵn dành cho tôi.

Thành thật mà nói, cha mẹ tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi có thể là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười bốn. Vài tháng trước khi tôi ra đời, cha tôi đau khổ với cơn bệnh kỳ lạ làm ông mất ý thức nhiều lần và những cơn chóng mặt lập đi lập lại, cho đến cuối cùng ông phải nằm liệt giường để lại tất cả công việc nhà cho một bà bầu. Một cách kỳ lạ, vào buổi sáng tôi ra đời ông cảm thấy được chữa trị, ngồi dậy như không khỏe mạnh, và đọc lời cầu nguyện, giống như ông chưa từng bệnh tật. Khi ông biết là con trai ông vừa được sinh ra vào lúc bình minh ngày may mắn ấy, ông nói với mẹ tôi rằng đứa bé này chắc chắn không giống như những đứa khác, và nó nên trở thành một tu sĩ.



Tôi Nhận Ra Xâu Chuỗi Của Tôi

TÔI VẤN TỰ HỎI cho đến ngày hôm nay, làm thế nào đoàn tìm kiếm Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười bốn có thể khám phá ra ngôi làng bé nhỏ của tôi vốn rất xa với mọi nơi, lạc lõng trong những đồng cỏ mênh mông của Amdo.

Năm 1933, tiền thân của tôi, Thubten Gyatso, đã rời thế giới này vào tuổi năm mươi bảy. Thân thể của ngài được xông ướp theo phong tục, và những vị tu sĩ đã giết mình khám phá vào một buổi sáng rằng đầu của ngài, vốn được hướng về phía nam, đã quay về phía đông bắc. Chuyển động bất thường này đã được diễn dịch như một dấu hiệu chắc chắn chỉ đến một vùng của hóa thân tiếp theo của ngài.

Chẳng bao lâu sau đó, giấc mộng của vị quan nhiếp chính xác nhận dấu hiệu này. Trên mặt nước thiêng liêng của Lhamo Lhatso, ông đã thấy mẫu tự Ah, Ka, và Ma của Tây Tạng lấp lánh. Sau đó có sự hình thành hình ảnh một tu viện ba tầng, với một mái màu ngọc lam và vàng, và rồi một ngôi nhà nhỏ xuất hiện. Nó có những máng xối với cấu trúc kết nối bất thường. Không nghi ngờ gì đối với vị nhiếp chính rằng mẫu tự Ah biểu thị cho tỉnh Amdo, đối với việc tiền thân quá cố của tôi đã quay đầu ngài sau khi chết. Ka dường như được trình bày một cách hợp lý là viết tắt của tu viện Kumbum, với ba tầng của nó và mái ngọc lam. Họ vẫn phải xác định ngôi nhà nhỏ với những máng xối kỳ lạ.

Khi đoàn tìm kiếm thấy, trong thung lũng, những nhánh cây bách xù xoắn lại với nhau chạy dưới mái nhà một nông dân, thì rõ ràng với mọi người là Đức Đạt Lai

Lạt Ma mới đang sống ở đây. Và sau khi khảo sát, họ nghiên cứu một đứa bé được sinh ra trong căn nhà này, những thành viên trong nhóm quyết định hiện diện tại cửa nhà chúng tôi và hỏi thăm để tạm trú qua đêm.

Vị lạt ma, người hướng dẫn phái đoàn giả dạng như người phục vụ và đi vào nhà bếp. Tôi chạy đến ông ta, ngồi trên vạt áo ông, và đòi xâu chuỗi mà ông đang đeo, thừa nhận đó là của tôi. Sự thân mật này làm mẹ tôi xấu hổ, nhưng vị lạt ma đề nghị tặng tôi xâu chuỗi ấy nếu tôi có thể nói tên ông. Tôi trả lời không do dự: "Ông là Sera Aga," bằng tiếng địa phương, có nghĩa: "Ông là lạt ma ở Sera." Tôi cũng gọi tên những vị đồng hành của ông và đùa vui với ông trong suốt buổi tối đó, cho đến khi đi ngủ. Buổi sáng hôm sau đoàn tìm kiếm trở lại Lhasa, không nói gì với cha mẹ tôi.

Tôi Vượt Qua Những Kiểm Nghiệm Về Việc Nhớ Kiếp Sống Trước Của Tôi

BA TUẦN SAU, một phái đoàn đầy đủ những lạt ma và chức sắc tôn giáo đến thăm viếng chúng tôi một lần nữa. Lần này họ mang theo vài vật dụng cá nhân của vị tiền thân tôi, để lẫn với những thứ khác không liên quan đến ngài. Việc này để cho thấy rằng những vị tái sinh non trẻ kia nhớ lại những vật dụng và những người từ kiếp sống trước hay có thể đọc tụng những bài kinh trước khi được học.

Khi họ chỉ tôi hai cây gậy, tôi chạm vào một cây một cách do dự, nhìn nó trong một vài giây và sau đó lấy cây kia, vốn thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba. Sau đó tôi nhẹ nhàng vỗ vào tay của vị lạt ma đang nhìn chăm chăm vào tôi, thừa nhận rằng cây gậy này của tôi và trách ông ta sao lấy cây gậy ấy của tôi.

Giống như thế, tôi nhận ra, trong vài xâu chuỗi đen và vàng, những thứ thuộc về vị tiền thân của tôi. Cuối cùng, họ ra hiệu cho tôi chọn một trong hai cái trống: một nhỏ và giản dị, thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma 13 sử dụng để gọi thị giả; và cái kia lớn và trang trí với những viền vàng. Tôi đã chọn cái giản dị, mà tôi dùng để rung lên bắt đầu theo phong tục của những sự thực hành nghi lễ.

Những việc kiểm nghiệm này, mà tôi đã vượt qua thành công, đã làm cho những thành viên của đoàn tin rằng họ đã tìm ra được hóa thân tái sinh mà họ đang tìm kiếm. Đó cũng là một điềm lành là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 đã ở lại tu viện bên cạnh khi ngài từ Trung Hoa trở về. Ngài đã được chào đón ở đó bằng một nghi lễ, và cha tôi được chín tuổi vào lúc đó, đã hiện diện trong buổi lễ đó. Vị trưởng đoàn tìm kiếm nhớ rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 đã quên một đôi hia vàng ở tu viện, và điều đó được diễn dịch như một dấu hiệu rằng ngài sẽ trở lại. Ông cũng ngắm

nhìn một cách nhanh chóng ngôi nhà nơi tôi được sanh ra và lưu ý rằng khung cảnh nơi ấy thật là xinh đẹp.

*

THỜI THƠ ẤU CỦA TÔI Ở LHASA



Đức Đạt Lai Lạt Ma trên bảo tọa ở Potala

Tôi Leo Lên Tòa Sư Tử

TRONG MÙA ĐÔNG của năm 1940, người ta đem tôi đến điện Potala, nơi tôi được chính thức đăng quang như một lãnh tụ tâm linh của Tây Tạng. Tôi không có ký ức đặc thù nào về buổi lễ này, ngoại trừ, lần đầu tiên tôi ngồi trên tòa Sư Tử, một chiếc ngai bằng gỗ, rất rộng, được khảm trăn bảo và những hình tượng tuyệt hảo, được đặt trong Sishi Phuntsok, "Điện của tất cả những hành vi xứng đáng trong thế giới tâm linh và trần gian," ngôi điện chính bên cánh phải của Potala.

Không lâu sau đó, tôi được hướng dẫn đến chùa Jokhang - Đại Chiêu Tự - ở trung tâm thành phố, và ở đây tôi được truyền giới của một tu sĩ tập sự; sau đó tiến hành lễ xuống tóc, việc này tôi không nhớ gì nhiều ngoại trừ một khoảnh khắc nào đó khi tôi thấy những tu sĩ với trang phục lộng lẫy tiến hành những điệu múa nghi lễ, tôi la lên một cách thích thú với người anh của tôi, "Nhìn kia kìa."



Reting Rinpoche
(1911–1947)

Tóc tôi được cắt một cách tượng trưng bởi Reting Rinpoche, vị nhiếp chính, người cũng hành động như quyền nguyên thủ quốc gia cho đến khi tôi đến tuổi trưởng thành, lãnh vị trí tăng trưởng giáo thọ của tôi. Lúc khởi đầu, tôi được canh gát để ở quanh ngài, nhưng sau đó tôi bắt đầu rất thích ngài. Ngài là một người đàn ông với một khả năng sáng tạo lớn và một tâm hồn rất cởi mở, người luôn luôn thấy khía cạnh sáng sủa của đời sống. Ngài thích đi dã ngoại và những con ngựa, và điều đó làm cho ngài trở thành một người bạn lớn của cha tôi. Bất hạnh thay, trong những năm làm nhiếp chính ngài đã trở thành một nhân vật gây tranh cãi trong một chính phủ tham nhũng mà ở đây việc mua quan bán tước là chuyện thường nhật.

Vào lễ xuất gia của tôi, có nhiều sự đồn đãi đến hệ quả rằng Reting Rinpoche không thể tiến hành lễ xuống tóc của tôi vì người ta nói rằng ngài đã phá vỡ thệ nguyện độc thân và không còn là một tu sĩ. Tuy thế, theo phong tục cổ truyền, tôi đã thay đổi tên là Lhamo Thondup để lấy tên của ngài là Jamphel Yeshe. Cùng ghép với vài tên khác nữa, tên đầy đủ của tôi trở thành Jamphel ("Trí tuệ Giác Ngộ") Ngawang ("Hoàng tử Diễn Thuyết") Lobsang ("Thông minh Hoàn Hảo") Yeshe ("Trí tuệ Thâm Nhuận") Tenzin ("Thủ Hộ Giáo Huấn") Gyatso (Đại Dương Trí Tuệ).

Tôi Tìm Thấy Những Cái Răng Của Tôi



Điện Mùa Hè - Norbulingka

KHI TÔI ĐẾN LHASA, gia đình tôi và tôi được ở trong cung điện mùa hè của những Đức Đạt Lai Lạt Ma, Norbulingka, hay Công Viên Trân Bảo, nơi mà các ngôi vườn tràn ngập những bông hoa. Đó là vào tháng Tám, và trong mùa ấy những cây ăn trái đầy những quả táo, lê, và óc chó, với lòng đầy hân hoan của chúng tôi. Nhưng mẹ tôi nhớ rằng tôi chỉ có một ý tưởng trong đầu: tìm một chiếc hộp nào đó trong những căn phòng của tôi. Tôi tuyên bố rằng những cái răng của tôi được để ở đây, và tôi cho mở tất cả những tráp được niêm phong của những vị tiền thân của tôi, hết cái này tới cái khác cho đến khi tôi thấy những gì tôi muốn tìm. Thấy một chiếc tráp được gói bằng thổ cẩm, tôi la lên rằng nó chứa những cái răng của tôi. Trong thực tế, chúng tôi thật tìm thấy một hàm răng vốn thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13.

Tôi đã quên những giai thoại này vì tâm tư tôi đang bận rộn với những ký ức hiện tại của tôi, đang gắn bó với thân thể hiện tại của tôi. Những sự kiện trong kiếp trước đã trở thành mờ ảo. Ngoại trừ tôi cố gắng để đem chúng trở lại tâm tư, bằng không thì tôi không thể nhớ chúng.

Những Ký ức ấu Thơ

CHÍNH PHỦ TÂY TẠNG đã xây một ngôi nhà cho mẹ tôi, và chúng tôi sống riêng rẽ, vì tôi sống trong những bức tường vàng của điện Norbulingka. Nhưng tôi đến nhà của mẹ tôi hầu như mỗi ngày. Cha mẹ tôi cũng đến thăm tôi trong nơi cư trú của những Đức Đạt Lai Lạt Ma, và chúng tôi rất gần gũi. Mẹ tôi thăm viếng tôi rất thường, tôi thiếu một lần mỗi tháng, cùng với những anh chị em của tôi.

Tôi nhớ lại những trò chơi trẻ con của chúng tôi trong những khu vườn của Norbulinka. Tôi cũng nhớ một ngôi đền với một con beo và một con cọp nhồi bông. Chúng trông rất thật đối với người em trai tôi, Tenzin Chogyal, mà chỉ cái nhìn của chúng cũng làm chú ta sợ hãi. Bất chấp tôi bảo đảm với chú, nói rằng chúng chỉ là những con thú nhồi bông - nhưng chú ta cũng không dám đến gần chúng.

Trong mùa đông, ở Potala, phong tục là tôi phải dự khóa tu một tháng. Tôi ở trong một phòng không có mặt trời, với những cửa sổ đóng kín, và lạnh lẽo. Đó là một căn phòng cũ (hai hay ba trăm năm), và do bởi đèn dầu cho nên nó giống một nhà bếp - tối, hơi khói, dơ.

Cũng có những con chuột! Trong khi chúng tôi tán hay tụng kinh, tôi có thể thấy chúng đến, vì chúng thích chạy lon ton chung quanh những bánh cúng và uống nước trong những chén bát cúng ... tôi không thể nói là những vị bổn tôn có thích loại nước ấy hay không, nhưng tôi có thể thấy rõ ràng rằng những con chuột thích nó! (cười)

Mặc dù những năm tháng ấy, vị thầy của tôi không bao giờ cười. Ngài luôn luôn rất, rất nghiêm khắc. Nhưng cùng thời gian này, những người chăn nuôi, những người giặt dĩa, đang đi ngang qua một cách vui sướng, với đàn bò và những con thú khác của họ. Nghe họ ca hát, đôi khi tôi tự nói với mình: "Ước gì tôi có thể là một trong những người như họ."

Tôi Vui Thích Trong Những Điều Thú Vị Bất Hợp Pháp

TÔI NHỚ BIỂU LỘ nghiêm khắc của thầy tôi, người thường gắt gỏng với tôi. Cho nên ngay khi bài học vừa xong, tôi liền chạy ra nhà mẹ tôi để trốn tránh, quyết định không trở lại nơi ở chính thức của những Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tâm ý tôi nhất định ở lại với bà, tự do khỏi bất cứ bổn phận nào của việc học tập, nhưng rồi khi thời gian cho bài học buổi tối đến, tôi phải ngoan ngoãn trở lại nơi ở chính thức của tôi ... (cười).

Đây là tất cả những câu chuyện của tuổi thơ ...

Những ký ức của cuộc sống tuổi thơ trở lại với tôi, những chuyện vặt vãnh buồn cười. Thí dụ, trong nhà bếp của Đức Đạt Lai Lạt Ma, một cách truyền thống, không có thịt heo hay trứng hay cá được nấu nướng bao giờ. Nhưng cha tôi rất

thích thịt heo. Thỉnh thoảng, khi tôi trở lại nơi của cha mẹ tôi, tôi lại đòi thịt heo ... (cười).

Tôi nhớ là tôi ngồi bên cạnh người cha thích thịt heo của tôi, gần giống như một con chó con đang chờ đợi miếng ngon của nó... Trứng cũng là một thứ thú vị. Đôi khi mẹ tôi làm món trứng đặc biệt cho tôi. Điều đó hơi bất hợp lệ! (Cười).

Tuổi thơ của Đức Đạt Lai Lạt Ma giống như thời thơ ấu bình thường và có thể gần như của chính chúng ta. Được nuông chiều bởi sự yêu thương của cha mẹ, ngài có một cuộc sống đầy trò chơi chen lẫn với sự học tập, vi phạm quy tắc, và những thủ đoạn trẻ con để lẫn tránh sự canh chừng cẩn thận của vị thầy nghiêm khắc.



Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một cuộc thi cuối cùng của bằng Geshe Lharampa

Chúng ta hiểu năng lực của Đức Đạt Lai Lạt Ma với sự tập trung, kỷ ức của ngài, và bầm tính của ngài cho việc thực hành thiền quán một cách cân mẫn thông thường, nhưng chính ngài thì rất khiêm tốn về những phẩm chất này. Vào tuổi mười tám, khi sự xâm lược của Trung Cộng đang lù lù hiện ra, ngài nhận danh hiệu Geshe hay "Tiến sĩ Phật học." Danh hiệu này đòi hỏi sự rèn luyện mãnh liệt dưới thẩm quyền nghiêm khắc của những vị giáo thọ, và những vị thầy của ngài đòi hỏi thậm chí hơn thông thường vì họ rèn luyện ngài cho một vận mạng đặc biệt hiếm có. Đôi khi những vị ấy thực hiện những sự trừng phạt, "sau khi ngài đã lễ phủ phục và thỉnh cầu sám hối, với một cây roi cán vàng, nhưng nó cũng đau không thua gì những roi cây bình thường."

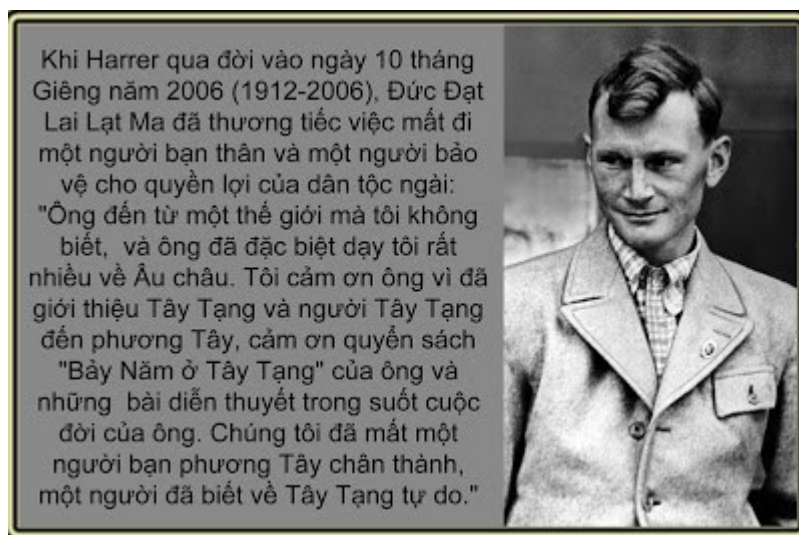
Đức Đạt Lai Lạt Ma làm say mê trong việc liên hệ với những giai thoại, châm phá bằng những cơn cười bùng vỡ vang động, về những trò chơi khăm vô tội vạ của

ngài. Ngài vui vẻ trong việc trình bày ngài như một "bé con tinh quái", cố gắng để chúng ta tin trong sự tinh ranh bẩm sinh của ngài.

Bức hình được Heinrich Harrer cung cấp, "giáo sư trong các ngành khoa học thể tục" của Đức Đạt Lai Lạt Ma là đáng ca ngợi hơn và đem lại điều gì khác hơn để soi sáng: "Người ta nói về sự thông minh của cậu bé này như kỳ diệu. Như được nói rằng cậu ta đọc chỉ một quyển sách để biết nó bằng trái tim; và như được biết rằng từ lâu lắm cậu ta đã có một sự quan tâm với tất cả những gì xảy ra trong xứ sở của cậu ấy và thường phê phán hay bình luận những quyết định của Quốc Hội."

Ẩn mình trong trung tâm của dãy Hy Mã Lạp Sơn, cộng đồng Tây Tạng đã duy trì sự tách biệt với tiến trình hiện đại hóa và kỹ thuật hóa và tiếp tục những nghi lễ và sự thực tập tôn giáo vượt thời gian. Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhiệt tâm nghiên cứu về thế giới bên ngoài, tìm thấy một người nói chuyện trong Heinrich Harrer. Nhà leo núi và mạo hiểm người Áo đã có một đặc ân duy nhất, giữa 1949 và 1951, trong việc hướng dẫn ngài về lịch sử, địa lý, sinh học, thiên văn học và kỹ thuật máy móc, những lãnh vực của việc học hỏi đã mở ra một khung trời hoàn toàn mới về tri thức cho vị thanh thiếu niên.

Harrer rời Tây Tạng năm 1951, khi đội quân đầu tiên của quân Giải Phóng Trung Cộng xâm lược những tỉnh miền đông của cao nguyên, Amdo và Kham. Khi Harrer qua đời vào ngày 10 tháng Giêng năm 2006, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã thương tiếc việc mất đi một người bạn thân và một người bảo vệ cho quyền lợi của dân tộc ngài: "Ông đến từ một thế giới mà tôi không biết, và ông đã đặc biệt dạy tôi rất nhiều về Âu châu. Tôi cảm ơn ông vì đã giới thiệu Tây Tạng và người Tây Tạng đến phương Tây, cảm ơn quyển sách "Bảy Năm ở Tây Tạng" của ông và những bài diễn thuyết trong suốt cuộc đời của ông. Chúng tôi đã mất một người bạn phương Tây chân thành, một người đã biết về Tây Tạng tự do."



Xém Chút Nữa Thì Tôi Giống Như Moshe Dayan

MỘT TRONG NHỮNG THUẬN LỢI trong đời sống của tôi ở Potala là có nhiều kho chứa, đó là những nơi quyền rũ một cậu bé con nghìn lần hơn những gian phòng chứa đầy những hiện vật tôn giáo vô giá làm bằng vàng hay bạc; chúng thậm chí hấp dẫn hơn những kudong, hay những lăng mộ, lông lầy và đầy ngọc ngà châu báu của những vị tiền nhiệm tôi. Tôi thích kho chứa vũ khí hơn, với những sưu tập về kiếm, súng trường, và áo giáp. Nhưng như vậy thì cũng chẳng là gì so với trân bảo không thể tưởng trong những phòng chứa đựng những đồ vật nào đó thuộc về vị tiền nhiệm của tôi. Trong chúng, tôi thấy một cây súng bắn hơi cũ, với một bộ đầy đủ bia bắn và đạn dược. Tôi cũng khám phá ra một ống nhòm, không đề cập đến những đồng sách vở bằng tiếng Anh minh họa về Thế Chiến thứ nhất. Tất cả những thứ ấy hấp dẫn tôi và cung cấp cho tôi nguồn cảm hứng về mô hình những tàu chiến, xe tăng, và máy bay mà tôi phát kiến. Sau này tôi yêu cầu dịch những sách vở ấy ra Tạng ngữ. Tôi cũng thấy hai đôi giày Âu châu. Vì đôi chân tôi quá nhỏ, tôi đã mang chúng khi quần đầy vải vào bàn chân. Tôi thích thú vì tiếng động ồn ào mà đôi gót giày cứng tạo ra.

Sự tiêu khiển thích thú của tôi là tháo mọi thứ ra từng mảnh và sau đó cố gắng để lắp ráp lại. Tôi đã kết thúc xuất sắc hành động này, nhưng vào lúc đầu, những nỗ lực của tôi không luôn luôn thành công hoàn hảo. Tôi khám phá một cách đáng chú ý rằng trong những thứ thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13, là một hộp âm nhạc cũ được Nga hoàng tặng. Nó không hoạt động nữa, và tôi định sửa chữa nó. Tôi thấy rằng, giây thiêu của nó bị rời ra và co lại. Khi tôi đẩy nó với cây tọc vít của tôi, cơ chế đột nhiên vượt khỏi tầm tay không thể kèm chế, và những miếng kim loại nhỏ bay ra. Tôi không bao giờ quên âm điệu ác hiểm mà những miếng kim

loại ấy làm ra khi nó bay khắp mọi hướng trong phòng. Khi nghĩ lại sự kiện, tôi nhận ra rằng tôi đã may mắn. Tôi có thể mất một con mắt, vì khuôn mặt tôi ngay bên cạnh máy móc mà tôi đang vờ vẩn. Tôi đã hết mạo hiểm để tránh lỗi lầm có thể biến tôi thành độc nhãn như tướng Do Thái, Moshe Dayan, sau này trong cuộc đời!

*

DÒNG TRUYỀN THỪA HÓA THÂN CỦA TÔI

Tôi Được Triệu Đến Để Trở Thành Đức Đạt Lai Lạt Ma Để Phụng Sự Người Khác

TÔI THƯỜNG NÓI CHUYỆN một cách liên tục với những người làm vườn, những người phục vụ, những người quét tước. Hầu hết họ là những người bình dị, xử sự với tôi một cách cung kính, vì tôi là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cũng có những người già hơn, những người đang biểu lộ hy vọng của họ, ngay vào lúc mới mẻ ấy, cho một tương lai tốt đẹp hơn với sự trị vì của tôi.

Những người quét dọn già nhất đã biết Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13, vì họ đã phục vụ dưới triều đại của ngài. Họ nói với tôi nhiều giai thoại về đời sống của ngài. Họ giúp tôi tỉnh thức về những trách nhiệm tương lai của tôi. Sau này, tôi nghĩ rằng làm Đức Đạt Lai Lạt Ma là một vị trí khó khăn, phức tạp. Tôi tượng trưng cho một sự thử thách thật sự, và nhu cầu để đối diện nó sắp xảy ra đang gia tăng. Như một tu sĩ Phật Giáo, tôi cảm kích giá trị những đời sống quá khứ của tôi. Đạo đức của nghiệp lành được tích tập trong những kiếp sống trước đây cho tôi, trong đời sống hiện tại, nhiều khả năng để giúp đỡ người khác và để phụng sự Đạo Phật. Nghĩ lại tất cả những điều này, tôi đã thấy và tiếp tục thấy một động cơ bổ sung - một mong muốn được củng cố để làm mọi việc tôi có thể vì lợi ích của những người khác.

Dần dần, cậu bé hiểu rằng cậu được gọi đến để đảm đương những chức năng cao cả, một trách nhiệm khác với những người anh em và thân quyến kia của cậu. Từ cung cách người khác xem cậu và hành động đối với cậu, cậu nhận ra rằng cậu là Đức Đạt Lai Lạt Ma ngay cả trước khi cậu biết một cách chính xác điều gì được hàm ý trong danh hiệu ấy. Cậu thấy rằng những điều to lớn đang được mong đợi ở cậu, và cậu muốn sống xứng đáng với hy vọng mà người ta có với cậu. Nhiệm vụ nặng nề trong phạm trù chính trị nơi mà những quốc gia lớn, Ấn Độ và Trung Hoa, bị biến động chưa từng có khi những đế quốc Anh và Nga tranh cãi về Nóc Nhà Thế Giới. Nhưng vị quốc vương trẻ đã thấy một thử thách trong hoàn cảnh này, một khi cậu quyết định đương đầu bằng việc đặt tất cả những khả năng của cậu để phụng sự con người.

Phần phỏng vấn này mà trong ấy Đức Đạt Lai Lạt Ma liên hệ đến những năm đầu tiên ở Lhasa phải chấm dứt, chúng tôi bị cắt ngang. Một tu sĩ đi vào phòng phỏng vấn và thì thầm vài điều gì đó với Đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài lập tức đứng dậy, xin lỗi, và rời phòng.

Thư ký riêng của ngài giải thích rằng một vị đại sư đã là thân xác. Mindroling Rinpoche đã qua đời hai ngày trước đây. Một phái đoàn từ tu viện của ngài đã đến để thỉnh cầu những hướng dẫn về các nghi thức để tiến hành và những sắp xếp để thực hiện.

Hai mươi phút sau, Đức Đạt Lai Lạt Ma trở lại. Có một biểu lộ nghiêm trọng trong mắt ngài, nhưng không buồn thảm. Trong một giọng quả quyết, ngài nói về vị Lạt Ma này, người rất gần gũi với ngài và chỉ hơi già hơn một tí. Sự viên tịch của ngài là một dịp nhắc nhở về tính vô thường, trong ý nghĩa của Phật Pháp, nó thừa nhận tính chất tạm thời của chúng sanh và các hiện tượng. Mọi thứ được sinh ra từ các nguyên nhân và điều kiện là không bền. Vô thường mâu thuẫn với cảm giác của chúng ta về tính chất trường cửu của thời gian và sự khao khát bất tử của con người. Nó là không thể chịu nổi đối với những người bình thường, những người chưa được rèn luyện tâm thức của họ để nhận thức về sự trống rỗng của thế giới hiện hữu. Phủ nhận tính vô thường tương ứng với những nguyên nhân chính của khổ đau trong sự tồn tại của chúng ta. Giáo huấn nhà Phật kêu gọi chúng ta quán chiếu và chấp nhận nó.

Người Tây Tạng Sẽ Quyết Định Họ Có Muốn Một Vị Đạt Lai Lạt Ma Thứ 15 Hay Không

MINDROLING RINPOCHE viên tịch hai ngày trước đây. Vì từ thời Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 5, những liên kết rất đặc biệt đã tồn tại giữa những dòng truyền thừa của chúng tôi. Ngài bảy mươi tám tuổi, gần tám mươi...

Tôi không biết tôi sẽ sống bao nhiêu năm nữa, tám mươi, chín mươi, một trăm. Tôi không biết ... (cười).

Hôm nay tôi hơn bảy mươi, chính xác là bảy mươi hai. Thế nên rõ ràng ... tôi là vị Đạt Lai Lạt Ma, và bên cạnh vị thứ nhất, tôi là một trong những vị sống lâu nhất. Tất cả những vị khác dừng lại trước tuổi bảy mươi ... (cười) Tôi rất may mắn (cười).

Cùng lúc, như một hành giả Phật Giáo, tôi thiền quán liên tục về vô thường. Bây giờ, trường hợp của riêng tôi, vô thường đang trở thành hiện thực. Một hiện thực càng ngày càng gần hơn...

Từ năm 1969, tôi đã tiên liệu về điều đó và đã thực hiện những sự sắp xếp, tuyên bố rõ ràng rằng việc đó hoàn toàn tùy thuộc vào người Tây Tạng trong việc quyết định về thể chế Đạt Lai Lạt Ma nên tiếp tục hay không. Vào lúc ấy, một số người Tây Tạng bày tỏ sự quan tâm của họ về những gì sẽ xảy ra sau tôi và trong khoảng thời gian theo sau sự qua đời của tôi. Tôi đã tuyên bố ý kiến rằng nếu đại đa số người Tây Tạng muốn bảo tồn thể chế của những Đức Đạt Lai Lạt Ma, thì họ nên xem xét vài lựa chọn.

Mọi thứ thay đổi liên tục. Chúng ta phải hành động tùy vào thực tế mới, chỗ Tây Tạng được quan tâm và đưa vào nghiên cứu, ngày nay, không chỉ người Tây Tạng mà người Mongolia cũng vậy, những người theo truyền thống liên hệ rất gần gũi với thể chế của những Đức Đạt Lai Lạt Ma. Nếu những người này muốn giữ thể chế những Đức Đạt Lai Lạt Ma, họ phải tôn trọng phong tục tìm kiếm một vị hóa thân mới phù hợp với nghi thức. Đưa ra điều đó để cho thấy xu hướng rõ ràng của một vị hóa thân là để tiếp tục nhiệm vụ chưa được hoàn tất bởi vị tiền thân, cho nên một cách hợp lý, nếu cái chết của tôi xảy ra khi tôi đang ở bên ngoài Tây Tạng, thì sự tái sinh của tôi cũng sẽ biểu hiện ở quốc ngoại để hoàn thành những gì tôi đã để lại chưa hoàn tất.

Nhưng cũng có những khả năng khác. Nhiều năm trước, tôi đã giải thích rằng theo truyền thống Tây Tạng, tiến trình của sự thừa kế có thể quyết định trong một cách khác.

Chức Đạt Lai Lạt Ma Của Tôi

MONG ƯỚC CỦA TÔI là thể quyền sẽ được trao lại cho một vị thủ tướng, Kalon Tripa, và ông ấy được bầu cử lần đầu tiên vào năm 2001. Cho nên bây giờ tôi làm việc bán thời gian, và đôi khi tôi hỏi tôi có dự định về hưu không. Việc đó có thể không? Một Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể về hưu chứ?

Không, tôi không thể trở thành một người hưu trí (cười). Ngoại trừ đại đa số không còn xem tôi như một Đức Đạt Lai Lạt Ma nữa mà thôi - sau đó tôi sẽ có thể hưu trí! (cười).

Tôi đang đùa!

Từ năm 2001, chúng tôi đã có một lãnh đạo của ngành hành pháp được bầu lên mỗi nhiệm kỳ 5 năm. Đó là vấn đề tôi có thể trở thành bán hưu trí trong chính trị như thế nào. Ở Tây Tạng năm 1952, tôi đã bắt đầu những sự thay đổi cho việc chuẩn bị dân chủ hóa. Nhưng chúng tôi không thể thiết lập việc vận động cho chương trình hiện đại hóa của chúng tôi, vì có quá nhiều sự thay đổi xảy ra.

Sau đó chúng tôi đến Ấn Độ như những người tị nạn, tất cả chúng tôi đều thích chế độ dân chủ. Từ năm 2001, những quyết định chính đã được thực hiện bởi những người được bầu lên, chứ không phải tôi. Trong thực tế, tôi hành động như một cố vấn kinh nghiệm. Trong năm 2006, Samdhong Rinpoche đã tái đắc cử, và quy định là mỗi người chỉ có thể phục vụ hai nhiệm kỳ. Cho nên trong bốn năm một người mới sẽ được chọn qua bầu cử.

Tôi không nghĩ việc duy trì thể chế Đạt Lai Lạt Ma là quan trọng. Chúng tôi có thể thực hiện một sự phân biệt rõ ràng giữa việc bảo vệ văn hóa Tây Tạng và Phật Giáo Tây Tạng, một mặt, và bảo tồn văn phòng của Đức Đạt Lai Lạt Ma về mặt kia. Thể chế này, giống như những thứ khác, xuất hiện trong một thời điểm nào đó và rồi biến mất; nhưng Phật Giáo Tây Tạng và di sản văn hóa của nó, sẽ tồn tại cùng với người Tây Tạng.

Đó là tại sao, trong năm 1992, tôi đã tuyên bố rằng, khi thời điểm đến cho chúng tôi trở về quê hương chúng tôi, Tây Tạng - đó là khi chúng tôi có được một khu tự trị thật sự - thể thì tôi sẽ trao toàn bộ thẩm quyền hành pháp của tôi như một Đức Đạt Lai Lạt Ma cho chính phủ Tây Tạng.

Tại Sao Tôi Không Thể Tái Sanh Như Một Phụ Nữ Xinh Đẹp?

TRONG QUÁ KHỨ, những hóa thân nào đó được nhìn nhận trước khi cái chết của vị tiền nhiệm của họ xảy ra, vị ấy chọn lựa những người thừa kế tương xứng. Trong thế hệ của tôi, sự kiện này có thể hình thành, tùy thuộc vào những hoàn cảnh cụ thể vào những thời điểm nhất định.

Những người phương Tây hấp dẫn với ý kiến rằng vị hóa thân tiếp theo của Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể là nữ. Một cách lý thuyết, vâng, điều ấy là có thể. Lý do sâu sắc của việc tái sanh là để đảm đương nhiệm vụ vốn không được hoàn tất bởi vị tiền nhiệm. Một cách hợp lý, nếu cái chết của tôi xảy ra trong lưu vong, thì sự tái sanh của tôi sẽ đến từ quốc ngoại nhằm để hoàn thành những gì tôi đã bắt đầu.

Mục đích chính yếu của việc tái sanh là để phục vụ Phật Đạo. Trong giáo huấn nhà Phật, nam và nữ có cùng những quyền lợi căn bản. Nhưng trong thực tế, hai nghìn

năm trăm năm trước, truyền thống Ấn Độ thừa nhận tính ưu việt của Tăng. Mặc dù những việc truyền tỳ kheo ni giới một cách lý thuyết cũng dành cho ni trong cộng đồng Phật Giáo, nhưng ở Tây Tạng, Tích Lan, và Thái Lan chư ni bị ngăn trở đối với việc nhận những giới luật cao nhất [là tỳ kheo ni]. Ở Tây Tạng, loại truyền giới này được trao cho tăng sĩ bởi Tịch Hộ trong khi chư ni bị loại ra. May mắn thay, ở Trung Hoa [cũng như Việt Nam] việc truyền cụ túc giới cho chư ni được duy trì cho đến ngày hôm nay. Có những sự thảo luận ngày nay về việc lập lại sự truyền đại giới cho chư ni.

Ngay cả thế, truyền thống Tây Tạng có những dòng truyền thừa của những sự tái sinh nữ cao cấp, như Dorje Phagmo, một dòng truyền thừa hơn sáu trăm năm. Tôi không biết những người nữ tái sinh này đều là ni hay không, nhưng trong hầu hết mọi trường hợp, tôi nghĩ họ phải thọ giới. Do đó, tùy theo những trường hợp, nếu một Đức Đạt Lai Lạt Ma là nữ có thể hỗ trợ chúng sanh tốt đẹp hơn phụng sự cho Phật đạo, thì tại sao chúng ta lại bỏ lỡ dịp này?

Hảo tướng là một trong tám phẩm chất của thân thể con người quý giá về trình độ vật lý. Rõ ràng nếu một nữ Đạt Lai Lạt Ma hình tướng xấu xí, thì vị ấy sẽ hấp dẫn ít người hơn. Mục tiêu của một tái sinh nữ là để trao truyền giáo huấn nhà Phật cho công chúng trong một cách thuyết phục. Không cần phải dành hai mươi bốn giờ một ngày để hành thiền và tụng niệm. Từ quan điểm này, vấn đề xuất hiện có tầm quan trọng của nó. Do đó, đôi khi tôi nói với mọi người, nửa đùa rằng, nếu tôi tái sinh như một người nữ, tự nhiên tôi sẽ là một phụ nữ với thân thể rất xinh đẹp.

Tôi không biết là tôi sẽ chỉ định một vị Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp trong kiếp sống này của tôi không. Điều đó là có thể, tôi đang quán chiếu. Hãy để mọi người cho ý kiến của họ, sau đó chúng ta sẽ thấy. Trong quá khứ, khoảng một thập niên trước, vấn đề này được tranh luận trong những vị thủ hộ của những dòng truyền thừa chính của Tây Tạng. Trong những tháng tới, chúng ta chắc chắn sẽ thấy một cuộc hội họp về chủ đề này, cũng như việc truyền đại giới cho ni.

Giáo sĩ Tây Tạng bao gồm đại đa số những nam Lạt Ma, và tái sinh trong nam tướng theo truyền thống được xem như là tốt đẹp hơn, mặc dù thế, Phật tử Tây Tạng tuyên dương nữ tính như biểu tượng của trí tuệ và tôn kính Tara, Bậc Giải Thoát đã hoàn thành, người đã nguyện thành tựu Giác Ngộ trong thân nữ.

Có những dòng truyền thừa của nữ Lạt Ma, nhưng hiếm khi những Lạt Ma tái sinh không cùng giới tính với những hóa thân trước đó của họ. Cho nên Đức Đạt Lai

Lạt Ma tuyên bố về người thừa kế như vậy là bất thường. Thật đúng là Đức Thánh Thiện Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tiếp tục làm mọi người ngạc nhiên với sự cải cách táo bạo của ngài; trong việc áp dụng những phong tục cổ truyền của Tây Tạng vào thế giới hiện đại, ngài liên quan với việc bảo tồn tâm linh của những tập quán này hơn là hình thức bên ngoài của chúng. Dường như là ngài đang chuẩn bị để mở ra một vị thế mới trong vấn đề người thừa kế nhạy cảm của ngài, là điều nhắc lại vấn đề hệ thống tulku - hóa thân, nền tảng của Phật Giáo Tây Tạng.

Chúng Ta Không Có Bắt Đầu Hay Chấm Dứt

KHÁI NIỆM về một tuyên tái sanh cho những Đức Đạt Lai Lạt Ma coi như là sự tương tục giữa sự sống của hai người: vị tiền thân và sự tái sanh của vị ấy.

Phật Giáo chấp nhận sự tồn tại tương tục của một chúng sanh. Giáo thuyết của Đạo Phật về "vô ngã" có nghĩa là không có một tự ngã tồn tại độc lập bên ngoài thân thể, bởi vì "tự ngã" hay con người là được mệnh danh bởi sự phối hợp của thân thể và tâm thức. Có một tự ngã, nhưng không có một tự ngã độc lập tuyệt đối. Với việc quan tâm đến sự tiếp tục, Phật Giáo chấp nhận sự tương tục của chúng sanh, nhưng cũng tán thành khái niệm của một tự ngã "vô thi", đó là một tự ngã không có bắt đầu và không có chấm dứt cho đến khi Quả Phật được thành tựu.

Có những loại tái sanh khác nhau. Một hóa thân của Đức Phật hay Bồ tát, có thể biểu hiện vài lần một cách đồng thời; những vị Bồ tát thấp tái sanh trong chỉ một người - đó là, chỉ một lần trong một thời kỳ. Nhưng bất cứ người nào, bất kể họ là một Bồ tát hay một người bình thường, là tái sanh từ "vô thi" và sẽ được sanh ra một cách vô tận. Sự tương tục luôn luôn ở đây và sẽ luôn luôn ở đây, trả nghiệp. Bây giờ, ở một cấp độ, nếu quý vị phát triển một sự thực chứng tâm linh nào đó, thể thì sự sanh ra qua nghiệp sẽ chấm dứt. Rồi thì, với năng lực ý chí, quý vị có thể chọn lựa sự tái sanh của quý vị. Loại tái sanh này chúng tôi gọi là hóa thân.

Tôi Có Thể Hóa Thân Trong Hình Thể Một Côn Trùng

TRƯỚC TIÊN NHẬN THỨC những lạt ma hóa thân, hay tulku, là có vẻ hợp lý hơn. Niềm tin của Phật Giáo là nguyên lý của sự hóa thân là thực tế dĩ nhiên, rằng khái niệm duy nhất của một sự hóa thân là để cho phép người nào đó tiếp tục những nỗ lực của vị đó để giải thoát tất cả chúng sanh khỏi khổ đau, chúng ta có thể hiểu rằng thật có thể nhận ra những đứa trẻ mà chúng là những sự tái sanh của những người nào đó. Điều đó cho phép chúng ta rèn luyện chúng và đưa chúng vào thế giới vì thế chúng có thể tiếp tục những nhiệm vụ của chúng ngay khi có thể. Dĩ nhiên những sai lầm có thể xảy ra trong tiến trình nhìn nhận, nhưng hiệu quả của

hệ thống được chứng thực bởi đời sống của đại đa số những tulku - hóa thân. (Vài trăm vị đã được nhìn nhận ngày nay, trái lại ở Tây Tạng, trước khi sự xâm lăng của Trung Cộng, chắc chắn hàng nghìn vị).

Tiến trình của việc xác nhận có thể ít huyền bí hơn là quý vị nghĩ. Trước tiên nhất, người ta tiến hành bằng việc loại trừ. Hãy nói về việc tìm kiếm một vị tu sĩ nào đó. Thứ nhất quý vị phải thiết lập thời gian và nơi chốn của người chết. Nếu quý vị nghĩ, theo kinh nghiệm của quý vị, theo nguyên tắc, rằng sự hiện thân mới sẽ được thai nghén trong năm tới, quý vị vẽ ra thời dụng biểu. Thế thì nếu lạt ma X chết năm Y, sự hiện thân tiếp theo chắc chắn sẽ được sanh ra mười tám tháng hay hai năm sau. Trong năm Y cộng năm (Y+5), đứa bé chắc chắn khoảng 3 đến 4 tuổi. Vậy là quý vị đã thu hẹp lãnh vực khảo sát xuống.

Sau đó quý vị xác định rõ nơi sanh có thể nhất. Thông thường điều đó rất dễ dàng. Đầu tiên quý vị tự hỏi nó là ở trong Tây Tạng hay nơi nào khác. Nếu là ở quốc ngoại, có một con số giới hạn những nơi chốn - trong những cộng đồng Tây Tạng ở Ấn Độ, Nepal, Thụy Sĩ, thí dụ thế. Sau đó quý vị quyết định trong thành phố nào quý vị có thể dễ tìm thấy đứa bé nhất. Điều này chắc chắn được suy diễn với sự liên hệ đến đời sống của vị tiền thân.

Bước tiếp theo là tập hợp lại một đoàn tìm kiếm với nhau. Điều này không nhất thiết có nghĩa là một nhóm người sẽ được hình thành gấp, giống như cho một cuộc săn tìm báu vật. Một cách tổng quát, khảo sát trong một cộng đồng để tìm kiếm là đủ nếu có đứa bé 3 hay 4 tuổi là một ứng viên khả dĩ. Thường thì quý vị có những dấu hiệu hữu ích, như những hiện tượng bất thường xảy ra lúc sanh. Hay khác hơn là đứa bé có thể chứng tỏ những phẩm chất khác thường.

Đôi khi có hai hay ba khả năng - hay hơn - tự biểu hiện ở cấp độ này. Hay một đoàn tìm kiếm có thể chứng tỏ là không cần thiết, vì vị tiền thân đã để lại thông tin chi tiết về tên của vị thừa kế và tên của cha mẹ vị ấy. Nhưng điều đó là rất hiếm hoi. Trong những trường hợp khác, những đệ tử của tu sĩ có thể có những giác mộng rõ ràng hay những ảo giác biểu thị nơi vị hóa thân có thể được tìm thấy. Những quy tắc không cứng nhắc hay cố định.

Mục tiêu của một vị hóa thân là để làm cho thuận tiện sự tiếp tục hoạt động của vị ấy, là điều có thể có những hệ quả quan trọng, tùy thuộc vào vị đang được tìm kiếm. Thí dụ, trong trường hợp của tôi, ngay cả nếu những nỗ lực của tôi trong phổ quát là để hiến dâng cho việc phụng sự tất cả chúng sanh, thì tôi hướng dẫn họ một cách đặc biệt hơn đối với những đồng bào của tôi. Cho nên nếu tôi chết trước khi Tây Tạng tìm lại được sự tự do, thì một cách hợp lý tôi sẽ được tái sanh ở bên

ngoài Tây Tạng. Nếu vào lúc ấy, đồng bào tôi không cần một Đức Đạt Lai Lạt Ma nữa, thế thì sẽ không cần thiết để tìm kiếm tôi. Vì thế tôi có thể tái sinh như một con côn trùng, hay một con thú, hay một hình thể nào khác của sự hiện hữu mà ích lợi cho nhiều chúng sanh nhất.

Để bảo đảm sự kiểm soát toàn xã hội Tây Tạng, Đảng Cộng Sản Trung Quốc tự cho mình có quyền kiểm soát những dòng hóa thân truyền thừa. Vì để họ không bị khống chế bởi thẩm quyền của Bắc Kinh, những Lạt Ma nhi đồng được đặt dưới sự bảo vệ cẩn thận của gia đình họ. Trong một sự bí mật tuyệt hảo, những người làm ăn bất hợp pháp sẽ đưa họ đến Nepal hay Ấn Độ. Ở đây, họ sẽ gia nhập vào những tu viện và được cung ứng một sự học tập tôn giáo thích hợp cho trách nhiệm tương lai của họ.



Gendhun Chokyi Nyima,

Tháng Năm năm 1995, Đức Đạt Lai Lạt Ma xác nhận Gendhun Chokyi Nyima, một nhi đồng sáu tuổi, như hóa thân của Đức Ban Thiền Lạt Ma thứ 10, vị chức sắc cao cấp thứ hai của Phật Giáo Tây Tạng. Hai ngày sau Ban Tôn Giáo Trung Cộng tuyên bố sự lựa chọn này là "bất hợp lệ và vô giá trị". "Cùng ngày vị chức sắc tôn giáo chịu trách nhiệm tìm kiếm Lạt Ma hài đồng, Chadrak Rinpoche, bị bắt giam vì đã cấu kết với bè lũ Đạt Lai Lạt Ma." Vài tuần sau Đức Ban Thiền Lạt Ma thứ 11 cùng với cha mẹ biến mất. Từ tháng Bảy 1995, ngài bị giữ ở một nơi bị giám sát bí mật, vì vậy ngài trở thành tù nhân chính trị nhỏ tuổi nhất trên thế giới. Luật pháp giống như vở kịch Vua Ubu, Ban Tôn Giáo của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã

chọn một nhi đồng khác và làm lễ đăng quang trong một nghi lễ bù nhìn. Mặc dù liên tục có những cuộc biểu tình chống đối của cộng đồng quốc tế, chúng ta vẫn không có tin tức về Gendhun Chokyi Nyima, Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 11 được nhìn nhận theo nghi thức truyền thống.

Mới đây, chính quyền Trung Cộng đã cho biết khát vọng gia tăng hành động trong việc kiểm soát những dòng truyền thừa. Vì vậy, tháng Tám năm 2007, thông tin chính thức của Trung Cộng đã tuyên bố một quy tắc mới về việc công nhận những "vị Phật Sống", một thuật ngữ mà người Trung Hoa dùng để chỉ định những đại sư hóa thân. Từ nay về sau, "tất cả những yêu cầu cho việc công nhận một sự hóa thân của một 'vị Phật sống' phải được sự chấp thuận của Ban Tôn Giáo", dưới kết quả của luật lệ.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã bình luận về những tiêu chuẩn này với sự tiêu lâm: "Quyết định kỳ quái này chứng tỏ những tác giả của nó, thế nào đây tự hào trong việc ban hành 'các giấy phép của sự hóa thân,' là những kẻ không hiểu gì về việc hóa thân hay Phật Giáo. Họ nghĩ rằng tất cả việc đó là cần thiết như một chiếu chỉ hay một quy định để mở rộng sự kiểm soát của họ đối với tâm thức con người. Nó sẽ không như thế. Nếu họ thậm chí có một chút chú ý vào thực tế chung quanh họ, họ sẽ nhận ra điều này."

Quy định kiểm soát đối với những dòng truyền thừa xảy ra trong phạm vi thời đại của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 không tránh khỏi đặt ra vấn đề người thừa kế của ngài. Bắc Kinh đã quyết định quy định sự kế vị, không thêm đếm xỉa đến quyền đạo đức và tâm linh của người Tây Tạng. Theo Samdhong Rinpoche, thủ tướng của chính phủ Tây Tạng lưu vong, "Không phải Đức Đạt Lai Lạt Ma khởi xướng việc nói về người kế vị ngài, mà chính là Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Họ rất băn khoăn về sự hóa thân của ngài, mà vốn họ muốn tự chọn theo ý họ. Cho nên họ hy vọng rằng vị thứ 14 giữ danh hiệu này không sống lâu quá, và họ phao tin rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma bị ung thư giai đoạn cuối, vì vậy họ cố gắng để phỏng đoán việc đề cử người kế vị. Rõ ràng rằng họ đang cố làm mọi việc để áp đặt một Đức Đạt Lai Lạt Ma mới dưới sự khống chế của họ. Nhưng chính người Tây Tạng sẽ vạch rõ tiến trình chọn lựa Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 15.

"Đức Thánh Thiện là người duy nhất, từ sau Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ nhất, đã sống trường thọ, và ngài phải quyết định người kế vị của ngài, vì công việc của ngài chưa chấm dứt. Rắc rối của chức vụ hiện ra. Thật quá phức tạp để chờ một nhi đồng Đạt Lai Lạt Ma lớn lên cho đến khi trưởng thành. Đức Thánh Thiện đã phải lãnh trách nhiệm khi ngài rất trẻ, và việc đó là rất khó khăn. Người kế vị ngài phải ở một độ tuổi để tiếp nhận những chức năng của ngài khi đến lúc. Đó là tại

sao Đức Đạt Lai Lạt Ma nghĩ về việc chỉ định một vị hóa thân được hình thành (a madé tulku) trong khi ngài tại thế, nghĩa đen là, một 'hóa thân trước khi chết,' theo một truyền thống mà theo đó vị đại sư, trước khi chết, trao chuyển tinh hoa chứng ngộ tâm linh của vị ấy cho người thừa kế."

Trong bài diễn thuyết khi nhận giải Nobel Hòa Bình của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Egil Aarvik nhận xét: "Tiến trình của việc công nhận một vị hóa thân hàm ý việc thâm nhập vào điều, đối với người phương Tây, là vùng đất không biết, terra incognita, nơi những niềm tin, tư tưởng và hành động tồn tại trong một chiều kích hiện hữu mà chúng ta mù tịt, hay có lẽ đơn giản là chúng ta đã quên."

Ngay cả khi Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố không khó khăn gì rằng ngài "không phải là người đặc biệt," nhưng cuộc sống của ngài không là bình thường, trong ý nghĩa là nó không bắt đầu với sự ra đời của ngài và sẽ không chấm dứt với sự qua đời của ngài. Vị thủ hộ của dòng truyền thừa Giác Ngộ Từ Bi, ngài tỏa chiếu từ một chiều kích phổ quát. Những thể trạng thậm thâm của sự tỉnh giác cống hiến cho điều này, được thấy bằng việc hành thiền và thực tập Phật Giáo như thế nào? Đó là điều mà những tuyên bố của ngài như một tu sĩ trong những chương tiếp theo sẽ khơi mở. Chúng làm sáng tỏ tính nhân bản mãnh liệt của một con người đã "làm chúng ta cảm thấy tốt lành là được làm người. Về việc sống trong thời đại khi có người nào đó như ngài hiện hữu với chúng ta."

*

Phần 2: Như Một Tu Sĩ

3- Chuyển hóa tự thân

LÝ TƯỞNG CỦA TÔI: BỒ TÁT ĐẠO

Đặc Tính Của Tôi Như Một Tu Sĩ

TÔI THƯỜNG TỰ GIỚI THIỆU mình như một tu sĩ Phật Giáo giản dị vì cá nhân và tính cách của tôi được xây dựng chung quanh chí nguyện của tôi như một tu sĩ. Mặc dù tôi khi tôi cảm thấy một liên kết rất mạnh mẽ với những Đức Đạt Lai Lạt Ma trước đây, nhưng tôi tự xem tôi như một tu sĩ trước nhất. Tôi là một tu sĩ trước khi là Đạt Lai Lạt Ma!

Điều này rõ ràng chắc chắn như vậy, và nó bén rễ một cách thật sâu xa trong tâm thức tôi, và tôi thậm chí nhớ tôi là một tu sĩ ngay trong giấc mộng. Ngay cả trong những phần tệ hại nhất của cơn ác mộng tôi cũng không quên tôi là một tu sĩ. Nhưng tôi chưa bao giờ mơ thấy tôi là một Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Bằng tuệ giác của tôi, những phản ứng tại một trình độ ngoài tầm kiểm soát của tri thức chúng tôi rằng ở tận đáy tâm hồn tôi có một dấu ấn không phai mờ của thể trạng như một tu sĩ của tôi. Tôi cảm thấy một cách rất mãnh liệt rằng tôi là một tu sĩ Phật Giáo.

Thệ Nguyện Một Tu Sĩ Của Tôi

TRONG ĐỜI SỐNG XUẤT GIA của Tây Tạng, có 253 giới cho tăng và 364 giới cho ni. Bằng việc quán chiếu chúng một cách nghiêm cẩn tôi đa như có thể, tôi thoát khỏi những cảm dỗ vô ích và những sự quan tâm mỗi ngày. Một số giới này có nhiều việc phải làm với nghi lễ - quy định, thí dụ một vị tu sĩ phải đi sau vị trụ trì bao xa. Những điều khác phải làm với những hạnh kiểm.

Bốn giới căn bản đáp ứng đến bốn việc cấm kỵ giản dị: một tu sĩ không giết hại, trộm cắp, hay nói dối về sự thực chứng tâm linh của vị ấy, và vị ấy cũng quán sát trình tiết nghiêm ngặt. Nếu vị ấy phá vỡ một trong bốn thệ nguyện này, thì vị ấy không còn là một tu sĩ nữa.

Đôi khi tôi được hỏi có kỳ vọng thật sự để duy trì thệ nguyện về trình tiết và một thệ nguyện như vậy có thể giữ được không. Điều ấy nên được nói là sự thực tập này không có nghĩa là đè nén khát vọng dục tình. Trái lại, thật cần thiết để chấp nhận toàn bộ sự hiện hữu của một khát vọng như vậy và để chuyển hóa nó qua sự

rèn luyện của lý trí. Khi quý điều khiển đưa việc ấy vào trong tu tập, sẽ đưa đến kết quả một sự tinh thông về tâm thức rất lợi lạc. Khát vọng dục tình là mù quáng, và nó đưa đến một rắc rối. Khi quý vị tự nói với mình, *tôi muốn làm tình với người kia*, quý vị đang bộc lộ một khát vọng mà không phải sự thông minh hướng dẫn. Trái lại, khi quý vị nghĩ, *tôi muốn xóa bỏ sự nghèo đói khỏi thế giới*, đó là một mong muốn có thể kiểm soát được bởi trí tuệ. Điều gì nữa, sự vừa ý dục tình tượng trưng một sự hài lòng không bền. Như một đại hiền nhân Ấn Độ Long Thọ nói: "Khi quý vị có một vết ngứa, quý vị tự gãi ngứa. Nhưng hoàn toàn không có một cơn ngứa thì tốt hơn là tự gãi ngứa trong một hồi lâu."

Những Sự Thiền Tập Hằng Ngày Của Một Tu Sĩ Phật Giáo

TÔI DÀNH TỐI THIỂU là năm tiếng rưỡi đồng hồ một ngày để cầu nguyện, hành thiền, hay học tập. Tôi cũng cầu nguyện trong tất cả những lúc không có việc gì làm suốt cả ngày, trong những buổi ăn hay du hành. Như một Phật tử, tôi không thấy bất cứ sự khác biệt nào giữa sự thực tập tôn giáo và đời sống hàng ngày. Sự thực tập tôn giáo một công việc 24/7. Cũng có những sự cầu nguyện bắt phải thực hành trong mỗi hành vi, từ thức dậy đến tắm rửa, ăn uống, và ngay cả ngủ nghỉ. Đối với một hành giả mật tông tantra, những sự tu tập diễn ra trong cơn ngủ sâu và giấc mộng là một thứ nào đó quan trọng nhất, vì chúng chuẩn bị cho sự chết.

Việc hành thiền chính của tôi liên hệ đến tánh không và cốt ở việc tập trung vào sự liên hệ hỗ tương trong trình độ vi tế nhất. Một phần của sự thực tập này liên hệ đến "bổn tôn du già", mà trong ấy tôi sử dụng những mạn đà la khác nhau, quán tưởng tự thân tôi như một loạt các bổn tôn. (Tôi không muốn nói qua việc này, những nhân vật ấy tồn tại bên ngoài hay độc lập). Khi tôi làm việc ấy, tôi tập trung tâm thức tôi trên một trình độ đến mức nó không còn bị thu hút bởi những dữ liệu mà nhận thức giác quan truyền đạt. Đó không phải là một trạng thái xuất thần, vì tôi vẫn hoàn toàn sáng suốt, nhưng đúng hơn là một sự rèn luyện trong sự tỉnh giác thuần khiết.

Thật khó để nhận biết những gì tôi muốn nói qua điều này, cũng khó như một nhà khoa học giải thích qua từ ngữ điều gì ông muốn nói qua [không-thời gian](#) (space-time). Ngôn ngữ và kinh nghiệm hàng ngày không thể chuyển dịch kinh nghiệm của sự tỉnh giác thuần khiết, mà việc làm chủ nó đòi hỏi qua nhiều năm.

Một khía cạnh quan trọng của sự thực tập hàng ngày của tôi liên hệ ý tưởng về sự chết. Theo quan điểm của tôi, chỉ có hai thứ để làm trong sự sống với chủ đề về sự chết. Hoặc là quý vị chọn lãng quên nó - mà trong trường hợp ấy quý vị có thể may mắn đủ để xua đuổi ý tưởng ấy đi nơi khác trong một lúc - hay quý vị đối diện với

khía cạnh này, quý vị cố gắng phân tích nó, và bằng việc làm như vậy quý vị cố gắng để giảm bớt những nguyên nhân của những nỗi khổ đau không thể tránh khỏi nào đó. Cũng không phương pháp nào có thể đạt đến mục tiêu này trọn vẹn.

Như một Phật tử, tôi chấp nhận sự chết như một tiến trình bình thường của sự sống. Tôi chấp nhận nó như một thực tế và nó sẽ xảy ra cho đến khi nào tôi vẫn còn trong cõi sanh tử luân hồi. Biết rằng tôi không thể trốn thoát khỏi nó, tôi không thấy điểm nào để lo lắng về nó. Tôi nghĩ rằng chết hơi giống như bỏ lại sau lưng một mảnh áo quần cũ đã sử dụng. Tự trong nó không phải là chấm hết.

Như một Phật tử, tôi cũng tin rằng việc tu tập về sự chết là thiết yếu. Chính thời điểm ấy, những kinh nghiệm thâm thâm và lợi lạc nhất có thể biểu hiện. Vì lý do này, có nhiều đại sư tâm linh chọn lìa thế gian này trong lúc hành thiền. Khi điều đó xảy ra, thân thể họ không bị phân hủy rất lâu sau sự chết lâm sàng.

Sống Như Một Vị Bồ Tát

NHƯ CHO SỰ THỰC TẬP tôn giáo cá nhân của tôi, tôi cố gắng để sống đời sống của tôi bằng việc đi theo những gì tôi gọi là "lý tưởng Bồ tát". Trong nhận thức Đạo Phật, một vị bồ tát là một chúng sanh dẫn thân trên con đường hướng đến Quả Phật và hoàn toàn hiến dâng để hỗ trợ chúng sanh giải thoát khỏi khổ đau. Chữ bodhisatva - bồ đề tát đỏa - bồ tát, dễ dàng để hiểu nếu nghiên cứu hai thuật ngữ làm nên nó, bodhi - bồ đề và sattva - tát đỏa được phiên dịch riêng rẽ. Bodhi - bồ đề biểu thị tuệ giác thông hiểu bản chất cứu kính của thực tại, và sattva - tát đỏa là một cá nhân được động viên bởi lòng từ bi phổ quát. Cho nên lý tưởng bodhisatva - bồ đề tát đỏa - hay lý tưởng bồ tát có nghĩa là một nguyện vọng thực hành lòng từ bi vô hạn với tuệ giác vô biên.

Thực Hành Tâm Linh Nhằm Để Trở Thành Những Con Người Tốt Đẹp Hơn

ĐỪNG MONG ƯỚC những thứ phi thường với tôi, như những sự gia hộ quyền năng vô hạn có thể chuyển hóa đời sống của quý vị một cách kỳ diệu và ngay lập tức. Quý vị sẽ sai lầm để áp ủ những tư tưởng như vậy - chúng không có gì đối với thực tế. Tôi là một tu sĩ Phật Giáo giản dị vốn đã thực tập từ lúc mười tuổi và cố gắng để sống phù hợp với giáo lý nhà Phật.

Như một tu sĩ giản dị, tôi là một người thông dịch của những đạo sư siêu phàm và tôi lễ phụng phục một cách khiêm tốn trước các vị ấy. Khi Đức Phật còn tại thế, ngài giống như một tu sĩ bình thường; ngài du hành bằng chân, tay cầm bình bát khát

thực. Sau ngài, nhiều hành giả vĩ đại đã có cùng hiện tượng bên ngoài, trông có vẻ nghèo nàn nếu người ta không nhìn vượt khỏi hiện tượng ấy.

Chúng ta chia sẻ chung với Đức Phật cùng năng lực cho từ tâm và tĩnh lặng. Nhưng chúng ta không phải luôn luôn biết điều này, và đôi khi chúng ta cố gắng để tàn phá cả hạnh phúc của người khác lẫn sự yên bình nội tại của chúng ta. Tất cả chúng ta muốn tránh khổ đau và được hạnh phúc. Chúng ta có một tri thức kinh nghiệm uyên thâm của cả hạnh phúc lẫn khổ đau vốn thông thường với tất cả chúng sanh.

Tôi đang chia sẻ với quý vị kinh nghiệm sống của tôi, căn cứ trên giáo lý nhà Phật và sự thực hành, không có bất cứ tham vọng nào trong việc tuyên truyền Phật Giáo hay có thêm những môn nhân mới. Những truyền thống tâm linh lớn, tất cả đều rất sống động trên năm lục địa, quán chiếu những tính khí khác nhau của con người trên thế giới. Họ làm sáng tỏ những nền tảng và nguyên tắc đạo đức cho phép chúng ta trở nên tốt đẹp hơn bằng việc phát triển những phẩm chất nhân bản như yêu thương, nhẫn nại và bao dung và bằng việc chiến đấu với những tham dục quá đáng của chúng ta.

Thật thích đáng hơn để giữ những truyền thống tâm linh vốn có của chúng ta. Đó là con đường xác thật hơn. Tôi luôn luôn hơi nghi ngờ khi tôi giảng dạy Phật Giáo trong một quốc gia như Pháp, vốn hầu hết là Ki Tô Giáo và Thiên Chúa La Mã, vì tôi tin rằng luôn luôn thỏa mãn hơn để làm sâu sắc và bảo tồn tôn giáo của tổ tiên họ. Không cần thiết để trở thành Phật tử khi quý vị là một người phương Tây.

Nếu quý vị thẩm tra những tôn giáo lớn trên thế giới, thì quý vị có thể phân biệt về một mặt những quan điểm triết lý và siêu hình, và mặt kia là sự thực tập tâm linh hàng ngày. Mặc dù những quan điểm triết lý khác biệt và đôi khi mâu thuẫn với nhau, nhưng trong sự thực tập tâm linh, tất cả những tôn giáo liên hệ với nhau. Tất cả đều giới thiệu sự chuyển hóa dòng suối ý thức nội tại của chúng ta và điều đó làm chúng ta tốt đẹp hơn, những con người sùng mộ hơn.

Thật tốt đẹp để tạo nên bất cứ hệ thống nào trong những truyền thống tôn giáo nhưng tốt hơn là thấu hiểu rằng tất cả những giáo lý ấy vốn để thích nghi đến những tính khí đa dạng của con người. Điều gì hơn thế nữa, trong chính Phật Giáo quý vị có thể thấy nhiều giáo huấn của Đức Phật, Ngài đã dạy một giáo thuyết được diễn tả như có "84 nghìn cửa." Tùy chúng ta nhận ra nhu cầu nào trong những quan điểm triết lý khác nhau và để biết rằng mỗi một truyền thống tâm linh vốn đều là thánh thiện, vì mỗi tôn giáo đã hỗ trợ hàng triệu người để tiến bộ và ít khổ đau hơn bằng việc trở thành tốt đẹp hơn. Đối với mỗi người, có một con

đường duy nhất và một lẽ thật duy nhất để thành tựu, nhưng mỗi người vẫn phải chấp nhận chân lý của những truyền thống khác. Ngay cả nếu một truyền thống khác chống lại niềm tin của chính chúng ta, nhưng nó có lý do riêng của nó để hiện hữu, trong việc hỗ trợ nó cung ứng cho người khác. Thế nên, về một mặt, chúng ta nên có niềm tin của chính chúng ta, nhưng về mặt khác, chúng ta nên giữ tâm tư chúng ta cởi mở và bao dung đối với những ai không muốn chia sẻ chúng.

*

NHỮNG CHÙA VIỆN ÂN CẦN TRONG TRÁI TIM CỦA CHÚNG TA

Hướng Giao Lưu Anh Em Giữa Các Tôn Giáo

KHI CHÚNG TA TIẾP CẬN thế kỷ 21, thì những truyền thống tôn giáo thích đáng hơn bao giờ hết. Tuy thế, như trong quá khứ, những xung đột và khủng hoảng sinh khởi nhân danh những truyền thống tôn giáo khác nhau. Điều này rất, rất là bất hạnh. Chúng ta phải vận dụng mọi nỗ lực để vượt thắng tình cảnh này. Trong kinh nghiệm của riêng tôi, tôi đã thấy rằng phương pháp hiệu quả nhất để chiến thắng những xung đột này là sự tiếp xúc thân cận và sự trao đổi giữa những niềm tin khác nhau đó, không chỉ ở trình độ của tri thức nhưng trong những kinh nghiệm tâm linh sâu sắc. Đây là một phương pháp đầy năng lực để phát triển những sự thấu hiểu và tôn trọng hỗ tương, Qua sự trao đổi này, một nền tảng hòa hiệp chân thành mạnh mẽ có thể được thiết lập.

Thêm nữa những cuộc gặp gỡ giữa những học giả và hành giả kinh nghiệm cũng là quan trọng, một cách đặc biệt trong những con mắt công cộng, những lãnh tụ của những truyền thống tôn giáo khác nhau thỉnh thoảng đến với nhau để gặp gỡ và cầu nguyện, như trong cuộc gặp gỡ quan trọng ở Assisi năm 1986. Đây là một cách đơn giản nhưng hiệu quả để thúc đẩy sự bao dung và thông hiểu.



Cuộc gặp gỡ Liên Tôn, Bali, Indonesia tháng Bảy 2007

Những Nhà Chính Trị Cần Tôn Giáo Hơn Những Người Ẩn Dật

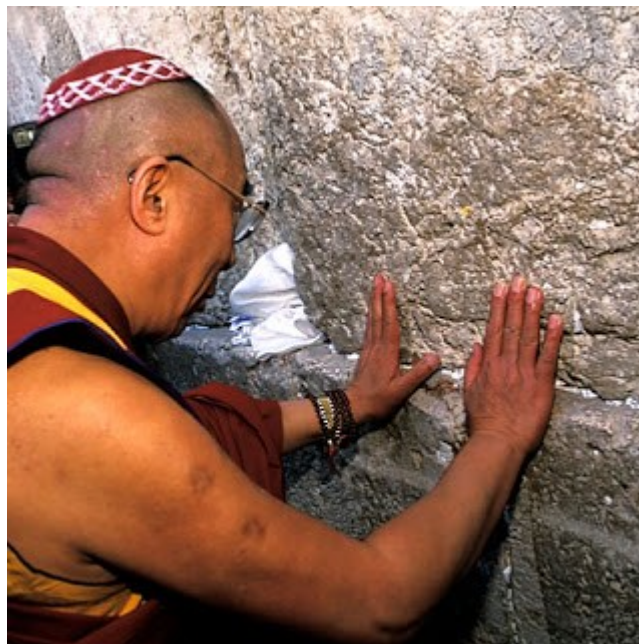
TÔI CÓ NHIỀU CUỘC đối thoại say mê với Tổng Giám Mục Canterbury, Tiến sĩ Robert Runcie (đại diện đáng khâm phục của ngài là Terry Waite, tôi luôn luôn giữ trong sự cầu nguyện của tôi). Chúng tôi chia sẻ quan điểm rằng tôn giáo và chính trị có thể đến với nhau một cách hiệu quả, và cả hai chúng tôi đều đồng ý rằng, một cách rõ ràng, nhiệm vụ của tôn giáo là để phụng sự con người. Tôn giáo không nên phớt lờ thực tế. Làm thành viên của tôn giáo nhằm để tận tụy cầu nguyện là không đủ. Tín đồ, một cách đạo đức, mang trách nhiệm công hiến một cách tối đa như có thể trong việc giải quyết những vấn nạn của thế giới.

Tôi nhớ một chính trị gia Ấn Độ, người mời tôi thảo luận quan điểm này với ông. Ông nói với tôi, với sự khiêm hạ chân thành, "Ô, nhưng chúng tôi là những chính trị gia, không phải là những tu sĩ!" Tôi đáp lại với điều đó: ***"Những chính trị gia cần tôn giáo thậm chí hơn là những ẩn sĩ tu hành. Nếu những ẩn sĩ hành động bị xúi giục bởi động cơ xấu, người ấy chỉ tổn hại tự thân. Nhưng nếu một chính trị gia, người có thể ảnh hưởng trực tiếp đến toàn xã hội, lại hành động với động cơ xấu, thì vô số người sẽ trải nghiệm những hậu quả tiêu cực."***

Tôi không thấy bất cứ sự mâu thuẫn nào giữa chính trị và tôn giáo. Vì trong thực tế, tôn giáo là gì? Chỗ tôi quan tâm đến là tôi xem mỗi hành vi diễn ra với một động cơ tốt lành như tôn giáo. Trái lại, nếu người ta tập hợp trong Phật đường hay Thánh đường mà không có động cơ tốt lành thì không đang cư xử một cách tôn giáo khi họ cầu nguyện với nhau.

Những Cuộc Hành Hương Của Tôi Từ Lourdes Đến Jerusalem

TÔI TIN TƯỞNG MỘT cách chắc chắn rằng chúng ta có thể đẩy mạnh sự thông hiểu và hòa hiệp giữa các tôn giáo để thúc đẩy thế giới hòa bình. Để hoàn thành điều này, tôi cổ vũ những cuộc trao đổi liên tôn, một cách đặc biệt những cuộc hành hương. Đó là tại sao tôi đã viếng thăm Lourdes, ở miền nam nước Pháp, không phải là một du khách mà như một người hành hương. Tôi đã uống nước thánh, tôi đã dừng lại trước tượng của Đức Bà Maria, và tôi nhận ra rằng ở địa điểm này hàng triệu người đã nhận sự phù hộ hay một cảm giác tĩnh lặng. Khi tôi nhìn vào bức tượng Maria, tôi cảm thấy một sự ngưỡng mộ chân thành và một sự tôn kính xác thật sinh khởi trong tôi đối với Ki Tô Giáo, vốn lợi lạc đến một số đông con người như vậy. Dĩ nhiên, Ki Tô Giáo có một triết lý khác biệt với tôn giáo của tôi, nhưng sự cứu giúp và những lợi ích cụ thể mà nó mang đến là không thể phủ nhận.



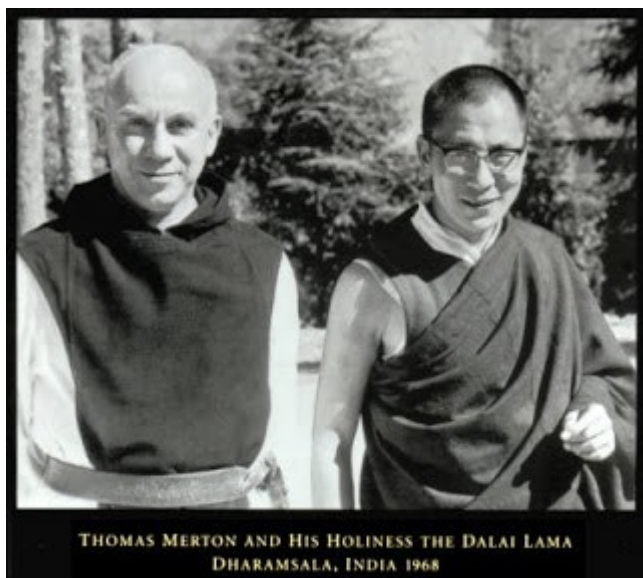
Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Bức Tường Than Khóc

Cùng với tinh thần ấy, tôi đã đến Jerusalem, thánh địa của nhiều tôn giáo trên thế giới, tôi đã hành thiền tại [Bức Tường Than Khóc](#) với những người bạn Do Thái, và sau đó, trong những đền Ki Tô Giáo, tôi cầu nguyện với những người bạn Ki Tô, Sau đó tôi đã thăm viếng những thánh tích của những người bạn [Hồi Giáo](#) và tôi đã cầu nguyện ở đó với họ.

Tôi cũng đã đi đến những đền đài khác nhau của đạo [Hindu](#), [Jain](#), và [Sikh](#), những thánh địa của [Bái Hỏa Giáo](#) ở Ấn Độ. Mỗi buổi sáng chúng tôi ngồi dưới gốc cây bồ đề để hành thiền chung. Vì thời đại của Đức Phật hơn 2,500 năm trước và Chúa Giê-su là 2,000 năm trước, cho nên tôi nghĩ đó là lần đầu tiên có một sự gặp gỡ như vậy xảy ra.

Có một nơi mà tôi đã muốn viếng thăm từ lâu, nhưng mong ước này chưa được toại nguyện. Đó là Ngũ Đài Sơn, được tôn kính ở Trung Hoa và dành cho Mạn Thù Thất Lợi, vị Bồ tát của tuệ trí. Vị tiền nhiệm của tôi, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13, đã đến đây để tỏ lòng tôn kính, và trong cuộc viếng thăm Trung Hoa lần thứ nhất năm 1954, tôi mong ước đi theo dấu chân của ngài. Lúc ấy nhà cầm quyền Trung Cộng đã từ chối lời yêu cầu của tôi, viện lý do là đường xá không tiện cho việc du hành.

Một Cuộc Sống Để Quán Chiếu Từ Ái



TRONG CUỘC VIẾNG THĂM Đại Tu Viện ở Montserrat ở Tây Ban Nha, tôi đã gặp gỡ một tu sĩ dòng Biển Đức ở đây. Ông đặc biệt đến để thăm tôi - và tiếng Anh của ông lại dễ hơn tôi, cho nên tôi cảm thấy can đảm hơn để nói chuyện với ông. Sau buổi ăn trưa, chúng tôi đã có những thời gian riêng tư với nhau, mặt đối mặt, tôi được cho biết là tu sĩ này đã ở nhiều năm trong núi ngay phía sau tu viện, tôi hỏi ông đã quán chiếu điều gì khi thực hành trong những năm cô lập đó. Câu trả lời của ông thật đơn giản: "Từ ái, từ ái, từ ái." Kỳ diệu làm sao! Tôi cho rằng đôi khi ông cũng ngủ. Nhưng trong tất cả những năm đó ông thiền quán một cách đơn giản về yêu thương. Và ông không chỉ quán chiếu trên từ ngữ. Khi tôi nhìn vào đôi mắt ông, tôi thấy chứng cứ của tâm linh và từ ái thậm thâm - như tôi có trong những cuộc gặp gỡ với Thomas Merton.

Những Chùa Viện Nội Tại

TÔI TIN MỤC TIÊU của tất cả những tôn giáo quan trọng trên thế giới không phải là xây dựng những chùa viện to lớn bên ngoài, nhưng là tạo dựng những chùa viện của từ bi và thánh thiện nội tại, bên trong những trái tim của chúng ta.

Một số người tin rằng cách hợp lý nhất để thành tựu sự hòa hiệp và giải quyết những vấn nạn liên hệ đến sự bao dung tôn giáo là thiết lập một tôn giáo chung cho mọi người. Tuy nhiên, tôi luôn luôn cảm nhận rằng chúng ta nên có những truyền thống tôn giáo khác nhau bởi vì con người sở hữu rất nhiều khuynh hướng tinh thần khác nhau: một tôn giáo đơn giản là không hài lòng nhu cầu của những con

người đa dạng như vậy. Nếu chúng ta cố thống nhất những tín ngưỡng của thế giới vào một tôn giáo, thì chúng ta cũng sẽ đánh mất nhiều phẩm chất và những phong phú của mỗi tôn giáo đặc thù. Do thế, tôi cảm thấy tốt hơn là duy trì sự đa dạng của những truyền thống tôn giáo, mặc dù có nhiều tranh cãi nhân danh tôn giáo. Bất hạnh thay, trong khi sự đa dạng những truyền thống tôn giáo là thích hợp hơn để phục vụ nhu cầu cho khuynh hướng tinh thần đa dạng, thì sự đa dạng này tự nhiên cũng sở hữu khả năng cho sự xung đột và bất đồng ý kiến. Do đó, mọi người trong những truyền thống tôn giáo phải thực hiện một nỗ lực vượt trội để chuyển hóa sự thiếu bao dung và thiếu hiểu biết và để tìm kiếm sự hòa hiệp.

*

CHUYỂN HÓA TÂM THỨC CHÚNG TA

Phân Tích Tâm Thức Như Một Sự Chuẩn Bị Cho Việc Thực Tập Tâm Linh

ĐỂ GIẢI THOÁT CHÚNG TA khỏi khổ đau, chúng ta phải thấu hiểu những gì xảy ra trước khi khổ đau. Bởi vì không điều gì xuất hiện mà không có những nguyên nhân hay điều kiện. Tùy chúng ta nhận ra những nguyên nhân làm gia tăng hay giảm thiểu khổ đau. Đó là phần của việc phân tích tâm thức, một sự chuẩn bị cần thiết không thể bỏ qua để thực hành tâm linh.

Tâm thức là đối tượng của những áp lực do hoàn cảnh; nó dao động với chúng và tương tác với tác động của những cảm giác. Tiến trình vật chất và một tiêu chuẩn cao độ của đời sống cải thiện cho sự thoải mái và sức khỏe nhưng không hướng đến một sự chuyển hóa tâm thức, và tâm thức là điều duy nhất có thể cung ứng sự hòa bình bền lâu. Sự hạnh phúc thậm thâm vốn là bản chất tâm linh, không giống như cảm giác vui sướng khoái lạc. Nó tùy thuộc vào sự hạnh phúc của những người khác, và nó căn cứ trên từ ái và sự tế nhị. Chúng ta sẽ sai lầm khi nghĩ rằng hạnh phúc là nắm bắt tối đa được sự tiêu xài của người khác. Sự thiếu vắng lòng vị tha, là thứ làm cho gia đình bất hòa và rối rắm, những nguyên nhân của cô đơn. Chúng ta nên chú ý không phải quá nhiều quan tâm với thế giới ngoại tại, nhưng là việc nhận ra rằng chấp thủ và sở hữu tài sản vật chất là củng cố tính vị kỷ.

Chìa khóa cho hạnh phúc nằm trong sức mạnh của tâm thức, sự tĩnh lặng nội tại, và một phẩm chất như tính kiên định. Chúng ta có thể tiếp cận điều này bằng việc phát triển sự tế nhị và từ ái, là những thứ đáp ứng với tính bản nhiên thậm thâm của mỗi con người. Mỗi quan hệ mẹ - con, chắc chắn là một thí dụ hoàn hảo nhất của sự yêu thương không bình thường của việc thương mến người nào khác hơn chính ta. Tiếng đầu tiên mỗi chúng ta phát ra là "mama" "mẹ" hay "má", và đúng là trong nhiều ngôn ngữ chữ này chứa đựng âm "ma". Một đơn âm trong hầu hết mọi ngôn ngữ trên thế giới, ngoại trừ tiếng Nhật, mệnh danh cho tự ngã: "tôi" (hay "của tôi") biểu lộ sự dính mắc cực kỳ mà chúng ta có cho con người của chính chúng ta. Đó là một sự dính mắc mà chúng ta phải chiến đấu nhằm để truyền bá những phẩm chất của lòng vị tha.

Dĩ nhiên, chúng ta có thể trau dồi những phẩm chất nhân bản mà không cần có một tôn giáo. Nhưng như một quy tắc phổ thông, tôn giáo cho phép chúng ta tăng trưởng những phẩm chất này một cách hiệu quả hơn.

Vô Thường Và Nhân Duyên Hay Việc Thấy Thế Giới Như Nó Là

PHẬT GIÁO CUNG ỨNG một phương pháp cải thiện chúng ta trong khi quán chiếu bản chất của mọi thứ, không để chúng ta bị lừa dối bởi những hiện tượng. Những hiện tượng, biểu hiện đến những khả năng nhận thức của chúng ta, vốn không có thực tại cứu kính. Chúng ta hãy lấy thí dụ của một ngọn núi. Hôm nay nó dường như cũng giống như hôm qua. Được hình thành từ hàng nghìn năm trước, nó tượng trưng cho một sự tương tục trong thế giới hiện tượng. Mặc dù chúng ta có thể nhận thấy sự ổn định tương đối trong hiện tượng của nó ở trình độ thô, nhưng chúng ta cũng phải nhận biết rằng mỗi một phân tử của nó, ở trình độ rất vi tế, đang thay đổi từ thời khắc này đến thời khắc khác. Trong trình độ vô cùng nhỏ, sự thay đổi đồng hành cùng với tâm thức chúng ta bởi một hiện tượng của sự tương tục. Tuy thế, sự tương tục được nhận thức như vậy là vọng tưởng. Vì không có gì duy trì không thay đổi, và không có hai thời khắc liên tiếp nào là giống nhau.

Sau khi thẩm tra thí dụ của ngọn núi, chúng ta hãy lấy một bông hoa, mà bản chất mong manh và không bền của nó là rõ ràng. Bông hoa đang nở hôm nay đầu tiên là một hạt, sau đó là một mầm non. Những sự thay đổi của tình trạng này minh họa sự vô thường vi tế của mỗi thời khắc, nó là bản chất thật sự của bông hoa: nó cam chịu một sự tàn hoại nhanh chóng. Cho dù nó là một ngọn núi hay một bông hoa, chúng ta phải thấu hiểu nhuần nhuyễn rằng thời khắc một hiện tượng xuất hiện thì nó cũng mang theo trong nó nguyên nhân của sự kết thúc chính nó.

Sự vô thường của những hiện tượng tùy thuộc vào những nguyên nhân và điều kiện bên ngoài. Nói rằng tất cả mọi vật là nhân duyên hay liên hệ hỗ tương có nghĩa là chúng không có sự tồn tại cố hữu, vô tự tánh. Chính năng lực cho sự chuyển hóa hoạt động trong những hiện tượng là một dấu hiệu của tính hỗ tương nền tảng trong sự sống.

Chúng ta có thể xác định rằng thực thể "một bông hoa" như vậy là tồn tại trong tự chính nó không? Câu trả lời là không. Bông hoa chỉ là tập hợp của những đặc trưng - hình thể, màu sắc, mùi hương - nhưng không có "bông hoa" tồn tại một cách độc lập với những hiện tượng của nó.

Nhận thức của chúng ta về thời gian cũng dựa vào một sự hiểu biết sai lầm về thực tại. Quá khứ là gì trong thực tế? Quá khứ không phải là một thực tại; nó chỉ là một khái niệm. Tương lai tương ứng với những phóng chiếu, những sự tiên liệu cũng không bắt cứ thực tại nào. Quá khứ đã xảy ra; tương lai thì chưa hiện hữu. Những ý tưởng này ảnh hưởng chúng ta như những thực tế, mặc dù chúng không có thực

chất. Hiện tại là lẽ thật mà chúng ta đang trải nghiệm, bây giờ và ở đây, nhưng là một lẽ thật khó nắm bắt mà nó vốn không bền lâu. Chúng ta thấy chính chúng ta trong một hoàn cảnh ngược đời mà trong ấy hiện tại hình thành một biên giới, một sự giới hạn giữa quá khứ và tương lai không có bất cứ thực thể cụ thể nào. Hiện tại là một thời khắc khó nắm bắt giữa những gì không còn tồn tại nữa và những gì chưa xảy ra.

Những khái niệm này chúng ta xem như "thực tại" hoàn toàn là trí năng giả tạo vốn không liên hệ gì với một thực tại độc lập, tồn tại trong chính nó. Theo Đức Phật, những hiện tượng được nhận thức chỉ tồn tại theo quan điểm mệnh danh của chúng mà thôi - đó là, những tên gọi và khái niệm mà chúng ta gán ghép vào chúng. Chức năng của những hiện tượng không biểu lộ một thực thể chạm xúc được là của chúng một cách riêng biệt. Chúng ta có thể so sánh những hiện tượng với một ảo ảnh: chúng ta càng đến gần đến nó, chúng ta càng xa nó, cho đến khi nó biến mất. Đối diện tương tự với tâm thức, khi phân tích chúng, những hiện tượng tan dần.

Do thế, chúng ta nên phân biệt hai chân lý (nhị đế): chân lý tương đối (tục đế), quan tâm đến hiện tượng của những hiện tượng, bề nổi của chúng, biểu hiện của chúng, và sự chấm dứt của chúng; và chân lý tuyệt đối (chân đế), nhận ra sự vắng mặt của sự tồn tại cố hữu trong các hiện tượng. Bằng việc nói rằng những hiện tượng vắng mặt sự tồn tại cố hữu, chúng ta đang tuyên bố không phải sự không hiện hữu của chúng nhưng là sự liên hệ hỗ tương của chúng - nhân duyên sanh, sự vắng mặt thực tại cụ thể của chúng. Và tánh không của các hiện tượng tương ứng với thực tại của chính nó trong thế giới hiện tượng, vốn xa vời với việc là một cấu trúc tinh thần hay một khái niệm.

Đức Phật không phủ nhận mọi vật xuất hiện, nhưng đặt ở vị trí kết hợp của hiện tượng và tánh không. Vì vậy, bông hoa tồn tại: những hình sắc và đặc tính của nó được khắc sâu trong tâm thức chúng ta. Nhưng bản chất của nó là trống rỗng sự tồn tại cố hữu.

Chuyển Hóa Tâm Thức Chúng Ta Trên Con Đường Của Đức Phật

KHÔNG CHỈ LÀ MỘT quan điểm triết lý của thế giới, Đạo Phật trình bày một con đường chuyển hóa tâm thức, với mục tiêu của việc giải thoát chúng ta khỏi khổ đau và những nguyên nhân của nó. Chuyển hóa tâm thức liên hệ trước nhất với việc nghiên cứu để biết nó, sau đó nhận ra nó biểu hiện chức năng như thế nào để loại trừ ba độc tố tinh thần chính là si mê, tham lam, và thù hận. Cho nên thật lợi lạc để phân tích dòng suối tâm thức của chúng ta và những biến thể của nó. Việc thấu hiểu bản chất tối hậu của tâm thức là vô thủ và vô chung, và sự tương tục của

nó là khác biệt với sự hỗ trợ vật lý của thân thể thô phù, là nền tảng cho phép chúng ta nhận ra tính thuần khiết nguyên sơ của tâm thức.

Sự phân tích của Phật Giáo về thực tại nhất trí với những kết luận của vật lý lượng tử, theo đó các hạt của vật chất là thật trong khi vẫn trống rỗng sự cụ thể. Tương tự thế, trong Phật Giáo những hiện tượng tồn tại trong mối liên hệ hỗ tương là trống rỗng thực chất, hay không có sự tồn tại tự hữu, vô tự tánh. Mối liên hệ hỗ tương hay nhân duyên là một khái niệm phổ quát. Không một điều gì có thể xuất hiện mà không có những nhân duyên - nguyên nhân hay điều kiện. Quan hệ nhân quả, hay karma - nghiệp, là quy luật chi phối thế giới hiện tượng. Một thông lượng năng động của việc thay đổi hiện tượng xảy ra, thì tương ứng với những nguyên nhân và hệ quả. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta phải nghĩ là có một nguyên nhân gốc rễ, thường tại, không thay đổi giống như một nguyên tắc tổ chức. Trong một thế giới thay đổi liên tục, những sự đột biến là do những phẩm chất vốn có trong các hiện tượng.

Một khi chúng ta đã thiết lập những điều kiện cho sự xuất hiện của các yếu tố của thế giới hiện tượng, thì chúng ta có thể tiến hành một sự phân tích về cơ chế đã tạo nên những tình trạng mâu thuẫn của hạnh phúc và khổ đau trong tâm thức chúng ta.

Mỗi chúng sanh có một nguyện vọng căn bản để đạt được hạnh phúc và xa lánh khổ đau. Hạnh phúc và khổ đau mà chúng ta trải nghiệm liên kết với thế giới bên ngoài chúng ta như thế nào? Đối diện với thế giới bên ngoài, chúng ta có những phản ứng được biểu hiện trong hình thức của những cảm giác vốn sở hữu những đặc tính khác biệt. Sau đó chúng ta đánh giá những cảm giác này và nối kết kinh nghiệm của chúng với chính chúng ta như những người trải nghiệm.

Hạnh phúc và khổ đau không nhất thiết có một nguyên nhân cảm giác tức thời. Theo khoa học, những tiến trình điện hóa bên trong não bộ là nguồn gốc của tất cả những kinh nghiệm tinh thần của chúng ta. Nhưng chức năng sinh lý học không giải thích cho những kinh nghiệm của sự tỉnh giác vi tế. Phật Giáo không giới hạn ý thức với não bộ. Thiền định và thiền quán gây ra những tình trạng vi tế thâm thâm của tâm đó là chính chúng có năng lực để điều chỉnh những tiến trình sinh lý. Quả vậy, ý thức được nối kết với thân thể vật lý của chúng ta, nhưng không bị giới hạn với nó. Ý thức tiêu biểu một tính năng rõ ràng và trong sáng nhờ đó cho phép chúng ta nhận thức và hiểu biết các hiện tượng bằng sự lãnh hội trực tiếp.

Ý thức sản sinh những kinh nghiệm như các giấc mơ, mà ở đây chúng ta trải nghiệm hạnh phúc hay khổ đau, nhưng những cảm giác này không có đối tượng

thực tế như căn bản của chúng. Chúng ta phân biệt giữa ý thức lúc thức, ý thức trong mộng, và ý thức của giấc ngủ sâu vốn không lệ thuộc duy nhất vào những giác quan. Khi chúng ta lơ đãng, mắt thấy nhưng ý thức không ghi nhận hình ảnh. Ý thức thuần khiết là tính năng thuần khiết của nhận thức trong thể trạng bản chất không thêm bớt của nó.

Dĩ nhiên, ý thức phối hợp với thân thể, nhưng phẩm tính khác biệt với thân thể vật chất thô phù, vì những nguyên nhân và điều kiện duy trì nó có sự tự trị của chúng. Ý thức không bị gián đoạn, ngay cả khi chúng ta mệt lã, và nó vẫn còn trong những tình trạng của mộng và ngủ, ở đó sự nối kết với việc hỗ trợ của thân thể được thay đổi. Chúng ta có thể tiến rất xa để nói rằng sự hỗ trợ vật lý không cần thiết cho những kinh nghiệm khi ý thức được tách rời tự nó khỏi thân thể và thay đổi mà không được nối kết với thân thể. Nếu ý thức chỉ đơn thuần là thực thể vật chất, thế thì chỉ giống như có một sự tương tục sinh lý giữa cha mẹ và con cái, cho nên sẽ có những kinh nghiệm tương tự giữa họ ở trình độ ý thức. Rõ ràng, không phải là như vậy.

Nếu chúng ta phải nhận thức sự bắt đầu của hiện tượng ý thức, nó sẽ là trong hình thức của nguyên nhân đầu tiên, và có lẽ chúng ta có thể tranh luận rằng nó sinh khởi từ những sự chuyển hóa trong thế giới vô sinh. Như vậy thì không thể hài lòng trên trình độ luận lý, cho nên thích hợp hơn để suy xét một sự tương tục của ý thức. Mỗi thể hiện của ý thức phát khởi từ một thể hiện ý thức trước. Điều chúng ta gọi một người là một khái niệm được gán ghép với một dòng suối ý thức. Dòng suối này, giống như một người, không có bắt đầu và kết thúc. Nó là một vấn đề của một sự tương tục không bên tùy thuộc vào sự thay đổi của những nguyên nhân và điều kiện.

Hiện Thực Năng Lực Của Chúng Ta

SI MÊ CÓ THỂ ĐƯỢC định nghĩa như một kiểu nhận thức sai lầm đặt tin tưởng vào sự hiện hữu độc lập cứng nhắc của tự ngã và các hiện tượng. Một kiểu mẫu nhận thức như vậy tương ứng với chức năng tự nhiên của tâm thức, được tăng thêm sức mạnh bởi thói quen lâu đời. Việc phân tích cho chúng ta khám phá ra rằng mọi vật không có thực chất cũng không vững chắc. Nhận thức đưa đến kết quả từ sự phân tích cơ bản của mọi vật phải được trau dồi và được sử dụng như sự đối trị. Đó là vấn đề chúng ta phải chiến đấu với xu hướng ăn sâu đã hướng chúng ta tin tưởng vào thực tại của tự ngã và thế giới.

Đấu tranh với si mê cũng là đấu tranh với khổ đau. Si mê là nguồn gốc của những độc hại và chướng ngại tinh thần. Bằng việc phát triển lòng vị tha, từ ái, tế nhị, và

bi mẫn, chúng ta giảm thiểu thù oán, tham dục, và tự kiêu. Nhưng hình thức vi tế của chương ngại tinh thần tồn đọng có thể vượt thắng bằng một đối trị duy nhất, đó là việc thực chứng một sự vắng mặt hoàn toàn thực chất của hiện tượng và bản chất của tự ngã (pháp vô ngã và nhân vô ngã). Cho đến khi mà sự chấp trước và bám chặt vào tự ngã và hiện tượng vẫn còn dai dẳng, thì nguyên nhân của khổ đau không thể được loại bỏ. Để tiêu trừ khổ đau, chúng ta phải trau dồi những phẩm chất ổn định trong sự tương tục tinh thần, vốn chúng sẽ trở thành bản chất thứ hai. Những phẩm chất này được sinh ra từ những nhận thức đúng đắn về thực tại. Tuệ giác và sự tỉnh lặng bền lâu là kết quả từ điều này, vì chúng được nối kết với chính ý thức.

Sự trong sáng tự nhiên của tỉnh giác là sự đối trị với những thuốc độc tinh thần. Và những thuốc độc tinh thần tác động đến những chương ngại tinh thần căn cứ trên những màn che ngoại lai giả dối bề ngoài (khách trần phiền não). Và những màn che ngoại lai giả dối bề ngoài làm chương ngại sự tỉnh giác tự nhiên và làm khổ đau. Thế thì, chúng ta làm vắng mặt khổ đau như thế nào?

Tuệ giác là sự đối trị bảo đảm nhất có thể xua tan nền tảng si mê của chúng ta. Giáo huấn - những điều giảng dạy của Đức Phật - đem đến những tri thức hữu dụng cho việc loại bỏ những cảm xúc phiền não và những hình thức vi tế nhất của si mê. Giáo huấn dẫn chúng ta vượt qua khỏi khổ đau để chứng đạo Giác Ngộ. Đức Phật được gọi là Thế Tôn - trong tiếng Tây Tạng "Bậc đã tiêu diệt được bốn loài ma," đó là ma chết, ma thất niệm, ma tự kiêu và những chương ngại cảm xúc. Lời dạy của Đức Phật cho phép chúng chinh phục những nhân tố tinh thần vốn đã hành động như những chương ngại cho việc Giác Ngộ. và nó cho chúng ta lối vào niết bàn, một thể trạng vượt khỏi những chương ngại cảm xúc.



Thánh Thiên

Thánh Thiên nói với chúng ta: "Vào lúc khởi đầu, chúng ta phải từ bỏ tất cả những hành vi tiêu cực; ở lúc giữa, toàn bộ sự dính mắc vào cái "tôi", và vào lúc cuối, tất

cả những cực đoan, ý tưởng và khái niệm." Để thành tựu một sự thân chứng như vậy, chúng ta phải hợp nhất tuệ giác với thành tựu nội tại. Tri thức lý thuyết và sự tin tưởng trí năng chưa đủ. Chính chúng ta phải quán chiếu, học hỏi thực tế trong đời sống, nhằm để đánh giá giáo thuyết bằng phương tiện của kinh nghiệm cá nhân và sự phổ biến xác thật. Thiền tập là một tiến trình dần dần làm chúng ta thích nghi với một quan kiến mới.

Việc học hỏi sản sinh sự chắc chắn nào đó chỉ khi, qua sự thực hành vững vàng, chúng ta chuyển hóa tâm thức mình và làm chủ không gian nội tại của sự tỉnh giác. Trường hợp thường được trích dẫn về một học giả tận tụy học hỏi nhưng lại không trau dồi bất cứ sự thành tựu nội tại nào, và đã tái sanh như một con quỷ với cái đầu của một con lừa.

Để chiến thắng những điều kiện sẽ cho chúng ta thấu hiểu bản chất cùng tốt của sự vật - và lòng từ bi bao la kết quả từ sự thân chứng đó - chúng ta trước nhất sử dụng tâm thức cho việc suy nghĩ rời rạc, sau đó dần dần để sự tương tục của sự trong sáng tự nhiên xuất hiện trên bề mặt của tâm thức. Có nhiều phương pháp: Hệ Quả Du Già (Anuyoga), thí dụ thế, dựa vào hơi thở, những kinh mạch, và những yếu tố của thân vi tế để tuệ giác nguyên sơ sinh khởi; hệ thống Thời Luân hiện thực bản chất cùng tốt của tâm thức bằng việc hợp nhất diệu lạc và tánh không, và Atiyoga lãnh hội sự Giác Ngộ hiện diện một cách trực tiếp. Điểm trọng tâm của tất cả những phương pháp khác biệt này là hòa tan các tập hợp uẩn vào ánh sáng quang minh. Trong truyền thống của chúng tôi, chính là thân ánh sáng cầu vòng mà những đại hành giả biểu hiện khi họ viên tịch.

Vì thế, ở miền đông Tây Tạng, người ta nói rằng trước khi viên tịch một vị tu sĩ đã yêu cầu không ai chạm vào thân thể ngài trong một tuần và cửa phòng của ngài phải được đóng kín. Sau bảy ngày, khi họ đi vào trong phòng, thân thể của ngài đã hoàn toàn tan biến. Người ta chỉ thấy y áo của vị ấy, móng tay chân và tóc cũng biến mất. Vị tu sĩ này là một ẩn sĩ sống rất giản dị, không có bất cứ biểu hiện thân chứng nào hiện ra bên ngoài trong suốt cuộc đời ngài tận tụy cho việc quán chiếu. Ngài đã điều khiển, qua sự thực hành của ngài, để hiện thực sự tinh khiết nguyên sơ của tâm thức.

Tất cả chúng ta không cần phải có một sự thành tựu như vậy. Tốt hơn, trong sự thực tập hàng ngày của chúng ta, ở tại nhà, tiếp tục đời sống chuyên môn và gia đình trong khi vẫn học hỏi để trở thành tốt hơn ngày qua ngày và giữ vững một kiểu mẫu tích cực của đời sống cống hiến cho sự tốt lành của xã hội, theo những nguyên tắc của giáo huấn. Chúng ta nên chọn lựa những nghề nghiệp trong những lãnh vực của giáo dục, sức khỏe, và phục vụ xã hội. Chúng ta nên tránh việc từ bỏ

mọi thứ cho một đời tu hành cô độc. Mục tiêu là không tự tận tụy một cách đơn độc với sự thực hành tâm linh, để hướng đến một đời sống mất hút trong những dòng sông băng. Chúng ta nên tiến hành bằng những cấp độ, một cách vững chắc, chú ý để không có một quan điểm cực đoan, trong một tinh thần đều đặn và kiên trì.



Tông Khách Ba

Thực hành là thiết yếu, vì nó làm mới đời sống nội tại. Kỷ luật, quán chiếu, và tuệ giác là sự rèn luyện cho phép một sự chuyển hóa xác thật. "Nếu chúng ta không chuyển hóa chính mình, làm thế nào chúng ta giúp người khác chuyển hóa họ?" Tông Khách Ba, vị thánh nhân Tây Tạng đã hỏi như thế.

Tiến triển một cách không ngừng, chúng ta dần dần quen thuộc với sự chuyển hóa những nhận thức, cung cách suy nghĩ, và thái độ của chúng ta. Trong vấn đề mang đến một sự thay đổi hoàn toàn những thói quen tinh thần bằng việc làm giảm thiểu những cảm xúc trong một tiến trình từ từ của học tập, quán chiếu, và hành thiền - nói cách khác, việc làm cho quen thuộc. Đó là vấn đề chúng ta tinh luyện tâm thức và làm thuần khiết nó qua một sự tu tập vốn để hiện thực năng lực của nó. Chúng ta nghiên cứu để làm chủ dòng suối ý thức của chúng ta, để kiểm soát những chương ngại cảm xúc, mà không để chúng ta bị chúng khống chế. Đó là con đường hướng đến sự thân chứng tuyệt đối. Sự thực tập của chúng ta hợp thành một thể thống nhất tất cả những phương diện và tất cả những trình độ khác nhau trong giáo huấn của Đức Phật.

Đối diện với những chương ngại cảm xúc, chúng ta phải học hỏi để can trọng một cách liên tục. Khi một chương ngại cảm xúc hiện diện trong tâm thức chúng ta, thì chúng ta phải phản ứng giống như một tên trộm vừa đột nhập vào nhà chúng ta, và chúng ta nên nhanh chóng xua đuổi nó đi. Vì những sự thực chứng tâm linh của

chúng ta sắp bị kẻ trộm lấy mất. Nếu những độc tố tinh thần cuối cùng có thể được chuyển hóa thành tuệ giác, đó là bởi vì bản chất rốt cùng của nó được phú cho sự thuần khiết trong sáng nguyên sơ một cách tự nhiên.

Rèn Luyện Đời Sống Cảm Xúc Của Chúng Ta

TỰ NGÃ LÀ GỐC RỄ của những độc tố tinh thần. Tâm thức chúng ta chế tạo, phóng chiếu, và dính mắc những khái niệm với con người và sự vật. Sự định hình vị kỷ tăng cường những phẩm chất hay khuyết điểm mà chúng ta cho là do người khác. Từ điều này đưa đến một sự cứng cố tính riêng biệt giữa tôi và không phải tôi, của tôi và không phải của tôi. Mọi vật chúng ta nhận thức như riêng rẽ thật sự là liên hệ với nhau, nhưng cái "tôi" của chúng ta tách riêng chúng. Cho nên cho đến khi mà chúng ta vẫn còn trong sự si mê và chưa kinh nghiệm được sự vắng mặt của thực tại tự ngã, tâm thức chúng ta vẫn tin tưởng trong sự cứng nhắc của nó. Việc nhận ra sự vắng mặt của sự tồn tại cố hữu của tự ngã là một đối trị hiệu quả đối với sự định hình vị kỷ và nó là một điểm trọng tâm của giáo huấn trên con đường của Đức Phật.

Dưới tác động của sự hấp dẫn và tham dục, tâm thức trộn lẫn với và những sự dính mắc với đối tượng của sự tham dục. Tham dục cho sự sở hữu là rất mạnh mẽ; nó kết tinh sự dính mắc với tự ngã và đến những gì là "của tôi". Chúng ta cảm thấy sự ghét ghê đối với những gì tổn hại chúng ta, và sự ghê tởm này sẽ biến thành sự thù oán, rồi thành một tâm phiền não, những lời nói tai hại, bạo động. Những cảm xúc tiêu cực này là nguyên nhân của sức khỏe tệ hại. Những nghiên cứu y khoa cho thấy rằng những người, trong ngôn ngữ hàng ngày thường sử dụng những chữ "tôi", về "tôi", và "của tôi" hầu hết là đối tượng của những cơn bệnh kích thích hơn là những người khác. Rồi thì, tại gốc rễ của những cảm xúc tiêu cực, chúng ta thấy tự ngã và một sự tin tưởng về sự cứng nhắc của vật chất. Chúng ta phải cố gắng để xua tan sự tin tưởng này ở những trình độ vi tế hơn bao giờ hết.

Rèn luyện đời sống cảm xúc của chúng ta tiêu biểu cho một công việc của nhiều thập niên tu sửa những cảm giác tiêu cực vốn đã trở thành một tình trạng bình thường của tâm thức chúng ta. Nhưng vì chúng ta chưa bao giờ cố gắng để nghiên cứu chúng ta thật sự là ai. Việc cụ thể hóa tự ngã và những hiện tượng tạo ra một sự phân chia giữa chủ thể và đối tượng. Khi chúng ta xua tan sự tin tưởng trong thực tại của tự ngã và thế giới, thì chúng ta khám phá rằng tuệ giác tự nó không có bất cứ sự tồn tại cố hữu nào, nó vốn vô tự tánh. Rõ ràng, điều đó tương ứng với một giai tầng tiến bộ trên con đường tu tập của Phật Giáo.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kinh nghiệm những từ ngữ của Đức Phật, Ngài kêu gọi đệ tử ngài hãy thăm tra kinh điển như người thợ kim hoàn thử vàng. Trong những lời giảng dạy của ngài, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trao truyền những tinh hoa trong sự thực tập của ngài qua trái tim vô cùng phong phú của ngài. Đôi lúc ngài rơi lệ khi diễn tả về năng lực của tâm giác ngộ, vốn yêu thương người khác hơn chính mình, hay ngược lại là ngài bùng nổ những cơn cười khi đề cập về tánh ngây thơ và ngần ngừ của đời người. Những giọt nước mắt và nụ cười tự nhiên của ngài là những giáo huấn trong giáo huấn, nhắc nhở chúng ta về không gian hiện thân của tuệ giác.

Trong tâm gương sự rộng lượng vô hạn của Đức Đạt Lai Lạt Ma, chúng ta có cơ hội để đánh giá về con đường của đời sống chúng ta. Vì nó chính là những thông số trong mối liên hệ của chúng ta với thế giới mà vị đạo sư tâm linh đặt vấn đề thách thức. Thực tại là gì mà chúng ta phải chỉ định đến điều chúng ta xem như "thực tại"? Lý luận của sự phân tích khảo sát lột đi những lớp cấu trúc và giải tỏa cấu kết của người nói "tôi", "của tôi", vì vậy thích hợp với kinh nghiệm của sự tỉnh giác về thế giới có thể tri nhận được. Trong không gian của Descartes, dường như đột nhiên tự tin thật sự để thừa nhận, "tôi nghĩ cho nên có tôi."

Sự giảng dạy của những đạo sư Tây Tạng thử thách những sự chắc chắn như vậy: "Gương mặt của người hiện tại không phải là người," Lạt ma Yeshe viết thế.

Xương thịt của người không phải là người. Cũng không phải máu, cơ bắp, cũng không phải những phần khác của thân thể người là bản chất của người ... Thân thể thô phù vật lý của chúng ta không phải là thân thể duy nhất chúng ta sở hữu ... Trong những sự hạn chế của hình thể vật lý thông thường của chúng ta tồn tại những trình độ sâu xa của ý thức. Chính là từ những trình độ vi tế hơn này mà năng lượng tiềm tàng của tuệ giác diệu lạc sinh khởi, một năng lực có khả năng chuyển hóa phẩm chất của đời sống chúng ta một hoàn toàn ... [Nó] tiêu biểu cho bản chất của vấn đề chúng ta là ai và chúng ta có thể trở thành điều gì."

Qua sự hành thiền, tính chất thông thường được chiến thắng bằng năng lực của Giác Ngộ. Lối vào cho việc thâm nhập một trình độ của tỉnh giác nơi những hiện tượng không còn biểu hiện mà không có sự thực chứng về mối liên hệ hỗ tương của chúng, vì thế "chúng tôi" trở thành thật sự hơn là "tôi". Việc nhận ra rằng chúng ta không có nguyên nhân cho sự tồn tại của chúng ta bên trong chúng ta và rằng chúng ta lệ thuộc vào những người khác cho sự tồn tại của chúng ta là bước đầu tiên của thực tại đưa chúng ta đến việc thấu hiểu rằng mọi thứ là liên hệ với nhau và từ bi là tính bản nhiên chân thật của chúng ta.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thường so sánh các tôn giáo với y dược, bổ sung những sự điều trị khác nhau là cần thiết để cứu chữa những bệnh tật khác nhau. Nhưng tất cả những tôn giáo là giống nhau vì đều kê toa thuốc vị tha. Tại sao? Bởi vì lòng từ ái tiêu biểu cho sức khỏe nền tảng tương ứng với bản chất thật sự của thực tại. Những thái độ vị kỷ, tổn hại tự thân và người khác, chống lại lẽ thật của sự sống và con người. Chúng phát khởi từ si mê và đưa đến những sự lệch lạc tinh thần cần được chữa trị. Tuệ giác, nhận thức thực tại như nó là, tượng trưng cho phương thuốc siêu việt của lòng vị tha. Với lý do này mà Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể thừa nhận: "Tôi gọi từ ái và bi mẫn là tôn giáo phổ thông. Đây là tôn giáo của tôi."

Bây giờ chúng ta có thể thấu hiểu rằng bằng việc trình bày tự thân ngài như một con người, Đức Đạt Lai Lạt Ma muốn nói rằng ngài đã thực hiện một tiến trình chuyển hóa nội tại vốn đã cho phép ngài nhận ra thực tế đòi hỏi của sự sống và trải nghiệm sự thánh thiện căn bản của nó. Nhưng theo quy luật hỗ tương phối hợp với nguyên tắc nhân duyên, chúng ta là một bộ phận của thế giới cũng như thế giới là một bộ phận của chúng ta.

Bất cứ người nào đã chuyển hóa tự thân thì cũng chuyển hóa thế giới.

4- Chuyển hóa thể giới

TÔI KÊU GỌI MỘT CUỘC CÁCH MẠNG TÂM LINH

Chúng Ta Có Thể Sống Không Cần Tôn Giáo, Nhưng Không Thể Không Có Tâm Linh

NHƯ MỘT TU SĨ Tây Tạng, tôi được giáo dục để tôn kính những nguyên tắc của Phật Giáo. Toàn bộ cung cách suy nghĩ của tôi được hình thành bởi sự kiện tôi là một là một đệ tử của Đức Phật, nhưng tôi muốn vượt qua khỏi những ranh giới tín ngưỡng của tôi để làm sáng tỏ những nguyên tắc phổ thông nào đó, với mục tiêu giúp đỡ người khác tìm hạnh phúc.

Dường như là quan trọng đối với tôi để phân biệt giữa tôn giáo và tâm linh. Tôn giáo bao hàm một hệ thống những niềm tin căn cứ trên nền tảng siêu hình, cùng với những giảng dạy về giáo lý, nghi lễ, hay cầu nguyện. Tuy nhiên, tâm linh, tương ứng với sự phát triển những phẩm chất nhân bản chẳng hạn như từ ái, bi mẫn, kiên nhẫn, bao dung, tha thứ, hay một ý nghĩa của trách nhiệm. Những phẩm chất nội tại này, là nguồn gốc của hạnh phúc cho tự thân và những người khác, là độc lập với bất cứ tôn giáo nào. Đó là tại sao, thỉnh thoảng tôi đã tuyên bố rằng chúng ta có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể không có tâm linh. Và một động cơ vị tha là một yếu tố tổng hợp những phẩm chất mà tôi định nghĩa như tâm linh.

Cách Mạng Tâm Linh Và Cách Mạng Đạo Đức

TÂM LINH, TRONG QUAN ĐIỂM của tôi, bao hàm sự chuyển hóa tâm thức. Cách tốt nhất để chuyển hóa nó là làm quen thuộc với sự suy nghĩ trong một cung cách vị tha hơn. Thế nên đạo đức là căn bản cho một tâm linh thế tục cho tất cả mọi người, ta không bị giới hạn trong một nhóm những người tin tưởng trong một tôn giáo này hay tôn giáo kia.

Cuộc cách mạng tâm linh mà tôi chủ trương không phải là một cuộc cách mạng tôn giáo. Nó tương ứng với một sự định hướng lại thái độ đạo đức của chúng ta, vì nó là một vấn đề của việc học hỏi để đem những nguyện vọng của người khác vào sự quan tâm của chúng ta tới đa cũng như của chính chúng ta.

Cuộc cách mạng tâm linh mà tôi chủ trương không tùy thuộc vào những điều kiện bên ngoài nối kết với tiến trình vật chất hay kỹ thuật. Nó sinh ra bên trong, và được

động viên bởi một khát vọng thâm sâu là để chuyển hóa tự thân nhằm để trở thành một con người tốt đẹp hơn.

Người ta có thể phản đối rằng một cuộc cách mạng tâm linh không thể giải quyết những vấn nạn của thế giới đương thời. Họ có thể thêm rằng, trên trình độ xã hội, bạo động, say sưa, ma túy, hay sự mất mát những giá trị gia đình nên được đối phó với căn bản của chính họ qua những lượng định đặc thù. Nhưng chúng ta biết rằng từ ái hơn và bi mẫn hơn sẽ giới hạn sự mở rộng và tính nghiêm trọng của những vấn nạn này. Không phải tốt hơn để tiếp cận chúng và xử sự với chúng như những vấn nạn của một trật tự tâm linh hay sao?

Tôi không cho rằng những vấn nạn như vậy sẽ biến mất ngay lập tức, nhưng tôi thật sự nói rằng bằng việc giảm thiểu chúng đối với lãnh vực xã hội và bằng việc thờ ơ không gian tâm linh của chúng, thì chúng ta không đang cho chúng ta phương tiện để giải quyết chúng trong một cung cách lâu dài. Tâm linh, khi chúng ta thấu hiểu như sự phát triển những giá trị nhân bản nền tảng thì chúng ta có mọi cơ hội để cải thiện cuộc sống của những cộng đồng chúng ta.

Sự Bệnh Hoạn Của Tính Hai Mặt

THẬT QUAN TRỌNG ĐỂ tỉnh giác với sự liên hệ hỗ tương bằng việc nhận ra rằng một hiện tượng xảy ra do bởi nhiều nguyên nhân và điều kiện phức tạp. Giảm thiểu thành một nhân tố đơn độc sẽ đưa đến một sự phân liệt thực tại. Việc nhận thấy sự liên hệ hỗ tương cuối cùng đưa đến một sự ít bạo động hơn. Hơn thế nữa vì khi chúng ta đặt mình vào một phạm vi rộng rãi hơn, chúng ta trở nên ít bị tổn thương hơn với những hoàn cảnh ngoại tại và có được một sự phán xét lành mạnh hơn. Bất bạo động không giới hạn trong một sự vắng mặt bạo lực, vì nó là vấn đề của một thái độ năng động, được động viên bởi mong ước mang lại sự tốt lành cho người khác. Nó tương đương với lòng vị tha.

Lòng yêu thương vị tha thường bị hiểu sai. Nó không là vấn đề của việc quên lãng chính mình vì lợi ích của người khác. Trong thực tế, khi quý vị làm lợi ích cho người khác, quý vị làm lợi ích cho chính mình do bởi nguyên tắc liên hệ nhân duyên hỗ tương. Tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng tâm hồn quý vị và đem nỗi khổ đau của người khác vào trong chính mình. Lòng vị tha thay đổi tính khí của chúng ta, tính tiểu tâm của chúng ta, những nhận thức của chúng ta và cho phép chúng ta phát triển một sự thanh thản hơn, một tính khí bình lặng hơn. Ngược lại với lòng vị tha làm chúng ta dễ bị tổn thương với những hoàn cảnh ngoại tại hơn.

Chủ nghĩa vị kỷ chống lại tự nhiên, vì nó phớt lờ sự liên hệ nhân duyên hổ tương. Nó là một thái độ đóng lại tất cả những cánh cửa, trái lại lòng vị tha phát triển một tầm nhìn sâu sắc. Chúng ta nên phát triển cảm giác thuộc về một gia đình nhân loại rộng lớn. Những nguyên nhân và điều kiện của tương lai chúng ta một cách rộng rãi nằm trong tay của chúng ta.

Việc Không Để Ý Mối Liên Hệ Nhân Duyên Hổ Tương Của Những Người Phương Tây

MỘT CÁCH TỔNG QUÁT, tôi rất ấn tượng với xã hội phương Tây; tôi đặc biệt ngưỡng mộ năng lượng của nó, sự sáng tạo của nó, và lòng khao khát tri thức của nó. Tuy thế, một số yếu tố nào đó trong cung cách sống của phương Tây dường như đáng lo ngại đối với tôi. Tôi đã chú ý, thí dụ, người ta đã sẵn sàng nghĩ về mọi thứ như hoàn toàn trắng hay hoàn toàn đen, như hoặc là thế này hay thế kia, quên lãng thực tại của mối liên hệ nhân duyên hổ tương và tương đối. Họ có khuynh hướng đánh mất tầm nhìn của những vùng xám bất định giữa những ý kiến.

Một điều nữa trong sự quán sát của tôi là có nhiều người ở phương Tây sống một cách rất thoải mái trong những thành phố lớn, trong khi vẫn duy trì sự cô lập với đại đa số nhân loại. Thật đáng ngạc nhiên rằng với một sự nhàn hạ vật chất như vậy và với hàng nghìn anh chị em hàng xóm, một số lớn con người như vậy lại chỉ có thể biểu lộ tình cảm thật sự với những con chó và con mèo của họ. Trong nhãn quan của tôi, điều đó chứng tỏ một sự thiếu vắng những giá trị tâm linh. Một phần của vấn nạn có thể là sự ganh đua căng thẳng - một nguồn gốc của sợ hãi và bất an sâu sắc - liên hệ với đời sống trong những xứ sở như vậy.

*

TÔI KHÔNG TIN VÀO NHỮNG HỆ TƯ TƯỞNG

Nhân Loại Là Một

CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI đã đến một điểm nghiêm trọng trong lịch sử của nó. Thế giới ngày nay buộc chúng ta phải chấp nhận nhân loại là một. Trong quá khứ, những cộng đồng khác nhau có thể cho phép họ nghĩ rằng họ là riêng biệt. Nhưng ngày nay, như những sự kiện bi thảm gần đây ở Hoa Kỳ đã cho thấy, những gì xảy ra trong một nước ảnh hưởng đến nhiều xứ khác. Thế giới đang trở thành càng ngày càng liên hệ hỗ tương hơn. Trong phạm vi của mỗi liên hệ hỗ tương mới này, việc quan tâm chính mình đòi hỏi lưu ý đến những quan tâm của người khác. Không có sự thấu hiểu và thúc đẩy ý nghĩa trách nhiệm toàn cầu của chúng ta, thì tương lai của chúng ta tự nó bị đe dọa. Tôi tin tưởng một cách vững chắc rằng chúng ta phải trau dồi một cảm nhận lớn hơn về trách nhiệm toàn cầu. Chúng ta phải nghiên cứu để hành động không phải cho chính chúng ta, gia đình chúng ta, hay quốc gia của chúng ta, nhưng vì sự tốt lành của nhân loại. Trách nhiệm toàn cầu là căn bản khả dĩ nhất để bảo đảm cho hạnh phúc cá nhân và hòa bình thế giới. Nó hàm ý rằng tất cả mọi người được tiếp cận bình đẳng những nguồn tài nguyên thiên nhiên, bằng việc bảo vệ môi trường cho những thế hệ tương lai. Nhiều vấn nạn trên thế giới phát sinh vì chúng ta đã đánh mất nhãn quan nhân loại căn bản vốn đã thống nhất tất cả những thành viên của gia đình loài người. Chúng ta có khuynh hướng quên lãng rằng mặc dù có sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ, và tư tưởng, nhưng tất cả có một quyền bình đẳng và căn bản với hòa bình và hạnh phúc. Mỗi chúng ta muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Tuy thế, mặc dù một cách lý thuyết, chúng ta ca ngợi sự đa nguyên, bất hạnh thay chúng ta thường thất bại trong việc đem nó vào thực hành. Trong thực tế, bất lực trong việc nắm lấy tính đa dạng của chúng ta đã trở thành một nguồn gốc quan trọng cho xung đột giữa những dân tộc.

Liên Hệ Nhân Duyên Hỗ Tương Là Quy Luật Của Tự Nhiên

LIÊN HỆ HỖ TƯƠNG là một quy luật nền tảng của tự nhiên. Nó liên quan nhiều hơn chỉ là hình thức tiến hóa hơn của cuộc sống, vì ngay cả những côn trùng bé nhỏ cũng là những chúng sanh xã hội đã tồn tại, căn cứ trên việc nhận thức bẩm sinh về sự tương quan của chúng, cho dù côn trùng vốn không có một chút tôn giáo, luật lệ hay giáo dục nào, cảm ơn sự hợp tác hỗ tương. Vô số hình thức của sự sống cũng như những trình độ vi tế nhất của những hiện tượng vật chất bị chi phối bởi tính liên hệ nhân duyên hỗ tương. Tất cả những hiện tượng trên hành tinh mà

chúng ta đang sống, từ những đại dương đến những đám mây, những khu rừng, và những bông hoa chung quanh chúng ta, vốn tồn tại trong sự lệ thuộc phù hợp với những hình thức vi tế của năng lượng. Không có sự tương tác thích đáng, chúng sẽ tàn hoại và biến mất.

Một Cảm Nhận Trách Nhiệm Được Sinh Khởi Từ Lòng Từ Bi

Ở TÂY TẠNG CHÚNG TÔI nói rằng nhiều bệnh tật có thể được chữa trị duy nhất bằng phương thuốc của từ ái và bi mẫn. Những phẩm chất này là nguồn gốc tốt cùng của hạnh phúc, và chúng ta cần chúng trong chiều sâu thẳm nhất của con người.

Bất hạnh thay, từ ái và bi mẫn vốn đã bị khai trừ khỏi rất nhiều lãnh vực của sự tương tác xã hội, từ lâu lắm rồi. Bị giam hãm trong môi trường riêng tư gia đình, cho nên những biểu lộ công cộng của chúng được xem là ngượng ngùng hay ngay cả ngây thơ. Đây là một bi kịch, vì trong ý kiến của tôi sự biểu lộ của từ bi, hoàn toàn không là một dấu hiệu của chủ nghĩa lý tưởng xa rời thực tế, nhưng là cách hiệu quả nhất để phục vụ những sự quan tâm của người khác cũng như của chính chúng ta.

Một tâm thức dâng hiến cho từ bi, giống như một hồ chứa đầy tràn: nó là một cội nguồn liên tục của năng lượng, quyết tâm, và thánh thiện. Chúng ta có thể so sánh từ bi như một hạt giống. Nếu chúng ta nuôi dưỡng nó, nó sẽ làm thành một sự nở nở những phẩm chất tuyệt vời khác một cách phong phú, chẳng hạn như tha thứ, bao dung, sức mạnh nội tại, và tự tin, cho phép chúng ta chinh phục sợ hãi và băn khoăn. Tâm từ ái bi mẫn giống như linh đan diệu dược: nó có sức mạnh đảo ngược những nghịch cảnh thành những hoàn cảnh thuận lợi. Do thế, chúng ta không nên giới hạn biểu lộ của chúng ta về từ ái và bi mẫn chỉ cho gia đình và bạn bè chúng ta. Từ bi cũng không là trách nhiệm đơn thuần của những giáo sĩ, nhân viên bảo vệ sức khỏe và xã hội. Nó nhất thiết phải quan tâm đến tất cả mọi lãnh vực của cộng đồng nhân loại.

Khi một xung đột phát sinh từ lãnh vực chính trị, thương mại, hay tôn giáo, sự tiếp cận vị tha thường là giải pháp khả dĩ duy nhất. Đôi khi những sự tranh luận được sử dụng như phương tiện của hòa giải thì tự chính nó là nguyên nhân của rắc rối. Trong một trường hợp như thế, khi một giải pháp dường như không thể, cả hai phía nên nhớ nền tảng nhân bản tự nhiên mà thông thường họ có. Như thế sẽ giúp họ tìm ra một lối thoát cho ngõ cụt, và về lâu về dài mọi người có thể đạt đến mục tiêu của họ một cách dễ dàng. Rất có thể là không ai sẽ hoàn toàn hài lòng, nhưng nếu cả hai phía đều nhượng bộ, tối thiểu hiểm họa của xung đột sẽ được xoa dịu.

Tất cả chúng ta đều biết rằng những sự hứa hẹn như thế là cách tốt nhất để giải quyết những vấn nạn. Vậy thì tại sao chúng ta không sử dụng chúng thường xuyên hơn?

Khi quán chiếu về sự thiếu vắng hợp tác trong xã hội, tôi tự nói với mình rằng đó là qua sự si mê hay không biết bản chất liên hệ hỗ tương của chúng ta. Tôi thường xúc động bởi những côn trùng nhỏ như những con ong. Những quy luật tự nhiên ra lệnh chúng làm việc với nhau để tồn tại, vì chúng được phú cho một cảm nhận bẩm sinh về trách nhiệm xã hội. Chúng không có hiến pháp, luật lệ, cảnh sát, tôn giáo, hay giáo dục đạo đức, nhưng chúng làm việc một cách trung thành với nhau do bởi bản chất của chúng. Có những lúc chúng có thể phải chiến đấu, nhưng trong tổng quát toàn bộ bày đàn tồn tại, cảm ơn sự hợp tác. Con người có hiến pháp, những hệ thống hợp pháp phức tạp và lực lượng cảnh sát, tôn giáo, sự thông minh phi thường, và những trái tim được phú cho năng lực của yêu thương. Nhưng mặc cho những phẩm chất ngoại hạng như vậy, trong sự thực tập thật sự chúng ta tụt hậu xa những con côn trùng nhỏ nhất. Trong những cách nào đó, tôi cảm thấy rằng chúng ta tệ hơn những con ong.

Mặc dù chúng ta là những động vật xã hội, buộc phải sống với nhau, nhưng chúng ta thiếu một cảm nhận trách nhiệm đối với những đồng loại con người của chúng ta. Có phải sự sai sót vốn ở trong cấu trúc căn bản của gia đình và xã hội? Tôi không nghĩ như thế.

Tôi nghĩ rằng mặc cho những sự tiến bộ nhanh chóng mà nền văn minh đã thực hiện trong thế kỷ qua, nhưng nguyên nhân trước mắt của tình trạng hiện tại là việc dành đặc quyền cho tiến trình vật chất trên tất cả những thứ khác. Chúng ta đã buông mình một cách thật điên cuồng vào mục tiêu của nó mà chúng ta đã quên lãng việc chú ý và những nhu cầu thiết yếu của yêu thương, ân cần, hợp tác, và chăm sóc. Thật rõ ràng đối với tôi là một cảm nhận xác thật về trách nhiệm chỉ có thể thúc đẩy nếu khi chúng ta phát triển từ bi. Chỉ một cảm giác tự nhiên của thấu cảm đối với người khác mới có thể động viên chúng ta hành động nhân danh họ.

Chiến Tranh Là Một Việc Lỗi Thời

CHIẾN TRANH, hay bất cứ hình thức nào của việc tổ chức chiến đấu, được phát triển cùng với nền văn minh và dường như là một bộ phận của lịch sử và tính khí con người.

Tuy nhiên, thế giới đang thay đổi, và chúng ta phải hiểu rằng chúng ta không thể giải quyết những vấn nạn của loài người với vũ khí. Những sự tranh chấp vốn kết quả từ những sự khác biệt ý kiến phải nên được dàn xếp dần dần qua đối thoại.

Rõ ràng, những cuộc chiến tranh sản sinh ra những kẻ chinh phục và người bị chinh phục, nhưng chỉ tạm thời. Những sự chiến thắng hay chiến bại hệ quả từ những cuộc chiến tranh không thể tồn tại lâu. Hơn thế nữa, thế giới chúng ta đã trở thành quá liên hệ hỗ tương với nhau mà sự chiến bại của một xứ sở có những tiếng vang khắp thế giới còn lại và đưa một cách trực tiếp hay gián tiếp nỗi khổ hay mất mát cho mỗi chúng ta.

Ngày nay, trong một thế giới liên hệ hỗ tương như vậy, khái niệm về chiến tranh dường như lỗi thời, phát xuất từ những thái độ cổ lỗ sĩ của chúng ta. Chúng ta luôn luôn nói về sự đổi mới và thay đổi. Nhiều truyền thống từ quá khứ không còn thích hợp với hiện tại và ngay cả là chương ngại ẩn tàng và vì vậy đã bị bỏ vào thùng rác của lịch sử. Chiến tranh cũng nên được ký gửi cho thùng rác của lịch sử.

Bất hạnh thay, mặc dù chúng ta đã đi vào thế kỷ 21, nhưng chúng ta chưa thực hiện sự cắt đứt rõ ràng với những thói quen quá khứ: tôi ám chỉ đến sự tin tưởng rằng chúng ta có thể giải quyết những vấn nạn với vũ khí. Chính là do bởi ý tưởng này mà thế giới tiếp tục trải nghiệm tất cả những loại khó khăn. Nhưng chúng ta nên làm gì? Điều gì nên được hoàn tất khi mà những cường quốc quan trọng trên thế giới đã có những quyết định của họ rồi? Chúng ta có thể mong cầu cho một sự chấm dứt dần dần đối với truyền thống chiến tranh.

Đương nhiên, chúng ta không thể chấm dứt truyền thống quân sự một cách dễ dàng. Nhưng hãy nghĩ về điều ấy. Nếu có một sự chém giết, người có quyền hay những lãnh tụ sẽ có những nơi trú ẩn an toàn; họ sẽ trốn khỏi những hậu quả đau đớn bằng việc tìm ra những nơi ẩn náu. Nhưng điều gì sẽ xảy ra cho những người nghèo, con nít, người già, người bệnh? Họ là những kẻ sẽ phải chịu đựng sự xung đột.

Khi vũ khí nói chuyện, chúng sẽ tạo ra sự chết chóc và tàn phá mà không phân biệt giữa kẻ vô tội và người tội lỗi. Những hỏa tiễn được kẻ thù phóng đi không tôn trọng người vô tội, người nghèo, người không có khí giới - chính những người xứng đáng với lòng từ bi. Như một kết quả, những người mất mát thật sự là những người có đời sống giản dị.

Điểm tích cực duy nhất: những tổ chức từ thiện mang thuốc men và vật dụng cứu trợ nhân đạo và len lỏi trong những vùng bị tan nát bởi những cuộc xung đột. Việc

phát triển những tổ chức này là một chiến thắng của trái tim trong kỷ nguyên hiện đại.

Hãy hy vọng và cầu nguyện để hoàn toàn không có chiến tranh, nếu có thể. Nếu một cuộc chiến tranh bùng nổ, chúng ta hãy cầu nguyện để có thể chỉ có sự chém giết và khổ đau tối thiểu. Tôi không biết sự cầu nguyện của chúng ta sẽ có đem đến bất cứ sự trợ giúp nào không, trong hình thức cụ thể, nhưng đó là tất cả mà chúng ta có thể làm lúc này.

Tuyên bố này được thực hiện ở Dharamsala ngày 11 tháng Ba năm 2003, khi hiểm họa của cuộc chiến ở Iraq đang lộ dạng. Sáu tháng sau, tháng 10 năm 2003, trong khi đang giảng dạy ở Paris, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói rằng, trong những sự buộc tội chống lại lãnh tụ Iraq, Saddam Hussein, không đề cập nào được thực hiện về sự kiện rằng những vũ khí của nhà độc tài đã được làm với việc sử dụng những kỹ thuật phương Tây. Ngài chỉ ra rằng sự tham lam của những kẻ buôn bán vũ khí nên được lên án cùng với kẻ bạo chúa khát máu.

Tháng Giêng 2009 ở Sarnath, Đức Đạt Lai Lạt Ma nhắc lại thí dụ này nhằm để làm sáng tỏ sự lệ thuộc hổ tương và nhu cầu của mỗi con người nên nhận thấy trách nhiệm toàn cầu mà tất cả chúng ta chia sẻ và việc nhận ra rằng một hành vi nhỏ nhất cũng ảnh hưởng đến thế giới.

Mỗi Người Phải Gánh Vác Sự Chia Sẻ Trách Nhiệm Toàn Cầu

TÔI KHÔNG TIN TRONG việc tạo ra các phong trào quần chúng hay trong những hệ tư tưởng. Và tôi cũng không đánh giá cao kiểu tạo ra một tổ chức nhằm để thúc đẩy một ý tưởng này hay nọ, là điều hàm ý rằng một nhóm nhỏ chịu trách nhiệm đơn thuần trong việc đưa ra một chương trình nào đó, với việc loại trừ những người khác. Trong những hoàn cảnh hiện tại, không người nào nên cho rằng người khác nào đó sẽ giải quyết vấn đề của ta. Mọi người phải đảm đương sự chia sẻ của chính mình trong trách nhiệm toàn cầu. Cách này, như con số được quan tâm, những cá nhân chịu trách nhiệm sẽ gia tăng - những chục người đầu tiên, rồi hàng trăm, hàng nghìn và ngay cả hàng trăm nghìn - không khí phổ quát sẽ được cải thiện.

Đức Đạt Lai Lạt Ma không tán thành những hệ tư tưởng nào vốn làm con người xa rời với sự nhận thấy cần thiết gánh vác tính nhân bản tròn vẹn của họ. Vị thế mới nhất của Đức Đạt Lai Lạt Ma cốt đặt trọng tâm việc giải quyết những rắc rối về con người và đạo đức

Từ bi là lẽ thật của con người, và nó hình thành bằng việc phát triển thái độ vị tha trên trình độ cá nhân. Trên trình độ toàn cầu, từ bi hướng đến việc phát triển trách nhiệm toàn cầu. Trong thời kỳ toàn cầu hóa lịch sử và văn minh, tất cả chúng ta gánh vác sự chia sẻ của chúng ta về trách nhiệm toàn cầu dù cho chúng ta sống ở nơi nào đi nữa. Mỗi hành động cá nhân có ảnh hưởng rộng khắp. Lãnh vực hành động của mỗi người đã trở thành toàn cầu, với sự tự do cá nhân kết hợp những nhiệm vụ lẫn quyền lợi.

Như một kết quả sự lệ thuộc hỗ tương của chúng ta, việc làm kiệt quệ một quốc gia, một dân tộc, hay một nền văn hóa tước đi của nhân loại sự đa dạng phong phú của nó, một sự chia sẻ không thể thay thế. Việc tấn công vào những quyền căn bản của một người trở thành một sự tấn công vào phẩm cách của tất cả.

Điều gì hơn thế nữa, theo Đức Đạt Lai Lạt Ma, việc nhận biết trách nhiệm toàn cầu nên mở rộng đến thế giới khoa học. Vì chân giá trị của con người bị coi thường không chỉ bởi sự áp chế của cảnh sát và sự chuyên chế của chính quyền hay bởi sự xung đột quân sự. Đạo đức trung thực trong nhiều thập niên đã phải đối diện với một sự thử thách mới trở thành cấp thiết hơn khi khoa học và kỹ thuật tiếp tục hiện thực những tiến bộ mới. Những kỷ luật hà khắc này bây giờ có sức mạnh để vận dụng các mã di truyền thật sự trong đời sống.

Để cho phép khoa học gánh vác trách nhiệm trong việc phục vụ con người, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tham gia vào những cuộc đối thoại với những học giả nổi tiếng trên thế giới. Trên căn bản của Phật Giáo, được thấu hiểu như một môn khoa học về tâm thức, ngài đã nhấn mạnh những sự hội tụ giữa truyền thống quán chiếu của chính ngài và khoa học thần kinh hiện đại. Như một kết quả của sự đối thoại này, một định nghĩa về những nguyên tắc đạo đức có thể áp dụng được cho thế giới khoa học đã được nổi lên cùng với những triển vọng nghiên cứu sáng tạo.

*

SỰ ĐỐI THOẠI CỦA TÔI VỚI NHỮNG NHÀ KHOA HỌC

Tại Sao Một Tu Sĩ Phật Giáo Lại Quan Tâm Đến Khoa Học?

TRONG NHỮNG THẬP NIÊN gần đây, chúng ta đã chứng kiến những sự tiến bộ phi thường trong sự thấu hiểu của khoa học về não bộ và thân thể con người, và cùng với những sự phát triển mới về di truyền học, sự khảo sát về chức năng của sinh vật sống bây giờ đã đạt đến một trình độ rất vi tế về gien cá nhân. Những khả năng không tưởng đến trước đây cho việc vận dụng chính những mã của con người đã có kết quả từ việc này. Một hình thể mới toàn bộ về thực tại bây giờ đang hiện lên cho con người.

Ngày nay câu hỏi về sự tương tác giữa khoa học và con người không còn chỉ là một vấn đề có tính chất học thuật nữa nhưng phải có một ý nghĩa cấp bách cho tất cả những ai quan tâm đến vận mạng của loài người. Cho nên, dường như đối với tôi thì một cuộc đối thoại giữa khoa thần kinh học và xã hội có thể giúp để làm sâu sắc hơn sự thấu hiểu căn bản của chúng ta về điều gì có nghĩa là con người bằng việc xác định rõ đặc điểm những trách nhiệm đối với tự nhiên mà chúng ta chia sẻ với những chúng sanh khác. Tôi vui mừng đề cập rằng, như một bộ phận của sự tương tác rộng rãi hơn này, một số nhà thần kinh học đang cho thấy ngày càng thích thú hơn trong việc tham gia vào những cuộc đàm luận sâu sắc hơn với những nguyên tắc quán chiếu của Đạo Phật.

Tôi đã bắt đầu tiếp cận đến khoa học với sự tò mò của một cậu bé không thể thỏa mãn vốn lớn lên ở Tây Tạng. Sau đó tôi dần dần nhận biết về tầm quan trọng to lớn của khoa học và kỹ thuật trong sự thấu hiểu thế giới đương thời. Không phải tôi chỉ cố gắng để hiểu những khái niệm khoa học, nhưng tôi cũng muốn khám phá quan hệ mật thiết rộng rãi hơn của những tiến bộ gần đây trong khoa học về lãnh vực tri thức con người và năng lực kỹ thuật. Những thế giới đặc thù của khoa học mà tôi đã khám phá trải qua bao năm là vật lý hạ nguyên tử, vũ trụ học, sinh học, và tâm lý học. Sự hiểu biết giới hạn mà tôi có được trong những môn này, tôi nhờ và hàm ơn Carl von Weizsacker[1] và David Bohm[2] đã rộng rãi chia sẻ với tôi. Tôi biết ơn họ một cách sâu sắc, và tôi xem họ như giáo sư của tôi về cơ học lượng tử. Về sinh học và thần kinh học, vị thầy của tôi là Robert Livingstone[3] và Francisco Varela[4], cả hai đều đã qua đời. Tôi cũng hàm ơn rất nhiều đến nhiều vị học giả ưu việt mà với các vị ấy tôi đã có đặc ân đàm luận dưới sự bảo trợ của một học viện khởi đầu những hội nghị "Tâm Thức và Đời Sống" tại nơi cư trú của tôi ở

Dharamsala, Ấn Độ, năm 1987. Những cuộc đàm luận này tiếp tục theo thời gian, và chúng tôi đã kết thúc lần cuối cùng ở thủ đô Hoa Sinh Tân, Hoa Kỳ, vào tuần này.



Francisco Varela - David Bohm - Carl von Weizsacker và Đức Đạt Lai Lạt Ma

Tôi hiểu rằng nhiều người trong quý vị tự hỏi, "Tại sao một tu sĩ Phật Giáo lại quá thích thú với khoa học? Có sự liên kết gì ở đây giữa khoa học và Phật Giáo, một truyền thống triết học cổ xưa của Ấn Độ và tâm linh? Lợi ích gì có thể để cho một môn như thần kinh học có được bằng việc dẫn thân trong một cuộc đàm luận với truyền thống quán chiếu của Phật Giáo?"

Mặc dù truyền thống của chúng tôi và khoa học đương đại đã tiến hóa từ những nguồn gốc lịch sử, trí tuệ, và văn hóa khác nhau nhưng tôi tin tưởng rằng từ chiều sâu, chúng chia sẻ một quan điểm triết học và phương pháp học giống nhau. Ở trình độ triết học, Phật Giáo và khoa học hiện đại đều nghi ngờ về bất cứ khái niệm tuyệt đối nào, cho dù nó trình bày tự nó như một bản chất siêu việt, một nguyên tắc vĩnh cửu, bất biến, chẳng hạn như linh hồn, hay như một nền tảng cơ bản của thực tại. Phật Giáo và khoa học đưa ra tầm quan trọng của sự tiến hóa và sự hiện hữu của vũ trụ và đời sống, trong hình thức của những mối liên hệ hỗ tương phức tạp xuất phát từ quy luật tự nhiên của nhân quả.

Như đối với phương pháp học của chúng, cả hai truyền thống đều nhấn mạnh vào vai trò của kinh nghiệm luận. Vì vậy, trong sự khảo sát của Phật Giáo, từ ba nguồn tri thức - kinh nghiệm, lý trí, và sự chứng nhận - bằng chứng thực nghiệm là đầu tiên, với lý trí thứ hai và sự chứng nhận là cuối cùng. Điều đó có nghĩa là, trong Phật Giáo vấn đề thực tại, tối thiểu ở trình độ nguyên tắc, bằng chứng thực nghiệm giữ vai trò thống soái đối với thẩm quyền của kinh điển, bất chấp một kinh điển có thể được tôn kính như thế nào. Thậm chí trong trường hợp tri thức bị giảm thiểu bởi lý trí hay suy luận, thì giá trị rốt cùng của nó phải được thừa nhận bằng kinh nghiệm thực tế.

Do bởi quan điểm phương pháp học này, tôi thường trình bày với những đồng nghiệp Phật Giáo của tôi rằng những khám phá được thẩm tra thực nghiệm qua thiên văn học hiện đại bắt buộc chúng ta phải điều chỉnh, và trong một vài trường hợp, phải phủ nhận nhiều khía cạnh của vũ trụ học truyền thống được giải thích trong những luận điển tôn giáo cổ truyền.

Vì Phật Giáo phân tích về thực tại với động cơ chính là việc tìm kiếm cơ sở để vượt thắng khổ đau và hoàn thiện tình trạng con người, cho nên định hướng chính của truyền thống khảo sát là để thấu hiểu tâm thức con người và những cách biểu hiện khác nhau các chức năng của nó. Sự tiên đoán là bằng việc thu thập một sự thấu hiểu thậm thâm hơn về tinh thần, thì chúng ta sẽ tìm ra cách để chuyển hóa những tư tưởng, cảm xúc của chúng ta, và những xu hướng tiềm ẩn của chúng để vạch ra một cung cách sống lành mạnh hơn, thỏa mãn hơn.

Trong một phạm trù như vậy, truyền thống Phật Giáo đã cung cấp một sự phân loại đầy đủ những tình trạng tinh thần, cũng như những phương pháp quán chiếu hướng đến việc làm tinh tế hơn những phẩm chất nào đó của tâm thức. Một sự thay đổi xác thật đã được thiết lập giữa kiến thức và kinh nghiệm tích tập của Phật Giáo và khoa học hiện đại trên những vấn đề lớn hơn đối diện với tâm thức con người, từ việc nhận thức và những cảm xúc đến sự thấu hiểu về năng lực vốn có của não bộ cho việc chuyển hóa. Sự đối thoại này hóa ra là việc rất hấp dẫn và lợi ích sâu sắc. Về phần của tôi, tôi đã rút ra nhiều điều từ cuộc trò chuyện của tôi với những nhà thần kinh học và tâm lý học khi chúng tôi thảo luận về bản chất và vai trò của những cảm xúc tích cực và tiêu cực, của sự chú ý, tưởng tượng, và tính tạo hình của não bộ. Bằng chứng không thể chối cãi được trang bị bởi thần kinh học và y học về vai trò thiết yếu của tình cảm được truyền đạt bởi sự xúc chạm thân thể giản dị trong việc quan tâm đến sự phát triển vật lý của não bộ một trẻ em mới sanh trong tuần lễ đầu tiên của đời sống xác nhận sự nối kết giữa từ bi và sự tìm kiếm của con người cho hạnh phúc.

Nhân Loại Đang ở Tại Một Bước Ngoặt

TÔI TIN CHẮC RẰNG một sự hợp tác gần gũi giữa hai truyền thống, Phật Giáo và khoa học, có thể đóng góp một cách quan trọng cho việc phát triển một sự thấu hiểu về thế giới phức tạp nội tại của kinh nghiệm chủ quan mà chúng ta gọi là tâm thức. Những lợi ích của một sự hợp tác như vậy là đã được chứng tỏ rồi. Theo các báo cáo sơ khởi, những hiệu quả của việc rèn luyện tâm thức, chẳng hạn như thực tập chính niệm đơn giản trên căn bản thông thường hay việc phát triển từ bi trong ý nghĩa của Phật Giáo, đã kích thích cho những thay đổi có thể thấy được trong những lãnh vực của não bộ liên hệ tới các thể trạng tích cực tinh thần. Những sự

thay đổi này đã được lượng định, và những khám phá mới đây trong thần kinh học đã chứng minh sự nhu nhuyễn của não bộ, trong dạng thức của cả những nối kết của thời kỳ tiếp hợp và sản sinh những thần kinh mới qua sự kích thích ngoại tại chẳng hạn như những rèn luyện thân thể tự nguyện hay một môi trường phong phú.

Truyền thống quán chiếu của Phật Giáo có thể giúp để mở rộng lãnh vực nghiên cứu này của khoa học bằng việc cung ứng những hình thức của việc rèn luyện tâm thức phối hợp với sự nhu nhuyễn của não bộ. Nếu nó chứng tỏ, như truyền thống Phật Giáo đề cập, rằng sự thực hành tinh thần có thể ảnh hưởng đáng kể thời kỳ tiếp hợp và sự thay đổi các thần kinh trong não bộ, thì điều này có thể có những ý nghĩa quan trọng. Những kết quả của sự nghiên cứu như vậy sẽ không bị giới hạn với sự phát triển kiến thức của chúng ta về não bộ con người. Có lẽ một cách quan trọng hơn, chúng có thể cống hiến đến sự thấu hiểu của chúng ta về giáo dục và sức khỏe tinh thần. Tương tự thế, nếu, như truyền thống Phật Giáo thừa nhận, sự thực tập cẩn trọng về từ bi có thể mang đến một sự thay đổi rõ ràng trong quan điểm của một cá nhân, dẫn đến một sự thấu cảm lớn hơn cho người khác, điều này có thể có những hệ quả quan trọng cho xã hội một cách tổng quát.

Cuối cùng tôi tin rằng sự hợp tác giữa thần kinh học và truyền thống quán chiếu của Đạo Phật có thể tỏa ra một ánh sáng mới cho những cái chung giữa đạo đức học và thần kinh học, vốn quan trọng cho sự sống. Bất cứ điều gì chúng ta nghĩ về mối quan hệ giữa đạo đức học và khoa học, trong thực hành thật sự, khoa học liên hệ trước như một nguyên tắc kinh nghiệm, đạo đức, trung tính. Thành ra nó được nhìn nhận một cách chính yếu như một phương pháp khảo sát vốn cung ứng một kiến thức chi tiết của thế giới kinh nghiệm và những quy luật tiềm tàng của tự nhiên.

Từ một quan điểm thuần khoa học, việc tạo ra vũ khí nguyên tử đại diện cho một thành tựu đáng chú ý. Tuy nhiên, vì những vũ khí này có năng lực gây ra một sự khổ đau rộng lớn khủng khiếp bằng việc làm chết chóc và sự tàn phá vô số, cho nên chúng ta phải xem sự thành tựu này như một điều sai lầm của khoa học.

Chính sự lượng định đạo đức cho phép chúng ta quyết định điều gì là tích cực hay tiêu cực trong khoa học. Cho mới đến gần đây, dường như rằng đạo đức học và khoa học đã được phân chia một cách thành công, với sự thấu hiểu rằng năng lực con người cho việc suy nghĩ đạo đức tiến hóa cùng với tri thức. Tuy nhiên, ngày nay, tôi tin rằng nhân loại đang ở tại một bước ngoặt. Những tiến bộ căn bản trong thần kinh học, một cách đặc biệt trong di truyền học, vào cuối thế kỷ 20, đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người. Chúng ta đã đạt đến một chỗ mà những thách thức đạo đức được đưa ra bởi những sự tiến bộ này là quá rộng lớn.

Rõ ràng, tư duy đạo đức của chúng ta đã không theo kịp sự phát triển tri thức và năng lực mà nó có như vậy. Nhưng sự phân nhánh của những khám phá mới này và sự áp dụng của chúng là rất hiệu quả mà chính nhận thức của chúng ta về bản chất con người và sự duy trì loài người chúng ta phải thử thách với sự chính xác của nó. Cho nên không còn có thể chấp nhận việc thừa nhận quan điểm rằng trách nhiệm của chúng ta như một xã hội một cách đơn giản là để hỗ trợ tri thức khoa học và củng cố năng lực của kỹ thuật, chúng ta hãy đề mở vấn đề những gì nên được thực hiện. Chúng ta phải tìm một cung cách để cho phép những sự cân nhắc nhân đạo và đạo đức quyết định phương hướng của tiến trình khoa học, một cách đặc biệt trong khoa học đời sống.

Bằng việc viển dẫn những nguyên tắc đạo đức, tôi không đang tán thành một sự hợp nhất giữa đạo đức tôn giáo và nghiên cứu khoa học. Đúng hơn là tôi đang liên hệ đến điều tôi gọi là "đạo đức thế tục," nó bao gồm những nguyên tắc đạo đức then chốt chẳng hạn như từ ái, bi mẫn, bao dung, ân cần, và việc sử dụng có trách nhiệm khoa học và năng lượng. Những nguyên tắc này vượt lên trên ranh giới giữa tín ngưỡng và không tín ngưỡng, cũng như giữa những môn đồ của các tôn giáo khác nhau. Thế giới mà chúng ta sống là một thế giới. Kinh tế, truyền thông, du lịch quốc tế, và những vấn nạn môi trường, tất cả, nhắc chúng ta nhớ một căn bản hàng ngày vấn đề liên hệ nhân duyên hỗ tương như thế nào trong thế giới hiện đại. Những cộng đồng khoa học đóng một vai trò quan trọng trong thế giới liên hệ nhân duyên hỗ tương này. Khoa học ngày nay có được một sự tôn trọng và tin tưởng của xã hội, lớn hơn nhiều so với những nguyên tắc triết lý và tôn giáo của tôi. Tôi kêu gọi những nhà học giả đem vào việc làm chuyên môn của họ những giá trị xuất phát từ những nguyên tắc đạo đức căn bản mà tất cả chúng ta chia sẻ như những con người.

Đạo Đức Trong Khoa Học Để Cứu Hộ Sự Sống

TÔI THẤY MỘT DẤU HIỆU đáng khích lệ trong tính thích hợp gia tăng giữa khoa học và tôn giáo. Suốt thế kỷ 19 và phần lớn thế kỷ 20, có một sự hỗn độn sâu sắc do bởi xung đột giữa hai quan điểm dường như mâu thuẫn này của thế giới. Vật lý học, sinh học và tâm lý học ngày nay đạt đến một những trình độ phức tạp đến nỗi nhiều nhà nghiên cứu bắt đầu bằng việc hỏi những câu hỏi sâu sắc về bản chất rốt ráo của vũ trụ và sự sống - những câu hỏi tương tự là cho sự quan tâm chính yếu về lãnh vực của những tôn giáo. Thế nên năng lực thật sự cho một viễn kiến thống nhất hơn thật sự hiện hữu. Một cách đặc biệt hơn, một khái niệm mới về tâm thức và vật chất dường như hiện lên. Một cách lịch sử, phương Đông quan tâm hơn về việc thấu hiểu tâm thức và phương Tây liên hệ hơn trong việc thấu hiểu vật

chất. Bây giờ cả hai đã gặp nhau, những khái niệm về tâm linh và vật chất về sự sống có thể gặp gỡ để làm hài hòa nhau.

Chúng ta phải làm mới những chí nguyện của chúng ta với những giá trị nhân bản trong khoa học. Mặc dù mục tiêu chính của khoa học là để thành tựu những tri thức chưa bao giờ có về thực tại, thì mặt khác mục tiêu của nó là để cải thiện phẩm chất của đời sống. Không có động cơ vị tha, các nhà khoa học không thể phân biệt giữa những kỹ thuật lợi ích và những thủ đoạn tai hại ngắn hạn. Sự tổn hại đối với môi trường chung quanh chúng ta là hậu quả rõ ràng nhất cho sự rối rắm này. Một động cơ thích hợp thậm chí cấp bách hơn khi nó là một câu hỏi của việc quản lý quang phổ ngoại hạng của công nghệ sinh học mới mà với nó bây giờ chúng ta có thể tác động đến những cấu trúc vi tế của sinh vật sống. Nếu chúng ta không đặt căn bản những thao tác này trên nền tảng đạo đức, thì chúng ta có hiểm họa làm ra những tổn hại không thể khắc phục với mạng lưới phức tạp của sự sống.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nghĩ rằng Phật Giáo hiện nay của chúng ta nên lãnh một trách nhiệm đặc biệt, một thứ xuất phát từ giáo huấn của Đức Phật vốn đặt vị trí của việc thiền tập vào mối lệ thuộc hổ tương như không thể tách rời với sự thực hành về từ bi. Khái niệm lệ thuộc hổ tương, như nó được trình bày bởi Đức Phật 2,500 năm về trước và sau đó được luận giải bởi những hiền nhân của Ấn Độ và Tây Tạng cổ xưa, thích hợp với quan kiến của thế giới xuất phát từ sự tương đối phổ thông và sự phát triển tiếp theo đây. Trong chủ đề này, Đức Đạt Lai Lạt Ma thường trích dẫn Abdul Kalam, người mà ngài gọi là "Shakharov của Ấn Độ." Vị cựu tổng thống Ấn Độ này, một chuyên gia về vật lý nguyên tử, đã nói với Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng ông đã khám phá bản chất không chắc chắn của lượng tử trong tư duy của hiền nhân Ấn Độ, Long Thọ, như được biểu lộ trong những dòng kệ tán dương Đức Phật:

*Tôi kính lễ Ngài, bậc siêu việt thế giới,
Thiện xảo trong trí tuệ của sự không có!
Vì lợi ích của thế giới
Ngài đã khổ đau trong một thời gian dài, với lòng đại bi
Ngài thừa nhận rằng bên cạnh với những tập hợp uẩn đơn giản
Không có chúng sanh nào tồn tại.
Tuy nhiên, Ô bậc Đại Hiền Nhân, Ngài liên tục duy trì
Hoàn toàn tận tụy vì lợi ích của chúng sanh.
Một vật hiện hữu là không sanh,
Cũng không là một vật không tồn tại, cũng không phải cả hai.*

Nó được sanh không phải từ tự nó cũng không phải từ thứ khác,
Cũng không phải từ cả hai, vậy thì làm sao có sự sanh?
Trước tiên nhất, không hợp lý cho một kết quả hiện ra
Từ một nhân mà nó tự hủy diệt;
Nó cũng không được sanh từ một nhân không hủy diệt.
Cho nên Ngài chấp nhận sự sanh giống như một giấc mộng.
Sự hiện ra của những kết quả từ một nhân
Qua sự tàn phá hay không tàn phá,
Sự sanh này giống như sự biểu hiện của một vọng tưởng,
Và Ngài đã dạy rằng điều này là thật đối với mọi thứ.
Bất cứ điều gì được sanh ra trong sự lệ thuộc
Ngài xác nhận là trống rỗng
Rằng nó không tồn tại như một thực thể độc lập,
Đó là điều mà Ngài tuyên bố với tiếng rỗng của sư tử,
Ô bậc Đạo sư vô tỉ
Vì Ngài dạy về cam lồ tánh không
Nhằm để giúp chúng ta từ bỏ mọi khái niệm,
Ngài lên án một cách mạnh mẽ
Hành động bị dính mắc với tánh không này,
Vì mọi hiện tượng là tri tri, lệ lệ, và trống rỗng,
Tương tự như một ảo ảnh và được sanh từ những điều kiện
Ngài làm nó được biết rằng chúng không có thực tại.
Không thâm nhập vào thiền quán,
Như đáng Tôn Quý đã chứng minh,
Sự tỉnh giác có bao giờ hành động mà không có biểu tượng không?
Không có sự thâm nhập vào sự vắng mặt của những biểu tượng
Thì không có sự giải thoát, Ngài đã tuyên bố.
Thế nên Ngài trình bày sự vắng mặt của biểu tượng
Một cách hoàn toàn trong những kinh điển Đại Thừa.
Bằng việc tán thán Ngài, Ô bậc hiện thân từ bi tôn kính
Cảm ơn tất cả những công đức mà tôi đã đạt được,
Nguyện cho tất cả chúng sanh, không trừ một ai,
Giải thoát khỏi sự nô lệ với những biểu tượng.



Thảm Họa 11 Tháng Chín 2001, Đã Dạy Tôi Rằng Chúng Ta Không Được Tách Rời Đạo Đức Với Sự Tiến Bộ

NHỮNG CẢM XÚC TÀN PHÁ như sân hận, sợ hãi, hay thù oán có thể có những hệ quả tàn phá trên thế giới. Khi những sự kiện hiện tại cung ứng cho chúng ta một sự nhắc nhở bi thảm của sức mạnh tàn phá của những cảm xúc này, thì chúng ta nên hỏi chính mình rằng chúng ta có thể kiểm soát chúng như thế nào. Dĩ nhiên, chúng luôn luôn là một bộ phận của điều kiện con người. Nhân loại đã bám víu chúng hàng nghìn năm. Nhưng tôi tin rằng chúng ta nên nắm bắt cơ hội này để chuyên hóa chúng, cảm ơn một cách đặc biệt sự hợp tác giữa tôn giáo và khoa học. Chính là với tư tưởng này trong đầu mà bắt đầu từ năm 1987 tôi đã trở thành liên hệ với một loạt những cuộc đối thoại được tổ chức bởi viện Tâm Thức và Đời Sống; tôi thấy rằng trong khi những khám phá khoa học công hiến một sự thấu hiểu sâu sắc hơn trong những lãnh vực của tri thức như vũ trụ học, thì những sự giải thích của Phật Giáo có thể giúp những học giả thấy lãnh vực nghiên cứu của họ trong một ánh sáng khác.

Sự đối thoại của chúng tôi không chỉ lợi ích cho khoa học mà cả tôn giáo. Mặc dù người Tây Tạng có những tri thức giá trị về thế giới nội tại, nhưng chúng tôi vẫn xa rời với sự tiến bộ vật chất do bởi thiếu tri thức khoa học. Giáo huấn nhà Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thấu hiểu thực tại; do thế, chúng ta nên thẩm tra vấn đề những nhà khoa học đương đại thấy thực tại như thế nào qua sự khám phá bằng những thực nghiệm của họ và chỉ số của họ.

Vào lúc đầu của những cuộc đối thoại này, không có nhiều Phật tử. Tôi là người duy nhất, làm việc với hai người thông dịch. Nhưng gần đây, chúng tôi đã bắt đầu

giới thiệu những môn khoa học hiện đại trong các tu viện của chúng tôi, và trong những buổi đối thoại gần đây có khoảng hai mươi tu sĩ Tây Tạng trong tham dự.

Mục tiêu của những cuộc đàm luận này là hai phần. Một là của tính chất học thuật: việc phát triển tri thức. Trong tổng quát, khoa học tiêu biểu cho một khí cụ phi thường để thấu hiểu thế giới vật chất, và nó đã tạo ra những sự tiến bộ khổng lồ trong đời sống của chúng ta, mặc dù nhiều thứ vẫn còn đang được khám phá. Nhưng khoa học hiện đại dường như không tiến triển nhiều tương hợp với sự chú ý kinh nghiệm nội tại. Về mặt khác, Phật Giáo, một hệ thống tư tưởng Ấn Độ cổ xưa, biểu lộ một sự phân tích thậm thâm về vấn đề tâm thức thể hiện chức năng như thế nào. Qua hàng thế kỷ, rất nhiều những thiền giả đã sử dụng tất cả tri thức thuận tiện đối với họ và đã đưa đến những gì được gọi là "những cuộc thí nghiệm" trong thế giới này và đã đạt đến những kết quả đáng chú ý và đôi khi là phi thường. Một cuộc thảo luận sâu hơn cùng với sự nghiên cứu được tiến hành với cả những nhà khoa học và học giả Phật Giáo có thể rất lợi ích trên trình độ học thuật trong việc hỗ trợ cho tri thức của nhân loại.

Trên một trình độ khác, nếu nhân loại tồn tại, thì hạnh phúc và sự hòa bình nội tại là thiết yếu. Bằng cách đi, sự sống của con cháu chúng ta và người khác có hiểm họa bất hạnh, thất vọng, và ngăn ngại. Thảm họa 11 tháng Chín 2001, cho thấy rằng kỹ thuật hiện đại và sự thông minh của con người, được hướng dẫn bằng thù hận, có thể đưa đến những sự tàn phá khủng khiếp. Dĩ nhiên, sự tiến bộ vật chất đóng góp cho hạnh phúc đến một mức độ rộng rãi nào đó và cho sự thoải mái của đời sống. Nhưng như vậy không đủ. Để đạt đến một trình độ sâu xa hơn của hạnh phúc, thì chúng ta không thể lãng quên sự phát triển nội tại của chúng ta. Tôi nghĩ rằng cảm nhận của chúng ta về những giá trị con người căn bản phải được theo đuổi nhịp nhàng cùng tốc độ như sự gia tăng hiện tại của những năng lực vật chất.

Đó là tại sao tôi đã động viên những học giả thăm tra những thiền giả Tây Tạng tiến bộ nhằm để quyết định vấn đề sự thực tập tâm linh của họ có thể lợi ích hơn cho những người khác ở bên ngoài phạm vi tôn giáo như thế nào. Vì thật quan trọng để có một sự thấu hiểu tốt hơn về thế giới của tâm thức, về sự tỉnh giác, và về những cảm xúc.

Những cuộc thí nghiệm đã được tiến hành chứng tỏ rằng những thiền giả có thể đạt đến một thể trạng của hòa bình nội tại và duy trì nó, ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn. Những kết quả chứng tỏ rằng họ hạnh phúc hơn, ít lệ thuộc với những cảm xúc tàn phá, và dễ tiếp thu những cảm giác của người khác hơn. Những phương pháp quán chiếu không chỉ hữu dụng mà cũng không đắt tiền! Quý vị

không phải mua bất cứ thứ gì hay làm bất cứ điều gì trong một nhà máy. Quý vị không cần phải uống thuốc hay chích thuốc.

Câu hỏi là làm sao để chia sẻ những kết quả này với những người không phải Phật tử. Vì vấn đề là sự khám phá này không bị giới hạn cho Phật Giáo hay với bất cứ tôn giáo nào khác, nhưng là sự hiểu biết tốt hơn năng lực của tâm thức con người. Nhưng phương pháp tâm linh là sự tùy ý sử dụng của chúng ta, nhưng chúng ta phải làm sao cho chúng có thể tới được đại đa số những người không thích thú với tâm linh. Đây là cách duy nhất mà chúng sẽ có tác động hiệu quả lớn nhất.

Một sự khởi đầu như vậy là quan trọng vì chỉ riêng khoa học và kỹ thuật mà thôi thì không thể giải quyết tất cả những vấn nạn của chúng ta. Chúng ta phải phối hợp sự tiến bộ vật chất với sự phát triển nội tại của những giá trị nhân bản của từ ái, bi mẫn, bao dung, tha thứ, tiết độ, và kỷ luật tự giác.

Trong sự tiếp cận với thảm kịch 11 tháng Chín 2001, như một vấn nạn "tâm linh", Đức Đạt Lai Lạt Ma vạch ra việc vắng mặt của quy tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Như kết quả của sự vắng mặt này, những hành động quan trọng được thai nghén bởi tâm thức con người chống lại con người, cho dù trong vụ tấn công khủng bố tòa tháp đôi của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, trong những thí nghiệm di truyền không kiểm soát được, hay trong sự suy thoái nhanh chóng môi trường vốn đe dọa những thế hệ tương lai. Như một tu sĩ Phật Giáo, Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố rằng cũng trong câu hỏi này, tâm linh, sự thấu hiểu như một sự trở lại những giá trị nhân bản cần yếu, là chìa khóa cho sự sống còn của chúng ta.

*

5- Chăm sóc trái đất

TRÁCH NHIỆM VỚI SINH QUYỂN

Tôi Đã Học Với Những Vị Thầy Của Tôi Về Việc Chăm Sóc Môi Trường Khi Còn Là Một Đứa Trẻ

KHI CÒN LÀ MỘT cậu bé con, lúc tôi đang học hỏi Đạo Phật, tôi được dạy để chăm sóc thiên nhiên, vì sự thực tập về bất bạo động áp dụng không phải chỉ với con người mà đến tất cả chúng sanh. Mọi thứ có sức sống của ý thức sở hữu. Bất cứ nơi nào có ý thức, thì có những cảm giác như đau đớn, vui sướng, hân hoan. Không chúng sanh nào muốn khổ đau. Trái lại, tất cả chúng sanh tìm cầu hạnh phúc. Trong sự thực hành của Đạo Phật, chúng ta thường dùng ý tưởng bất bạo động này và với nguyện ước làm chấm dứt tất cả mọi khổ đau, và chúng ta cẩn thận để không tấn công hay hủy hoại sự sống một cách vô tình. Rõ ràng, chúng ta không tin tưởng rằng cây cối và bông hoa có tâm thức, nhưng chúng ta đối xử với chúng một cách tôn trọng. Cho nên chúng ta thừa nhận một ý thức trách nhiệm toàn cầu đối với con người và thiên nhiên.

Niềm tin trong sự tái sinh của chúng ta giải thích sự quan tâm của chúng ta đối với tương lai. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta sẽ tái sinh, chúng ta biến nó thành bổn phận của chúng ta để bảo vệ những thứ nào đó vì thế, trong tương lai, sự tái sinh của chúng ta sẽ thích ứng với nó. Mặc dù chúng ta có thể tái sinh trong một hành tinh khác, thì ý tưởng về sự tái sinh động viên ta chăm sóc Trái Đất cho những thế hệ tương lai.

Ở phương Tây, khi chúng ta nói về "con người", chúng ta thường chỉ liên hệ đến thế hệ hiện tại. Con người của quá khứ không còn hiện hữu nữa. Con người của tương lai, như sự chết, chưa hiện hữu. Theo quan điểm của phương Tây, chúng ta quan tâm với khía cạnh thực tế của mọi thứ, đơn thuần cho thế hệ hiện tại.

Cảm nhận của người Tây Tạng đối với thiên nhiên xuất phát từ tập quán của chúng tôi một cách phổ thông và không chỉ từ Phật Giáo. Nếu quý vị lấy thí dụ Phật Giáo từ Nhật Bản hay Thái Lan, trong những môi trường khác với chúng tôi, văn hóa và thái độ không giống nhau. Môi trường thiên nhiên của Tây Tạng vốn không giống nơi nào khác, có một ảnh hưởng mạnh mẽ với chúng tôi. Người Tây Tạng không sống trên một hòn đảo nhỏ quá nhiều người. Suốt chiều dài lịch sử, chúng tôi không lo lắng về lãnh thổ rộng lớn dân cư thưa thớt của chúng tôi, hay về những láng giềng xa xôi của chúng tôi. Chúng tôi không có cảm nhận bị áp bức, không giống như nhiều cộng đồng khác.

Có thể thực tập một cách hoàn hảo tinh hoa của một niềm tin hay một nền văn hóa mà không cần phối hợp nó với một tôn giáo. Nền văn hóa Tây Tạng của chúng tôi, mặc dù được truyền cảm hứng bởi Phật Giáo một cách sâu đậm, nhưng không phải thảo ra tất cả triết lý của nó từ Đạo Phật. Một lần nọ tôi đã đề nghị một tổ chức cứu trợ người tị nạn Tây Tạng rằng chắc là thích thú để nghiên cứu vấn đề đồng bào chúng tôi đã được định hình như thế nào qua kiểu mẫu đời sống của họ. Những nhân tố nào đã làm người Tây Tạng tĩnh lặng và bản tính tốt? Người ta thường tìm câu hỏi từ tôn giáo của chúng tôi, điều ấy là đặc biệt, nhưng quên rằng môi trường của chúng tôi cũng đặc biệt.

Việc bảo vệ thiên nhiên không nhất thiết là một hành vi thiêng liêng, và nó không luôn luôn đòi hỏi từ bi. Như những Phật tử, chúng tôi từ bi đối với tất cả chúng sanh, nhưng không nhất thiết đối với mỗi viên đá, cây cối, hay chỗ ở. Hầu hết chúng tôi chăm sóc ngôi nhà của chúng tôi, mà không có bất cứ cảm nhận từ bi nào với nó. Tương tự thế, hành tinh của chúng ta là ngôi nhà của chúng ta, và chúng ta nên bảo vệ nó với sự ân cần, để bảo đảm sự hạnh phúc của chúng ta và sự hạnh phúc của con cháu chúng ta, bạn bè chúng ta, và cho tất cả chúng sanh, những kẻ chia sẻ với chúng ta nơi cư trú vĩ đại này. Nếu chúng ta nghĩ hành tinh của chúng ta như ngôi nhà của chúng ta hay "bà mẹ" của chúng ta, Bà Mẹ Trái Đất, thì chúng ta nhất thiết sẽ chăm sóc nó.

Ngày nay chúng ta hiểu rằng tương lai của nhân loại tùy thuộc vào hành tinh của chúng ta, mà vận tương lai của nó lệ thuộc vào loài người. Nhưng không phải luôn luôn rõ ràng như vậy. Cho đến bây giờ, Bà Mẹ Trái Đất của chúng ta có thể bao dung sự quên lãng của chúng ta. Tuy nhiên, ngày nay, thái độ của con người, dân số, và kỹ thuật đã đạt đến một mức độ mà Bà Mẹ Trái Đất của chúng ta không thể chấp nhận trong sự im lặng nữa. "Con cái của tôi đang cư xử một cách tệ hại," bà cảnh báo để làm cho chúng ta nhận ra rằng có những giới hạn không nên vượt qua.

Như những người Phật tử Tây Tạng, chúng tôi ủng hộ cho sự chùng mực, vốn không tách rời với môi trường, vì chúng tôi không tiêu dùng bất cứ thứ gì một cách không điều độ. Chúng tôi lập những giới hạn trong thói quen tiêu xài của chúng tôi, và chúng tôi biết ơn một lối sống giản dị, trách nhiệm. Mỗi liên hệ của chúng tôi với môi trường luôn luôn đặc biệt. Những kinh luận cổ xưa của chúng tôi nói về vật chứa và nội dung của nó. Thế giới là một vật chứa, ngôi nhà của chúng ta, và chúng ta, sự sống, là những nội dung của nó.

Kết quả của điều này là một mối quan hệ đặc biệt với thiên nhiên, vì, không có vật chứa, những nội dung của nó không thể có chỗ để tồn tại. Hoàn toàn không phải là

sự khiển trách con người về việc sử dụng những tài nguyên thiên nhiên để phục vụ nhu cầu của họ, nhưng chúng ta nên nghiêm túc, không khai thác thiên nhiên vượt quá nhu cầu cần thiết. Thật cần thiết để tái thẩm tra lại từ quan điểm đạo đức về sự chia sẻ mà chúng ta đã nhận được, sự chia sẻ với điều mà tất cả chúng ta có trách nhiệm, và sự chia sẻ mà chúng ta sẽ trao lại cho những thế hệ tương lai. Rõ ràng, thế hệ của chúng ta đang trải qua một thời kỳ nghiêm trọng. Chúng ta đi vào những hình thức của sự giao tiếp toàn cầu, và tuy thế, những sự xung đột lại xảy ra thường xuyên hơn những cuộc đối thoại để xây dựng hòa bình. Những kỳ diệu của khoa học và kỹ thuật cùng tồn tại với với nhiều bi kịch của thế giới như sự đói kém và sự diệt chủng của những hình thức sống nào đó. Chúng ta tận tụy với sự khám phá không gian, trong khi những đại dương, biển cả, và các nguồn nước ngọt đang ngày càng ô nhiễm hơn. Có thể là những thế hệ tương lai sẽ không biết những dân tộc trên trái đất, những thú vật, côn trùng, và ngay cả những vi sinh vật. Chúng ta phải hành động trước khi quá muộn.

Tây Tạng Thời Thơ ấu Của Tôi Là Vườn Địa Đàng Của Đời Sống Hoang Dã

TÂY TẠNG MÀ TÔI đã lớn lên là một vườn địa đàng của đời sống hoang dã. Ngay cả ở Lhasa, người ta cũng không cảm thấy bị xa cách với đời sống hoang dã. Trong phòng của tôi ở sân thượng điện Potala, cung mùa đông của những Đức Đạt Lai Lạt Ma, tôi đã dành vô số thời giờ như một đứa trẻ để nghiên cứu thái độ của những con chim mỏ đỏ khyungkar làm tổ trên những kẻ nứt của các bức tường. Và phía sau Norbulingka, cung mùa hè, tôi thường thấy một cặp chim *trung trung* (cò cổ đen Nhật Bản), những con cò đối với tôi như sự toát yếu của tính tao nhã và duyên dáng, vốn sống trong những đầm lầy ở đây. Không thể không đề cập đến vẻ rực rỡ của những động vật Tây Tạng: những con gấu, và cáo núi, những con chó sói *chanku*, những con beo tuyết *sazik* xinh đẹp, những con gấu trúc khổng lồ với khuôn mặt hiền hòa, vốn sinh trưởng ở vùng biên giới Tây Tạng và Trung Hoa, và những con linh miêu *sik*, vốn ở trong trái tim của những nông dân du mục.

Buồn thay, đời sống hoang dã phong phú này không còn thấy nữa. Không ngoại lệ, mỗi người Tây Tạng tôi nói chuyện vốn từng trở lại thăm viếng Tây Tạng sau khi xa vắng bốn năm mươi năm đã cho biết sự vắng mặt đáng chú ý của đời sống hoang dã. Trước đây, những con thú hoang thường đến cạnh nhà; ngày nay rất khó khăn để thấy chúng.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nhớ lại thời thơ ấu mê ly với nhiều loại thú hoang, đặc biệt những con thú ngài đã nhìn thấy trong ba tháng hành trình xuyên Tây Tạng để

được đăng quang ở Lhasa. Chính quyền Tây Tạng bảo vệ đời sống hoang dã một cách chính thức, công bố những bảng tuyên cáo mỗi năm rằng "giàu hay nghèo, không ai được làm tổn hại hay bạo hành với những tạo vật trên đất và dưới nước." Nhưng từ khi Trung Cộng chiếm đóng, việc phát triển đất đai và săn bắn thú cùng câu lưới cá đã làm giảm thiểu rõ ràng đời sống hoang dã hiện tại. Thú vật bị săn bắt lấy lông, da, len, và nội tạng, và nhiều chủng loại hiện nay đã bị diệt chủng hay bị đe dọa biến mất.

Những Ngọn Núi Tây Tạng Đã Trở Thành Trống Trãi Như Đầu Trọc Của Tu Sĩ

NHỮNG VẤN NẠN SINH THÁI là mới đối với tôi. Ở Tây Tạng chúng tôi thường nghĩ rằng thiên nhiên là thuần khiết. Chúng tôi chưa từng bao giờ tự hỏi mình uống nước sông có sao không. Nhưng hoàn cảnh đã thay đổi trong thời gian chúng tôi lưu vong ở Ấn Độ và những nước khác. Thụy Sĩ, thí dụ thế, một vùng đất trắng lệt, ấn tượng. Nhưng cư dân của nó nói với chúng tôi, "Đừng uống nước từ dòng suối này; nó bị ô nhiễm!" Thế nên từng chút một, người Tây Tạng đã học hỏi và nhận ra rằng những thứ nào đó là dơ bẩn và không thể dùng được. Thật sự, khi chúng tôi định cư tại Ấn Độ, nhiều người trong chúng tôi đã bị chứng đau bụng vì chúng tôi đã uống nước ô nhiễm. Chính là qua kinh nghiệm và gặp gỡ với những nhà chuyên môn mà chúng tôi đã học hỏi về sinh quyền.

Tây Tạng là một đất nước rộng lớn với một lãnh địa bao la ở trên một độ cao và khí hậu lạnh và khô. Những điều kiện này chắc chắn đã cung ứng một môi trường với một hình thức bảo vệ tự nhiên bằng việc giữ nó sạch và lạnh. Trong những đồng cỏ phía bắc, trong những khu vực khoáng sản, trong những khu rừng và thung lũng của những dòng sông, có nhiều thú vật hoang dã, cá và chim.

Một lần nọ tôi được nghe kể một chuyện lạ. Những người Hoa định cư ở Tây Tạng sau 1959 là những nông dân, cũng là những người xây dựng đường xá và rất thích thịt. Họ thường đi săn vịt, họ mặc đồng phục quân đội Trung Cộng hoặc áo quần người Hoa và như thế không khác gì báo động cho những con chim vì thế chúng bay đi rất xa. Cuối cùng, những người thợ săn này dùng đến áo quần Tây Tạng để mặc. Đây là một chuyện thật! Điều này xảy ra đặc biệt trong những năm 1970 và 1980, vào lúc ấy vẫn còn một số lớn chim chóc.

Mới đây, vài nghìn người Tây Tạng đã trở lại nơi sinh quán của họ ở quê hương Tuyết Sơn, tất cả cũng đều nói như vậy. Họ nói rằng bốn hay năm mươi trước, rừng rậm bao la phủ đầy đất đai bản địa của họ. Ngày nay những ngọn núi đã hói như đầu tu sĩ. Không còn những cây cao, và đôi khi ngay cả rễ cây cũng bị đào lên

và đem đi. Đó là tình trạng hiện tại. Trong quá khứ người ta có thể thấy những đàn thú hoang dã đông đảo, nhưng ngày nay hầu như không còn nữa.

Sự tàn phá rừng trên diện rộng đang làm kiệt quệ môi trường và đời sống hoang dã ở Tây Tạng. Đó không chỉ là điều đáng tiếc về phía tự nhiên vì đã mất vẻ đẹp hoang sơ của nó, nhưng cũng cho cư dân của nó bây giờ khó tìm ra củi để sưởi ấm cho nhà cửa của họ. Đây chỉ là một điểm tương đối nhỏ so sánh với những hậu quả rộng lớn của việc tàn phá rừng nhìn từ một quan điểm rộng lớn hơn.

Phần lớn Tây Tạng bao gồm những vùng đất khô cằn ở trên những độ cao. Vì vậy, đất đai cần thêm thời gian hơn để tự tái tạo so với những vùng thấp với khí hậu ẩm ướt. Những ảnh hưởng tiêu cực tồn tại trong một thời gian dài. Hơn thế nữa, những dòng sông tưới tắm hầu hết Á châu, kể cả Pakistan, Ấn Độ, Trung Hoa, Lào, Campuchia và Việt Nam - các sông: Hoàng hà, Brahmaputra, Dương Tử, Salween, và Cửu Long - đều xuất phát từ Tây Tạng. Làm ô nhiễm những dòng sông này có những tác động thảm khốc với những nước vùng hạ lưu. Tuy thế, ở cội nguồn của chúng có cả sự tàn phá rừng và đào tìm khoáng sản đang xảy ra.

Theo thống kê của chính quyền Bắc Kinh, có 126 loại khoáng sản ở Tây Tạng. Khi những tài nguyên được khám phá, nhà cầm quyền khai thác chúng một cách kịch liệt, không lường định đến việc bảo vệ môi trường, vì thế việc tàn phá rừng và khai khoáng đang gây ra lũ lụt ngày càng nhiều hơn những vùng thấp ở Tây Tạng.

Theo những chuyên gia khí tượng thủy văn, việc tàn phá rừng ở cao nguyên Tây Tạng sẽ làm thay đổi tác động bức xạ vũ trụ (vì những khu rừng hấp thụ nhiều bức xạ mặt trời hơn) và điều đó sẽ ảnh hưởng đến những cơn mưa mùa, không chỉ ở Tây Tạng mà cả những vùng lân cận. Do thế, việc bảo tồn môi trường rất mong manh ở cao nguyên có tầm quan trọng chính yếu. Bất hạnh thay, trong thế giới Cộng Sản, như chúng ta đã từng thấy ở Liên Xô, Ba Lan, và Đông Đức cũ, nhiều vấn đề về ô nhiễm đã được tạo ra vì sơ suất. Nhà máy sản xuất gia tăng không quan tâm đến việc tránh làm tổn hại môi trường. Tình trạng tương tự đang lặp lại ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Trong những năm 1970 và 1980, không ai chú ý đến việc làm ô nhiễm, nhưng sau đó người ta đã bắt đầu có ý thức. Tôi nghĩ những hoàn cảnh trước đó xảy ra là do thiếu hiểu biết.

Ở Tây Tạng dường như rằng, khi nói đến môi trường, nhà chức trách Trung Cộng đã áp dụng sự lượng định phân biệt: hờ hững dường như đang xảy ra ở những vùng dân cư thuộc những nhóm thiểu số nào đó. Một người Tây Tạng đến từ vùng Dingri của nam Tây Tạng đã nói với tôi về một con sông mà dân làng lấy nước để uống. Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc sống ở trong vùng được chỉ dẫn là

không được uống nước sông, nhưng không thông tin nào đến với người dân trong vùng về hiểm họa liên hệ đến việc dùng nước. Cho nên họ tiếp tục uống nước ấy. Điều này cho thấy người Trung Cộng không quan tâm tiếp tục coi thường và không phải là do thiếu tin tức mà là vì những lý do khác.

Sự sống còn của sáu triệu người dân Tây Tạng đang ở trong hiểm họa lớn do bởi ô nhiễm. Trẻ con đã bị những chứng bệnh liên hệ đến không khí ô nhiễm rồi. Có vô số đốn đau và khổ sở đã không được nghe thấu đến nước ngoài mà chỉ bí mật trong những ngôi nhà khiêm tốn. Đó là nhân danh những người vô tội mà tôi lên tiếng.

Chính sách phá rừng có hệ thống, vì lợi ích của Trung Cộng, đã cướp mất phân nửa diện tích rừng ở Tây Tạng. Hậu quả, do Đức Đạt Lai Lạt Ma tố giác, đang tàn phá và ảnh hưởng toàn Á châu. Trong những vụ lụt lội của sông Dương Tử đã là một thảm họa của Trung Hoa trong tháng Tám 1998, chính quyền Bắc Kinh thừa nhận rằng thảm kịch xảy ra là do việc tàn phá rừng chung quanh nguồn sông trong tỉnh Kham của Tây Tạng. Hiện tại, những chỉ tiêu được ban hành nhằm bảo vệ rừng, nhưng họ hiếm khi tôn trọng. Trong những điều kiện này, cây cỏ sẽ không sinh trở lại nữa, và sự sa mạc hóa cao nguyên Tây Tạng tiếp tục, làm giảm thiểu năng lượng sản xuất của những dòng sông chính một phần tư. Bốn trăm thành phố lớn của Trung Hoa bây giờ khổ sở vì khan hiếm nước, và ở những vùng nông thôn việc thu hoạch bị ảnh hưởng vì thiếu sự tưới tiêu.

Như Đức Đạt Lai Lạt Ma nhắc nhở chúng ta, tầng đất cát của cao nguyên Tây Tạng giàu khoáng sản, nhiều và đa dạng. Sự giàu có về nguồn khoáng sản là một trong những lý do chính cho việc xâm lăng của Trung Cộng năm 1949. Người Trung Cộng tiếp tục khai thác rộng lớn những khoáng sản như uranium, kền, vàng, lithium, hàn the, sắt, và bạc. Dầu lửa và khí thiên nhiên dự trữ trong vùng Tsaidam cấu thành một năng lượng chính cung ứng cho việc đẩy nhanh tiến độ công nghệ hóa của Trung Hoa.

Khoáng sản được khai thác không quan tâm đến môi trường có những hậu quả thảm khốc cho tầng đất cát và lớp bảo hòa hay tầng ngậm nước dưới những mạch nước ngầm, ngày nay đã bị ô nhiễm bởi nước chất thải độc sử dụng trong việc khai thác. Thay vì dừng lại những việc này, những ngành công kỹ nghệ Trung Hoa lại đang cố gắng gia tăng chúng bằng việc thu hút những nhà đầu tư ngoại quốc. Những người Tây Tạng có can đảm đứng lên chống lại việc tàn phá môi trường bị bắt bớ, tra tấn, và kết án tù dài hạn.

MỘT TU SĨ PHẬT GIÁO QUÁN CHIẾU TRÁCH NHIỆM CỦA CHÚNG TA VỀ MÔI TRƯỜNG

Theo dòng diễn tiến của những cuộc du hóa qua những quốc gia trên thế giới, giàu và nghèo, Đông và Tây, chúng tôi đã từng thấy con người say sưa với niềm vui sướng, và những con người khổ đau. Những phát triển của khoa học kỹ thuật dường như nghiêng về một phía và sự cải thiện định lượng của việc phát triển có đạt được thêm một ít đường nét, một số cải tiến; phát triển thường có nghĩa thêm ít nhiều những tòa nhà ở thành thị. Như một kết quả, sự cân bằng sinh thái – căn bản chính của đời sống chúng ta trên mặt đất - đã bị ảnh hưởng vô cùng rộng lớn.

Mặt khác, trong những ngày quá khứ, người dân Tây Tạng đã sống một đời sống hạnh phúc, không có vấn nạn ô nhiễm, trong những điều kiện thiên nhiên. Ngày nay, khắp thế giới, kể cả Tây Tạng, môi trường sinh thái thoái hóa nhanh chóng vượt qua chúng ta. Chúng tôi hoàn toàn bị tin rằng, nếu tất cả chúng ta không làm một sự phối hợp năng động, với một ý nghĩa trách nhiệm toàn cầu, chúng ta sẽ thấy “sự sụp đổ dần dần những hệ thống sinh thái mong manh đã nâng đỡ chúng ta, kết quả trong sự thoái hóa không thể đảo ngược không thể hồi phục của Hành Tinh Trái Đất.

Những đoạn thơ đã được viết nên để nhấn mạnh sự quan tâm sâu xa của chúng tôi, và để kêu gọi sự lưu tâm của tất cả mọi người để tiếp tục làm nên những tác động để bảo tồn và cứu chữa sự thoái hóa môi trường của chúng ta.

1-

Ôi Đức Thế Tôn

Đản sinh từ cội Vô ưu

Đáng vô tỉ, không ai sánh bằng

Người, thấy sự tỏa khắp tất cả thiên nhiên

Của tương liên phụ thuộc

Giữa môi trường và tất cả chúng sinh

Luân hồi và Niết bàn

Động và bất động

Ôi, Ngài đã Giáo huấn thế gian về bi mẫn

Ban lòng từ ái bao la cho tất cả chúng con!

2-

Ôi Đáng cứu độ

Chúng con khấn cầu danh hiệu Quán Tự Tại

Bởi vì Ngài là hiện thân từ bi của tất cả chư Phật

Chúng con khấn cầu Ngài làm cho tâm thức chúng con được chín muồi.

Và làm cho kết quả
Để chúng con quán chiếu thực tại.
Để tan đi vọng tưởng

3-

Tính vị kỷ của chúng con như là đá khối
Thâm căn cố đế trong tâm thức chúng con
Từ vô thủy kiếp
Làm như bản, đục ngẫu và ô nhiễm môi trường
Tạo thành nghiệp báo chung
Của tất cả chúng sinh

4-

Ao và hồ đã biến mất sự trong sáng, mát tươi
Không khí bị nhiễm ô
Vòm trời tự nhiên nóng như lửa cháy
Nổ tung từng mảnh
Và chúng sinh đau khổ vì bệnh tật vốn chưa từng được biết trước đây

5-

Núi tuyết vĩnh cửu lâu đời rục rở lộng lẫy vinh quang
Quy xuống và đổ sụp, và chảy tan thành nước
Những đại dương uy nghiêm mất sự cân bằng muôn thuở
Vượt qua giới hạn từ xưa nhân chìm hải đảo

6-

Những sự nguy hiểm của lửa, nước và gió là không hạn chế
Hơi nóng ngột ngạt phơi khô rừng xanh tươi tốt của chúng ta
Bạo hành thể giới chúng ta với cuồng phong chưa từng nghe thấy.
Và những đại dương dâng muối cho sức mạnh thiên nhiên.

7- Mặc dù con người không thiếu giàu sang
Họ không thể mua sự xa hoa để thở không khí trong lành
Những cơn mưa và những dòng suối không còn làm sạch sẽ bất cứ gì
Nhưng trở thành những dung dịch trợ trợ và bất lực

8-

Chủng loại con người
Và vô số chúng sinh
Sống trên cạn và nơi ẩm thấp
Quay cuồng dưới ách của khổ đau thân thể
Nguyên nhân bởi dịch bệnh hiểm nguy
Tâm thức họ yếu đuối
Bởi lười biếng, ngu dại và tối tăm.
Hi lặc với thân thể và tâm linh

Ngày càng xa, xa lắc ở nơi vô tận

9-

Chúng ta làm ô nhiễm không cần thiết

Tâm tư kiêu diễm của Bà Mẹ Đất chúng ta

Xé toạc những cây cối của bà để nuôi dưỡng những tham lam thiên cận.

Biển đất đai phì nhiêu của chúng ta thành sa mạc cần khô.

10-

Thiên nhiên lệ thuộc tương liên

Của môi trường ngoại tại

Và tự nhiên nội tại loài người

Như được diễn tả trong mật điển tantra

Và những luận điển về y dược và thiên văn học

Quả thực đã được chứng minh

Bằng những kinh nghiệm hiện tại của chúng ta

11-

Trái đất là nhà để muôn loài sinh sống

Bình đẳng và công bằng đến động và bất động

Vì thế lời dạy của Phật là âm thanh chân lý

Với trái đất vĩ đại là chứng nhân

12-

Như những chúng sinh cao quý nhận thức lòng ân cần

Của bà mẹ thông tuệ

Và biểu lộ báo lòng biết ơn ấy

nên chúng ta đối xử với tình cảm chân thành

Vì thế trái đất bà mẹ toàn cầu

Ban cho sự dưỡng nuôi bình đẳng

Chúng ta hãy từ bỏ sự lãng phí và sự nhiễm ô

13-

Của thiên nhiên sạch sẽ sáng trong

Của bốn yếu tố

Chúng ta hãy từ bỏ việc tàn phá sự cát tường của nhân loại

Nhưng hãy miệt mài chính mình trong những hành động ngược lại

Làm lợi ích cho toàn nhân loại

14-

Dưới gốc cây là câu chuyện vĩ đại Đức Phật đản sinh

Dưới gốc cây, Ngài vượt thắng đam mê

Và đạt đến giác ngộ hoàn toàn

Dưới hai cây sala Ngài đã nhập niết bàn

Quả thực, Đức Phật đã gìn giữ cây cối trong một sự quý mến vô

vàn.

15-

Nơi đây, phát nguyên của Văn Thù Sư Lợi
Đạo Sư Tông Khách Ba thân hiển lộ rực rỡ tươi đẹp
Được ghi dấu bởi cây trầm hương
Mang hàng trăm nghìn hình tượng của Phật

16-

Có phải không được biết rõ
Rằng một số bốn tôn siêu việt
Những tâm linh và bốn tôn địa phương cao cả
Xây dựng những lâu đài của họ trong cây?

17-

Cây xum xuê tịnh hóa làn gió
Giúp chúng ta thở không khí duy trì sự sống
Chúng làm vui ánh mắt và tâm chân thật
Bóng của chúng làm một nơi ngồi nghỉ hân hoan

18-

Trong luật tạng, Phật dạy tu sĩ
Chăm sóc cho những cây yếu mềm
Từ đây, chúng con học đạo đức
Của trồng trọt và bảo dưỡng cây xanh

19-

Đức Phật cấm tu sĩ cắt cây
Nguyên nhân làm những người khác chặt cây đang sống
Phá hoại những hạt giống hay làm ô uế làn cỏ xanh tươi
Điều này nên làm cảm hứng cho chúng ta
Yêu mến và bảo vệ môi trường chứ?

20-

Họ nói rằng, trong thế giới thiên đàng
Cây cối khởi sinh
Sự gia hộ của Đức Phật
Và tiếng dội của âm thanh
Của những giáo lý đạo Phật căn bản
Như vô thường

21-

Nó là cây mang đến mưa
Cây giữ bản chất của đất
Kalpa-Taru, cây của ước nguyện đủ đầy
Những sự cư trú thật sự trên đất
Để phục vụ tất cả những mục tiêu

22-

Ngày xưa ngày xưa ấy
Ông bà tổ tiên ta đã ăn trái trên cây
Mặc áo quần bằng lá cây
Khám phá ra lửa bằng sự cọ xát gỗ
ân não giữa những tàng cây
khi họ chạm trán phải hiểm nguy

23-

Ngay cả trong thời đại của khoa học
Của kỹ thuật
Cây cung cấp cho ta nơi trú ngụ
Ghế cho ta ngồi lên
Giường cho ta nằm xuống
Khi trái tim rực cháy
Với ngọn lửa của giận hờn
Nhiên liệu của cãi vả xung đột
Cây mang đến sự tươi vui, đón chào mát mẻ

24-

Trên cây mang những tiếng gầm vang
Của tất cả đời sống trên mặt đất
Khi nó bị quét sạch đi
Mặt đất được minh họa bằng thí dụ
Của cây Jambu
Sẽ chỉ còn lại chẳng gì khác hơn là một sa mạc buồn thảm hoang tàn.

25-

Không có gì thân thiết đến đời sống hơn là sự sống
Liễu ngộ điều này, như trong Luật tạng
Đức Phật đã ban điều ngăn cấm
Như dùng nước có những vi sinh

26-

Trong những vùng hẻo lánh của Hy Mã Lạp Sơn
Vào những ngày xưa, vùng đất Tây Tạng
Tuân theo sự ngăn cấm săn bắt hay câu cá
Và, trong những thời điểm định rõ, ngay cả xây dựng
Những truyền thống này là quý báu
Bởi vì chúng bảo vệ và ấp ủ
Sự sống của những tạo vật thấp hèn, bơ vơ, không khả năng tự vệ

27-

Vui chơi với sự sống của những tạo vật khác
Mà không có chút cảm thương hay ngượng ngịu
Là trong hành động của săn bắt hay câu cá hay thể thao

- Là một hành vi bạo động không chú ý và vô ích
Một sự vi phạm những quyền nghiêm trọng
Của tất cả mọi sự sống và chúng sinh
- 28- Chăm chú ân cần đến thiên nhiên
Của sự tương tức tương nhập của tất cả tạo vật
Của cả sinh vật lẫn những vật vô tri
Chúng ta không bao giờ nên để duôi trong nỗ lực
Để bảo tồn và duy trì năng lượng của thiên nhiên
- 29- Trong một ngày, tháng, năm nào đấy chúng ta nên tiến hành
Buổi lễ về trồng cây
Do thế, chúng ta phải đầy đủ ý thức trách nhiệm
Phục vụ những thành viên của chúng ta
Không chỉ mang đến niềm hạnh phúc cho một người
Mà làm lợi lạc cho tất cả.
- 30- Nguyên cho năng lực về tuân thủ điều này là đúng đắn
Và sự ngăn ngừa những thực hành sai lầm và những hành động xấu ác
Nuôi dưỡng và tăng thêm sự thịnh vượng của thế giới
Nguyên cho nó làm cho cường tráng chúng sinh và giúp chúng nở hoa
Nguyên cho niềm vui sướng núi rừng và niềm hạnh phúc nguyên sơ
Mãi mãi gia tăng, mãi mãi lan tỏa và bủa khắp tất cả.

Thi kệ được phát hành nhân dịp Đức Đạt Lai Lạt Ma tặng một bức tượng Phật đến nhân dân Ấn Độ, đánh dấu việc khai mạc Hội Nghị Quốc Tế về Trách Nhiệm Sinh Quyền: Một đối thoại với Phật Giáo vào ngày 2 tháng Mười, 1993, tại New Delhi.

*

HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA LÀ MỘT THỂ GIỚI DUY NHẤT

Đức Phật Trong Đảng Xanh Lá Cây!

NẾU CHÚNG TA SUY NGHĨ một cách cẩn thận về nó, chúng ta có thể đi đến một kết luận rằng nếu Đức Phật Thích Ca trở lại với chúng ta và gia nhập vào một đảng phái chính trị, đó sẽ là Đảng Xanh Lá Cây! (Cười). Ngài sẽ là một nhà sinh quyền học! (Cười).

Xét cho cùng, Đức Phật đã không sinh ra ở một thiên đàng, nhưng trong một ngôi vườn. Khi ngài trở thành Giác Ngộ, không phải trong một văn phòng, một ngôi nhà, hay một đền đài, nhưng dưới tàng một cây, Cây Bồ Đề. Và khi ngài qua đời, đó là dưới cội sala song thọ mà ngài nhập đại niết bàn.

Nhân Quyền Và Môi Trường

NẾU TÔI PHẢI ĐI BẦU, đó sẽ là một đảng bảo vệ môi trường. Một trong những việc phát triển tích cực hơn hiện nay trên thế giới là sự lớn mạnh nhận thức về tầm quan trọng của thiên nhiên. Không có gì thiêng liêng hay thánh thiện về điều này. Như những con người, sự sống của chúng ta đến từ tự nhiên, và thật là vô nghĩa khi hành động chống lại nó. Đó là tại sao tôi nói rằng môi trường không phải là một vấn đề của tôn giáo, hạnh kiểm hay đạo đức, tất cả những thứ đó là xa xỉ phẩm, vì chúng ta có thể sống mà không có nó và vẫn sống còn. Nhưng chúng ta sẽ không tồn tại nếu chúng ta tiếp tục chống lại thiên nhiên.

Chúng ta phải chấp nhận thực tế này. Nếu chúng ta làm mất sự cân bằng của thiên nhiên, con người sẽ đau khổ. Hơn thế nữa, chúng ta, những người đang sống hôm nay phải quan tâm đến những người sẽ sống ngày mai. Một môi trường trong sạch là nhân quyền giống như bất cứ quyền nào khác. Thế nên, đó là trách nhiệm của chúng ta để trao lại một thế giới lành mạnh, nếu không phải thậm chí là lành mạnh hơn khi chúng ta có nó. Đây là một công việc không phải khó khăn như nó có thể dường như thế. Đúng là, năng lực của chúng ta để hành động như những cá nhân là giới hạn, nhưng chí nguyện của mỗi người thì không thế. Một cách cá nhân, chúng ta phải làm mọi thứ chúng ta có thể, bất chấp nó là nhỏ nhoi như thế nào. Ngay cả

vận tắt đèn khi chúng ta rời phòng dường như không hiệu quả gì lắm, không có nghĩa là chúng ta không phải làm việc ấy.

Về điểm này, như một tu sĩ Phật Giáo, cảm nhận của tôi là tin tưởng trong nghiệp quả là rất hữu ích trong đời sống hàng ngày. Một khi chúng ta tin tưởng trong sự nối kết giữa động cơ của một hành động và hệ quả của nó, thì chúng ta trở nên nhạy cảm hơn với hậu quả của những gì chúng ta làm, cho tự thân và người khác. Đó là lý do tại sao, mặc cho thảm họa đang xảy ra ở Tây Tạng, nhưng tôi vẫn thấy nhiều thứ tốt đẹp trên thế giới.

Tôi đặc biệt an tâm hơn khi tôi thấy rằng sự tiêu thụ, tự nó kết thúc, dường như đang cho thấy cảm giác rằng chúng ta phải bảo tồn những nguồn tài nguyên của Trái Đất. Điều này là hoàn toàn cần thiết. Loài người là con cháu của Trái Đất. Trái lại, Bà Mẹ Đất Chung của chúng ta đã bao dung tánh nết của chúng ta cho đến bây giờ, bà đang cho thấy rằng hiện tại chúng ta đã đến những giới hạn có thể bao dung được.

Tôi cầu nguyện rằng một ngày nào đó tôi có thể truyền rao thông điệp bảo vệ môi trường này và sự quan tâm đến người khác tới người dân Trung Hoa. Vì Phật Giáo hoàn toàn không phải là ngoại lai đối với người Trung Hoa, tôi nghĩ rằng tôi có thể hữu dụng cho họ, ở trình độ thực tế. Đức Ban Thiền Lạt Ma thứ 9 đã một lần truyền lễ Thời Luân ở Bắc Kinh (1932). Do thế, nếu tôi có thể làm được điều này, thì sẽ có một tiền lệ. Như một tu sĩ, sự quan tâm của tôi là cho tất cả mọi thành viên của gia đình nhân loại - thật sự cho toàn thể chúng sanh.

Với tác động lớn mạnh của khoa học trong đời sống của chúng ta, tôn giáo và tâm linh có một vai trò thậm chí lớn hơn, bằng việc nhắc nhở chúng ta về loài người của chúng ta. Không có mâu thuẫn nào giữa hai sự tiếp cận này. Mỗi thứ cho chúng ta những tuệ giác đáng giá cho phép chúng ta thấu hiểu thứ kia tốt hơn. Cả khoa học và giáo huấn của Đức Phật nói với chúng ta về sự hợp nhất thiết yếu của tất cả mọi sinh vật sống.

Đã nhiều lần Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tuyên bố một cách công khai ao ước ban tặng "những anh chị em Trung Hoa" một lễ truyền đạo Thời Luân ở Bắc Kinh, tại Công Trường Thiên An Môn. Nghi lễ Mật tông này, được xem như một nghi thức tối cao của Phật Giáo Tây Tạng, được dâng hiến đến hòa bình thế giới.

Khi ngài truyền đạo Thời Luân ở Sarnath năm 1990 sau khi nhận giải Nobel Hòa Bình thế giới, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã giao lực cho những hạt giống của nhiều loại trái cây và giao cho những người tham dự, tuyên bố, "Tất cả các lực địa trên thế giới đại diện trong buổi tập hợp Thời Luân này. Đây là những hạt giống được đặt gần mạn đà la để tiếp nhận sự gia lực. Có những hạt mơ (apricot), phi (hazelnut), đu đủ, ổi, và những thứ hạt khác, là những thứ có thể phát triển ở những vĩ độ, vùng miền khác nhau. Vì vậy thế giới được gieo trồng những thứ hạt hòa bình khác nhau.

Tâm, Tim, Và Môi Trường

THẬT KHÓ KHĂN CHO những người bình thường thông hiểu trọn vẹn những thông báo của các chuyên gia về sự biến đổi môi trường. Chúng ta đã nghe về sự hâm nóng địa cầu, mực nước biển dâng lên, tỉ lệ ung thư gia tăng, sự gia tăng nhân khẩu học, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên, và sự diệt chủng của các loài. Khắp mọi nơi, hoạt động của con người đang làm nên một sự tăng tốc tàn phá những yếu tố then chốt mà trên ấy những hệ thống sinh quyển tự nhiên của toàn thể mọi loại sự sống nương tựa.

Dân số thế giới đã tăng gấp ba lần trong không gian của một thế kỷ, và dự đoán là sẽ tăng gấp đôi gấp ba trong thế kỷ 21. Với sự phát triển của những sự gia tăng kinh tế toàn cầu cùng cực về sự tiêu thụ năng lượng, sản sinh khí thải, và sự tàn phá rừng ở một mức độ lớn ở ngay trước mắt. Thật khó để tưởng tượng - tất cả những điều này sẽ xảy ra trong kiếp sống của chúng ta và trong kiếp sống của con cháu chúng ta. Chúng ta phải dự đoán trước sự khổ đau và môi trường suy thoái ở mức độ toàn cầu và nó sẽ vượt qua bất cứ thứ gì mà chúng ta đã từng biết trong lịch sử của nhân loại.

Tuy nhiên, ý kiến của tôi, vẫn còn một tin tức tốt lành nào đó: từ bây giờ, chúng ta sẽ phải tìm ra một cách để sống còn với nhau trên hành tinh này. Chúng ta đã kinh nghiệm đủ về chiến tranh, nghèo đói, ô nhiễm, và khổ đau. Theo giáo huấn nhà Phật, những thảm họa này sinh khởi từ si mê, và những hành vi vị kỷ, bởi vì hầu hết thời gian chúng ta có chúng ta không sử dụng để thấy mối liên hệ nối kết tất cả mọi thứ tồn sinh với nhau. Trái Đất đang cảnh cáo chúng ta và cho chúng ta một dấu hiệu rõ ràng về những hậu quả ở mức độ to lớn và năng lực tiêu cực gây ra bởi thái độ bị hướng dẫn sai lạc của nhân loại.

Để ngăn những thói quen tai hại này, chúng ta hãy nghiên cứu để trở nên tỉnh giác hơn về sự lệ thuộc của chúng ta với nhau, và chúng ta hãy dẫn thân trong những hành vi đúng đắn, căn cứ trên động cơ tốt đẹp hơn, để hỗ trợ Trái Đất và những

đồng môn của chúng ta. Đó là tại sao tôi luôn luôn nói về tầm quan trọng của một cảm nhận xác thật về trách nhiệm toàn cầu của chúng ta.

Chúng ta cần kiến thức vốn cho phép chúng ta chăm sóc chính mình, về mỗi địa điểm trên Trái Đất, và của sự sống mà nó duy trì. Tất cả những điều này cũng quan tâm đến những thế hệ tương lai, vì thế sự giáo dục về chủ đề môi trường là một ưu tiên cho mọi người.

Sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật là cần yếu để cải thiện phẩm chất của sự sống trong thế giới hiện đại. Thậm chí quan trọng hơn là học hỏi để thấu hiểu và biết ơn môi trường thiên nhiên của chúng ta hơn, cho dù chúng ta là người trưởng thành hay trẻ con. Nếu chúng ta thật sự quan tâm cho người khác và nếu từ chối hành động một cách thiếu cân trọng, thì chúng ta có thể chăm sóc Trái Đất. Chúng ta hãy học vấn đề chia sẻ nó thế nào thay vì muốn chiếm hữu nó và tàn phá sự xinh tươi của đời sống.

Những nền văn hóa của ông bà để lại đã thích nghi với thiên nhiên cho thấy vấn đề tạo ra sự cân bằng giữa xã hội và môi trường của nó như thế nào. Người Tây Tạng, như một thí dụ, có một kinh nghiệm đặc biệt về sự sống trên cao nguyên Hy Mã Lạp Sơn, đã phát triển qua một nền văn minh có lịch sử lâu đời đã bảo trọng không khai thác quá mức hay tàn phá hệ thống sinh thái mỏng manh. Chúng tôi vốn từ lâu đã biết ơn sự hiện diện của những động vật hoang dã, nghĩ rằng chúng là biểu tượng của tự do. Một sự tôn trọng sâu sắc cho thiên nhiên là có thể thấy trong nghệ thuật và cung cách sống của chúng tôi. Sự phát triển tâm linh của chúng tôi đã được duy trì mặc dù tiên bộ vật chất bị hạn chế. Giống như những chủng loại đa dạng không thể thích nghi sự thay đổi đột ngột của môi trường, những nền văn hóa con người cũng cần được xử sự với một sự quan tâm đặc biệt để bảo đảm cho sự tồn tại của chúng. Do thế, việc nghiên cứu những cung cách sống của những dân tộc khác nhau và bảo tồn di sản văn hóa của họ là một cách để học hỏi việc bảo vệ môi trường như thế nào.

Nếu chúng ta nhìn một cách gần gũi, chúng ta sẽ thấy rằng tâm thức con người, trái tim con người, và môi trường là không thể tách rời. Từ nhận thức này, sự giáo dục môi trường cho phép sự sinh sôi của cả sự thông hiểu và yêu thương mà chúng ta cần cho một sự cùng tồn tại hòa bình và bền lâu.

Chăm Sóc Trái Đất

TRÁI ĐẤT KHÔNG CHỈ là di sản chung của nhân loại, nhưng cũng là cội nguồn sau cùng của sự sống. Bằng việc khai thác quá mức những tài nguyên của nó,

chúng ta đang đi trên một tiến trình bào mòn chính nền tảng sự sống còn của chúng ta. Chung quanh chúng ta thấy những dấu hiệu của sự tàn phá được tạo ra bởi hành vi của con người và sự thoái hóa thiên nhiên. Do thế, việc bảo vệ và bảo tồn Trái Đất là những vấn đề không phải đạo đức hay hạnh kiểm, mà là sự sống còn. Cung cách mà chúng ta đối diện với sự thử thách này sẽ có một tác động không chỉ cho thế hệ của chúng ta mà còn cho nhiều thế hệ sắp đến.

Khi đi đến những vấn đề có nội dung toàn cầu như vậy, tâm thức con người là nhân tố then chốt, như trường hợp trong những vấn đề thương mại, quốc tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, hay sinh quyển. Tất cả những thứ này dường như vượt quá năng lực đáp ứng của con người, nhưng gốc rễ và giải pháp của chúng phải được tìm kiếm từ trong tâm thức. Nhằm để chuyển hóa hoàn cảnh bên ngoài, chúng ta phải chuyển hóa chúng ta từ bên trong. Nếu chúng ta muốn một ngôi vườn xinh đẹp, trước nhất chúng ta phải phác họa nó ra từ trong sự tưởng tượng của chúng ta và có một ảo ảnh về nó. Sau đó ý tưởng có thể được làm cho cụ thể, và ngôi vườn bên ngoài sẽ biến thành hiện thực. Việc tàn phá tài nguyên thiên nhiên là kết quả từ sự thiếu hiểu biết, si mê, từ việc thiếu tôn trọng những sinh vật sống của Trái Đất, và từ sự tham lam.

Để bắt đầu, chúng ta phải cố gắng để kiểm soát những thể trạng tiêu cực này của tâm thức bằng việc phát triển một sự tỉnh giác về mối liên hệ tự nhiên hỗ tương của tất cả mọi hiện tượng, bằng việc trau dồi một nguyện ước không tổn hại những sinh vật sống khác, và bằng việc thấu hiểu nhu cầu của chúng với từ bi. Do bởi mối liên hệ tự nhiên hỗ tương này của mọi sinh vật sống, cho nên chúng ta không thể hy vọng để giải quyết một vấn đề nhiều mặt bằng việc bắt đầu với tính thiên vị hay một thái độ ích kỷ. Lịch sử cho thấy rằng nhiều dân tộc không thường giải quyết được để hợp tác. Những thất bại trong quá khứ của chúng ta là kết quả từ sự thiếu hiểu biết về mối liên hệ tự nhiên hỗ tương của chúng ta. Ngày nay, chúng ta cần một sự tiếp cận toàn diện đến những vấn nạn liên hệ với một ý nghĩa xác thật của trách nhiệm toàn cầu, căn cứ trên từ ái và từ bi.

Tôi dâng hiến những nguyện ước tốt đẹp nhất của tôi và sự cầu nguyện của tôi nhờ đó chúng ta có thể trở nên nhận thấy về nhu cầu để chăm sóc Trái Đất tốt đẹp hơn.

Mối Liên Hệ Hỗ Tương Nhìn Từ Không Gian

KHI CHÚNG TA NHÌN Trái Đất từ không gian, chúng ta không thấy bất cứ biên giới nào, chỉ là một hành xanh nhỏ bé. Một hành tinh. Câu hỏi phát sinh ngày nay là về tương lai của toàn hành tinh. Điều trở thành rõ ràng hơn là chính sự sống còn của chúng ta liên hệ đến một số nhân tố. Mỗi lệ thuộc hỗ tương được dạy trong

Đạo Phật bây giờ dường như không giống một ý tưởng trừu tượng, nhưng giống như một yếu tố chứng minh, được làm sáng tỏ bởi hình ảnh này của Trái Đất.

Vị thế của Đức Đạt Lai Lạt Ma về chủ đề đạo đức, nhân quyền, và môi trường được giới thiệu đến bối cảnh quốc tế khái niệm về mối liên hệ hỗ tương và sự phong phú của nó, trách nhiệm toàn cầu. Do vậy, từ những năm 1990, nhiều tuyên bố của Liên Hiệp Quốc đã được viết với mục tiêu tạo ra trong những dân tộc trên thế giới một cảm giác mới về mối liên hệ hỗ tương và chia sẻ trách nhiệm cho sự cát tường của nhân loại và tất cả những sự sống.

Thí dụ, trong những văn bản tiếp theo thì chúng ta sẽ thấy những khái niệm then chốt về sự phân tích của Đức Đạt Lai Lạt Ma cho thế giới đương đại: Hiến Chương về Trách Nhiệm của Nhân Loại (tháng 12 năm 2002); Tuyên Ngôn về Đạo Đức Toàn Cầu, được viết bởi Nghị Hội Tôn Giáo Thế Giới (Chicago, 1994), Dự Án cho Đạo Đức Phổ Quát, được khai triển bởi Ban Triết Lý và Đạo Đức của UNESCO, Tuyên Ngôn Phổ Quát cho Trách Nhiệm của Nhân Loại (Viên, 1997), và Hiến Chương Trái Đất, được trình bày tại UNESCO (Paris, 2000).

Tiếng vang của những sự phân tích của Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể được thấy trong thuật ngữ của những tài liệu này - như được chứng minh, thí dụ, bằng sự trích dẫn này từ Hiến Chương Trái Đất cho việc tạo nên một xã hội thế giới vào một thời điểm quan trọng của lịch sử Trái Đất, lúc con người phải quyết định tương lai của chính họ.

Khi thế giới trở nên liên hệ hỗ tương và mong manh gia tăng, thì tương lai ngay lúc ấy chứa đựng một hiểm họa lớn và một hứa hẹn lớn. Để tiến tới phía trước chúng ta phải nhận ra ở giữa sự đa dạng tuyệt vời của những nền văn hóa và các hình thức sống, chúng ta là một gia đình nhân loại và một cộng đồng Trái Đất với một số phận chung. Chúng ta phải chung tay nhau để đem đến một xã hội toàn cầu bền vững được đặt trên nền tảng của sự tôn trọng tự nhiên, nhân quyền phổ quát, sự công bằng kinh tế, và một nền văn hóa hòa bình. Để hướng đến mục tiêu này, bắt buộc chúng ta, những dân tộc trên Trái Đất, tuyên bố trách nhiệm của chúng ta với nhau, đến một cộng đồng lớn hơn của đời sống, và đến những thế hệ tương lai.

Nhân loại là một bộ phận của vũ trụ tiến hóa bao la. Trái Đất, ngôi nhà của chúng ta, tồn tại một cộng đồng đặc thù của sự sống ... Môi trường toàn cầu với những

tài nguyên có hạn là một mối quan tâm chung của tất cả mọi dân tộc. Việc bảo vệ sức sống, đa dạng, và xinh đẹp của Trái Đất là một trách nhiệm thiêng liêng.

Sự lựa chọn là của chúng ta: hãy hình thành một quan hệ đối tác toàn cầu để chăm sóc Trái Đất và chăm sóc nhau hay tránh sự tàn phá chính chúng ta và sự đa dạng của đời sống. Những thay đổi nền tảng là cần thiết trong những giá trị, những tổ chức, và những cung cách sống. Chúng ta phải nhận ra rằng khi những nhu cầu căn bản đã đạt đến, thì sự phát triển nhân loại một cách chính yếu là vui sống hơn, chứ không phải có thêm của cải.

Để hiện thực những nguyện vọng này, chúng ta phải quyết định sống với một cảm giác của trách nhiệm toàn cầu, đồng hóa chúng ta với toàn thể cộng đồng Trái Đất cũng như cộng đồng địa phương của chúng ta ... Mọi người chia sẻ trách nhiệm cho sự cát tường hiện tại và tương lai của gia đình nhân loại và thế giới của sự sống rộng lớn hơn. Tinh thần của sự đoàn kết và tình thân thuộc của nhân loại với toàn thể sự sống được làm mạnh khi chúng ta sống với sự tôn trọng cho sự hiện hữu huyền bí, biết ơn tặng phẩm của sự sống, khiêm tốn với vị trí của nhân loại trong tự nhiên.

Chúng ta cần gặp một tầm nhìn chung về những giá trị căn bản để cung ứng một nền tảng đạo đức cho sự hiện hữu của cộng đồng thế giới.

Thật hấp dẫn để đề cập rằng Hiến Chương Trái Đất đã thực hiện một điểm xác định "vị trí chúng ta thể hiện như loài người trong vũ trụ." Nếu nó cần thiết để thừa nhận phẩm chất của chúng ta như những con người, không phải đó là một dấu hiệu cho thấy rằng vị trí này đã bị đe dọa hay sao?

Tâm linh dường như cấu thành một nguồn gốc tối hậu, vì nó xoáy mạnh chung quanh những giá trị nhân bản và ý nghĩa của sự sống. Chính là trên căn bản này mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đề nghị việc tìm ra một đạo đức thế tục cho thế kỷ 21. Ngài khẳng định rằng tâm linh cho phép một cuộc cách mạng của trái tim có thể đánh thức tâm ý của chúng ta. Không gian tâm linh biểu hiện năng lực con người của chúng ta, tất cả có thể mở ra một cung cách cho việc chuyển hóa nội tại mà nhờ đó có thể hướng đến việc chuyển hóa thế giới.

Phần 3: Như Một Đạt Lai Lạt Ma

6- Năm 1959 Đức Đạt Lai Lạt Ma gặp gỡ thế giới

TÔI LÀ NGƯỜI DUY NHẤT CÓ THỂ ĐẠT ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ RỘNG RÃI

Lúc Mười Sáu Tuổi, Tôi Trở Thành Lãnh Tụ Thế Quyền Của Tây Tạng

THÁNG MƯỜI NĂM 1950, trong chiến dịch của họ ở miền Đông Tây Tạng, Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Cộng đã gây ra những thất bại nặng nề vào quân đội của chúng tôi, vốn rất ít ỏi và vũ khí thô sơ hơn họ rất nhiều. Khi chúng tôi biết rằng thành phố Chamdo đã rơi vào quân Trung Cộng, sự lo âu của chúng tôi gia tăng mãnh liệt. Đối diện với hiểm họa lù lù trước mắt, dân chúng Lhasa được động viên để yêu cầu tôi được lãnh trách nhiệm và được bổ nhiệm vai trò lãnh đạo thế quyền.

Những tuyên bố được dán trên những bức tường của thành phố, chỉ trích chính phủ dữ dội và yêu cầu tôi nắm lấy vận mạng của đất nước trong tay tôi. Tôi nhớ là mình đầy lo lắng khi tin tức đến tai tôi. Tôi chỉ mới mười sáu tuổi, và chưa hoàn tất việc tu học của tôi. Điều gì nữa, tôi không biết gì về những sự thay đổi xảy ra ở Trung Hoa và đã dẫn đến việc xâm lược quê hương tôi. Tôi không được tiếp nhận bất cứ sự huấn luyện nào về chính trị. Cho nên tôi đã chống lại, viện cớ không có kinh nghiệm và tuổi tác của tôi, vì thông thường một Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ giảm bớt trách nhiệm của vị nhiếp chính vào tuổi mười tám chứ không phải mười sáu.

Rõ ràng rằng những thời gian dài của nhiếp chính là một điểm yếu của hiến pháp chúng tôi. Tự tôi đã có vài năm có thể quán sát những căng thẳng giữa những bè phái khác nhau trong chính quyền và hệ quả tai hại của họ đối với việc quản lý đất nước. Hoàn cảnh đã trở thành thảm họa dưới sự đe dọa xâm lược của Trung Cộng. Hơn thế nữa, chúng tôi cần thống nhất, và như một Đức Đạt Lai Lạt Ma, tôi là người duy nhất có thể đạt được sự hỗ trợ phổ quát của đất nước.



Hộ Pháp Kuten

Nội các của tôi đã quyết định tham khảo ý kiến nhà tiên tri của quốc gia. Vào cuối buổi lễ, một vị tu sĩ Hộ Pháp Kuten, thường tuyên bố những điều trong lúc xuất thần, lão đạo dưới sức nặng của khôi giáp, đã đi đến tôi là đặt trên đùi tôi một kata, một khăn choàng nghi lễ trắng, mà trên ấy ông đã viết những chữ "thu la bap - thời của ngài đã đến."

Vị tiên tri đã nói. Tôi phải lãnh trách nhiệm và chuẩn bị không thể chậm trễ để lãnh đạo đất nước tôi, vốn đang đi vào chiến tranh.

Vào ngày 17 tháng Mười Một năm 1950, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chính thức trở thành vị lãnh tụ thế quyền của Tây Tạng. Vào ngày 1 tháng Mười năm 1949, Mao Trạch Đông với chiến thắng quân Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đã tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ở Bắc Kinh. Bắt đầu ngày 1 tháng Giêng năm 1950, Mao cho biết ý định sẽ "giải phóng" Tây Tạng, mà người Tàu thường gọi một cách truyền thống là "Ngôi Nhà của Những Kho Tàng Phương Tây" hay Tây Tạng. Trong ngôn ngữ tuyên truyền, "sự giải phóng" là một vấn đề chấm dứt "chủ nghĩa đế quốc phương Tây" và "chính phủ phản động" của chế độ thần quyền cuối cùng trên thế giới. Tuy nhiên, vào lúc ấy chỉ có bảy người ngoại quốc ở Tây Tạng.

Vào ngày 7 tháng Mười năm 1950, năm mươi nghìn quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Cộng đã vượt sông Dương Tử, biên giới phía Đông giữa Tây Tạng và Trung Hoa. Mặc cho sự chống cự mãnh liệt của 8,500 binh sĩ Tây Tạng và những trở ngại thiên nhiên đáng kể, đội quân Trung Cộng đã tiến không ngừng. Nó chỉ dừng lại cách thủ đô Lhasa vài trăm cây số.

Chính quyền Tây Tạng đã được kêu gọi gửi một phái đoàn đến Bắc Kinh để thương thảo với nhà cầm quyền Trung Cộng về những điều kiện của cuộc "giải phóng hòa bình."

Chúng Tôi Đã Tin Tưởng Một Cách Sai Lầm Rằng Cô Lập Sẽ Bảo Đảm Cho Sự Hòa Bình Của Chúng Tôi

SỰ ĐE DỌA CHO NỀN tự do của Tây Tạng đã không thoát khỏi sự chú ý của thế giới. Chính quyền Ấn Độ, được sự hỗ trợ của Anh Quốc, chống lại quyền lực của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa vào tháng Mười Một năm 1950, tuyên bố rằng sự xâm lược đất nước chúng tôi đe dọa hòa bình. Nhưng tất cả đều là rỗng tuếch. Chúng tôi sẽ phải trả cho cái giá về sự cô lập của tổ tiên chúng tôi.

Địa lý cắt rời đất nước chúng tôi với thế giới còn lại. Trước đây ở Tây Tạng, nhằm để đến những biên giới của Ấn Độ hay Nepal, người ta phải dự định một hành trình dài đằng đẳng, khó khăn, hàng tháng từ Lhasa xuyên qua những đường đèo cao ngất của Hy Mã Lạp Sơn vốn không thể vượt qua hầu như suốt cả năm.

Cô lập, thế thì, là một biểu hiện đặc trưng của đất nước chúng tôi, và chúng tôi cẩn thận củng cố nó bằng việc chỉ cho phép hiện diện một con số nhỏ những người ngoại quốc. Trong quá khứ, Lhasa thậm chí được gọi là "Tử Cấm Thành". Thật đúng rằng, theo lịch sử những mối quan hệ của chúng tôi với những dân tộc láng giềng - Mongolia, Mãn Châu, và Trung Hoa - là đối nghịch. Trên tất cả, mặc dù, chúng tôi muốn sống trong hòa bình, trong tâm linh của tôn giáo chúng tôi. Chúng tôi đã nghĩ rằng chúng tôi có thể tiếp tục cách sống hòa bình này bằng việc duy trì nó tách biệt với thế giới. Đây là một sai lầm. Và ngày nay, tôi làm cho nó có bốn phần là để cửa rộng mở với tất cả mọi người.

Đức Đạt Lai Lạt Ma hối tiếc một cách đúng đắn rằng, vì thiếu sự quan tâm trong chính trị ngoại giao và thiếu kinh nghiệm trong những mối quan hệ quốc tế, Tây Tạng quên lãng việc làm cho sự độc lập của mình được biết một cách chính thức trong cộng đồng những quốc gia trên thế giới. Sự kiện Tây Tạng độc lập^[1] đã được tuyên bố dưới thời Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 trong cuộc cách mạng Trung

Hoa lần thứ nhất năm 1911 (Tân Hợi), và trục xuất Trú Trát Đại Thần (đại diện của hoàng đế) cùng với một đội quân trú phòng nhỏ Trung Hoa.

Vào đầu thế kỷ 20, trong thực tế Tây Tạng đầy đủ tiêu chuẩn của một quốc gia có chủ quyền. Nó sở hữu một lãnh thổ và những biên giới xác định và một chính quyền thực hiện thẩm quyền trọn vẹn và duy trì những mối liên hệ quốc tế. Năm 1947, trong Hội Nghị Quan Hệ Á Châu ở New Delhi, phái đoàn Tây Tạng đã ngồi cùng với lá cờ của họ, cùng với đại diện của 32 quốc gia. Nhưng chính sách ngoại giao của Tây Tạng đã chỉ giới hạn sự tiếp xúc với những quốc gia có cùng biên giới: Anh quốc, và sau này Ấn Độ độc lập, Nepal, Bhutan, và Trung Hoa. Vị thế độc lập thật sự này không được hợp pháp hóa qua sự nhìn nhận của quốc tế.

Sự độc lập của Tây Tạng trong mối quan hệ với Trung Hoa tự nó mâu thuẫn để giải thích do bởi sự phức tạp và thường bị hiểu sai vì chính trị và tôn giáo vốn bị làm rối rắm trong mỗi nước. Trong quá khứ vốn từng là một quốc gia chiến đấu ở Mông Cổ, Trung Hoa, và những thị quốc trong Đường Tơ Lụa, mà Tây Tạng đã bao gồm, vào lúc quân đội đạt đến tột đỉnh trong thế kỷ thứ 8, những dân tộc Ấn - Âu, Thổ Nhĩ Kỳ, và Trung Hoa, và ngay cả chiếm cứ kinh đô Tràng An của Trung Hoa. Mặc dù bị chinh phục bởi những người Mông Cổ vào thế kỷ thứ 10, nhưng Tây Tạng chưa bao giờ bị sáp nhập vào trong đế quốc của họ.

Một mối quan hệ thầy - trò bảo hộ tâm linh được thiết lập giữa những Đức Đạt Lai Lạt Ma và những vị vua khả hãn của Mongolia, và vào thế kỷ 13, khi người Mông Cổ thành lập triều Đại Nguyên ở Trung Hoa, mối quan hệ như vậy cũng đã được thiết lập giữa Thiên Tử Hoàng Đế và Đức Đạt Lai Lạt Ma. Hoàng đế Đại Nguyên được các vị Đạt Lai Lạt Ma xem như hóa thân của Mạn Thù Thất Lợi trên trái đất, vị Bồ tát của Tuệ Trí, và quyền lực bảo hộ thế tục được giao cho hoàng đế. Đức Đạt Lai Lạt Ma, dòng truyền thừa hóa thân từ đức Quán Thế Âm, vị Bồ tát của từ bi Giác Ngộ, thi hành thẩm quyền tâm linh được tôn trọng cả ở Trung Hoa và Mongolia.

Trong phạm vi của mối quan hệ đặc biệt như vậy, vào thế kỷ 18 quân đội Đại Thanh Trung Hoa đã can thiệp để tái lập vị trí của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 7, khi Tây Tạng bị phân chia bởi một cuộc nội chiến. Hai vị Trú trát đại thần ở lại Lhasa, nhưng họ được yêu cầu phải báo cáo với chính quyền của Đức Đạt Lai Lạt Ma, và họ chưa bao giờ thi hành bất cứ đặc quyền nào nhân danh Đại Thanh Trung Hoa.

Sau này, trong thế kỷ 20, Tây Tạng trở thành một chiếc cọc của Trung Á khi nó bị căng thẳng bởi sự tham lam của cả Nga và Anh. Trước tiên Anh Quốc cố gắng ký kết những thỏa thuận thương mại với Trung Hoa về Tây Tạng và để vẽ lại một

cách đơn phương những biên giới của vương quốc Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng người Tây Tạng chống lại hiệu lực của những hiệp ước này.

Năm 1904, một đội quân thám hiểm của Anh cố gắng để áp đặt quyền ưu tiên của Anh Quốc bằng vũ lực, và Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 phải rời khỏi thủ đô bị chiếm đóng. Anh Quốc và vị nhiếp chính ký Hiệp Định Lhasa, bồi thường chiến tranh và cho Anh Quốc đặc quyền thương mại. Hiệp định này thiết lập một sự thừa nhận thực tế về chủ quyền của Tây Tạng trong mối quan hệ với quốc gia Trung Hoa. Nó được củng cố vào năm 1906 bằng một văn kiện mà Anh Quốc ký với Trung Hoa, vốn chấp nhận rõ ràng hiệp định Anh - Tạng.

Tuy thế, năm 1907, để củng cố quyền lợi của họ, Anh Quốc thương thảo lại với người Trung Hoa và đã kết thúc bằng hiệp định Bắc Kinh, mà trong ấy họ đồng ý không thương thảo với Tây Tạng ngoại trừ qua sự trung gian của Trung Hoa. Trong sự mâu thuẫn trắng trợn với những thỏa ước trước, hiệp định mới rõ ràng nhìn nhận "quyền bá chủ" của Trung Hoa đối với Tây Tạng. Vì vậy, một sự thật tương phản được hợp thức hóa, hình thành một căn bản để sau này người Trung Hoa cho rằng Tây Tạng là một phần của Trung Hoa.

Đức Đạt Lai Lạt Ma lấy làm tiếc về những mâu thuẫn trong Hiệp Định Bắc Kinh, mà những hậu quả của nó thành ra rất nghiêm trọng cho đất nước của ngài: "quyền bá chủ là một thuật ngữ mơ hồ và cũ kỹ. Có lẽ nó là thuật ngữ gần nhất của chính trị phương Tây để diễn tả những mối quan hệ giữa Tây Tạng và Trung Hoa từ 1720 đến 1890, tuy thế, nó rất là không chính xác, và việc sử dụng nó đã làm lạc hướng toàn bộ những thế hệ các chính khách phương Tây. Nó đã không quan tâm đến mối quan hệ tâm linh qua lại, hay việc nhìn nhận rằng mối quan hệ ấy là một vấn đề cá nhân của các Đức Đạt Lai Lạt Ma và những hoàng đế Mãn Châu. Có nhiều mối quan hệ Đông phương cổ xưa như vậy mà vốn không thể diễn tả được trong những thuật ngữ chính trị có sẵn ở phương Tây. Những cuộc phản kháng của người Tây Tạng sau đó ở trước Liên Hiệp Quốc đã không thành công trong việc gạt bỏ thẩm quyền của Trung Hoa và việc thừa nhận chủ quyền của người Tây Tạng.

Tôi Xác Nhận Sự Kêu Gọi Của Nội Các Tây Tạng Với Liên Hiệp Quốc

NGÀY 7 THÁNG MUỖI MỘT NĂM 1950, nội các và chính quyền Tây Tạng đã kêu gọi Liên Hiệp Quốc, yêu cầu họ can thiệp cho chúng tôi. Tôi đã chấp nhận những thuật ngữ của lá thư:

Chú ý của thế giới đã được đoàn kết lại nơi mà sự gây hấn đang bị chống lại bởi lực lượng quốc tế. Tương tự thế những gì đang xảy ra ở một vùng xa xôi Tây Tạng lại đang trôi qua mà không được đề cập đến. Chính là trong niềm tin tưởng rằng sự xâm lược sẽ không tiếp diễn mà không được kiểm soát và sự tự do không được bảo vệ ở bất cứ nơi nào trên thế giới mà chúng tôi có trách nhiệm báo cáo đến Tổ Chức Liên Hiệp Quốc, qua quý vị, những gì mới xảy ra gần đây trong vùng biên giới của Tây Tạng.

Như quý vị đã biết, vấn nạn Tây Tạng có tầm vóc trong thời gian gần đây. Vấn nạn này không phải của do chính Tây Tạng tạo ra nhưng chính phần lớn là sự hậu quả tham vọng không bị cản trở của Trung Hoa nhằm đưa những quốc gia yếu kém vùng ngoại biên ở dưới sự thống trị tàn bạo của nó.

Chiến lược của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa là nhằm làm cho phương Tây tin rằng họ cam kết chân thành giải quyết hòa bình vấn đề Tây Tạng. Những quốc gia hàng đầu vốn đang bận tâm với hiểm họa chiến tranh hạt nhân; với Đại Hàn đang ở trọng điểm sự quan tâm của họ, và Liên Xô đã tuyên bố ủng hộ Trung Hoa Mao-ít. Quốc gia thành viên duy nhất đã ra lời kêu gọi chống lại sự xâm lược của lực lượng ngoại nhập vào Tây Tạng là El Salvador, tháng Mười Một năm 1950. Thủ Tướng Jawaharlal Nehru của Ấn Độ, người vốn quan tâm đến việc duy trì quan hệ hữu nghị của ông với người láng giềng khổng lồ ở phía Bắc, đã từ chối can thiệp, Anh Quốc cho thấy sự dửng dưng của họ, và Hoa Kỳ chọn sự thận trọng vì sợ làm suy sụp những mối quan hệ của họ với Xô Viết.

Tuy nhiên, trên đất nước Tây Tạng, quân đội Trung Cộng đang gây ra những hành vi bạo động ở miền Đông Tây Tạng. Chính phủ Tây Tạng đã gửi một phái đoàn đến Bắc Kinh để đàm phán. Nhưng những sự thảo luận đã đi đến dừng lại đột ngột, và bị đe dọa với một cuộc diễn hành quân sự ở Lhasa, vào ngày 23 tháng Ba năm 1951, những phái viên Tây Tạng đã ký một Thỏa Ước cho sự Giải Phóng Tây Tạng một cách Hòa Bình, cũng được gọi là Thỏa Ước Mười Bảy Điểm, vốn được sắp xếp sự sáp nhập xứ sở của họ bởi Trung Hoa.

Theo những Hội Đồng Luật Gia Quốc Tế, văn kiện này là vô giá trị dưới luật lệ quốc tế bởi vì nó được ký kết dưới sự đe dọa của vũ khí.

Đất Mẹ Một Sự Dối Trá Hồ Thẹn

TÔI THƯỜNG NGHE TIN TỨC từ đài phát thanh Bắc Kinh bằng Tạng ngữ. Một đêm nọ chỉ có mình tôi, đột nhiên nghe một giọng chất chứa tuyên bố rằng Thỏa Ước Mười Bảy Điểm cho sự Giải Phóng Tây Tạng Hòa Bình mới vừa được ký kết giữa những đại diện của chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và cái gọi là chính quyền khu vực Tây Tạng.

Tôi đã không thể tin tưởng tai tôi. Tôi muốn nhảy lên và gọi mọi người, nhưng tôi như bị dán chặt vào chỗ ngồi của tôi. Người tuyên bố giải thích rằng "trong thế kỷ vừa qua, những lực lượng gây hấn của đế quốc đã xâm lược Tây Tạng gây ra đủ loại ngược đãi và kích động ở đó. Kết quả của việc này," ông ta nói là "dân tộc Tây Tạng bị ngập sâu vào những khổ đau nô lệ tràn trề." Thân thể tôi như bị bệnh khi tôi nghe những dối trá không thể có và những sáo ngữ tuyên truyền kỳ quái.

Nhưng những điều tồi tệ nhất chưa đến. Đài phát thanh tuyên bố rằng, theo điều đầu tiên của Thỏa Ước, dân tộc Tây Tạng sẽ trở về "đất của mẹ họ". Rằng Tây Tạng có thể trở về đất mẹ là một sự dối trá xấu hổ! Tây Tạng chưa bao giờ là một phần của Trung Hoa. Trái lại, nó có thể đòi hỏi những phần lãnh thổ rộng lớn của Trung Hoa. Những dân tộc của chúng tôi là khác biệt chủng tộc, và hoàn toàn triệt để như vậy. Chúng tôi không nói cùng một ngôn ngữ, và chữ viết của chúng tôi không có gì chung với chữ viết Trung Hoa.

Điều đáng báo động nhất là phái đoàn Tây Tạng không có quyền ký kết nhân danh tôi. Nhiệm vụ duy nhất của họ là đàm phán; tôi đã giữ ấn triện quốc gia với tôi.



Takster Rinpoche và Đức Đạt Lai Lạt

Ma

Đức Đạt Lai Lạt Ma bị đối diện với một tình trạng khó xử. Anh trai của ngài, Takster Rinpoche, đã rời tu viện Kumbum và tiếp xúc với nhà ngoại giao ở

Calcutta. Ông tin chắc rằng người Mỹ sẽ không dung thứ sự bành trướng của chủ nghĩa Trung Cộng và họ sẽ chiến đấu cho Tây Tạng. Biết rằng quân đội Hoa Kỳ đang tham dự ở Đại Hàn, Đức Đạt Lai Lạt Ma nghi ngờ người Mỹ sẽ mở chiến trận thứ hai ở Tây Tạng. Điều gì hơn thế nữa, nhận biết rằng Trung Hoa là một đất nước nhiều dân số, ngài sợ rằng một cuộc xung đột quân sự, ngay cả được hỗ trợ bởi sức mạnh bên ngoài, sẽ cực kỳ lâu dài và đẫm máu. Để tránh sự tẩm máu với một kết quả không lường được, Đức Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi quyết định gặp gỡ những lãnh tụ Trung Cộng. Nghĩ rằng họ cũng là những con người, ngài hy vọng có thể thảo luận mọi việc với họ và đạt đến một thỏa thuận.

Cá Tính Của Mao Gây ấn Tượng Với Tôi

MẶC DÙ PHẠM VI của những mối quan hệ khó khăn với Trung Hoa, nhưng năm 1954, và 1955 tôi đã đi đến quốc gia ấy. Đó là một cơ hội tốt để khám phá một thế giới khác biệt. Điều gì hơn nữa, trong cuộc du hành này tôi đã gặp nhiều người Tây Tạng trong các tỉnh Kham và Amdo, thế nên tôi đã thu thập nhiều kinh nghiệm và hiểu biết mới. Tôi cũng đã gặp nhiều lãnh tụ, đáng chú ý là Mao Trạch Đông. Lần đầu tiên tôi gặp ông trong một cuộc biểu tình công cộng. Khi tôi đi vào phòng của ông, tôi chú ý trước nhất là ánh đèn pin, Mao đang ngồi giữa ánh sáng ấy, rất tĩnh lặng và thư thái. Ông không giống như một người đàn ông thông thái đặc thù. Khi tôi bắt tay ông, mặc dù, tôi cảm thấy giống như tôi đang ở trong một năng lực điện từ mạnh. Thái độ của ông rất thân thiện, cung cách tự nhiên, mặc dù nghi thức.



Đức Ban Thiên Lạt Ma - Mao - Đức Đạt Lai Lạt Ma

Tất cả, tôi có ít nhất hơn chục lần gặp gỡ với ông, hầu hết là trong những buổi hội họp đông đảo, nhưng một vài lần cá nhân. Trong những hoàn cảnh như vậy, cho

dù là yến tiệc hay hội nghị, ông luôn luôn để tôi ngồi bên cạnh ông, và ngay cả một lần sốt thức ăn cho tôi.

Tôi thấy ông ta thật ấn tượng. Về thể chất mà nói, ông rất khác thường. Ông có nước da thâm màu, nhưng làn da dường như lấp lánh, giống như ông có thoa kem. Bàn tay ông rất đẹp và có cùng ánh sáng lạ ấy, với những ngón tay hoàn hảo và những ngón tay cái to sắc xảo. Tôi chú ý rằng ông dường như hơi khó thở, và thường khò khè. Có lẽ điều ấy tác động đến cung cách nói năng của ông, là luôn luôn chậm chạp và chính xác. Ông dường như từng phân từng câu ngắn, chắc chắn là vì cùng lý do ấy. Chuyển động và tư thái của ông cũng rất chậm chạp. Phải cần vài giây để chuyển đầu ông từ trái sang phải, tạo cho ông không khí trang nghiêm và tự tin.

Cuộc phỏng vấn cuối cùng của chúng tôi xảy ra vào mùa xuân năm 1955, trong phòng của ông, một ngày trước khi tôi khởi hành. Tôi đã đi thăm vài tỉnh của Trung Hoa vào lúc ấy và tôi đã sẵn sàng để nói với ông trong tất cả sự chân thành rằng tôi bị hấp dẫn một cách mạnh mẽ trong những chương trình phát triển khác nhau cho Tây Tạng. Nhưng ông ta đến gần tôi và thì thầm, "Thái độ của ông là đúng đắn vì ông đang học hỏi. Nhưng hãy tin tôi, tôn giáo là thuốc độc vốn có hai khuyết điểm nghiêm trọng: nó làm giảm thiểu dân số, vì tăng và ni thệ nguyện độc thân, và nó làm ngăn trở tiến trình. Nó đã sinh ra hai nạn nhân, Tây Tạng và Mông Cổ."

Với những lời này, tôi bị ngập tràn với một cảm giác cháy bỏng trên mặt tôi và một sự sợ hãi mãnh liệt.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã rời Trung Hoa mà không có bất cứ ảo tưởng nào. Nhưng ngài quán chiếu một cách thẳng thắn rằng những người đang gặp khó khăn luôn luôn có xu hướng bám víu với sự hy vọng mong manh nhất, thế nên ngài lại cố gắng để tìm một nền tảng chung với kẻ chiếm đóng, mà sự hiện diện của họ đã được củng cố với sự vắng mặt của ngài.

Sau khi ký Thỏa Ước Mười Bảy Điểm, Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Cộng đã tiếp tục mở rộng sự chiếm đóng của họ, chiếm cứ Lhasa và trung tâm Tây Tạng. Đảng Trung Cộng tiếp tục phá hoại những tỉnh phía Đông Tây Tạng, vốn được chuyển giao dưới thẩm quyền của những địa phương khác nhau của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, vì trong năm 1955 Mao đã quyết định bao gồm những tỉnh này trong "dòng thác xã hội chủ nghĩa hóa vĩ đại."

Giữa những năm 1950 và 1959, phí tổn bồi dưỡng cho quân chiếm đóng và những vùng đất tập thể hóa đầu tiên gây ra nạn đói, trong khi lao động bị buộc phải xây dựng những đường xá chiến lược. Khi, bắt đầu "Đại Nhảy Vọt" của năm 1958, cải cách dân chủ kéo theo việc buộc tố cáo những lãnh tụ Tây Tạng và những lạt ma tôn kính, đưa đến những cuộc nổi dậy lan tỏa phổ biến. Nhà đương cục Trung Cộng củng cố quân đội chiếm đóng với những đội quân tăng cường khi lực lượng kháng chiến vũ trang chống lại kẻ chiếm đóng trở nên cực đoan hơn ở miền Đông Tây Tạng của các tỉnh Kham và Amdo.

10 Tháng Ba 1959, Ngày Đồng Khởi ở Lhasa



Dân chúng Lhasa tụ tập tháng Ba năm 1959

SAU BUỔI CẦU NGUYỆN và điểm tâm [ngày 10 tháng Ba năm 1959], tôi ra ngoài đi vào ánh sáng của một buổi sáng tĩnh lặng và cất bước dạo quanh khu vườn. Bầu trời trong như pha lê, và những tia nắng sáng ngời trên những ngọn núi trông xuống tu viện Drepung từ xa xa. Chẳng bao lâu chúng rọi xuống cung điện và tỏa chiếu trên điện mùa hè Norbulingka, Công Viên Trân Bảo, nơi tôi đang tản bộ. Đó là một mùa xuân tươi mát, vui vẻ, với từng cụm cỏ mới và những chồi non đơm đầy trên cây dương và cây liễu. Những lá sen đang vươn lên trên mặt hồ nước và mở ra dưới ánh nắng. Đột nhiên tôi nhảy lên khi tôi nghe những tiếng la từ xa.

Tôi cho vài người lính canh ra xem lý do tại sao có những tiếng kêu gào này. Khi trở lại, họ giải thích với tôi rằng rất nhiều dân chúng đang tràn ra đường hướng đến Norbulingka để bảo vệ tôi khỏi quân Trung Cộng. Họ tiếp tục tràn ra đường suốt buổi sáng. Một số tụ họp thành nhóm với nhau tại những công ra vào khác nhau của công viên, trong khi những người khác đang bắt đầu đi tuần tra chung quanh. Đến giữa trưa khoảng ba chục nghìn người đã tập hợp ở đây. Tình cảnh phải được xoa dịu.

Tôi e ngại rằng, trong sự bùng nổ của cơn giận dữ, đám đông có thể đánh nhau với quân trú phòng Trung Cộng. Đồng thời những lãnh đạo dân cử kêu gọi Trung Cộng hãy trả Tây Tạng lại cho người Tây Tạng. Mọi người đòi hỏi sự chấm dứt chiếm đóng và tái thiết lập quyền hành của Đạt Lai Lạt Ma. Nghe những tiếng la ó của họ, tôi nhận ra sự phẫn nộ của những người biểu tình, và tôi biết rằng tình hình hiện tại đã trở thành không thể kiềm chế.

Tôi cảm thấy như bị kẹt giữa hai ngọn núi lửa. Một phía là đồng bào tôi đang tự động nổi dậy chống lại nhà đương cục Trung Cộng. Về phía kia, một lực lượng chiếm đóng hùng hậu và hung bạo đang đứng đây, sẵn sàng ra tay. Nếu chiến sự xảy ra, hàng nghìn cư dân Lhasa sẽ bị tàn sát và toàn bộ đất nước sẽ bị ở dưới chế độ thiết quân luật không thể nguôi ngoai với đàn áp và tội phạm không thể tránh khỏi.

Ngày 10 tháng Ba năm 1959, khi quân Trung Cộng đóng chốt chung quanh Lhasa, hướng đại bác vào cung điện mùa hè của Đức Đạt Lai Lạt Ma, hàng nghìn người Tây Tạng tự động tập hợp hình thành một bức tường với thân thể của họ. Đám đông không giải tán trong những ngày tiếp theo, và vào ngày 17 tháng Ba khi quân Trung Cộng tấn công, đàn ông, đàn bà, người già và trẻ con đã dâng hiến thân mạng của họ cho Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trong những mặt trận đường phố, hai mươi nghìn người Tây Tạng chống lại bốn mươi nghìn quân Trung Cộng, cuộc Lhasa đồng khởi 1959 tiếp tục trong ba ngày và ba đêm trước khi bị trấn áp. Ở Lhasa, bị tàn phá bởi súng cối và tiểu liên, những người sống sót nói rằng thi thể của người, chó, và ngựa chất đầy những đường nhỏ hẹp máu chảy tuôn tràn. Vào buổi sáng ngày 18 tháng Ba năm 1959, bình minh vươn dậy trên tiếng kêu của sự chết chóc, tiếng rên xiết của những người bị thương và mùi tanh của máu chảy lan tràn.

Có khoảng mười nghìn người bị chết, và bốn nghìn người biểu tình bị bắt. Những vụ bắt bớ và những vụ xử tử nhanh chóng tiếp tục trong một thời gian dài sau sự kiện này.



Trên đường tị nạn

Trước ngày xảy ra vụ tàn sát, giả dạng như một người lính, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đào thoát. Dưới sự bảo vệ của Những Chiến Binh Tự Do - những kháng chiến quân đến từ Kham - ngài đã lên đường đi tị nạn tại Ấn Độ, với hy vọng rằng sự ra đi của ngài có thể tránh được sự tàn sát những người trung thành với ngài. Nhưng mong ước của ngài đã không thành.

*

THIỆU NHI CỦA TÔI, CÁC CHÁU LÀ TƯƠNG LAI CỦA TÂY TẠNG

Bị Buộc Phải Lưu Vong

CHÚNG TÔI PHẢI TRÔNG thật là thảm nảo khi được chào đón bởi những binh lính biên phòng Ấn Độ. Có tám mươi người chúng tôi, thân thể tất cả đều kiệt lực qua hành trình và về tinh thần bị choáng ngợp bởi thử thách.

Khi chung tôi đến Tezpur, hàng trăm thông điệp, thư từ, và điện tín đang chờ tôi. Mọi người từ khắp nơi trên thế giới gửi cho tôi những lời chào mừng và động viên. Tôi tràn ngập lòng biết ơn, nhưng cũng với một cảm giác cấp bách. Ưu tiên là việc chuẩn bị một tuyên bố súc tích cho nhiều người đang chờ đợi một lời từ tôi để gửi đến các phương tiện truyền thông. Thế nên tôi thuật lại những sự kiện một cách thẳng thắn và trong những thuật ngữ vừa phải. Thế rồi, sau một bữa ăn trưa nhẹ, chúng tôi lên xe lửa đi Mussoorie.



Thủ tướng Ấn Độ Nehru và Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Birla House, Mussoorie, Ấn Độ, 1959

Hàng trăm hay ngay cả hàng nghìn người đổ đến để xem chúng tôi khi chúng tôi du hành ngang qua, vẫy tay chào chúng tôi và mong chúng tôi được hậu đãi. Ở một vài nơi người ta thậm chí còn dọn đường rầy để chúng tôi có thể di chuyển nhanh hơn. Tin tức lan truyền một cách nhanh chóng khắp hang cùng ngõ hẻm ở Ấn Độ, và dường như là mọi người đều biết về sự hiện diện của tôi trên chuyến xe lửa ấy. Hàng nghìn người liên tiếp đổ đến hoan nghênh tôi với những lời hô vang "Đức

Đạt Lai Lạt Ma Ki Jai! Đức Đạt Lai Lạt Ma Zindabad!" (Đức Đạt Lai Lạt Ma trường thọ! Cầu cho Đức Đạt Lai Lạt Ma sống lâu!

Tôi rất xúc động. Trong ba thành phố lớn mà tôi đi qua - Siliguri, Benares, và Lucknow - tôi phải rời xe lửa và tham gia vào những buổi tụ hội không chuẩn bị trước với những đám đông mê mẩn chào mừng tôi bằng việc tung hoa. Toàn bộ hành trình dường giống như một giấc mơ lạ thường. Khi nghĩ lại việc ấy, tôi biết ơn vô vàn với người dân Ấn Độ vì sự ân cần tử tế dạt dào vào thời điểm ấy của đời tôi.

Vài ngày sau đó, một thông cáo từ cơ quan truyền thông của Trung Cộng đến, lên án tuyên bố Tezpur của tôi như "một tài liệu đầy sai trái của biện luận, dối trá và lẫn tránh." Theo sự diễn dịch của Trung Cộng về những sự kiện, tôi đã bị bắt cóc bởi những kẻ nổi loạn ở Lhasa, hành động được trả lương bởi "những đế quốc xâm lược."

Tôi bị choáng váng khi thấy rằng Trung Cộng đang cáo buộc những đế quốc tưởng tượng, chẳng hạn như người Tây Tạng ở Ấn Độ, Chính phủ Ấn Độ, và "phe nhóm quyền lực" của tôi, thay vì thừa nhận sự thật rằng đồng bào tôi đang đòi hỏi tự do đã nổi lên chống lại họ.

Trong năm 1959, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã gặp thế giới và thế giới đã gặp Tây Tạng. Nhưng truyền thông quốc tế chỉ nhấn mạnh về bản chất huyền bí của văn hóa Tây Tạng, với những tiêu đề vốn nổi bật một sự pha lẫn về sự dị thường và tôn giáo và hạ thấp những vấn đề chính trị về sự chiếm đóng bất hợp pháp của Trung Cộng ở Tây Tạng ở phía sau. Vì vậy, Paris Match, trong số ngày 28 tháng Tư năm 1959, vinh danh "[Joan of Arc](#)" của Tây Tạng" người được cho là có sự hướng dẫn kỳ diệu Đức Đạt Lai Lạt Ma trong hành trình của ngài qua những đường đèo cao nhất trên thế giới. Tạp chí này không tiếc lời ca ngợi sức mạnh siêu nhiên của vị đạo sư trẻ tuổi, người được họ so sánh với một nhà huyền thuật triệu hồi sự bảo vệ của những linh thức nhân từ vốn ngài biết thuần hóa như thế nào.

Tuy nhiên, hoàn cảnh chỉ trở nên tệ hại hơn ở Tây Tạng. Biết rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tìm cách đến Ấn Độ, Mao được nói là đã la lên, "Chúng ta đã thua trận!" Nhưng tốc độ của cái được gọi là cải cách dân chủ chỉ tăng tốc trong tất cả mọi vùng của Tây Tạng, không chỗ nào được loại trừ. Chính quyền Trung Cộng đã xóa bỏ tầng lớp cai trị của Tây Tạng; tất cả những người đối kháng bị tàn sát, các Lạt Ma bị bắt giữ, và những kho tàng tôn giáo và nghệ thuật của các tu viện bị

cướp bóc. Ở trung tâm Tây Tạng, trong 2,500 tu viện chỉ còn sót lại 70 ngôi mà thôi.

Quân chiếm đóng Trung Cộng đã làm hàng chục nghìn người chết trong vài năm, nhiều lời nhân chứng đều nói giống nhau: người Tây Tạng không chỉ bị đưa ra xử bắn mà thiêu sống, dìm chết, bóp cổ, treo cổ, chôn sống, xé đôi, phanh thây làm tư, chặt đầu.

Giữa năm 1959 và 1960, có tám mươi nghìn người theo chân Đức Đạt Lai Lạt Ma trên con đường lưu vong. Sự hỗ trợ của Nehru cần thiết để được thành công nếu đời sống của những người Tây Tạng bây giờ tị nạn ở Ấn Độ được tổ chức thành một cộng đồng. Tuy nhiên, Nehru mặc dù muốn giúp đỡ người Tây Tạng một cách chân thành, lại nóng lòng muốn duy trì những mối quan hệ tốt đẹp với Trung Hoa Mao-ít.

Ưu Tiên Của Tôi Là Chấm Dứt Sự Tắm Máu

VÀO NGÀY 24 THÁNG BA 1959, Pandit Jawaharlal Nehru tự thân đến để gặp tôi ở Mussoorie. Chúng tôi nói chuyện với nhau khoảng vài giờ đồng hồ, trong sự hiện diện của một người thông dịch duy nhất. Tôi hiểu để kể cho ông nghe chi tiết về những gì xảy ra từ khi tôi trở lại từ Bắc Kinh đến Tây Tạng, theo sự cố vấn lập đi lập lại của ông. Tôi tiếp theo tuyên bố rằng tôi sẽ hành động đối với người Trung Cộng như ông đề nghị, với công lý và trung thực, bình phẩm họ khi họ không có lý do để làm như vậy, trong khi vẫn cố gắng để bảo toàn những thuật ngữ của Thỏa Ước Mười Bảy Điểm.

Ở những điểm nào đó trong sự đối thoại của chúng tôi, Nehru đắm vào bàn với nắm tay của ông. "Làm sao có thể như thế!" ông la lên một hay hai lần như vậy. Tôi tiếp tục, mặc dù rõ ràng là ông hơi bị sốc. Để kết luận, tôi nói với ông rất chắc chắn rằng quan tâm chính của tôi có hai phần: "Tôi quyết định giành lại sự độc lập của Tây Tạng, nhưng bây giờ, ưu tiên của tôi là làm chấm dứt sự tắm máu." Với những lời này, Nehru không thể kiềm chế được nữa. "Điều đó là không thể," ông nói trong một giọng đầy cảm xúc. "Ngài nói ngài muốn độc lập và đồng thời ngài không muốn một cuộc tắm máu. Không thể được!" Làn môi dưới của ông rung lên dữ dội khi ông nói.

Tôi đã bắt đầu nhận ra rằng vị thủ tướng tự thấy mình ở trong một vị trí cực kỳ phức tạp và lúng túng. Trong quốc hội Ấn Độ, một cuộc tranh luận căng thẳng mới về vấn đề Tây Tạng đã tiếp theo sau tin tức về sự đào thoát của tôi. Trong nhiều năm Nehru đã bị bình phẩm bởi nhiều chính trị gia về vị thế của ông đối với tôi.

Tôi hiểu rằng tương lai của tôi và tương lai của đồng bào tôi rất bấp bênh hơn là tôi tưởng.



Một lớp học chưa có mái che do Viện Giáo Dục Tây Tạng tị nạn phụ trách năm 1960 ở Mussoorie, Đức Đạt Lai Lạt Ma đang quán sát lúc ngài 25 tuổi.

Sự ủng hộ chính trị dè dặt của Nehru đồng hành cùng với một cam kết kiểu mẫu về việc tổ chức giáo dục cho trẻ em Tây Tạng. Nhiều trẻ em Tây Tạng đã đến Ấn Độ với gia đình, những người vốn mất mát tất cả mọi thứ, và Nehru, nhận ra thảm kịch của họ, đề nghị Đức Đạt Lai Lạt Ma thành lập những trường học đặc biệt cho họ cũng như để bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Tây Tạng. Một tổ chức độc lập cho sự giáo dục của người Tây Tạng, trong Bộ Giáo Dục của Ấn Độ, được thành lập, và việc xây dựng trường học được tiến hành với sự tài trợ của chính phủ.

Trẻ Em Của Hy Vọng

KHÔNG BAO LÂU SAU sự đào thoát ồn ào của chúng tôi đến Ấn Độ, tôi đã đưa ra những ngôn từ sau đây để động viên cộng đồng tị nạn mới của chúng tôi:

"Các thiếu nhi của tôi, chúng tôi muốn làm cho các cháu trở thành những thành viên tận tụy, hữu dụng của cộng đồng chúng ta. Các cháu phải hành động với cả trái tim của các cháu vì đồng bào, tôn giáo, và vấn đề Tây Tạng.

"Các cháu thiếu nhi của tôi, các cháu là những con người. Các cháu không phải là cây cỏ cũng không phải là bông hoa, vốn bị tàn phai trong nắng nóng hay bị tan

hoang bởi mưa đá và bão giông. Không giống như cây cỏ, các cháu có thể nắm lấy vận mạng các cháu trong tay. Bất cứ các khổ đau thân thể nào các cháu có thể chịu đựng, thì các cháu nên luôn luôn giữ một ý thức trong sáng và một tâm hồn vững vàng, cứng rắn.

"Hồng Quân Trung Cộng đã làm mỗi chúng ta đau khổ vô vàn. Chúng ta không nên lãng quên những tàn bạo này. Các cháu phải làm việc cần mẫn để thu thập kiến thức và đấu tranh với những vũ khí của công lý và luật lệ. Ngày và đêm, các cháu phải cố gắng để có được sự tu dưỡng rộng lớn hơn nhằm để phục vụ tôn giáo của các cháu và đồng bào của các cháu. Đó là trách nhiệm cá nhân của các cháu.

"Các cháu thiếu nhi, các cháu nên tiếp tục công việc đã được bắt đầu bởi những người lớn. Không nên đứng qua một bên và không làm gì, giống như chúng ta đang chờ đợi mưa rơi xuống từ bầu trời. Tất cả chúng ta phải làm việc năng nổ. Trẻ cũng như già, chúng ta hãy cố gắng để nhận ra mục tiêu chung của chúng ta.

"Các cháu thiếu nhi của tôi, càng nhìn các cháu, tôi càng cảm thấy hạnh phúc hơn. Các cháu đại diện cho sự hy vọng của một tương lai tốt đẹp hơn, và các cháu sẽ xoay sở để vượt thắng những khó khăn đang nằm phía trước. Các cháu là ngưỡng cửa của sự tồn tại; các cháu phải trở nên mạnh mẽ hơn mỗi ngày, đừng lãng phí thời gian quý báu của các cháu. Các cháu là tương lai của Tây Tạng."



Đức Đạt Lai Lạt Ma và thiếu nhi Tây Tạng

Tháng Tư năm 1960, một năm sau khi lưu vong, phát ngôn viên một trại ở Jammu đã đến gặp Đức Thánh Thiện với một tin tức báo động. Trong một cuộc chuyển tiếp của một nhóm tị nạn ở Ladakh, một trận bão tuyết đã bùng lên. Bị tấn công với cơn lạnh thêm vào sự thiếu dinh dưỡng và thiếu sự chăm sóc y tế, trẻ em đã bị giết chết rất nhiều.

Vận mạng của trẻ em là một ưu tiên tuyệt đối của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ở Tây Tạng Trung Cộng đã bắt đầu một cuộc vận động "học tập yêu nước", tách rời trẻ em khỏi cha mẹ của chúng và ngay cả lưu đầy những thành phần thông minh nhất sang Trung Hoa. Đối với những người tị nạn trẻ tại Ấn Độ, họ bị đe dọa với nạn đói và bệnh tật. Toàn bộ một thế hệ đang ở trong hiểm họa.

Quyết định của Đức Đạt Lai Lạt Ma là ngay lập tức. Ngài yêu cầu những thành viên trong gia đình ngài và những viên chức trong đoàn tùy tùng của ngài lãnh trách nhiệm săn sóc những trẻ em bệnh tật hoặc suy dinh dưỡng bằng việc tạo nên cơ quan vì mục tiêu đó với sự giúp đỡ của chính phủ Ấn Độ. Một phái viên được gửi tới những người tị nạn với thông điệp sau:

"Sự sống của đồng bào là rất gian khó. Tôi đã quyết định thành lập một cơ sở để chào đón con em của chúng ta. Nếu đồng bào giao phó chúng cho tôi, như vậy sẽ đơn giản hóa đời sống của đồng bào và con em của chúng ta sẽ được học hỏi để sống độc lập và kỳ vọng ở chính chúng."

"Điều gì hơn thế nữa, chúng sẽ trở thành những người Tây Tạng thật sự, những kẻ thừa kế sự tự do mà chúng ta mới tìm được. Chúng sẽ không bao giờ quên cha mẹ chúng, tổ tông chúng, anh chị em chúng, đồng bào chúng những người đã hy sinh cho chúng. Dĩ nhiên, tôi không áp đặt việc này; cha mẹ và con cái có thể thực hiện lựa chọn của họ một cách tự do."



Trong những năm đầu thập niên 1960, Đức Đạt Lai Lạt Ma thường gặp gỡ những thiếu nhi Tây Tạng vào buổi chiều tại Swarg Ashram, nơi thường trú cũ của ngài.

Khi phát ngôn viên vừa dứt lời, có một thời khắc im lặng. Sau đó, người cha của một đứa bé gái bốn tuổi lên tiếng. Ông đã không chấp nhận sự truyền thụ vốn ngăn chặn người Tây Tạng trở thành người Tây Tạng trong chính xứ sở của họ và buộc họ lên án dân tộc họ, quê hương họ, và tôn giáo họ. Cho nên với đứa con gái của ông trên vai, ông và vợ đã theo chân Đức Đạt Lai Lạt Ma vượt Hy Mã Lạp Sơn. "Tôi nghĩ," ông kết luận, "đó là một cơ hội tuyệt vời cho chúng tôi trong việc cống hiến sự chăm sóc và giáo dục con em chúng ta."

Một bà cụ tật nguyền của một cậu bé Tây Tạng đứng lên và nói, "tôi đã cầu nguyện để thấy bằng chính mắt tôi sự chết của những kẻ đã thi hành sự diệt chủng như vậy trên quê hương chúng ta. Bất hạnh thay, tôi đã quá già; tôi nghĩ tôi sẽ chết ở đây. Nhưng có cháu ngoại trai tôi và tất cả những trẻ em khác. Thế nên tôi cầu nguyện chúng có thể được chăm sóc để chúng có thể chuẩn bị báo thù cho tất cả những người chúng ta đã chết một cách mau chóng."

Cha của một trẻ em khác cũng tuyên bố, "Tôi cầu nguyện để thấy Tây Tạng được tự do trước khi tôi chết. Đức Đạt Lai Lạt Ma muôn năm!" Những người tị nạn lập lại, "Đức Đạt Lai Lạt Ma muôn năm!" Và những trẻ em yêu cầu cha mẹ chúng để chúng đi với Đức Đạt Lai Lạt Ma, đến cơ sở đã được thiết lập cho chúng.

Năm 1960, cùng lúc đoàn tùy tùng của Đức Đạt Lai Lạt Ma lãnh trách nhiệm với các trẻ em, chính phủ Ấn Độ mở trường tiểu học và trung học dưới thẩm quyền của sự quản lý tự trị. Cùng năm ấy một viên chức bộ nội vụ của Tây Tạng, trong sự phối hợp với những thẩm quyền Ấn Độ và quốc tế, lãnh trách nhiệm trông nom sự hòa nhập của người tị nạn, những người bây giờ lan tỏa khắp Ấn Độ trong khoảng năm mươi trại.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng tổ chức một bộ Văn Hóa và Tôn Giáo để tái tạo những đại tu viện và những trường đại học của chúng trong vùng đất lưu vong.

Trong triều đại ngắn ngủi của ngài ở chính Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tiến hành hiện đại hóa xã hội phong kiến Tây Tạng. Trong lưu vong, ngài giới thiệu dân chủ với chính quyền của ngài bằng việc áp dụng một hiến pháp tạm thời phân quyền, bình đẳng mọi công dân trước luật pháp, tự do bầu cử, và chính trị đa nguyên.

Việc dân chủ hóa này, cùng với việc bắt đầu của sự thể tục hóa cơ cấu chính trị Tây Tạng, là câu trả lời tuyệt vời nhất đối với sự tuyên truyền của Trung Cộng cáo buộc rằng ngài muốn tái lập quyền lực cá nhân của ngài.

Tôi Là Người Đề Xương Chế Độ Dân Chủ Thể Tục

MẶC DÙ CHƯA TỪNG CÓ một xã hội Phật Giáo nào phát triển một hệ thống dân chủ trong chính quyền của nó, nhưng cá nhân tôi vô cùng ngưỡng mộ sự dân chủ thể tục. Khi Tây Tạng vẫn còn tự do, chúng tôi nuôi dưỡng một sự cô lập mà thiên nhiên đã cho chúng tôi, suy nghĩ sai lầm rằng chúng tôi có thể bảo đảm cho sự hòa bình bên trong và bảo vệ cung cách ấy. Không chú ý đến những thay đổi mà thế giới đang trải qua, chúng tôi hầu như không lưu tâm rằng Ấn Độ, một trong những người láng giềng gần gũi nhất của chúng tôi, đã trở thành một nền dân chủ lớn nhất trên thế giới sau khi giành độc lập thắng lợi một cách hòa bình. Sau này, chúng tôi phải đau khổ để biết rằng, trên trường quốc tế cũng như tại quê hương, tự do phải được chia sẻ và thụ hưởng trong sự sống chung với những người khác. Người ta không thể sử dụng độc quyền của tự do.

Mặc dù người Tây Tạng bên ngoài quê hương Tuyết Sơn đã bị biến thành người tị nạn, nhưng chúng tôi có tự do để thực hành những quyền của chúng tôi. Những anh chị em của tôi bên trong Tây Tạng không có cùng những quyền để sống ngay trên chính quê hương của họ. Đó là tại sao những người tị nạn chúng tôi có trách nhiệm dự đoán và tưởng tượng về một Tây Tạng của tương lai. Trải qua nhiều năm chúng tôi đã đưa vào thực hành một kiểu mẫu dân chủ chân thật trong những cung cách đa dạng. Sự thật là chữ dân chủ đã quen thuộc với tất cả những người Tây Tạng tị nạn và họ minh chứng cho điều này.

Tôi đã chờ đợi từ lâu lúc chúng tôi có thể định nghĩa một hệ thống chính trị được áp dụng cho cả truyền thống chúng tôi và sự đòi hỏi của thế giới hiện đại, một nền dân chủ có gốc rễ trong bất bạo động và hòa bình. Chúng tôi gần đây đã đưa ra những thay đổi sẽ củng cố nền dân chủ của chính phủ chúng tôi trong lưu vong. Với vài lý do, tôi đã quyết định rằng tôi sẽ không là lãnh tụ, hay ngay cả là một phần trong chính quyền, ngày Tây Tạng giành lại được nền độc lập của nó. Vị lãnh tụ tiếp theo của chính quyền Tây Tạng nên được bầu ra trong một cuộc phổ thông đầu phiếu. Có nhiều thuận lợi cho một sự cải cách như vậy vốn sẽ cho phép chúng tôi trở thành một nền dân chủ chân thật và hoàn toàn. Tôi hy vọng rằng, cảm ơn cho những sự thay đổi này, đồng bào tôi sẽ có thể biểu lộ một cách rõ ràng về những quyết định liên quan đến tương lai của Tây Tạng.

Tiến trình của chúng tôi về dân chủ hóa đã ảnh hưởng đến mọi người Tây Tạng trên toàn thế giới. Tôi nghĩ rằng những thế hệ tương lai sẽ nhìn vào những sự chuyển biến như những hoàn thành chính yếu của kinh nghiệm chúng tôi trong lưu vong. Giống như sự truyền bá Phật Giáo vào Tây Tạng đã trui rèn xứ sở chúng tôi. Tôi tin chắc rằng sự dân chủ hóa xã hội chúng tôi sẽ củng cố sức sống của đồng bào Tây Tạng và cho phép thể chế chính quyền chúng tôi phản chiếu khát vọng và ngưỡng mộ thân thương nhất của họ.

Tự Do, Bình Đẳng Và Huynh Đệ Cũng Là Những Nguyên Tắc Của Phật Giáo

Ý TƯỞNG RẰNG CON NGƯỜI có thể sống một cách tự do như những cá nhân, những kẻ bình đẳng trong nguyên tắc và vì thế có trách nhiệm với nhau là tuyệt hảo trong liên đới với Phật Giáo. Như những Phật tử, những người Tây Tạng chúng tôi quý trọng đời sống con người như tặng phẩm quý giá nhất, tin tưởng rằng triết lý và giáo lý Phật Giáo là con đường để đến sự tự do tối thượng - một mục tiêu có thể đạt đến được bởi những người nam và nữ bình đẳng như nhau.

Đức Phật thấy rằng mục tiêu của đời sống là hạnh phúc. Ngài cũng thấy rằng, trong khi si mê đưa chúng sanh vào thất bại và khổ đau vô tận, thì tuệ giác giải thoát họ.

Nền dân chủ hiện đại căn cứ trên nguyên tắc tất cả mọi người là bình đẳng, rằng mỗi chúng ta có quyền để sống một cách tự do và hạnh phúc. Đạo Phật cũng nhận ra rằng con người có quyền quyết định vận mệnh của mình, rằng tất cả những thành viên của gia đình nhân loại có quyền bình đẳng và bất khả xâm phạm. Sự tự do này không chỉ ở trên bình diện chính trị mà cũng ở trên trình độ căn bản, nơi mọi người phải được tự do với sợ hãi và nghèo khổ. Cho dù giàu hay nghèo, có học hay không, đến từ bất cứ xứ sở nào, theo bất cứ tôn giáo nào, lý tưởng nào chúng ta tán thành, thì mỗi chúng ta ở trên tất cả những thứ ấy và là một con người như tất cả những người khác. Không chỉ chúng ta muốn hạnh phúc và cố gắng để xa rời khổ đau, mà chúng ta có quyền chính đáng để theo đuổi những mục tiêu này.

Hiến chế được Đức Phật thiết lập là Tăng Già (Sangha), hay cộng đồng tu sĩ, và nó vốn tuân thủ những quy luật của dân chủ. Trong một tình huynh đệ như thế, các cá nhân là bình đẳng, bất chấp tầng lớp xã hội hay đẳng cấp bẩm sinh. Sự phân biệt vi tế duy nhất nằm dựa trên sự thâm niên trong thụ giới.

Sự tự do cá nhân, trong kiểu mẫu của sự Giải Thoát và Giác Ngộ, là mục tiêu chính yếu của cộng đồng, và nó được hoàn thành bằng việc tu dưỡng tâm thức trong thiền tập. Những mối quan hệ hàng ngày căn cứ trên sự bố thí, tôn trọng, và chú ý đến người khác. Bằng việc hướng dẫn đời sống mà không có một chỗ ở nhất định, tu sĩ tự tách rời khỏi sự sở hữu, mà không sống trong sự cô lập hoàn toàn. Tập quán khát thực chỉ củng cố tính tỉnh giác về sự lệ thuộc của họ. Trong cộng đồng, những quyết định được hiện thực bằng bỏ phiếu, và những bất đồng được giải quyết bằng đồng thuận. Vì vậy, Tăng Già là một mẫu mực trong dạng thức của sự bình đẳng xã hội, chia sẻ tài vật, và tiến trình dân chủ.

Trong chuyến du hành sang Trung Hoa năm 1954, Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố sự nhiệt tình của ngài với chủ nghĩa Mác-xít, vốn cho phép nền kinh tế xã hội chủ nghĩa gần với lý tưởng Phật Giáo hơn là chủ nghĩa tư bản. Trong triết lý Mác-xít, ngài thấy những nguyên tắc bình đẳng và công bằng xã hội thân thiết với Đạo Phật: "Tâm trí tôi có thể đẹp hơn những nhà lãnh đạo Trung Cộng. Ở Trung Hoa chế độ Cộng Sản đang thống trị mà không có lý tưởng Cộng Sản," ngài tuyên bố một lần nữa năm 2008, trong việc biểu lộ giấc mơ của ngài về một sự tổng hợp giữa Phật Giáo và chủ nghĩa Mác-xít vốn có thể có hiệu quả cao nhất trong chính trị.

Tôi Yêu Hình Ảnh Những Thanh Gươm Biến Thành Những Lưỡi Cày

Vào ngày 17 tháng Mười năm 2007, trong mái vòm của điện Capitol ở thủ đô Hoa Sinh Tân, Hoa Kỳ, một lần nữa trong năng lực của ngài như một con người, [Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhận Huân Chương Vàng Quốc Hội Hoa Kỳ](#), gần hai mươi một năm sau khi nhận giải [Nobel Hòa Bình](#) ở Oslo, Na Uy.



Tổng thống Bush trao Huân chương vàng Quốc hội Hoa Kỳ cho Đức Đạt Lai Lạt Ma

Ngài bước lên bục trong y áo tu sĩ truyền thống: chiếc y vàng nghệ rộng phủ trên bộ đồ màu đỏ sẫm, để hở vai bên phải. Chung quanh ngài, những bức tượng trang nghiêm được tạc bằng đá cẩm thạch để nhớ lại thời gian oai hùng của Thomas Jefferson và những vị cha già khai sinh nước Mỹ, và những bích họa kỷ niệm những chiến trận mà trong ấy George Washington, Lafayette, và những nhà yêu nước khác đã chiến đấu vì sự độc lập của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Tổng thống George W. Bush đã làm thính chúng xúc động khi ông đề cập rằng lúc còn là một cậu bé, Đức Đạt Lai Lạt Ma "đã giữ một mô hình tượng Thần Tự Do bên cạnh ngài". Những năm sau này, trong lần thăm đầu tiên Hoa Kỳ, ngài đã đến Công viên Battery ở thành phố New York để ngài có thể thấy bức tượng thật sự cao lớn ngay trước mắt.

Tổng thống tiếp tục với chủ đề quyền tự do, nhắc lại tổ tiên ông đã giành được nền độc lập qua một cuộc cách mạng và rằng "Jefferson đã xem việc tự do thờ phụng là một trong những phước lành lớn nhất của Hoa Kỳ." Theo tổng thống, "Sự tự do này không thuộc vào một đất nước, nó thuộc về cả thế giới."

Tổng thống đã nói nhân danh chính quyền Hoa Kỳ. Để bảo vệ tự do, đất nước của ông đã nhờ đến sức mạnh. Nói như một cảnh sát viên thế giới và như nguyên thủ

của một quốc gia quân sự hùng mạnh nhất thế giới, George W. Bush đã biện giải về một nền hòa bình bị đe dọa bởi khủng bố.

Tuy nhiên, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói như một con người và biện hộ cho một con đường của hòa bình tiến tới hòa bình.

Có một thông điệp tuyệt vời trong Thánh Kinh vốn thôi thúc chúng ta biến những thanh gươm thành những lưỡi cày. Tôi yêu hình ảnh này của một vũ khí làm thành một khí cụ để phục vụ cho nhu cầu căn bản của con người. Đó là biểu tượng của một thái độ giải trừ vũ khí nội tại và ngoại tại. Trong tinh thần của thông điệp cổ xưa này, dường như quan trọng đối với tôi với ngày nay là việc nhấn mạnh tính cấp bách của một chính sách dài lâu là: phi quân sự hóa toàn hành tinh.

Hòa bình không phải được ra lệnh, cũng không phải được áp đặt bằng sức mạnh. Kết quả của từ bi, hòa bình "chín mươi từ trái tim con người và chiếu soi trên thế giới," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói với chúng ta như vậy.

Loài Người Thích Cung Cách Hòa Bình Hơn

TÔI BẢO ĐẢM RẰNG mọi người đều đồng ý với nhu cầu cho việc chiến thắng bạo động, nhưng nhằm để loại trừ nó một cách hoàn toàn, trước nhất nó phải được phân tích.

Ở một quan điểm cực đoan thực tiễn, chúng ta chú ý rằng bạo lực đôi khi có thể hữu dụng. Một vấn nạn được giải quyết một cách nhanh chóng hơn bằng sức mạnh. Nhưng một sự thành công như vậy thì thường đạt được bằng sự hy sinh những quyền lợi và sự cát tường của kẻ khác. Bất cứ vấn nạn nào được giải quyết bằng cách ấy lại gây ra một vấn nạn khác.

Nếu một lý trí vững chắc được đặt vào việc phục vụ cho một nguyên nhân, thì bạo lực là vô ích. Khi người ta bị thúc đẩy bởi một mong ước vị kỷ và không thể có được những gì người ta muốn qua lý luận hợp lý, thì người ta viện đến sức mạnh. Ngay cả trong khuôn khổ của sự tranh cãi gia đình hay sự bất đồng thân hữu, nếu bạn tự hỗ trợ bạn với một lý luận có căn cứ, thì bạn sẽ bảo vệ một cách không mệt mỏi vị thế của bạn, từng điểm một. Tuy nhiên, nếu bạn thiếu những động cơ hợp

lý, thì bạn sẽ mau chóng bị tràn ngập bởi sân hận, là thứ vốn không bao giờ có dấu hiệu của sự mạnh mẽ, mà là của sự yếu kém.

Cuối cùng, thật quan trọng để thăm tra động cơ của chúng ta, cũng như của những kẻ đối nghịch. Bạo động và bất bạo động có thể có nhiều hình thức, vốn khó để phân biệt nếu chúng ta chỉ nhắm đơn thuần vào quan điểm ngoại tại. Một động cơ tiêu cực sản sinh một hành vi bạo động sâu sắc, ngay cả khi nó dường như thân hữu và tế nhị. Trái lại, một động cơ chân thành tích cực nhất thiết là bất bạo động trong thực tiễn, ngay cả nếu những hoàn cảnh áp đặt một mức độ nghiêm trọng nào đó. Trong bất cứ trường hợp nào. Tôi có cảm giác rằng chỉ sự quan tâm từ bi cho người khác thì mới có thể biện minh cho phương sách với sức mạnh.

Tôi đã từng nghe nhiều người phương Tây nói rằng về lâu về dài những phương pháp bất bạo động của sự phản kháng thụ động được Thánh Gandhi bênh vực là không thích hợp cho mọi người và chúng thì thích đáng hơn ở phương Đông. Hãy năng động hơn. Những người phương Tây yêu cầu những kết quả tức thời, bất cứ tình cảnh nào, ngay cả với giá của sinh mạng họ. Tôi nghĩ thái độ này không phải luôn luôn là tuyệt hảo nhất. Trái lại, sự thực hành bất bạo động là lợi ích trong bất cứ trường hợp nào. Nó đơn giản đòi hỏi sự quyết tâm. Mặc dù những phong trào tự do ở Đông Âu đạt được mục tiêu nhanh chóng của họ, sự phản kháng bất bạo động, chính bản chất của nó, thường đòi hỏi sự kiên nhẫn.

Với điều này trong tâm, tôi cầu nguyện cho những ủng hộ viên của phong trào dân chủ ở Trung Hoa duy trì sự hòa bình, mặc cho sự đàn áp dã man và những khó khăn trước mắt của họ. Tôi chắc chắn rằng họ sẽ duy trì sự bình lặng. Đại đa số những người Trung Hoa trẻ, những thành viên của phong trào đều sinh ra và lớn lên trong một chế độ Cộng Sản rất khắc nghiệt. Nhưng trong mùa xuân 1989, họ đã tự động đưa vào thực hành sách lược phản kháng thụ động rất thân thiết với Mahatma Gandhi. Tôi thấy trong điều này một sự biểu hiện rõ ràng rằng, như một phương sách cuối cùng, loài người thích cung cách của hòa bình, mặc dù tất cả những chỉ dấu là đối nghịch lại.

Gandhi là một kiểu mẫu chính trị đầu tranh bất bạo động, và ảnh của ông hiện diện trong nhiều văn phòng hành chính Tây Tạng. Một nhân vật vĩ đại của hòa bình và hòa giải, Mahatma, nhân cách vĩ đại được vinh danh sau khi chết đồng thời như Đức Đạt Lai Lạt Ma trong lúc được trao giải Nobel hòa bình. Bằng việc làm như vậy, Hội đồng Nobel muốn sửa chữa lỗi lầm của họ vì đã không trao danh hiệu này cho Gandhi trước đây.

Để giành độc lập cho Ấn Độ từ sức mạnh thuộc địa của Anh, Gandhi đã tổ chức không chỉ phản kháng bất bạo động mà cũng là bất tuân dân sự, bất hợp tác với những kẻ chiếm đóng, và tuân hành chống đối. Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma bị phiên trách vì đã giới hạn di sản bất bạo động của Gandhi, ngài chỉ ra rằng phạm vi không cho phép người Tây Tạng sao chép lại ở Tây Tạng phương pháp vốn đã giành lại tự do cho Ấn Độ khỏi sự thống trị của Anh Quốc. Gandhi trong thực tế có thể tự bảo vệ cho ngài trước một tòa án của luật lệ, và mặc dù chế độ thuộc địa của Anh Quốc ở Ấn Độ rất khắc nghiệt, nhưng vẫn tôn trọng những quyền cá nhân, vốn không phải là trường hợp của nhà đương cục Trung Cộng. Do vậy, Đức Đạt Lai Lạt Ma biện hộ cho việc nuôi dưỡng tinh thần đấu tranh của Gandhi trong khi áp dụng nó trong hoàn cảnh của Tây Tạng.

Gandhi Sẽ Làm Gì ở Vị Trí Của Tôi?

CHUYẾN THĂM NEW DELHI lần đầu tiên của tôi là đến Rajghat, nơi hỏa táng của Mahatma Gandhi. Tôi tự hỏi nếu ngài vẫn còn sống thì ngài sẽ cho tôi một lời khuyên bảo khôn ngoan như thế nào. Tôi nghĩ ngài chắc chắn sẽ dùng tất cả sức mạnh của ngài, tất cả ý chí của ngài, và toàn bộ cá tính của ngài vào một cuộc vận động bất bạo động vì sự tự do của đồng bào Tây Tạng. Điều đó làm tôi thư thái trong quyết định của tôi là luôn luôn đi theo tấm gương của ngài, cho dù bất cứ chương ngại nào có thể sinh khởi. Và hơn thế nữa, tôi quyết tâm không liên kết bản thân tôi với bất cứ hành vi bạo động nào.

Đức Đạt Lai Lạt Ma không bao giờ dao động với quyết định ban đầu của ngài để trả lời với sự hung hãn của Trung Cộng bằng bất bạo động. Kể từ lúc bắt đầu cuộc chiếm đóng, ngài đã cố gắng để mở ra một cuộc đối thoại với Bắc Kinh và bảo vệ quyền lợi của Tây Tạng trong phạm vi của Thỏa Ước Mười Bảy Điểm, mặc cho sự bất công trắng trợn của nó. Trong năm 1958, khi quân kháng chiến của những người Khampa trở nên triệt để hơn ở miền Đông Tây Tạng, ngài yêu cầu họ giao nộp vũ khí. Những Chiến Sĩ Tự Do này đã thề chiến đấu đến chết cho Tây Tạng. Vì họ không thể phá vỡ lời thề này cũng không thể bất tuân Đức Đạt Lai Lạt Ma, cho nên nhiều người đã tự sát.

Đến ngày nay, vị lãnh đạo tinh thần của người Tây Tạng đã kiên trì con đường bất bạo động. Trong những cuộc bạo động ở Lhasa năm 1987 và 1988, ngài vui mừng khi thấy những tu sĩ đã cầm những súng trường của Trung Cộng đập vỡ chúng

thay vì quay lại chống lại những kẻ chiếm đóng, như vậy là nói không với ngôn ngữ của vũ khí.

Tháng Ba năm 2008, khi những cư dân của Lhasa nổi dậy và cam kết bạo động chống lại Trung Cộng, chính quyền Bắc Kinh buộc tội Đức Đạt Lai Lạt Ma xúi giục những hành động này. Đức Đạt Lai Lạt Ma trả lời rằng trong trường hợp ấy họ có thể lấy lại giải Nobel Hòa Bình của ngài, và ngài thách thức nhà cầm quyền Trung Cộng đến Dharamsala để điều tra và chứng minh cho những lời tố cáo của họ.



Biểu tình ở Lhasa năm 2008

Nhưng ngài ân hận sự kiện là cùng lúc những tu sĩ tham gia những cuộc chống đối một cách hòa bình lại bị trấn áp tàn bạo, một người Tây Tạng trẻ đã tổ chức ăn trộm, đốt phá và cướp giết. Trong khi thừa nhận rằng những hành động của họ xảy ra do bởi thất vọng và do bị đối xử như những công dân hạng hai ngay trên quê hương của họ, ngài lên án việc sử dụng bạo lực và tuyên bố nếu đồng bào của ngài xa rời con đường bất bạo động thì ngài có thể không còn là phát ngôn viên cho họ nữa.

Bình luận vào việc lựa chọn bất bạo động từ quan điểm chính trị, Samdhong Rinpoche xác nhận rằng phương pháp này đã sản sinh ra những kết quả bất ngờ trong hình thức của sự thông cảm quốc tế cho vấn đề Tây Tạng. Nếu chiến trận quân sự được Đức Đạt Lai Lạt Ma động viên, nó sẽ không thành công, và bây giờ Tây Tạng có thể đã chìm vào sự lãng quên.

*

7- Tôi kêu gọi tất cả mọi người trên thế giới

TÔI TỐ CÁO SỰ HÁN HÓA TÂY TẠNG

Tôi thỉnh Cầu Thế Giới Đừng Quên Rằng Hàng Nghìn Người Tây Tạng Đã Bị Tàn Sát

NGÀY 10 THÁNG BA NĂM 1959, dân tộc Tây Tạng tuyên cáo sự độc lập của Tây Tạng, sau gần chín năm dưới sự chiếm đóng. Bất hạnh thay, một chính quyền ngoại bang vẫn hiện diện ở Tây Tạng, nhưng tôi tự hào rằng tinh thần của người Tây Tạng không bị nghiền nát và vẫn không dao động trong giải pháp của nó để chiến đấu cho đến khi chúng tôi giành lại nền độc lập. Tôi biết rằng cuộc tranh đấu vốn đã bắt đầu vài năm trước chống lại những kẻ chiếm đóng vẫn đang tiếp diễn chống lại những kẻ xâm lược và áp chế, những kẻ núp dưới cái tên và hình ảnh của "kẻ giải phóng." Tôi tuyên bố một cách chắc chắn rằng thế giới văn minh đang hiểu hơn ngày qua ngày vấn đề những kẻ cho rằng họ hành động nhân danh tự do đã nghiền nát sự tự do của những láng giềng yếu thế như thế nào.

Thế giới đã trở nên thức tỉnh hơn về những sự kiện khủng khiếp đã xảy ra ở Tây Tạng, cảm ơn hai báo cáo minh bạch của Ủy Ban Công Lý Quốc Tế. Những tài liệu này chỉ ra rằng nhà đương cục Trung Cộng cực kỳ coi thường những quyền con người căn bản của dân tộc chúng tôi, những người đã bị tàn sát hàng nghìn nhân mạng đơn thuần chỉ bởi vì họ muốn xác nhận sự tự do của họ để sống và giữ gìn di sản văn hóa và tôn giáo của họ. Tài liệu cũng nhấn mạnh rằng Trung Cộng đã tạo tội diệt chủng vì đã giết hại nhiều người Tây Tạng với mục đích tiêu diệt tôn giáo Tây Tạng và đã trục xuất hàng nghìn trẻ em sang Trung Hoa.

Sự thông cảm đối với những sự kiện này khuấy động toàn thế giới được thấy bởi nghị quyết của Liên Hiệp Quốc trong năm 1959 kêu gọi chấm dứt những yêu sách quá đáng đang cướp mất của người dân Tây Tạng những quyền con người căn bản và quyền tự trị lịch sử của họ. Tôi xác nhận rằng chúng tôi bị tước quyền sở hữu, không phải quyền tự trị, mà là độc lập. Đối với người Trung Cộng, lời kêu gọi này đã rơi vào những lỗ tai điếc. Mọi thứ chỉ trở nên tồi tệ hơn, được thấy bằng dòng người tị nạn liên tục tràn vào như thác lũ không ngớt từ Tây Tạng.

Vấn đề được thảo luận tại buổi họp toàn thể của đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Tôi đã kêu gọi tất cả những ai ủng hộ chúng tôi và đến chính đại hội đồng là Trung Hoa [được khuyến nghị] chấm dứt sự xâm lược của nó bằng việc tái lập nền độc lập của Tây Tạng. Biện pháp nửa vời sẽ không giúp ích gì nhiều. Chúng tôi biết ơn đến những quốc gia liên đoàn những nước đã ủng hộ vấn đề của chúng tôi -

Malaysia, Thái Lan và El Salvador. Tôi kêu gọi Ấn Độ, cường quốc láng giềng của chúng tôi, tiếp tục đón tiếp hàng nghìn người tị nạn Tây Tạng, sử dụng ảnh hưởng của họ để hỗ trợ cho vấn đề của chúng tôi.

Tôi nhận biết rằng người Tây Tạng ở quê hương Tuyết Sơn đang chịu thống khổ bởi sự thống trị của ngoại bang. Tôi kêu gọi họ hãy giữ lòng can đảm và quyết tâm để giành lại nền độc lập nguyên vẹn của họ. Về phần tôi, tôi muốn chỉ ra rằng tôi vẫn vui lòng dù ở rất xa quê hương và những đồng bào yêu dấu dẫu cảm của tôi. Tôi muốn nói rằng tôi chia sẻ niềm hy vọng và nỗi khổ đau của họ.

Với hàng nghìn người đồng hương của tôi ở Ấn Độ, Nepal, Bhutan, và Sikkim, tôi muốn nói rằng tất cả chúng ta cùng mang một trách nhiệm nặng nề trong việc chuẩn bị cho ngày chúng ta có thể trở về quê hương và xây dựng lại một Tây Tạng độc lập, hạnh phúc hơn và to đẹp hơn. Tây Tạng mới sẽ cần hàng nghìn người nam nữ có học vấn, lành nghề, có thể dân chủ hóa đất nước mà không phản bội lại di sản văn hóa và tôn giáo của chúng tôi hay phủ nhận tâm hồn của chúng tôi.

Trong thời gian Trung Cộng chiếm đóng, trước khi tôi phải rời Tây Tạng, Nội các chính phủ và tôi đã cố gắng để giới thiệu cải cách ruộng đất và những thay đổi khác đến Tây Tạng, nhưng như mọi người đã biết, những nỗ lực của chúng tôi đã bị Trung Cộng cắt ngang. Những người Trung Cộng ngày nay đang áp đặt cái gọi là cải cách vốn như một thông lọng xiết cổ dân tộc chúng tôi. Tôi đã nghiên cứu chúng rất kỹ lưỡng và đi đến kết luận rằng, như chúng được áp dụng, dân tộc Tây Tạng, sẽ bị khiến phải chịu một tình trạng thần phục tinh thần và kinh tế.

Những sự cải cách như vậy không phù hợp với [Hiến Chương Liên Hiệp Quốc](#) cũng như [Tuyên Ngôn Nhân Quyền Quốc Tế](#). Những cải cách tôi vạch ra phải giới thiệu một sự phân chia công bằng lợi ích quốc gia trong khi bảo tồn sự tự do của tri thức, đạo đức và tôn giáo. Về chủ đề này, tôi sẽ lập lại những gì tôi tuyên bố trước đây và bây giờ ở Dalhousie: "Để làm Tây Tạng trở thành một quốc gia thịnh vượng, mạnh mẽ, và cường tráng, những ưu đãi đặc biệt và những vùng rộng lớn phong phú, cho dù chúng thuộc quyền sở hữu của những tu viện hay những gia đình quý tộc, phải được sinh lợi, và mọi người nên học hỏi để sống với những người giản dị và giúp đỡ họ." Tôi cũng tuyên bố rằng: "Những việc thay đổi là cần thiết trong từng khu vực. Cấu trúc của chính quyền cũng phải cải cách một cách sâu rộng, để mọi người có thể liên kết một cách gần gũi với những chính sách của chính phủ và chính quyền các cấp của đất nước. Bỏ phần và trách vụ của việc thi hành cải cách chính trị và thể chế tôn giáo tùy thuộc vào tất cả chúng ta."

Thế giới quan tâm một cách đúng đắn về những vụ sát hại xảy ra ở Congo. Tôi cũng lên án những vụ tấn công này, cho dù họ gây ra ở Congo, Algeria, hay bất cứ nơi đâu. Tuy thế, tôi vẫn muốn yêu cầu thế giới đừng quên hàng nghìn người dân Tây Tạng đã bị tàn sát, và đang bị tàn sát, đơn giản chỉ bởi vì họ từ chối chấp nhận sự thống trị của ngoại bang. Đại nghĩa của sự thật và công lý phải được phổ biến, và vào cuối của màn đêm khủng khiếp và khổ đau này, bình minh của một ngày trong sáng sẽ trời dậy cho Tây Tạng và dân tộc chúng tôi.

Tôi tiếp tục biểu lộ sự biết ơn sâu xa của tôi với Ấn Độ, Bhutan, Sikkim, và Nepal cho lòng mến khách và ân cần mà những láng giềng này đã chào đón chúng tôi. Tôi cũng muốn cảm ơn nhiều nhiều tổ chức quốc tế và Ấn Độ cũng như những cá nhân đã rộng lòng hỗ trợ và giúp đỡ chúng tôi. Vì một số lượng lớn người tị nạn tiếp tục đổ đến, tôi kêu gọi mọi người hãy tiếp tục ủng hộ chúng tôi một cách hào phóng như từ trước đến nay.

Ngày 10 tháng Ba năm 1961, Đức Đạt Lai Lạt Ma quyết định kỷ niệm cuộc đồng khởi ở Lhasa, để vinh danh sự hy sinh của hàng nghìn người Tây Tạng vốn đã bảo vệ ngài chống lại sự đe dọa của Trung Cộng. Vì vậy, phong tục tụ họp trang nghiêm vào ngày 19 tháng Ba mỗi năm được thiết lập, được đánh dấu bằng một bài nói chuyện tóm tắt những sự kiện của năm trước.

Đức Đạt Lai Lạt Ma biết rằng lời nói của ngài, thoát ra từ đại bản doanh của chính quyền lưu vong Tây Tạng ở Dharamsala sẽ được tiếp nhận và lắng nghe vượt khỏi Hy Mã Lạp Sơn và được đọc và đọc lại một cách hào hứng trên Quê Hương Tuyết Sơn bởi những người đặt trọn niềm hy vọng vào ngài. Ngài cũng biết rằng mỗi lời ngài nói ra sẽ được chính quyền Trung Cộng phân tích, và như những năm đã qua ngài đã nghe ngày càng nhiều tiếng vang về những lời tuyên bố của ngài ở phương Tây, nơi mà công luận đã động viên cho Tây Tạng.

Samdhong Rinpoche liên hệ vấn đề những tài liệu những bài nói chuyện về ngày 19 tháng Ba hoạt động như thế nào và sau đó Đức Đạt Lai Lạt Ma bàn luận, như được chứng thực bằng những bài viết nháp, vốn đầy những tẩy xóa và tu chỉnh.

Từ lúc bắt đầu lưu vong, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kêu gọi lương tâm thế giới; năm 1963 ngài đã lấy làm ân hận rằng "cộng đồng các quốc gia đang biến thành một lỗ tai điếc." Ngày 9 tháng Chín năm 1959, từ lưu vong, ngài đã đệ trình vấn đề Tây Tạng đến Liên Hiệp Quốc, tố cáo việc xâm phạm nền độc lập của xứ sở ngài trên cấp độ chính trị và vi phạm những quyền con người, cường bức lao động, tàn sát,

những vụ xử tử nhanh chóng, và đàn áp tôn giáo trên cấp độ con người. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã chấp nhận nghị quyết tóm tắt vào ngày 21 tháng Mười năm 1959, cảm ơn Ái Nhĩ Lan, Malaysia, và Thái Lan, với đại đa số cường quốc cho thấy không ủng hộ cho Tây Tạng trong phạm vi của cuộc Chiến Tranh Lạnh.

Ủy ban Luật gia Quốc tế của Liên Hiệp Quốc đã có thể chứng minh rằng Tây Tạng đã là một quốc gia độc lập thật sự trước năm 1950. Trích dẫn từ Công Ước Về Việc Ngăn Ngừa Và Trừng Phạt Tội Diệt Chủng được Liên Hiệp Quốc chấp nhận năm 1948, Ủy Ban đã viết một bản báo cáo chứng minh rằng Trung Cộng phạm tội diệt chủng được tố cáo bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Năm 1960, Đức Đạt Lai Lạt Ma đưa ra một lời kêu gọi mới đến Liên Hiệp Quốc. Lần thứ hai, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu và chấp nhận một nghị quyết đề cập đến sự vi phạm quyền con người ở Tây Tạng. Sau đó, năm 1965, một nghị quyết thứ ba được chấp nhận tố cáo sự vi phạm tiếp tục những quyền căn bản ở Tây Tạng bởi Trung Cộng. Ấn Độ, cho đến lúc này vốn tiết chế về vấn đề Tây Tạng, đã bỏ phiếu cho nghị quyết nhằm đòi hỏi Trung Cộng tôn trọng luật lệ quốc tế. Nhưng nghị quyết này vẫn không có kết quả vì không có tính chất bắt buộc về phần những quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc.

Cuộc tranh luận sau đó được đưa từ Đại hội đồng đến Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, mà vào năm 1991 đã chấp nhận một nghị quyết tố cáo sự vi phạm dai dẳng nhân quyền và tự do ở Tây Tạng. Tuy thế, sau ngày đó, vấn đề nhân quyền ở Tây Tạng không còn được thêm vào nghị trình của những buổi họp toàn thể.

Một ý kiến nào đó về sự khó khăn của vấn đề được bảo vệ bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể đạt được khi chúng tôi xét thấy rằng cho đến bây giờ không có quốc gia nào nhìn nhận chính quyền Tây Tạng lưu vong, mặc dù một vài xứ đã nói rằng họ ủng hộ quyền thành viên của Quốc Hội Tây Tạng Lưu vong trong Liên Minh Nghị Viện Thế Giới.

Nhân Danh Loài Người, Tôi Kêu Gọi Tất Cả Mọi Người Trên Thế Giới

VÀO NGÀY 10 THÁNG BA, chúng tôi trang nghiêm kỷ niệm ngày người dân Tây Tạng, vô tội và không vũ khí, đồng thời đứng lên chống lại sự xâm chiếm của chủ nghĩa đế quốc Trung Cộng. Bao năm đã trôi qua từ ngày kỷ niệm ấy, nhưng cảnh tượng ghê gớm của thảm kịch khủng khiếp ấy vẫn bao trùm mãi mãi đất thiêng liêng của chúng tôi. Sự chuyên chế và áp bức tiếp tục, và lời nói không thể diễn tả hết nỗi khổ đau của chúng tôi.

Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã hai lần kêu gọi chấm dứt thái độ vô nhân đạo chống lại người Tây Tạng. Về phần tôi, nhiều lần tôi đã đưa ra lời kêu gọi cho một giải pháp công bằng không thiên vị cho thảm kịch này. Nhưng như Ủy Ban Luật Gia Quốc Tế mới đây đề cập, "không một nghị quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc hay bất cứ lời kêu gọi nào đến lương tâm con người có bất cứ ảnh hưởng nào đối với những chính sách của Trung Cộng."

Ủy Ban, được thành lập bởi những luật gia xuất sắc danh tiếng quốc tế cũng tuyên bố rằng "hầu hết những tự do được đề cập trong Tuyên Ngôn Nhân Quyền Quốc Tế kể cả những quyền căn bản, dân sự, tôn giáo, xã hội và kinh tế được bảo đảm bởi luật lệ, đều không được nhìn nhận bởi nhà đương cục Trung Cộng tại Tây Tạng." Nhưng không chỉ từ vụ vi phạm hiển nhiên nhân quyền ở Tây Tạng và những quyền tự do căn bản mà vốn người Tây Tạng đang chịu khổ đau nhất ngày hôm nay. Nó thậm chí tệ hại hơn thế nữa. Nhà đương cục Trung Cộng đã phủ nhận trong thi hành thực tế sự kiện rằng người Tây Tạng là những con người vốn sở hữu những giác quan và cảm nhận của con người. Vì vậy, người Tây Tạng đã bị trục xuất ra khỏi đất đai của họ nhằm dành chỗ cho những di dân Trung Hoa. Chúng xuất phát một cách có hệ thống từ một nguồn gốc duy nhất là lợi nhuận. Trong tâm trí người Trung Cộng, cuộc sống của người Tây Tạng không có giá trị gì. Đúng là nhà cầm quyền Trung Cộng đã phủ nhận một cách kịch liệt những thực tế này. Nhưng những chứng cứ đáng ngạc nhiên về điều này đã hiện hữu. Hàng nghìn người Tây Tạng bất chấp hiểm nguy và giá rét của một hình trình dài đằng đằng và hiểm nghèo để tìm nơi ẩn náu trong những quốc gia lân cận. Chắc chắn rằng nếu đời sống của họ nếu ngay cả có hơi chịu đựng được thì họ sẽ không từ bỏ tổ ấm và nhà cửa của họ cho một tương lai không chắc chắn.

Trong tình cảnh hiện tại, người Tây Tạng và những người yêu chuộng hòa bình khác nên kêu gọi lương tâm thế giới và chống đối mãnh liệt việc đối xử tàn bạo và vô nhân đạo đối với người Tây Tạng của những kẻ xâm lược Trung Cộng.

Tôi muốn kêu gọi tất cả những người Tây Tạng hãy củng cố niềm tin của họ và một lần nữa, làm mọi thứ có thể trong năng lực của họ để tái lập hòa bình và tự do trên mảnh đất quê hương thân thương của họ.

Nhân danh loài người, tôi yêu cầu tất cả mọi người trên thế giới hãy đến để giúp đỡ những người không may và bất hạnh ở Tây Tạng.

Tôi cũng nhấn mạnh sự cực kỳ nguy hiểm của tình trạng hiện tại. Tất cả chúng ta đều biết rằng quân đội Trung Cộng đã vi phạm một cách thô bạo sự toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ, mặc dù những nỗ lực của chính quyền Ấn Độ là để duy trì mối liên

hệ hữu nghị với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Sự tấn công này chứng tỏ rằng, nếu cần có một sự minh chứng nào, thì cho đến khi nào Trung Cộng vẫn còn chiếm cứ Tây Tạng, thì một sự đe dọa cho hòa bình và tiến bộ vẫn bao phủ đối với những quốc gia Á châu và Đông Nam Á châu. Tình hình nghiêm trọng hơn đối với sự thử nghiệm vũ khí hạt nhân của Trung Cộng. Cho đến lúc này, những cường quốc nguyên tử đã kiềm chế rất nhiều bởi họ hoàn toàn nhận ra rằng việc sử dụng vũ khí hạt nhân sẽ là một thảm họa cho toàn nhân loại. Nhà cầm quyền Trung Cộng cũng tiếp nhận một sự tiết chế như vậy chứ một khi họ đã sở hữu những trái bom hoàn toàn sẵn sàng để cho nổ? Tôi sợ rằng chúng ta không thể mong đợi một sự điều chỉnh hợp lý như vậy về phần của một chính quyền mà mục tiêu điên rồ của họ biết không có thương đê và hoàn toàn không có chỗ cho tôn trọng. Đó là tại sao tôi chân thành hy vọng và cầu nguyện rằng các dân tộc trên thế giới biết trước một hiểm họa đe dọa toàn thể chúng ta.



Tenzin Choegyal

Trong bài nói chuyện ngày 10 tháng Ba năm 1965, Đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu trước đồng bào ngày và cả thế giới. Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Cộng đã chiếm cứ Tây Tạng cho là do bởi tập quán và xã hội tiềm tàng của họ. Chế độ phong kiến thần quyền bị Mao chê bai để biện minh cho việc làm của ông về sự khai hóa, và tuyên truyền một cách chính thức về những người Tây Tạng hiện tại như nguyên sơ, vô văn hóa, và dã man. Mới đây, với tính hiện thực trong sáng pha lẫn buồn thảm, Tenzin Choegyal, em trai của Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố rằng

đối với người Trung Cộng, "giết một người Tây Tạng ít quan trọng hơn giết một con chuột cống."

Đúng là Trung Cộng đã thiết lập những chương trình văn minh hiện đại ở Tây Tạng, nhưng những nỗ lực này độc quyền cho những di dân người Hán, họ tập trung ở thành thị, nơi họ là đa số, với cái giá của những người Tây Tạng là ở những vùng thôn quê và du mục, những người khó để kiểm soát do bởi cách sống của họ gắn bó với sự tự trị của họ.

Đe dọa hạt nhân được Đức Đạt Lai Lạt Ma cảnh báo ngày 10 tháng Ba năm 1965, đã chỉ lớn thêm mà thôi, nó phô ra một nguy hiểm thật sự - cả chiến lược và sinh quyển - cho Á châu và thế giới. Trong những năm 1990, với việc thiết lập ở vùng Đông Bắc Học Viện Thứ Chín, một trung tâm nghiên cứu nguyên tử năng kỹ thuật cao, thì Tây Tạng đã trở thành một căn cứ quân sự của Trung Hoa, vốn chứa một phân tử hỏa tiễn liên lạc địa với những đầu đạn hạt nhân đủ loại ở cao nguyên Tây Tạng.

Nóc Nhà của Thế Giới cũng phục vụ như một nơi chôn cất chất thải nguyên tử. Tân Hoa Xã thừa nhận rằng trong năm 1995 những chất ô nhiễm phóng xạ được chôn bên cạnh bờ Hồ Kokonor và một đầm lầy mà nước của nó đổ vào sông Tsang Chu, chảy dần xuống hạ lưu thành Sông Hoàng Hà chảy xuyên Trung Hoa. Hậu quả, một số lớn của những trường hợp ung thư đã được chú ý trong những người du mục, cùng với một tỉ lệ bất thường của dị tật bẩm sinh trong thú vật trong vùng, nơi những vùng đất chôn thả súc vật truyền thống đã bị phong tỏa.

Vận Động Tiến Trình Hán Hóa ở Tây Tạng

NHỮNG NĂM CHIẾM ĐÓNG của quân Trung Cộng tương ứng với một danh sách dài những bất hạnh và khổ đau thảm lạng. Những nông dân và chủ những đàn thú bị cướp đoạt thành quả lao động của họ. Với một đồng lương rẻ mạt, những đám đông người Tây Tạng bị cưỡng bức xây dựng những con đường quân sự và công sự cho Trung Cộng. Một con số không thể đếm những đồng bào chúng tôi là nạn nhân của những tòa án và thanh trừng công cộng, nơi mà tất cả những loại xỉ nhục và tàn bạo đã giáng xuống cho họ. Những tài sản phong phú, được tích lũy qua nhiều thế kỷ, đã bị tước đoạt đem về Trung Hoa. Một cuộc vận động dai dẳng Hán hóa dân số Tây Tạng tiếp tục diễn ra, bằng sức mạnh thay thế ngôn ngữ Tây Tạng bằng tiếng Hán và thay đổi tên tuổi Tây Tạng với những chữ và âm thanh Hán. Quá nhiều kiểu mẫu Trung Hoa cho "khu tự trị Tây Tạng."

Sự ngược đãi Phật Giáo và văn hóa Tây Tạng đạt đến một mức độ mới của sự mãnh liệt với sự đến của cái gọi là Cách Mạng Văn Hóa và phụ phẩm của nó, Hồng Vệ Binh. Những tu viện, chùa đền, và ngay cả những nhà cửa tư nhân bị lục soát, cướp phá, và tất cả những mục tiêu tôn giáo bị phá hủy. Trong vô số những đồ vật đã bị phá hủy, tôi sẽ kể ra một thí dụ về bức tượng Quán Thế Âm từ thế kỷ thứ bảy. Hai đầu của bức tượng bị cắt ra và làm cho biến dạng, được bí mật đem ra khỏi Tây Tạng và mới đây được trình bày với truyền thông ở Delhi. Không chỉ bức tượng ấy vốn là một biểu tượng tôn kính qua hàng thế kỷ, nhưng cũng cấu thành một vật thể lịch sử, quan trọng, và không thể thay thế thân thiết của người dân Tây Tạng. Sự phá hoại đó là một mất mát lớn lao và là một nguồn buồn thương sâu xa đối với chúng tôi. Nguồn gốc của những phương pháp hoang dã như vậy bởi những đám đông thanh thiếu niên học sinh cuồng nhiệt gây ra một hành động rồ dại bởi bản vô nghĩa được Mao Trạch Đông xúi giục nhân danh cái gọi là Đại Cách Mạng Văn Hóa Vô Sản. Nó là một bằng chứng hùng hồn cho những biện pháp cực đoan mà trong ấy những lãnh tụ Trung Cộng đã thất bại trong việc xóa sổ những vết tích văn hóa của chúng tôi. Nhân loại và lịch sử chắc chắn sẽ lên án những cuộc tàn sát dã man người Tây Tạng và di sản văn hóa thân thiết với con tim của họ mà Trung Cộng đã gây ra.

Quán sát với nỗi buồn thương sâu sắc sự nghèo khổ và khổ đau kinh khủng của đồng bào tôi ở Tây Tạng, chúng tôi làm mới quyết tâm vững chắc của chúng tôi để dành lại sự tự do của chúng tôi. Trong thời gian lưu vong, chúng tôi đã làm mọi nỗ lực để chuẩn bị ngày chúng tôi trở lại cho một Tây Tạng Tự Do. Với mục tiêu này, chúng tôi đã vạch rõ và ban hành một hiến pháp tạm thời cho Tây Tạng, căn cứ trên những nguyên tắc của công lý, bình đẳng và dân chủ liên đới với những giáo huấn của Đức Phật Thế Tôn. Nó được tất cả mọi người Tây Tạng tiếp nhận một cách nồng nhiệt, đặc biệt là những đại biểu dân cử Tây Tạng lưu vong. Chúng tôi cũng đã phát động những chương trình đa dạng cho sự tái hòa nhập và giáo dục, cảm ơn sự đồng cảm và hỗ trợ chân thành của chính phủ Ấn Độ. Một cách trung thực, đồng bào chúng tôi và tôi biết ơn sâu sắc sự giúp đỡ của chính phủ Ấn Độ, vốn thậm chí được mở rộng đến việc bảo vệ cho những chương trình văn hóa và tôn giáo của chúng tôi. Chúng tôi cũng cảm ơn những người Ấn Độ và những tổ chức quốc tế khác đã hỗ trợ chúng tôi một cách không mệt mỏi. Chúng tôi tiếp tục cần sự giúp đỡ của họ, và chúng tôi hy vọng vững chắc rằng chúng tôi sẽ được chu toàn như trước đây. Chúng tôi cũng biết ơn chính phủ Ấn Độ và các nước khác đã bảo vệ cho vấn đề Tây Tạng tại Liên Hiệp Quốc. Tuy thế, với sự kiện rằng thậm chí những quyền căn bản nhất của đồng bào chúng tôi bị Trung Cộng coi thường, một chính quyền vốn Liên Hiệp Quốc đã hơn một lần kêu gọi điều chỉnh, thì chúng tôi tin rằng hòa bình sẽ không thể thực hiện được ngoại trừ Tây Tạng dành lại được tự do và được chuyển hóa thành một vùng phi quân sự."

Tháng Sáu năm 1966, Mao phát động Hồng Vệ Binh, với sứ mệnh đập tan "Bốn Thứ Cũ": tư tưởng cũ, truyền thống cũ, văn hóa cũ, và phong tục cũ. Cách Mạng Văn Hóa được công bố tại Tây Tạng ngày 25 tháng Tám năm 1966, và mệnh lệnh được ban cho để phá hủy văn hóa Tây Tạng trong tất cả mọi hình thức.

Hai mươi nghìn Hồng Vệ Binh, được tổ chức thành nhóm thi đua, lục soát và cướp phá Lhasa. Các tu viện bị làm xúc phạm và sở hữu bị cướp đoạt. Đồ chế nhạo niềm tin và lòng sùng kính, kinh điển tôn giáo được dùng để nhét vào giày hay giấy vệ sinh, những bản gỗ in kinh được dùng lót sàn nhà, và những đôi tượng nghi lễ làm bằng kim loại quý bị nung chảy. Những kho tàng nghệ thuật tôn giáo Tây Tạng bị đem về Trung Hoa được đem bán đấu giá trên thị trường cổ vật quốc tế.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã tuyên bố không nhập nhằng rằng: "Tư tưởng Cộng Sản và tôn giáo là hai năng lực không thể cùng tồn tại. Những khác biệt giữa hai thứ là như ngày và đêm." Tất cả sự thực hành tôn giáo bị cấm đoán, và sự tàn phá có hệ thống các tu viện bắt đầu. Trong tất cả những tu sĩ nam và nữ, đại diện gần một phần tư dân số, hơn mười một nghìn người bị tra tấn đến chết, và phân nửa bị buộc phải hoàn tục hay bị ép phải giao hợp nơi công cộng.

Dân chúng Tây Tạng phải khổ nhục tự phê và tập hợp học tập cải tạo, nơi những công nhân phải đối diện với chủ nhân của họ, nông dân với chủ đất của họ, học sinh với giáo viên của họ, và tu sĩ với trụ trì của họ. Việc thủ tội bị giằng xé với họ bằng những phương pháp cực kỳ bạo động, đôi khi kết quả tóm lược bằng những vụ xử tử.

Những năm từ 1966 đến 1979, đối với người Tây Tạng, tiêu biểu cho thời kỳ khốc liệt trong sự chiếm đóng của Trung Cộng. Như Đức Đạt Lai Lạt Ma xót xa, đặc tính Tây Tạng bị tấn công thậm chí đến ngôn ngữ của nó. Những nhà chuyên môn tạo ra một "ngôn ngữ Hoa-Tạng hữu nghị" vốn bóp méo Tạng ngữ với những sự từ ngữ Trung Hoa.

Năm Trăm Người Tây Tạng Đã Bỏ Mình Trong Khi Đào Thoát Khỏi Quê Hương Bị Chiếm Đóng Của Họ

KỶ NIỆM NGÀY 10 THÁNG BA đã trở thành thiêng liêng với tất cả những người Tây Tạng, và đó là một ngày quan trọng trong lịch sử đấu tranh của dân tộc chúng tôi, những người muốn giải phóng họ khỏi những kẻ áp bức. Chính ngày này, những người Tây Tạng dũng cảm đã cố gắng giải thoát họ khỏi gông xiềng của

những lãnh đạo Trung Cộng. Trong năm 1950, Trung Cộng đã chiếm đóng xứ sở chúng tôi bằng vũ lực, thực hiện một tuyên bố mơ hồ đã lỗi thời về quyền bá chủ. So sánh tính hơn hãn của lực lượng Trung Cộng, sự phản kháng của chúng tôi bị lên án trước, và nó đưa đến một sự tàn sát ở mức độ lớn của hàng nghìn công dân chúng tôi. Nhưng tinh thần của một dân tộc vốn tin tưởng trong phẩm giá con người và trong sự tự do của tất cả mọi xứ sở, lớn cũng như nhỏ, không thể bị gục ngã bởi một kẻ xâm lược vô cùng hùng mạnh. Vào ngày nguy kịch ấy, cả nước chúng tôi sát cánh bên nhau coi thường quân Trung Cộng, và chúng tôi đã tái xác nhận lại đặc tính của của đất nước tôi trong một hình thức rõ ràng cho thế giới bên ngoài. Sự đấu tranh của dân tộc chúng tôi đang tiếp tục đến ngày hôm nay cả bên trong lẫn bên ngoài Tây Tạng.

Đối với những đồng bào vẫn còn ở bên trong Tây Tạng, chiến trận là cả hình thức vật thể lẫn đạo đức. Trung Cộng đã sử dụng mọi thủ đoạn có thể, cùng với sức mạnh, để phá vỡ sự đề kháng của người Tây Tạng. Sự thật là họ đã không thành công được Trung Cộng thừa nhận và được chứng minh bởi nhiều người Tây Tạng đã đào thoát đến Ấn Độ và những xứ sở láng giềng mỗi năm, mặc dù sự kiểm soát nghiêm ngặt được quân Trung Cộng áp đặt ở biên giới.

Năm 1968, gần năm trăm người Tây Tạng đã bỏ mình khi họ đang cố gắng để đào thoát sang Ấn Độ. Họ biết rằng cơ hội cho sự thành công của họ hầu như không có, nhưng họ muốn đổi đầu với hiểm nguy này. Có thể hiểu được không một dân tộc có thể tiến tới những cực đoan tự sát như vậy khi đáng lẽ họ phải hài lòng với chế độ mà họ đang sống, theo những người Cộng Sản Trung Hoa?

Trong mỗi năm đi qua, Trung Cộng đã cố gắng một cách thành công trong việc nhồi sọ hàng nghìn trẻ em Tây Tạng, buộc chúng phải rời khỏi cha mẹ và đưa chúng sang Trung Hoa. Ở xứ sở ấy, chúng bị tách rời hoàn toàn khỏi nền văn hóa Tây Tạng, được dạy những lý thuyết của Mao, và buộc phải đả kích và nhạo báng lối sống Tây Tạng. Nhưng trái với mong đợi của Trung Cộng, đại đa số những trẻ em ấy bây giờ phản kháng chế độ đã đặt ách thống trị lên Tây Tạng. Cho nên đến khi nào con người còn có khả năng để suy nghĩ, và đến khi nào người ta còn tìm kiếm sự thật, thì người Trung Cộng sẽ không thể thành công trong việc tẩy não thiếu nhi Tây Tạng. Không nghi ngờ gì số phận dành trước cho những dân tộc thiểu số bị sáp nhập sẽ chứng minh với những người Hán yêu nước. Tuy nhiên, xa vời với việc giải quyết để đạt đến những mục đích của họ, người Trung Cộng chỉ đang nuôi dưỡng ngọn lửa quốc gia. Đó là tại sao mà ngay cả những người cộng sản Tây Tạng trẻ tuổi đã gia nhập với toàn bộ đất nước chống lại người Trung Cộng.

Văn hóa và niềm tin tôn giáo của đất nước chúng tôi đã là những mục tiêu chính cho sự đàn áp của Trung Cộng. Việc tàn phá những trường đại học tu viện, những trung tâm văn hóa, và những học viện tương tự khác đã bắt đầu vào lúc khởi đầu của việc Trung Cộng xâm lược mới đây được làm mãnh liệt với Cách Mạng Văn Hóa và việc thành lập Hồng Vệ Binh. Tăng, ni, và những học giả đã bị đuổi khỏi tu viện và những tổ chức văn hóa. Số lớn dân chúng địa phương đang bị bắt buộc để xây dựng những mạng lưới đường xá chiến lược ở Tây Tạng, vốn đã trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ với biên giới của những nước láng giềng. Việc này tạo thành một sự gia tăng hiểm họa đến hòa bình của những khu vực này.

Đối với chúng tôi những người may mắn đào thoát khỏi được Trung Cộng đã lãnh lấy trách nhiệm cao quý cho vấn đề mà rất nhiều đồng bào chúng tôi đã hy sinh mạng sống của họ. Dân tộc chúng tôi trong lưu vong đang cố gắng một cách tận tâm để chuẩn bị cho một ngày về của một Tây Tạng Tự Do. Vì vậy, thiếu nhi Tây Tạng, những người tôi xem như ngưỡng cửa của một Tây Tạng tự do, độc lập trong tương lai, đang tiếp nhận những cơ hội tốt nhất để phát triển và làm lớn mạnh một cách tinh thần và đạo đức để trở thành những người đàn ông và đàn bà có gốc rễ sâu sắc trong nền văn hóa, niềm tin và lối sống của họ, trong khi vẫn duy trì sự gần gũi với nền văn minh hiện đại và được làm phong phú bởi những thành tựu vĩ đại của văn hóa thế giới. Vì vậy, họ sẽ là những công dân lành mạnh, sáng tạo, có thể phục vụ đất nước chúng tôi và nhân loại. Mong ước của chúng tôi không chỉ có thể cống hiến cho sự phồn thịnh của đất nước đã đùm bọc chúng tôi mà cũng để hành động trong một cách mà nền văn hóa Tây Tạng đáng tin cậy có thể bén rễ và rộ nở bên ngoài Tây Tạng, cho đến khi chúng tôi có thể trở lại nơi ấy. Ngày trở lại là một hy vọng sẽ luôn luôn đồng hành với chúng tôi, và là một mục tiêu mà đối với nó chúng tôi phải làm việc không mệt mỏi.

Năng lực của người Tây Tạng để thoát khỏi hoàn cảnh của họ, như được đề cập bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma vào ngày 10 tháng Ba năm 1968, ngày nay đã thay đổi. Những sự kiện của tháng Chín năm 2006 là một thảm họa nhắc nhở điều này: lính biên phòng Trung Cộng đã tấn công một nhóm bảy mươi lăm người Tây Tạng đang cố gắng vượt biên đến Nepal qua ngọn đèo Nangpa La Pass, cao 5,700 bộ, tại chân núi Cho Oyu.

Đội kiểm soát đã nhắm và bắn ngay khi thấy trên một cánh đồng tuyết, Kelsang Namtso, một sư cô Tây Tạng mười bảy tuổi, ngã gục, mình ghim đầy đạn. Những người đồng hành đã không thể mang xác sư cô đi, vì sợ bị bắt. Ngày hôm sau một

vài lính biên phòng Trung Cộng đã trở lại và vắt xác sư cô vào kẽ nứt của những tảng băng tuyết, dưới sự chứng kiến của những người leo núi Đan Mạch.

Trong loạt súng bắn, Kunsang Namgyal, một thanh niên hai mươi tuổi, đã bị thương và bị bắt bỏ tù cùng với ba mươi người Tây Tạng khác nữa, kể cả mười bốn trẻ em mất mạng.

Sự kiện có chứng nhân: từ trại của họ, những người leo núi thuộc những quốc tịch khác nhau đã quay phim cảnh những người lính nổ súng, rượt đuổi và bắt những người chạy trốn. Những hình ảnh ấy nhanh chóng được đưa lên Internet và màn ảnh truyền hình, kích động cho những cuộc phản đối ở vài quốc gia.

Xa cách với những máy ảnh, bên dưới sự im lìm được nhà đương cục Trung Cộng bao phủ, những người Tây Tạng đã và đang trải nghiệm những thảm kịch như vậy trong nửa thế kỷ với quê hương bị chiếm đóng của họ. Để cho con em họ có một nền giáo dục Tây Tạng và cho phép chúng thoát khỏi áp lực Hán hóa, những người cha mẹ đã đặt những đứa con nhỏ trong vòng tay của những đứa lớn hơn vốn được phó thác cho những người buôn lậu. Họ đã làm một sự hy sinh trong việc chia ly với chúng để con cái họ có thể lớn lên và tự hào là một người Tây Tạng.

Những đứa trẻ chạy trốn phải leo lên những ngọn núi cao nhất của thế giới, xuyên qua những hàng rào của băng và tuyết gần bảy đến tám nghìn mét. Để băng qua những đường đèo, chúng phải lội trong thời tiết mà nhiệt độ có thể xuống đến hai mươi độ dưới không, mà không có sự bảo hộ của những áo quần thích hợp, không có sự dinh dưỡng tương xứng, và trong hiểm họa có thể bất thành linh bị phát giác bởi những binh lính Trung Cộng. Một số bị chết vì lạnh, một số bị chết vì đói. Trong sự vắng vẻ băng giá ấy, chúng ngã xuống và không thể đứng dậy được. Những đứa khác đến nơi mà không ai biết đến những nỗ lực của chúng.

Tenzin Tsendu, một thi sĩ và chiến sĩ tự do, là tác giả của Đường Biên Giới, một tác phẩm gợi lên thử thách của một bà mẹ Tây Tạng đồng hành cùng với con cái bà đến tự do trong lưu đày:

Chúng tôi len lỏi trên đường trong đêm và lẩn tránh ban ngày,
Trong hai mươi ngày chúng tôi đến những ngọn núi tuyết phủ đầy.
Biên giới vẫn còn nhiều ngày phía trước với bước chân,
Đường sỏi đá cào rách thân thể chúng tôi, nặng quằn với nỗ lực và đôn đau.
Trên đầu chúng tôi một quả bom rơi xuống
Những đứa con tôi la lên trong kinh hoàng
Và rút tưa vào ngực tôi.

Tôi cũng quá kiệt lực rơi xuống như chẳng có chân tay,
Nhưng tâm hồn tôi thì vẫn đề phòng
Chúng tôi phải tiến lên phía trước hay chúng tôi sẽ chết ở nơi này.
Đưa con gái đây, đưa con trai kia.
Đưa công trên lưng,
Chúng tôi đến những cánh đồng tuyết.
Chúng tôi leo lên những triền núi như quỷ dữ
Mà những bờ tuyết phủ đã chôn vùi thân thể của những khách qua đường dám mạo hiểm đến đây.
Giữa những cánh đồng tuyết trắng của chết chóc này,
Một đồng xác chết đông lạnh
Đã đánh thức làn sóng can đảm của chúng tôi.
những giọt máu vung vãi trên tuyết.
Những chiến sĩ phải băng qua con đường của họ,
Trên quê hương của chính chúng tôi họ đã ngã vào vòng tay của loài quỷ đỏ.
Chúng tôi cầu nguyện đến Trần Bảo Toại Nguyên (ngọc ước như ý).
Hy vọng trong tim chúng tôi, lời cầu nguyện trên môi chúng tôi,
Chúng tôi hầu như không còn gì để ăn
Và chỉ còn băng tuyết để thấm môi,
Chúng tôi leo núi với nhau, đêm qua đêm.
Nhưng một đêm, con gái tôi than rằng bàn chân nó đang cháy bỏng.
Nó đã ngã xuống và đã đứng lên trên chân tê cóng.
Da nó rách bươm và với những vết cắt sâu rướm máu,
Nó cuộn tròn và run rẩy vì đau.
Ngày kế tiếp, nó đã mất cả đôi chân.
Bị tấn công bởi thần chết khắp mọi phía,
Tôi là bà mẹ bất lực;
"Amala, hãy cứu anh em tôi,
Tôi sẽ nghỉ ngơi trong chốc lát."
Cho đến khi tôi không còn nghe tiếng rên rỉ của nó mất từ xa,
Tôi nhìn lại phía sau tôi, qua làn nước mắt và sự tra tấn của nỗi đau này.
Đôi chân mang tôi đi, nhưng tim tôi vẫn ở với nó, đưa con gái tôi.
Trong một thời gian dài sau đó, trong lưu vong, tôi tiếp tục thấy nó
Vẫy tay bằng giá với tôi.
Đưa con lớn nhất của tôi, nhưng chỉ mới là thanh thiếu niên,
Là quê hương là một thử thách.
Mỗi đêm tôi thắp một ngọn đèn bơ cho nó,
Và anh em nó cùng cầu nguyện với tôi.

TÂY TẠNG THÁNH ĐỊA HÒA BÌNH CỦA THẾ GIỚI

Sự cống hiến của dân tộc chúng tôi với hòa bình thế giới

THẾ GIỚI ĐÃ TRỞ THÀNH ngày càng liên hệ hỗ tương với nhau cho nên nền hòa bình lâu dài trên trình độ của quốc gia, khu vực và toàn cầu chỉ có thể nếu chúng ta chú ý quan tâm đến tất cả mọi dân tộc. Trong thời đại của chúng ta, thật thiết yếu rằng tất cả chúng ta, mạnh cũng như yếu, cùng chung đóng góp cho nhau. Như lãnh đạo của dân tộc Tây Tạng và như một tu sĩ Phật giáo, tôi chân thành với ba chí nguyện của một tôn giáo căn cứ trên từ ái và bi mẫn. Trên tất cả, tôi là một con người, vì số phận của tôi cùng chia sẻ hành tinh này với tất cả mọi người, những người anh chị em của tôi. Khi thế giới ngày càng nhỏ hơn, chúng ta cần nhau hơn bao giờ hết. Đây là sự thật cho tất cả mọi thành phần của thế giới, kể cả lục địa mà tôi đã sinh ra.

Ngày nay, ở Á Châu cũng như những nơi khác, căng thẳng cao độ. Có những xung đột đang xảy ra ở Trung Đông, và Đông Nam Á, và ở quê hương tôi, Tây Tạng. Mở rộng ra, những vấn nạn này là triệu chứng bên dưới những căng thẳng vốn tồn tại trong sự tác động của những không gian quyền lực.

Nhằm để giải quyết những xung đột khu vực, chúng ta phải tính đến nhưng quan tâm tương ứng của tất cả mọi quốc gia và dân tộc lớn cũng như nhỏ. Không có giải pháp toàn cầu vốn bao gồm nguyện vọng của những dân tộc quan tâm trực tiếp nhất, sự lượng định hay biện pháp nửa chừng chỉ có thể tạo thêm những vấn nạn. Người Tây Tạng thâm tâm muốn đóng góp cho hòa bình, cả trên trình độ khu vực lẫn thế giới, và họ nghĩ rằng họ ở trong một vị thế đặc biệt để làm việc đó. Một cách truyền thống, chúng tôi là một dân tộc bất bạo động, những người yêu hòa bình. Kể từ khi Phật giáo được du nhập vào Tây Tạng hơn một nghìn năm trước, người Tây Tạng đã thực hành bất bạo động và tôn trọng tất cả mọi hình thức của sự sống. Chúng tôi đã mở rộng vị thế đứng đầu này cho những mối quan hệ quốc tế của quốc gia chúng tôi. Vị trí chiến lược cao độ của Tây Tạng trong trung tâm của Á Châu, giữa những cường quốc lớn của lục địa, một cách lịch sử ban cho chúng tôi một vai trò quan yếu trong việc duy trì hòa bình và ổn định. Một cách chính xác vì lý do này mà trong quá khứ, những đế quốc Á Châu đã cẩn thận tránh xa Tây Tạng bằng những thỏa thuận hỗ tương. Giá trị của Tây Tạng như một quốc gia trái độn độc lập được nhận thức như một thành phần cho sự ổn định của khu vực.

Khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa mới thành lập xâm lược Tây Tạng năm 1950, thì một nguồn gốc xung đột mới đã xuất hiện. Điều này đã xảy ra tiếp theo,

khi cuộc đồng khởi của toàn dân Tây Tạng chống lại Trung Cộng và sự đào thoát của tôi sang Ấn Độ năm 1959, căng thẳng giữa Trung Hoa và Ấn Độ gia tăng, và đưa đến kết quả trong cuộc chiến tranh biên giới trong năm 1962. Năm 1987, một lần nữa, những đội quân đông đảo đã tập trung cả hai bên biên giới Hy Mã Lạp Sơn, và căng thẳng một lần nữa diễn ra nguy hiểm một cách cao độ.

Vấn đề thật sự không phải là đường biên giới giữa Ấn Độ và Trung Hoa, mà là sự chiếm đóng bất hợp pháp của Trung Cộng ở Tây Tạng, vốn đã cho phép Trung Hoa thâm nhập trực tiếp vào lục địa Ấn Độ. Nhà cầm quyền Trung Cộng đã cố gắng để hạ thấp vấn đề bằng việc tuyên bố rằng Tây Tạng luôn luôn là một phần của Trung Hoa. Điều này không đúng. Tây Tạng đã là một quốc gia hoàn toàn độc lập khi nó bị xâm lược bởi Quân Giải Phóng Nhân Nhân năm 1950.

Kể từ khi những hoàng đế Tây Tạng thống nhất Tây Tạng hàng nghìn năm trước, xứ sở chúng tôi đã có thể bảo vệ nền độc lập của nó, cho đến giữa thế kỷ 12. Tây Tạng trong quá khứ đã mở rộng sự ảnh hưởng của nó đối với những lân bang và dân tộc láng giềng, và những thời gian sau nó bị ở dưới sự thống trị của những nhà thống trị ngoại bang cường thịnh: những Đại hãn của Mông Cổ, những Gurkha của Nepal, những hoàng đế Mãn Châu, và người Anh hiện diện ở Ấn Độ.

Dĩ nhiên, không phải hiếm những quốc gia chịu ảnh hưởng hay can thiệp ngoại bang. Điều được gọi là những mối quan hệ chư hầu là thí dụ thuyết phục nhất cho điều này – những quốc gia lớn tiến hành ảnh hưởng của họ đối với những đồng minh hay lân bang yếu kém hơn. Như nghiên cứu được đưa ra bởi những thẩm quyền hợp pháp cao nhất cho thấy, trong trường hợp của Tây Tạng, sự khuất phục thỉnh thoảng của xứ sở chúng tôi đối với những ảnh hưởng ngoại bang không bao giờ bao hàm việc đánh mất sự độc lập của nó. Và Tây Tạng từ mọi quan điểm là một nhà nước độc lập, không thể phá hủy được vào thời điểm xâm lược của quân đội Cộng Sản Bắc Kinh.

Sự xâm lăng của Trung Cộng bị lên án bởi hầu hết các quốc gia của thế giới tự do, cấu thành một sự xâm lược trắng trợn đối với công pháp quốc tế. Khi quân đội chiếm đóng Tây Tạng tiếp tục, thế giới nên nhớ rằng, ngay cả nếu người Tây Tạng đánh mất tự do của họ, theo luật pháp quốc tế, thì Tây Tạng ngày nay vẫn là một quốc gia độc lập bị chiếm đóng một cách bất hợp pháp.

Tôi không đang cố gắng để đi vào sự liên hệ trong một cuộc tranh luận chính trị hay hợp pháp đối với vị thế của Tây Tạng. Mong ước của tôi chỉ đơn thuần là để nhấn mạnh sự kiện rõ ràng và không thể chối cãi rằng như những người Tây Tạng, chúng tôi là một dân tộc khác biệt với nền văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, và lịch sử

riêng của chúng tôi. Tây Tạng nên giữ vai trò của nó như một quốc gia trái độn, vì thế bảo vệ và bảo đảm sự thúc đẩy hòa bình ở Á Châu.

Mặc dù sự hủy diệt gây ra cho dân tộc chúng tôi trải qua những thập niên vừa rồi do quân đội xâm lược Trung Cộng tiến hành, nhưng tôi luôn luôn cố gắng để đi gần đến một giải pháp thông qua những sự thảo luận trực tiếp, thẳng thắn với nhà cầm quyền Bắc Kinh. Năm 1982, theo sau những sự thay đổi trong giới lãnh đạo Trung Cộng, và cảm ơn những sự tiếp xúc trực tiếp với chính quyền Bắc Kinh, tôi đã gửi những đại diện của tôi để khởi đầu những việc nói chuyện về tương lai của đất nước và dân tộc tôi.

Chúng tôi bắt đầu đối thoại với lòng nhiệt thành cởi mở và thái độ tích cực để đem vào xem xét những nhu cầu chính đáng của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tôi hy vọng rằng thái độ này sẽ là hỗ tương và rằng một giải pháp cuối cùng sẽ được tìm ra để có thể hài lòng và bảo tồn những nguyện vọng và quan tâm của đôi bên. Bất hạnh thay, Trung Cộng đã tiếp tục đáp ứng những nỗ lực của chúng tôi trong một cung cách phòng thủ, đem sự báo cáo chi tiết của chúng tôi về những thực tế rất khó khăn ở Tây Tạng chỉ đơn thuần như những sự chỉ trích chế độ.

Nhưng đó chưa phải là tệ hại nhất. Trong ý kiến của chúng tôi, chính quyền Trung Cộng đã cho phép cơ hội cho sự đối thoại thật sự qua đi. Thay vì đối diện với những vấn nạn thật sự của sáu triệu dân Tây Tạng, họ đã cố gắng để co cụm toàn bộ vấn đề Tây Tạng thành vị thế cá nhân của chính tôi.

Trong nguyện ước chân thành nhất của tôi, và của dân tộc Tây Tạng, để tái lập ở Tây Tạng vai trò lịch sử vô giá của nó bằng một lần nữa biến toàn bộ xứ sở, kể cả ba tỉnh U-Tsang, Kham, và Amdo, thành một vùng ổn định, hòa bình, và hợp tác. Trong truyền thống tinh khiết nhất của Phật giáo, Tây Tạng vì thế sẽ cống hiến những sự phụng sự và lòng hiếu khách của nó đến tất cả những người bảo vệ hòa bình, tính tốt đẹp của con người, và quan tâm cho môi trường mà tất cả chúng ta cùng chia sẻ.

*

Đó là năm 1987, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu tại Ủy Ban Nhân Quyền Quốc Hội Hoa Kỳ. Sau khi Mao chết, Đặng Tiểu Bình đã ban hành một chính sách mới hạn chế nói lòng ở Tây Tạng, bắt đầu năm 1979, Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã tổ chức một Hội Nghị Chuyên Đề Đầu Tiên về Tây Tạng vào mùa xuân năm 1980 và gửi Hồ Cẩm Đào, tổng bí thư đảng cộng sản, đánh giá hoàn cảnh Tây Tạng, bị sốc bởi tình trạng nghèo đói cùng cực của xã hội Tây Tạng, khi trở lại ông đề nghị

những sự cải cách cấp tiến để thoát khỏi sự kiểm soát tập thể, cho phép sự tự trị rộng rãi hơn, và giảm thuế. Nó quyết định giảm thiểu cán bộ Trung Cộng xuống còn hai phần ba, để lại sự quản lý Tây Tạng cho người của chính họ, những người chịu trách nhiệm cho sự hồi sinh nền văn hóa của họ. Những tù nhân chính trị, bị giam giữ từ năm 1959, được thả ra, và Đảng Cộng Sản Trung Quốc mời những người lưu vong, đặc biệt là Đức Đạt Lai Lạt Ma, trở về quê hương để “tham gia vào việc tái thiết xã hội.”

Chính phủ lưu vong Tây Tạng đã gửi ba phái đoàn điều tra đến Tây Tạng năm 1979 và 1980. Sự viếng thăm của họ đã khơi dậy niềm hân hoan cùng khắp vốn đã vượt khỏi bất cứ sự nhiệt thành nào mà Trung Cộng có thể tưởng tượng. Những người anh chị em của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã hiện diện, và những người đồng bào của họ đã đổ xô tới để chạm vào họ và nước mắt tươi ướt áo của họ, vốn được mang theo như thánh tích. Những mảnh áo quần của họ là quý giá, vì chúng đến từ những người gần gũi với lãnh đạo tinh thần của họ, cho sự tôn kính không được che dấu của họ. Hai mươi năm tuyên truyền và đàn áp tàn bạo không làm lay chuyển lòng tin của họ, làm thất vọng nhiều cho những lực lượng quân sự của Trung Cộng. Lần viếng thăm lần thứ hai đã bị cắt ngắn vì đám đông ở Lhasa đã trở thành không thể kiểm soát.

Tháng Chín 1980, Đức Đạt Lai Lạt Ma đề nghị gửi năm mươi giáo viên từ cộng đồng lưu vong đến giảng dạy ở Tây Tạng. Ngài đề nghị mở một văn phòng liên lạc ở Bắc Kinh để tái lập niềm tin, nhưng Trung Cộng đã lập lờ.

Tháng Ba 1981, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã lưu ý điều này trong một lá thư gửi Đặng Tiểu Bình, trong khi vẫn nhấn đi nhấn lại rằng những giáo viên phải được cho phép nhanh chóng để hướng đến sứ mệnh giáo dục của họ ở Tây Tạng. Vài tháng sau đó, vào tháng Bảy, Hồ Diệu Bang đã trả lời, yêu cầu Đức Đạt Lai Lạt Ma trở lại Lhasa, nơi ngài có thể tiếp tục vị trí chính trị và những điều kiện đời sống như trước 1950.

Với phạm trù mới này Đức Đạt Lai Lạt Ma đã ám chỉ khi ngài đề cập đến những đại diện được chính phủ lưu vong gửi năm 1982 và 1984 đến Bắc Kinh. Nhưng sự thất vọng đã tràn ngập họ, vì chính quyền Trung Cộng đã tuyên bố không khoan nhượng rằng họ chỉ muốn thảo luận một vấn đề duy nhất: “sự trở về mẫu quốc không điều kiện của Đức Đạt Lai Lạt Ma.”

Thời điểm cởi mở, vốn được cho phép cho sự hồi sinh của lối sống và tôn giáo Tây Tạng đã không kéo dài. Năm 1984, một Hội Nghị Chuyên Đề lần thứ hai về Tây Tạng đặt nghi vấn vào sự lãnh đạo của Hồ Diệu Bang, phê phán ông về việc cho

phép tinh thần quốc gia Tây Tạng sống lại. ông bị mất chức lãnh Đạo Đảng Cộng Sản, và một lần nữa, những chính sách của Trung Cộng trở nên khắc nghiệt hơn. Đây là khi Đức Đạt Lai Lạt Ma, tại lời mời của Quốc Hội Hoa Kỳ, quyết định đưa vấn đề Tây Tạng vào môi trường quốc tế - hợp đồng cùng với một thông điệp về hòa bình cho thế giới.

*

Tôi đề nghị Tây Tạng trở thành thánh địa bất bạo động của thế giới

TÔI ĐỀ NGHỊ RẰNG TOÀN BỘ TÂY TẠNG, kể cả những tỉnh miền đông của Kham và Amdo, được chuyển biến thành một khu vực của bất bạo động, một thuật ngữ Ấn giáo mệnh danh một tình trạng của bất bạo động và hòa bình.

Sự thành lập một khu vực như vậy của hòa bình sẽ là sự tiếp tục vai trò lịch sử của Tây Tạng, một quốc gia hòa bình, trung lập và là vùng trái độn giữa những cường quốc của lục địa. Đó cũng là giữ gìn đề xuất Nepal trở thành một khu vực hòa bình, một chương trình vốn được Trung Hoa chấp nhận công khai. Khu vực hòa bình Nepal sẽ có một tác động mạnh mẽ hơn nếu nó bao gồm cả Tây Tạng và những quốc gia lân bang.

Việc thành lập một khu vực hòa bình ở Tây Tạng sẽ bắt buộc một sự triệt thoái lực lượng và sự đồn trú quân sự của Trung Cộng. Nó cũng cho phép Ấn Độ rút lui lực lượng quân sự và những trại binh khỏi những vùng biên giới ở Hy Mã Lạp Sơn. Một thỏa thuận quốc tế có thể bảo đảm nhu cầu hợp pháp cho việc bảo vệ và xây dựng những mối quan hệ của lòng tin giữa dân tộc Tây Tạng, Ấn Độ, Trung Hoa, và những dân tộc khác trong vùng. Đó sẽ là một thuận lợi cho mọi người, nhất là Trung Hoa và Ấn Độ. Sự an ninh sẽ được tái củng cố, và việc đó sẽ làm nhẹ bớt gánh nặng của họ liên hệ đến việc duy trì những sự tập trung quân sự lớn lao trên những vùng tranh chấp biên giới ở Hy Mã Lạp Sơn.

Trong suốt lịch sử, những mối liên hệ giữa Trung Hoa và Ấn Độ không bao giờ bị căng thẳng. Chỉ khi quân đội Trung Cộng xâm lược Tây Tạng, do thế tạo nên một vùng biên giới chung lần đầu tiên mà những mối căng thẳng xuất hiện giữa hai cường quốc, đưa đến kết quả của cuộc chiến biên giới năm 1962. Kể từ đó, nhiều sự kiện nguy hiểm đã xảy ra. Việc tái lập những mối quan hệ tốt đẹp giữa hai quốc gia đông dân nhất thế giới sẽ trở nên bớt căng nếu họ được tách rời ra, như trong quá khứ, bởi một khu vực trái độn rộng rãi, thân hữu.

Để cải thiện những mối quan hệ giữa dân tộc Tây Tạng và Trung Hoa, bước đầu tiên là việc phục hồi lòng tin. Sau sự diệt chủng hàng thập niên mới đây – trong phạm vi của hơn một triệu người Tây Tạng, hay một phần sáu dân số, đã mất sự sống của họ, trong khi tối thiểu một con số như vậy cũng bị mòn mỏi trong những trại tập trung do bởi niềm tin tôn giáo và lòng yêu mến tự do của họ - chỉ có một sự rút lui quân đồn trú Trung Cộng mới có thể khởi đầu một tiến trình hòa giải thật sự. Lực lượng chiếm đóng đông đảo ở Tây Tạng nhắc người Tây Tạng mỗi ngày sự áp bức và khổ đau mà tất cả đang chịu đựng. Việc rút quân đội sẽ là một dấu hiệu mạnh mẽ cho chúng tôi hy vọng rằng trong tương lai một mối quan hệ thân hữu và tin tưởng có thể được thiết lập với người Trung Hoa.

*

Việc chuyển hóa Tây Tạng thành một khu vực hòa bình công hiến đến văn hóa bất bạo động (ahimsa) được Đức Đạt Lai Lạt Ma đề xuất trong phát biểu trước ủy Ban Nhân Quyền Quốc Hội Hoa Kỳ năm 1987, khi ngài trình bày Dự Án Năm Điểm Hòa Bình. Vị lãnh đạo tinh thần đã phát triển lập luận rằng nền hòa bình ở Tây Tạng có thể bảo đảm hòa bình trên thế giới, phù hợp với nguyên tắc độc lập thân yêu của ngài. Bài phát biểu này đã đánh dấu một chuyển hướng quan trọng trong sự phân tích về tình hình Tây Tạng của Đức Đạt Lai Lạt Ma và chính phủ lưu vong Tây Tạng.

Cho đến 1979, chính phủ trung ương Tây Tạng và người Tây Tạng đã cố gắng để khôi phục nền độc lập của Tây Tạng bằng việc kêu gọi Liên Hiệp Quốc, mà không có nhiều thành công, để nhìn nhận chủ quyền lịch sử của quốc gia họ, vốn, mâu thuẫn với những gì mà cơ quan tuyên truyền Trung Cộng xác nhận, là không bao giờ là một phần của Trung Hoa. Trong khi biết rằng thế giới đã trở thành ngày càng liên hệ hỗ trợ hơn trong chính trị, quân sự, và kinh tế, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã quyết định đặt mọi nỗ lực vào việc giải quyết vấn đề Tây Tạng qua đối thoại và đàm phán.

Năm 1979, Đặng Tiểu Bình đã ra lệnh rằng bất cứ điều gì về Tây Tạng cũng có thể thảo luận ngoại trừ độc lập. Trong những cuộc gặp gỡ với các thành viên chính phủ lưu vong, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nghiên cứu về việc khả dĩ hài lòng những nguyện vọng của dân tộc Tây Tạng trong khi vẫn chấp nhận ý kiến rằng Tây Tạng có thể sẽ trở thành một tỉnh của Trung Hoa, cung ứng một vị thế thật sự của tự quản và tự trị có được. Tình trạng không thể đảo ngược làm cho có sự tự trị hiệu quả này là hủy bỏ cơ quan hành chính của đất nước, bị áp đặt một cách tùy tiện bởi sự chiếm đóng, thành năm khu vực kết hợp vào những tỉnh của Trung Hoa. Chính quyền Dharamsala đề nghị rằng tất cả những vùng được hợp nhất vào một

thực thể quyền lực là tự trị một cách dân chủ. Những chừng mực như thế cho phép bảo tồn tôn giáo và văn hóa Tây Tạng bằng việc cho người Tây Tạng quyền lực để quyết định sự phát triển kinh tế xã hội của chính họ. Trung Cộng tiếp tục có trách nhiệm về quốc phòng, ngoại giao, giáo dục, và kinh tế. Như vậy sẽ có được sự tiến bộ về một sự ổn định lâu dài bằng tính toàn vẹn lãnh thổ của nó. Dân tộc Tây Tạng sau đó sẽ không có lý do gì để đòi hỏi sự độc lập của họ.

Những điểm này hình thành căn bản của chính sách được gọi là “Trung đạo”, được nghĩ là lợi ích hỗ tương cho cả hai phía và để phụng sự hòa bình trên thế giới. Nó vẫn được ủng hộ bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma trong trong những đàm phán của ngài với chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Ngài đã đưa ra một sự giải thích hoàn chỉnh về điều này một năm sau bài phát biểu ở Hoa Kỳ khi ngài tuyên bố tại Quốc Hội Châu Âu ở Strasbourg.

*

Nhân danh di sản tâm linh của dân tộc tôi

CHÚNG ĐANG SỐNG NGÀY NAY trong một thế giới rất hỗ tương. Một quốc gia đơn lẻ không thể tự giải quyết những vãn nạn. Nếu chúng ta không nhận ra trách nhiệm toàn cầu, thì chính sự sống còn của chúng ta bị đe dọa. Đó là tại sao tôi luôn luôn tin tưởng trong sự cần thiết cho sự hiểu biết tốt đẹp hơn, sự hợp tác gần gũi hơn, và sự tôn trọng rộng rãi hơn giữa các quốc gia trên thế giới. Quốc Hội Châu Âu là một thí dụ truyền cảm. Nổi lên từ những hỗn độn của chiến tranh, những kẻ thù ngày hôm qua, trong một thế hệ mà thôi, đã học hỏi để cùng tồn tại và hợp tác.

Tây Tạng đang trải qua một thời điểm rất khó khăn. Người Tây Tạng, đặc biệt những ai đang chịu đựng sự chiếm đóng của Trung Cộng, ngưỡng mộ tự do và công lý cũng như đến một tương lai mà chính họ có thể tự quyết định, cũng như bảo vệ hoàn toàn cá tính đặc biệt của họ và sống trong hòa bình với những láng giềng của họ. Trong hơn một nghìn năm, dân tộc Tây Tạng đã thừa kế những giá trị tâm linh, bảo vệ sinh uyển khu vực cũng như duy trì sự cân bằng mong manh của sự sống trên cao nguyên. Ngưỡng mộ bởi thông điệp bất bạo động và từ bi của Đức Phật, được bảo vệ bởi những ngọn núi, chúng tôi đã cố gắng để tôn trọng tất cả những hình thức của sự sống và đã từ bỏ chiến tranh như công cụ của chính sách quốc gia.

Suốt khắp lịch sử chúng tôi, ngược lại hai nghìn năm, chúng tôi đã từng độc lập. Không khi nào từ khi lập quốc vào năm 127 trước Dương Lịch chúng tôi đã nhường lại chủ quyền của mình cho một cường quốc ngoại bang. Như là trường hợp của tất cả mọi quốc gia. Tây Tạng đã trải qua những thời điểm khi những lân bang của nó – Mông Cổ, Mãn Thanh, Trung Hoa, Anh quốc, và Nepal – đã cố gắng để khuất phục nó. Đây là những hồi đoạn ngắn mà dân tộc Tây Tạng không bao giờ đồng ý để diễn giải như một sự đánh mất chủ quyền quốc gia. Trong thực tế, có những lúc khi những vị vua Tây Tạng chinh phục những phần lãnh thổ rộng lớn của Trung Hoa và những lân bang khác. Nhưng điều đó không có nghĩa là những người Tây Tạng chúng tôi bây giờ đòi hỏi những vùng lãnh thổ này.

Năm 1949 Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa xâm lược Tây Tạng bằng vũ lực. Kể từ đây, Tây Tạng chịu đựng một giai đoạn tối tăm nhất trong lịch sử của nó. Hơn một triệu người dân chúng tôi đã bị giết chết như kết quả của cuộc xâm lược. Hàng nghìn tu viện đã biến thành đồng gạch vụn. Một thế hệ đã lớn lên thiếu thốn học vấn, phát triển kinh tế, và bản sắc quốc gia. Mặc dù những lãnh tụ Trung Cộng đã đưa những cải cách nào đó có hiệu lực, nhưng họ cũng đưa đông đảo người Hoa di chuyển đến cao nguyên Tây Tạng. Chính sách này đã khiến sáu triệu người Tây Tạng biến thành điều kiện của một tộc dân thiểu số.

Tôi đã cảm dân tộc tôi dùng đến phương thức bạo động trong những nỗ lực của họ nhằm chấm dứt đau khổ cho họ. Tuy nhiên, tôi thật tin rằng một dân tộc có mọi quyền đạo đức để phản kháng chống lại bất công. Bất hạnh thay, những phản kháng ở Tây Tạng đã bị trấn áp một cách bạo động bởi công an và quân đội Trung Cộng. Tôi sẽ luôn luôn khuyến khích bất bạo động, nhưng ngoại trừ Trung Cộng từ bỏ những phương pháp tàn bạo của họ, chứ người Tây Tạng không thể bị quy trách nhiệm cho một sự gia tăng đau đớn hơn của hoàn cảnh.

Mọi người Tây Tạng hy vọng và cầu nguyện cho một sự hồi phục hoàn toàn của nền độc lập của quốc gia họ. Hàng nghìn người dân chúng tôi đã hy sinh mạng sống của họ, và toàn bộ đất nước chúng tôi đã đau khổ trong cuộc chiến đấu này. Nhưng người Trung Cộng đã thất bại hoàn toàn trong việc nhận ra những nguyện vọng của dân tộc Tây Tạng, và họ cương quyết trong chính sách đàn áp tàn bạo của họ.

Tôi đã suy nghĩ trong một thời gian dài về một giải pháp thực tiễn vốn có thể chấm dứt thảm kịch của đất nước chúng tôi. Với chính phủ lưu vong, tôi đã chào mời những ý kiến của nhiều bạn hữu và những người quan tâm. Vào ngày 21 tháng Chín năm 1987, trước ủy Ban Nhân Quyền Quốc Hội ở thủ đô Hoa Sinh Tân, Hoa Kỳ, tôi đã tuyên bố Kế Hoạch Năm Điểm Hòa Bình mà trong đó tôi kêu gọi cho

một sự chuyển hóa ở Tây Tạng thành một khu vực hòa bình, một thánh địa nơi con người và thiên nhiên có thể sống chung với nhau trong hòa hiệp. Tôi cũng kêu gọi cho một sự tôn trọng nhân quyền và lý tưởng tự do, cho việc bảo vệ môi trường, và cho việc chấm dứt sự di chuyển người Hoa đến Tây Tạng.

Điểm thứ năm trong Kế Hoạch Hòa Bình kêu gọi cho những sự đàm phán nghiêm túc giữa người Tây Tạng và Trung Cộng. Chúng tôi đã chủ động bày tỏ những tư tưởng này, vốn, là chúng tôi hy vọng, có thể giải quyết cho vấn đề Tây Tạng. Toàn bộ Tây Tạng, được biết với cái tên Chokha Sum (kể cả những tỉnh U-Tsang, Kham và Amdo) nên trở thành một thực thể tự quản, dân chủ, và tuân thủ luật pháp, với người dân đồng ý hoạt động cho lợi ích chung và bảo vệ môi trường, trong sự phối hợp với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Chính quyền Trung Hoa sẽ vẫn chịu trách nhiệm về chính sách ngoại giao. Chính quyền Tây Tạng, về phần nó, sẽ phát triển và duy trì những mối quan hệ qua phòng ngoại giao của nó và những lãnh vực thương mại, giáo dục, văn hóa, tôn giáo, du lịch, khoa học, thể thao, và những hoạt động phi chính trị khác.

Vì sự tự do cá nhân là cội nguồn thật sự cho việc phát triển bất cứ xã hội nào, nên chính quyền Tây Tạng sẽ cố gắng để bảo đảm sự tự do này bằng việc tuân thủ hoàn toàn Tuyên Bố Nhân Quyền, dưới sự hiểu biết về những quyền tự do ngôn luận, hội họp hòa bình, và tôn giáo. Vì tôn giáo đại diện cho bản sắc của nguồn gốc quốc gia Tây Tạng, và vì những giá trị tâm linh là trung tâm của nền văn hóa giàu đẹp của Tây Tạng, cho nên nhiệm vụ đặc biệt của chính quyền Tây Tạng là bảo đảm và phát triển nó.

Chính quyền Tây Tạng nên thông qua những luật lệ nghiêm khắc để bảo vệ những hệ động thực vật hoang dã. Việc khai thác những tài nguyên thiên nhiên sẽ được kiểm soát một cách cẩn thận. Việc sản xuất, thử nghiệm, và tàng trữ vũ khí nguyên tử và bất cứ vũ khí nào khác sẽ bị cấm chỉ, cùng với việc sử dụng năng lượng và kỹ thuật nguyên tử vốn sản sinh chất thải độc hại. Đó sẽ là nhiệm vụ của chính quyền Tây Tạng để chuyển hóa Tây Tạng thành một khu bảo tồn thiên nhiên rộng lớn nhất hành tinh chúng ta. Một hội nghị hòa bình khu vực sẽ được kêu gọi để bảo đảm Tây Tạng trở thành một thánh địa thật sự của hòa bình và phi quân sự. Nhằm để tạo nên một không khí tin tưởng thuận lợi cho những cuộc đàm phán hiệu quả, chính quyền Trung Hoa nên lập tức chấm dứt việc vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng và từ bỏ chính sách di dân người Hoa đến Tây Tạng.

Đó là những ý kiến mà tôi sẽ tiếp tục duy trì trong tâm tôi. Tôi cũng cảnh giác rằng nhiều người Tây Tạng thất vọng với vị thế trung bình này. Không nghi ngờ gì, sẽ tiếp tục có nhiều cuộc thảo luận trong cộng đồng của chúng tôi, cả ở trong và ngoài

Tây Tạng. Đó là một bước cần yếu và không thể tránh khỏi trong bất cứ một tiến trình thay đổi nào. Tôi tin tưởng rằng những phản chiếu này trình bày một phương cách thực tiễn nhất để tái lập một bản sắc Tây Tạng đặc thù và để khôi phục những quyền căn bản của Tây Tạng, trong khi vẫn cho phép những lợi ích của Trung Hoa tồn tại. Tuy nhiên, tôi muốn nhấn mạnh rằng, bất cứ sự đàm phán với Trung Cộng kết quả ra thế nào, thì người Tây Tạng nên có những tiếng nói cuối cùng trong bất cứ quyết định nào. Vậy thì, bất cứ đề xuất nào cũng sẽ bao gồm một chương trình cho một tiến trình hợp pháp hoàn toàn để định rõ những nguyên ước của người Tây Tạng bằng một cách của một trung cầu dân ý quốc gia.

Tôi không mong cầu đảm nhận một vai trò năng động trong chính quyền Tây Tạng. Tuy nhiên, tôi sẽ tiếp tục hoạt động tối đa như tôi có thể cho sự cát tường và hạnh phúc của dân tộc Tây Tạng, cho đến khi nào vẫn cần thiết.

Chúng tôi đã sẵn sàng trình bày một sự đề xuất tới chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa căn cứ trên những cân nhắc này. Một đoàn đàm phán đại diện chính phủ lưu vong Tây Tạng đã được chỉ định. Chúng tôi đã sẵn sàng để gặp gỡ và thảo luận những chi tiết của một đề xuất như vậy với chính quyền Bắc Kinh, với mục tiêu đi đến một giải pháp công bằng.

Chúng tôi được khuyến khích bởi sự quan tâm sâu sắc vấn đề của chúng tôi đánh thức nhiều chính phủ và lãnh tụ chính trị ngày càng gia tăng. Chúng tôi vững lòng trong vị thế của chúng tôi qua những thay đổi gần đây ở Trung Hoa, vốn đem đến một số lãnh đạo mới thực tế hơn và rộng rãi hơn đạt được quyền lực.

Chúng tôi cầu nguyện rằng chính phủ và các lãnh tụ Trung Hoa sẽ xem xét những ý tưởng mà tôi đã mở rộng một cách nghiêm túc trong chi tiết. Chỉ đối thoại và một khát vọng để phân tích thực tế Tây Tạng với lòng trung thực và sáng suốt mới có thể đưa đến một giải pháp khả thi. Chúng tôi hy vọng chúng tôi có thể tiến hành thảo luận với chính quyền Bắc Kinh trong khi giữ sự quan tâm phổ quát nhân bản trong tâm. Vì vậy, đề xuất của chúng tôi sẽ được thực hiện với một nguyên ước cho sự hòa giải và chúng tôi hy vọng cho một thái độ giống như vậy của phía Trung Hoa.

Lịch sử đặc thù của quê hương chúng tôi và di sản tâm linh sâu sắc của nó thích nghi tuyệt vời để điền vào vai trò một thánh địa hòa bình trong trái tim của Á Châu. Vị thế lịch sử của nó như một khu vực trái độn trung lập, đóng góp cho sự ổn định của toàn thể lục địa, xứng đáng để được khôi phục lại. Hòa bình và an ninh ở Á Châu, và khắp toàn thế giới, vì vậy sẽ được tái củng cố. Trong tương lai, sẽ không cần thiết nữa để duy trì Tây Tạng như một xứ sở bị chiếm đóng, bị áp chế

bằng vũ lực, không sản xuất và bị đánh dấu bởi khổ đau. Nó có thể trở thành một thiên đường tự do nơi mà con người và thiên nhiên sẽ sống trong cân bằng hài hòa và là một mô thức sáng tạo cho một giải pháp của nhiều khu vực xung đột căng thẳng trên thế giới.

Những lãnh đạo Trung Hoa nên nhận ra rằng, trong những vùng lãnh thổ chiếm đóng, thực dân thống trị là lỗi thời. Một liên hiệp chân thật của vài quốc gia là có thể trong một phạm vi rộng lớn chỉ có thể trên căn bản của một sự tuân thủ đồng thuận tự do, khi kết quả nhằm mục đích thỏa mãn cho tất cả mọi thành phần được quan tâm. Liên hiệp Âu Châu là một thí dụ hùng hồn cho điều này.

*

Tháng Chín năm 1987, khi Đức Đạt Lai Lạt Ma trình bày Dự Án Năm Điểm Hòa Bình của ngài với ủy Ban Nhân Quyền Quốc Hội Hoa Kỳ, ngài yêu cầu “Trung Hoa tham dự nghiêm chỉnh trong những cuộc đàm phán để giải quyết vấn đề vị thế của Tây Tạng tương lai.”

Tháng Sáu năm 1988, phát biểu tại Quốc Hội Âu Châu ở Strasbourg, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã mở rộng dự án của ngài, vốn bao gồm một thỏa thuận để từ bỏ đòi hỏi cho nền độc lập của Tây Tạng trong ủng hộ một khu tự trị hiệu quả. Sự nhượng bộ lớn này nhằm mục tiêu mang đến việc tạo nên một thực thể chính trị dân chủ của sự tự quản cho tất cả ba tỉnh của Tây Tạng, vốn vẫn bị sáp nhập vào Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, với việc chính phủ Trung Hoa tiếp tục quản lý chính sách ngoại giao và quốc phòng của Tây Tạng. Đề xuất Strasbourg được căn cứ trên ý kiến sáng tạo, trong tâm linh lối sống của dân tộc Tây Tạng, một thánh địa ở Tây Tạng cống hiến cho nền hòa bình thế giới và đặt nền tảng trong sự phát triển tâm linh và sự thúc đẩy những giá trị nhân bản của từ ái, bi mẫn, bất bạo động, bao dung, và tha thứ. Theo Samdhong Rinpoche, Đức Đạt Lai Lạt Ma từ bỏ đòi hỏi nền độc lập vì ngài quan tâm về việc cho phép một sự hồi sinh thật sự của di sản tâm linh và văn hóa Phật giáo, được xem là di sản của toàn nhân loại trên thế giới, trước khi nó quá trễ.”

Những chính phủ Cộng Hòa Nhân Trung Hoa tuyên bố rằng đề xuất Strasbourg chỉ là một đòi hỏi cho nền độc lập che dấu dưới khu tự trị và rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma đang theo đuổi ý tưởng tách rời Tây Tạng khỏi “mẫu quốc”. Những viên chức chính quyền lăng mạ ngài bằng việc gọi ngài là một “lãnh tụ của bè đảng ly khai.” Và trong năm 1988, ở Lhasa, những cuộc phản đối hòa bình của nam nữ tu sĩ bị đàn áp một cách dã man, đã làm khơi dậy một sự phẫn nộ quốc tế. Tháng Ba năm 1989, những sự phản đối mới đã bị dập tắt bởi quân đội. Hơn một trăm người bị

giết chết , và ba nghìn người bị bắt giam. Thiết quân luật được ban hành và duy trì trong hơn một năm cho đến tháng Năm 1990.

Những sự kiện này đưa đến một sự khơi dậy chưa từng có của công luận ở các thủ đô phương Tây. Vấn đề Tây Tạng không còn là vấn nạn nội tại mà chính quyền Trung Cộng muốn giảm thiểu nó như vậy, vì bây giờ nó được thế giới quan tâm. Đức Đạt Lai Lạt Ma trở thành như một phát ngôn viên đáng tin không chỉ cho dân tộc ngài mà cho lương tâm thế giới bằng cách gợi ý rằng, Tây Tạng, ngày nay là một vùng đất của khô đau và diệt chủng, được chuyển hóa thành một thánh địa của hòa bình.

*

Vũ khí của tôi là sự thật, lòng can đảm và quyết tâm

NGÀY NAY KHI NGHĨ ĐẾN tương lai của Tây Tạng, tôi không kiềm được xúc động cho phong trào dân chủ bị đập nát ở Quảng Trường Thiên An Môn vào tháng Sáu 1989 với một sự bạo động tàn ác nhất. Nhưng tôi không tin rằng những sự phản kháng như vậy là vô ích. Trái lại, tâm linh của tự do được khơi lại trong những người Hoa, và Trung Hoa không thể lãng quên tác động của tâm linh tự do này vốn phát phối qua nhiều vùng trên thế giới.

Những thay đổi lạ lùng đang xảy ra ở Đông Âu, những sự kiện thiết lập phong độ cho một sự đổi mới xã hội và chính trị khắp thế giới. Tương tự thế, Namibia lấy lại nền độc lập từ Nam Phi, và chính quyền Nam Phi thực hiện bước đầu tiên để xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. Thật đáng hào hứng để ghi nhớ rằng những thay đổi này xuất phát từ những vận động phổ thông xác thực và chúng được liên kết với những khát vọng không kiềm chế được của con người cho tự do và công lý. Những thay đổi lịch sử này cho thấy rằng nhu cầu của lý trí, can đảm, quyết tâm, và không thể triệt tiêu được cho tự do sẽ thành công một ngày nào đó.

Đó là tại sao tôi đang thúc giục những lãnh đạo Trung Cộng đừng đi ngược lại làn sóng thay đổi, mà hãy thăm tra các vấn nạn của dân tộc Tây Tạng và Trung Hoa với khả năng sáng tạo và tâm tư cởi mở. Tôi tin rằng sự đàn áp sẽ không bao giờ nghiền nát quyết tâm của một dân tộc để sống trong tự do và nhân phẩm. Các lãnh tụ Trung Cộng nên nhìn vào các vấn nạn nội tại của Trung Hoa và vấn đề Tây Tạng với một con mắt mới mẻ và tình trạng tươi mát của tâm hồn. Trước khi nó

quá trẻ, họ phải lắng nghe tiếng vọng của lý trí, bất bạo động, và sự tiết độ được nói lên bởi dân tộc Tây Tạng.

Mặc cho yêu sách tuyên truyền của Trung Cộng, hàng triệu thường dân không phải người Hán, sống trong những khu vực hiện tại dưới sự cai trị của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đang chịu đựng tất cả những loại phân biệt. Tự chính Trung Cộng thừa nhận rằng, mặc cho bao năm dưới chế độ cộng sản, những vùng này vẫn tiếp tục lạc hậu và nghèo nàn. Tuy nhiên, tác động nghiêm trọng nhất của chính sách nhà nước đối với những dân tộc của các vùng này là sự di chuyển nhân khẩu đã được áp đặt cho họ. Hầu như khắp nơi, những người Hán mới nhập cư đã trở thành đa số. Mãn Châu đã hoàn toàn bị đồng hóa. Nội Mông, chỉ hai triệu sáu người Mông Cổ còn lại, bị bao vây bởi mười tám triệu người Hán mới đến. Hơn năm chục phần trăm dân số Tân Cương là người Hán ngày nay, trái lại ở Tây Tạng sáu triệu người Tây Tạng là thiểu số với bảy triệu rưỡi người Hán nhập cư.

Một cách tự nhiên, những dân tộc không phải là người Hán thì khởi loạn. Ngoại trừ những lãnh đạo Trung Cộng có biện pháp để xoa dịu họ, chắc chắn rằng những vấn nạn nghiêm trọng sẽ sinh khởi trong tương lai. Tôi tin rằng thật khẩn thiết để Trung Hoa hãy cố gắng giải quyết những vấn đề này qua đối thoại và thỏa hiệp. Chính quyền Trung Cộng phải nhận ra rằng những vấn đề này trong những vùng không phải người Hán dưới ách thống trị của nó không phải đơn thuần là kinh tế. Chúng ở gốc rễ của chính trị, và như vậy, chúng chỉ có thể giải quyết bằng những quyết định của một mệnh lệnh chính trị.

Để mang đến một giải pháp hòa bình và hợp lý cho vấn đề Tây Tạng, tôi đã thổ lộ *Dự Án Năm Điểm Hòa Bình* và đã trình bày *Đề Án Strasbourg*. Ngay cả sau khi ban hành tình trạng thiết quân luật ở Tây Tạng, chúng tôi đề nghị những cuộc gặp gỡ sơ bộ xảy ra ở Hồng Kông, nhằm để thảo luận những bước tiếp theo nhằm giảm căng thẳng và tạo điều kiện cho những lần đàm phán thật sự. Kém may mắn thay, những lãnh tụ Trung Cộng, cho đến hôm nay, đã không trả lời một cách tích cực những nỗ lực chân thành của chúng tôi.

Trung Cộng đã phủ nhận và lên án kịch liệt vị trí của tôi trong quá khứ và lịch sử của Tây Tạng. Họ muốn tôi thay đổi vị thế của tôi. Nhưng thật không thể điều chỉnh sự thật của những sự kiện. Trong tâm tư hẹp hòi của họ, những người Trung Cộng không muốn hiểu ý chính của thông điệp mà tôi đã cố gắng gởi cho họ trong *Dự Án Năm Điểm Hòa Bình của tôi*, trong *Đề Án Strasbourg*, hay trong bài nói chuyện quan tâm đến những mối quan hệ tương lai của Tây Tạng và Trung Hoa, là thứ mà tôi sẵn sàng để thẩm tra với một tâm hồn cởi mở qua đối thoại.

Giống như chúng tôi đấu tranh cho nhân quyền, tự do và tương lai cát tường của sáu triệu người Tây Tạng, vì thế chúng tôi phải tái củng cố những tổ chức dân chủ của chúng tôi và tiến trình của dân chủ hóa. Như tôi đã tuyên bố nhiều lần, quan tâm đến tự do và dân chủ là cần yếu cho việc phát triển một Tây Tạng hiện đại. Năm 1963, tôi đã chấp nhận Hiến Pháp Dân Chủ của Tây Tạng, và chúng tôi đã có được những kinh nghiệm đáng kể trong việc thể hiện chức năng của những tổ chức dân chủ. Thật vẫn cần thiết để dân chủ hóa xa hơn, cả Hội Nghị Đại Biểu Nhân Dân Tây Tạng và trong Cơ Quan Hành Chính Tây Tạng. Đó là tại sao tôi đã thu thập những ý kiến và đề nghị của dân tộc chúng tôi. Tôi cảm thấy đó là trách nhiệm của mỗi người Tây Tạng để tạo nên một cộng đồng lưu vong hoàn toàn tự do và dân chủ.

Tôi chú ý với đau buồn rằng sâu xa từ việc thẩm tra vấn đề Tây Tạng từ một nhận thức mới, nhà cầm quyền Trung Cộng tiếp tục sử dụng sức mạnh quân sự đông đảo của họ để đàn áp nhiều cuộc biểu tình của người Tây Tạng. Mặc cho tàn bạo như vậy, dân tộc Tây Tạng ở Tây Tạng tiếp tục quyết tâm không hề lay chuyển. Đó là trách nhiệm của mỗi người Tây Tạng để đấu tranh cho tự do và nhân quyền. Nhưng sự đấu tranh của chúng tôi phải nên căn cứ trên bất bạo động.

Một sự kiện quan trọng là Giải Nobel Hòa Bình mà tôi được trao tặng. Mặc dù nó không thay đổi vị thế của tôi là một nhà tu giản dị, nhưng tôi vui mừng vì nó cho dân tộc Tây Tạng của tôi, vì giải thưởng ấy đã mang đến một sự thừa nhận xứng đáng cho sự đấu tranh của họ vì tự do và công lý. Nó tái khẳng định niềm tin của chúng tôi rằng với vũ khí của sự thật, lòng can đảm và quyết tâm, thì chúng tôi sẽ thành công để đem đến tự do cho quê hương chúng tôi. Mỗi quan hệ giữa Tây Tạng và Trung Hoa nên được căn cứ trên nguyên tắc của bình đẳng, tin tưởng, lợi ích hỗ tương. Nó cũng nên được căn cứ trên việc nhấn nhủ rằng chủ quyền của Tây Tạng và Trung Hoa nên được giải nghĩa một cách thông tuệ trên một trụ đá được làm năm 823 sau Dương Lịch. Theo điều khoản được khắc trên trụ đá ở Lhasa, dân tộc Tây Tạng sẽ sống hạnh phúc trong Tây Tạng rộng lớn, và người Trung Hoa trong Trung Hoa rộng lớn.”

*

Tháng Ba 1990, “một tâm linh của tự do phát phới khắp thế giới” ở Âu Châu, với việc sụp đổ của bức tường Bá Linh, và sự tan rã của Liên Bang Xô Viết, và ở Trung Hoa với những cuộc biểu tình ở Quảng Trường Thiên An Môn, nhưng ở Tây Tạng Thiết Quân Luật vẫn đang thi hành. Nó không được gỡ bỏ cho đến vài tháng sau, trong tháng Năm. Nhưng phạm vi này không biểu thị sự chấm dứt đàn áp, mà sự

tàn bạo của nó chỉ có gia tăng, như một báo cáo của Hội Ân Xá Quốc Tế đã đề cập năm 1990.

Bắt đầu năm 1992, những toán đặc biệt chịu trách nhiệm với việc lục soát nhà riêng khắp Tây Tạng. Những người có hình ảnh, sách vở, hay giáo huấn của Đức Đạt Lai Lạt Ma bị bắt giữ và bị tra tấn dã man, rồi bỏ tù. Nhiều người trong họ đã biến mất.

Năm 1994, Bắc Kinh thông qua một loạt các lượng định để loại trừ sự chống đối của người Tây Tạng. Hội thảo chuyên đề thứ ba về Tây Tạng bảo đảm cho “việc thống nhất Tây Tạng với mẫu quốc và chiến đấu chống lại chủ nghĩa ly khai.” Trong những vận động tuyên truyền hùng biện về “chống lại – Dalai” và “chống ly khai”, đó là một vấn đề của “một cuộc đấu tranh sống và chết” và sự gửi gắm là “mưa không một mồi thổi xuống vì an toàn công cộng.” Một sự leo thang bạo động sau đó suốt khắp Tây Tạng, làm hồi tưởng những thời gian tẻ nhạt nhất của cuộc Cách Mạng Văn Hoa; tháng Bảy 1996, Đảng Cộng Sản phóng ra ba cuộc vận động chính trị lớn được gọi là “Học Tập Yêu Nước,” “Văn Minh Tâm Linh” và “Đánh Mạnh.” Với nhiều tuyên truyền, hai cuộc vận động đầu khởi động nhằm mục tiêu xóa bỏ tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ Tây Tạng: “Chúng ta phải dạy những người Phật tử để cải tạo chính họ và để trả lời cho nhu cầu ổn định Tây Tạng và để đón nhận mô thức xã hội chủ nghĩa.” Để giám sát các tu sĩ nam nữ, xem như những yếu tố nguy hiểm, những người hướng đến hoạt động nhân danh Đức Đạt Lai Lạt Ma, Ủy Ban Hành Chính Dân Chủ Và Yêu Nước được thành lập trong mọi tu viện. Năm 1989, chính sách này đưa đến việc trục xuất hơn mười nghìn nam nữ tu sĩ, và phụ tá bí thư của Đảng Cộng Sản tuyên bố rằng ba mươi lăm nghìn tu sĩ nam nữ đã được cải tạo, cảm ơn cuộc vận động học tập cải tạo yêu nước. Nhà cầm quyền đã xóa bỏ tất cả dấu vết của “chủ nghĩa hoạt động chính trị Tây Tạng.”

Với cuộc vận động “Đánh Mạnh”, sự bóp nghẹt này bao gồm những hành động như nói chuyện với người ngoại quốc, sở hữu những ấn phẩm của chính phủ lưu vong Tây Tạng hay hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma, và tham gia trong những cuộc biểu tình hòa bình. Người dân bị ép phải đưa những thông tin của hàng xóm, đồng nghiệp, hay cha mẹ của họ, dưới hình phạt phải mất nhà cửa hay nghề nghiệp của họ. Can phạm bị bỏ tù, và những lời thú tội của họ bị cưỡng bức từ việc tra tấn. Nhiều người đã chết như một kết quả của sự đối xử tàn ác. Năm 1999, một ủy ban của các bác sĩ tìm cách bảo vệ nhân quyền đã xác minh rằng ở Tây Tạng việc tra tấn được sử dụng ngày càng nhiều hơn như thay thế cho bản án tử hình. Một sự chết dần mòn hay một sự thoái hóa cuộc sống con người là kết quả từ sự thi hành này.

Trong những thập niên từ 1900 đến 2000, những trung tâm thẩm vấn và giam giữ mọc lên khắp Tây Tạng. Cảm ơn những lời khai của các tù nhân chính trị, một số tìm cách mua lại những khí cụ tra tấn từ những kẻ canh gác của họ bằng vàng, những kỹ thuật tra tấn được kê ra thứ tự bởi những tổ chức liên kết với Liên Hiệp Quốc, chẳng hạn như ủy Ban Quốc Tế Về Công Lý, Những Nhóm Hành Động Về Giam Giữ Tùy Tiện, và báo cáo đặc biệt về tra tấn.

Bên cạnh việc xem thường nhân quyền, nhà cầm quyền Trung Cộng đã khởi xướng một chính sách mới di chuyển đông đảo người Hán đến Tây Tạng với việc phát động một chương trình được gọi là “Phát Triển Phía Tây.” Chương trình ấy chỉ tăng tốc từ đầu thiên niên kỷ khi nó tạo điều kiện để phát triển cơ sở hạ tầng cho việc vận chuyển những di dân mới, giống như con đường sắt nối Bắc Kinh và Lhasa, khánh thành vào ngày 1 tháng Bảy, 2006.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã gọi đây là một chính sách của “xâm lược nhân khẩu học” vốn biến người Tây Tạng không hơn gì một dân tộc thiểu số ngay trên mảnh đất tổ tiên họ nhằm gắn kết Tây Tạng một lần và mãi mãi về sau vào Trung Hoa: “Một sự xâm lược nhân khẩu học thật sự đang xảy ra, và đây là một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng. Ngày nay, dân số của Lhasa, theo báo cáo điều tra dân số mới nhất, là hai phần ba người Hán. Đây cũng là trường hợp của những thành phố chính ở Tây Tạng nơi mà người Tây Tạng đã trở thành thiểu số. Người Tây Tạng ở Ấn Độ thì Tây Tạng hơn người Tây Tạng ở Tây Tạng.”

Tháng Tư 2000, Nghị viện Châu Âu đã bỏ phiếu cho một nghị quyết quan tâm sâu sắc cho mối hiểm họa rằng “sự di chuyển ồ ạt người Hán đến Tây Tạng đặt vấn đề cho di sản văn hóa và tâm linh Tây Tạng.” Những dân biểu khuyến cáo Trung Cộng bắt đầu một cuộc đối thoại “vô điều kiện” với Đức Đạt Lai Lạt Ma trên căn bản Dự Án Năm Điểm và chấm dứt sự vi phạm dai dẳng và trầm trọng những tự do căn bản của dân tộc Tây Tạng.”

*

Tây Tạng vẫn đau khổ vì những sự vi phạm nhân quyền trắng trợn, không thể tưởng tượng

TÔI TIẾP TỤC DĂNG NHỮNG LỜI CẦU NGUYỆN CỦA TÔI, đánh lễ tất cả những người đàn ông và đàn bà can đảm ở Tây Tạng, những người chịu vô vàn thử thách và hy sinh thân mạng của họ cho vấn đề của dân tộc chúng tôi. Tôi bày tỏ

lòng đoàn kết với những người Tây Tạng, những người đang chịu đựng đàn áp và đối xử tàn ác. Tôi chào mừng cả những người Tây Tạng ở trong nước và ngoại quốc, những người ủng hộ vấn đề của chúng tôi, và tất cả những người bảo vệ công lý.

Trong sáu thập niên, người Tây Tạng khắp Tây Tạng, được biết với cái tên Chokha Sum (kể cả những tỉnh U-Tsang, Kham, và Amdo) đã bị áp lực phải sống liên tục trong tình trạng sợ hãi, đe dọa và nghi ngờ, đối tượng để Trung Cộng trấn áp. Tuy thế, dân tộc Tây Tạng đã có thể duy trì niềm tin tôn giáo của họ, dân tộc tính vững chắc, và văn hóa đặc thù của họ, trong khi vẫn giữ lòng ngưỡng mộ lâu đời của họ cho tự do tồn tại. Tôi ngưỡng mộ lớn lao cho những phẩm chất này trong dân tộc chúng tôi và cho lòng can đảm bất khuất của họ. Họ làm cho tôi cảm thấy tự hào và toại nguyện vô cùng.

Nhiều chính phủ và tổ chức phi chính phủ, và cá nhân khắp thế giới, trung thành với lý tưởng hòa bình và công lý, đã kiên trì ủng hộ cho vấn đề Tây Tạng. Trong mấy năm gần đây, các chính phủ và dân tộc của nhiều quốc gia đã thực hiện những động thái quan trọng biểu lộ sự đoàn kết của họ một cách rõ ràng, và tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến họ.

Vấn nạn rất phức tạp của Tây Tạng liên hệ với những chủ đề khác như chính trị, xã hội, nhân quyền, tôn giáo, văn hóa, dân tộc tính, kinh tế, và môi trường thiên nhiên. Đó là tại sao một sự tiếp cận toàn cầu phải được chấp nhận và thực hiện để giải quyết nó bằng việc đưa vào sự quan tâm của tất cả mọi phía liên hệ hơn là chỉ một nhóm đơn lẻ. Cho nên chúng tôi đã kiên định trong cuộc đấu tranh của chúng tôi ủng hộ cho một chính sách lợi ích hỗ tương của Trung Đạo, và chúng tôi đã thực hiện những nỗ lực bền bỉ để đưa vào thực hành trong mấy năm nay.

Từ 2002, những đại diện của tôi đã tiến hành sáu buổi đàm phán với đối tác của họ ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa để tiếp cận những vấn đề quan trọng này. Những buổi thảo luận toàn diện này đã giúp để xoa dịu những nghi ngờ nào đó và giúp chúng tôi giải thích những nguyện vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, khi đi đến kết thúc, không có kết quả cụ thể nào. Trong mấy năm sau cùng này, Tây Tạng đã trải nghiệm một sự gia tăng đàn áp tàn bạo. Mặc cho những sự kiện bất hạnh này, quyết tâm và chí nguyện của tôi là theo đuổi chính sách Trung Đạo và tiến hành đối thoại với chính quyền Trung Cộng duy trì không đổi.

Một mối quan tâm lớn của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa là nó thiếu tính hợp pháp ở Tây Tạng. Phương pháp tốt nhất mà chính quyền Trung Cộng có thể sử dụng để làm mạnh vị thế của họ ở Tây Tạng phải là theo đuổi một chính sách có

thể làm hài lòng người Tây Tạng và chiếm được lòng tin của họ. Nếu chúng tôi có thể hòa giải với người Trung Cộng bằng việc đi đến một thỏa thuận, thế thì như tôi đã tuyên bố nhiều lần, tôi sẽ cố gắng để hỗ trợ dân tộc Tây Tạng cho việc ấy.

Ở Tây Tạng hiện tại, do bởi vô số hành động được tiến hành mà không có tầm nhìn xa về phần của chính quyền Trung Cộng, môi trường tự nhiên bị tổn hại nghiêm trọng. Hơn thế nữa, do bởi chính sách di chuyển cư dân, nhân số không phải Tây Tạng đã gia tăng ồ ạt, làm giả thiếu người Tây Tạng bản địa thành một dân tộc thiểu số tầm thường ngay chính trên quê hương của họ. Điều gì nữa, ngôn ngữ, phong tục, và truyền thống Tây Tạng, vốn phản chiếu bản chất và đặc tính chân thật của dân tộc chúng tôi, đang trên tiến trình biến mất. Kết quả là người Tây Tạng thấy họ dần dần bị đồng hóa thành vào trong dân số của Trung Hoa.

Ở Tây Tạng, việc đàn áp tiếp tục với nhiều vi phạm trắng trợn, không thể tưởng tượng về nhân quyền, phủ nhận tự do tôn giáo, và chính trị hóa tôn giáo. Tất cả những việc này xuất phát từ việc thiếu tôn trọng dân tộc Tây Tạng của chính quyền Bắc Kinh. Đây là những chương ngại quan trọng mà chính quyền Trung Cộng đang thiết lập phương pháp cho chính sách thống nhất đất nước của họ. Những chính sách này tách rời người Tây Tạng khỏi người Hán. Đó là tại sao tôi kêu gọi chính quyền Bắc Kinh chấm dứt chính sách này ngay lập tức.

Mặc dù những khu vực cư trú của người Tây Tạng được mệnh danh là những vùng tự trị, quận tự trị, làng tự trị, nhưng chúng tự trị trên danh nghĩa và trong thực tế chúng không thụ hưởng bất cứ thứ gì tự trị. Trái lại, chúng được cai trị bởi những người không biết gì về hoàn cảnh khu vực và bị thống trị bởi những gì mà Mao Trạch Đông gọi là “chủ nghĩa dân tộc đại Hán”. Trong thực tế, những vùng được gọi là tự trị không được ban cho bất cứ lợi ích gì rõ ràng với sự quan tâm về dân tộc tính. Đây là những chính sách sai lầm, không tương ứng với thực tế, làm nên vô vàn tổn hại, không chỉ về những dân tộc tính khác biệt, mà cũng về sự thống nhất và ổn định của quốc gia Trung Hoa. Thật quan trọng cho chính quyền Bắc Kinh để tuân theo khuyến cáo của Đặng Tiểu Bình, “hãy tìm kiếm sự thật căn cứ trên các sự kiện,” đúng nghĩa của nó.

Chính quyền Trung Cộng chỉ trích kịch liệt tôi khi tôi đưa lên vấn đề lợi ích của dân tộc Tây Tạng trước cộng đồng quốc tế. Cho đến khi chúng tôi tìm ra một giải pháp lợi ích hỗ tương, thì tôi có trách nhiệm đạo đức và lịch sử để tiếp tục phát biểu một cách tự do nhân danh cho tất cả những người Tây Tạng. Trong bất cứ trường hợp nào, mọi người biết rằng tôi đã về hưu bán phần vì đội ngũ lãnh đạo mới của cộng đồng Tây Tạng lưu vong đã được bầu cử tự do.

Trung Hoa đang phát triển và đang trở thành một cường quốc, cảm ơn cho tiến trình kinh tế quan trọng. Chúng ta hoan nghênh điều này với một tâm tích cực, hơn nữa đó là cơ hội cho Trung Hoa đóng một vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Thế giới đang chờ đợi với nhẩn nại để thấy những lãnh đạo Trung Cộng ngày nay sẽ áp dụng những khái niệm của họ về “xã hội hòa hiệp” và “phát triển hòa bình” như họ bình vực như thế nào. Phải có tiến trình trong việc tôn trọng luật pháp, trong sự minh bạch, và trong tự do ngôn luận và báo chí. Vì Trung Hoa là một đất nước với nhiều dân tộc, họ cũng nên được hưởng những quyền bình đẳng và tự do để bảo vệ bản sắc dân tộc tương ứng. đó là một điều kiện cho sự ổn định của quốc gia.

Ngày 6 tháng Ba, 2008, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tuyên bố, “Sự ổn định của Tây Tạng liên quan đến sự ổn định của đất nước, và sự an ninh của Tây Tạng liên quan đến sự an ninh của quốc gia.” Ông thêm rằng chính quyền Trung Hoa nên bảo đảm sự cát tường của những người Tây Tạng và cải thiện những hành động của nó đối với tôn giáo và những nhóm thiểu số, trong khi duy trì sự hòa hiệp và ổn định của xã hội. Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tương hợp với thực tế và chúng tôi yêu cầu nó được áp dụng.

Năm 2008, dân tộc Trung Hoa tự hào và nôn nóng chờ đợi khai mạc thể vận hội Olympic. Ngay từ đầu tôi ủng hộ ý tưởng Trung Hoa tổ chức thể vận hội. Vì một sự kiện thể thao quốc tế như vậy, đặc biệt là Olympic, đưa những nguyên tắc của tự do bày tỏ, bình đẳng và hữu nghị ngay phía trước. Trung Hoa nên chứng minh tính hiếu khách của họ bằng việc ban cho những quyền tự do này. Trong việc gửi đi những vận động viên, tôi cảm thấy rằng cộng đồng quốc tế nên nhắc nhở nhiệm vụ của Trung Hoa. Vài quốc hội, các cá nhân, và những tổ chức phi chính phủ khắp thế giới đã đưa ra nhiều sáng kiến, nhấn mạnh cơ may của vận hội này đã cho Trung Hoa khởi đầu một sự thay đổi tích cực. Thế vận hội không nghi ngờ gì nữa đã có một tác động lớn lao trong tâm trí của mọi người trong cộng đồng người Hoa. Cho nên thế giới nên tìm những phương cách để hành động một cách hăng hái nhằm để ủng hộ sự thay đổi tích cực ở Trung Hoa, ngay cả sau khi chấm dứt Thế vận hội.

Tôi muốn bày tỏ sự tự hào của tôi và chấp nhận về sự chân thành, can đảm, và quyết tâm của dân tộc Tây Tạng ở Tây Tạng đã biểu lộ. Tôi khuyến khích một cách năng động người Tây Tạng tiếp tục hành động một cách hòa bình, tôn trọng luật pháp. Tôi thúc giục tất cả mọi dân tộc thiểu số ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, kể cả người Tây Tạng, có thể hưởng thụ những quyền hợp pháp của họ.

Tôi cũng muốn cảm ơn chính phủ và nhân dân Ấn Độ đặc biệt tiếp tục sự hỗ trợ vô song của họ cho người tị nạn Tây Tạng và vấn đề Tây Tạng, và để biểu lộ lòng biết ơn của tôi với tất cả mọi chính phủ và tất cả mọi dân tộc đã tiếp tục ủng hộ cho vấn đề của chúng tôi.

Với lời cầu nguyện của tôi cho sự cát tường của mọi chúng sanh.

Những vấn đề được giải thích trong bài phát biểu này vào ngày 10 tháng Ba, 2008, cũng giống với những gì Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tố cáo từ lúc Trung Cộng mới bắt đầu xâm chiếm Tây Tạng. Chúng đã trở nên ngày càng nguy hiểm tệ hại hơn qua năm tháng, và mặc cho sự hỗ trợ của công luận quốc tế, hệ thống kèm kẹp của Trung Cộng kiểm soát đã không dừng lại.

Với mong ước đối thoại và đàm phán đã được trình bày bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma trong nhiều dịp – chẳng hạn như bài phát biểu trong chuyến du hành Đài Loan vào tháng Hai 1997, khi ngài thừa nhận rằng “cuộc đấu tranh của người Tây Tạng không hướng đến chống lại người Hoa hay Trung Hoa, nhưng trong một tinh thần chân thật của hòa giải và thỏa hiệp.”

Trung Cộng đã đáp lại những tuyên bố này bằng việc ban hành một lời kêu gọi đấu tranh bằng mọi cách có thể chống lại “cuộc vận động quốc tế của bè lũ Đạt Lai.” Trong cuộc viếng thăm Hoa Kỳ sáu tháng sau đó, vào tháng Mười 1997, Chủ tịch Trung Cộng, Giang Trạch Dân, đã tuyên bố tại Harvard: “Đức Đạt Lai Lạt Ma nên thừa nhận một cách công khai rằng Tây Tạng là một phần không thể tách rời của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và ông nên từ bỏ nền độc lập của Tây Tạng và chấm dứt mọi hành động hỗ trợ trong việc tách rời nó khỏi mẫu quốc.”

Hai năm sau đó, vào năm 1999, trong một cuộc viếng thăm chính thức Pháp quốc, chủ tịch Trung Cộng lại lập lại những tuyên bố này, thêm rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng nên thừa nhận rằng Đài Loan là “một tỉnh của Trung Hoa.” Và trong thông điệp hàng năm vào tháng Ba cùng năm, lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng đã tuyên bố rằng Trung Cộng đã trở nên cứng rắn trong vị thế của họ khi bước vào những thảo luận với ngài.

Nếu nhằm để tiến tới trong đối thoại, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã rất nhiều lần từ 1987 biểu lộ sự sẵn sàng của ngài để từ bỏ sự độc lập của Tây Tạng để ủng hộ cho vị thế của một khu tự trị thật sự cùng ở chung trong Trung Hoa, đó không có nghĩa là

ngài đang viết lại lịch sử của xứ sở ngài và thừa nhận sự dối trá rằng Tây Tạng là một tỉnh cổ xưa của Trung Hoa.

Công luận quốc tế - đã biểu lộ ở trình độ cao nhất bằng thẩm quyền đạo đức của giải Nobel Hòa Bình – đã tiếp tục khuyến nghị Trung Cộng chấp nhận cánh tay đưa ra bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhưng áp lực này chỉ chọc giận những cán bộ của Trung Cộng, những người bày tỏ sự bức tức gia tăng của họ bằng một sự đàn áp nghiêm trọng hơn bao giờ hết ở Tây Tạng. Cuộc đối thoại Hoa – Tạng đã bị gián đoạn trong năm 1993 và không được nối lại cho đến 2002, khi một phái đoàn của Đức Đạt Lai Lạt Ma đi Trung Hoa và Tây Tạng với mục tiêu tái lập lại một sự tiếp xúc trực tiếp. Về sau, một sự trao đổi sâu sắc hơn giữa hai bên đã không xảy ra cho đến năm 2004.

Trong lời phát biểu chính thức vào ngày 10 tháng Ba, 2005, Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố rằng, “tôi muốn một lần nữa tái bảo đảm với những người cầm quyền Trung Cộng rằng: khi tôi vẫn còn có trách nhiệm cho vấn đề Tây Tạng, chúng tôi sẽ vẫn duy trì chí nguyện với con đường Trung đạo, vốn không đòi hỏi cho sự độc lập của Tây Tạng.” Đức Đạt Lai Lạt Ma bày tỏ sự lạc quan của ngài cho sự cải thiện dần dần những sự trao đổi giữa những sứ giả của ngài và những người đối tác Trung Cộng của họ.

Tháng Bảy 2005, một cuộc gặp gỡ tại tòa đại sứ Trung Cộng ở Berne, Thụy Sĩ, đã gọi lên nhiều hy vọng khi phái đoàn Trung Cộng cam đoan với những người Tây Tạng rằng Đảng Cộng Sản tán thành “tầm quan trọng rất lớn của những mối quan hệ với Đức Đạt Lai Lạt Ma.” Sau đó, vào tháng Hai 2006 và một lần nữa vào tháng Bảy 2007, trong những cuộc gặp gỡ mới ở Bắc Kinh, cả hai bên đều tuyên bố rằng họ đã xem lại những điều kiện cần thiết để giải quyết những bất đồng. Những sứ giả Tây Tạng đã nhấn mạnh tính cấp bách trong việc đối diện với những vấn đề căn bản, trong khi trình bày lòng mong ước của Đức Đạt Lai Lạt Ma được thực hiện một chuyến hành hương ở Trung Hoa.

Những cuộc đàm phán này là dài nhất và hứa hẹn nhất từ trước đến nay. Đó là tại sao, trong bài phát biểu vào ngày 10 tháng Ba, 2008, trong khi hối tiếc rằng những cuộc thảo luận đã chưa có những kết quả cụ thể nào, và rằng Bắc Kinh đã kiên trì trong cuộc chiến xâm lược nhân khẩu và sự vi phạm những quyền con người ở Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã vui thích với tuyên bố của chủ tịch Hồ Cẩm Đào khẳng định rằng chính quyền Trung Cộng sẽ bảo đảm “sự cát tường của người Tây Tạng và cải thiện những hành động của nó đối với tôn giáo và những nhóm thiểu số, trong khi duy trì sự ổn định và hòa hiệp xã hội.”

Nhưng trong những ngày tiếp theo đó, Lhasa đã nổi lên trong bạo động.

*

Ở Trung Hoa, tôi thấy đang trên đà thay đổi

VÀI NGƯỜI KHÁCH đặc biệt đại biểu của Quốc Hội Âu Châu rất tỉnh thức về những nỗ lực liên tục của tôi để tìm ra một giải pháp đồng thuận hỗ tương cho vấn đề Tây Tạng qua đối thoại và đàm phán. Cũng trong tinh thần đó, năm 1988, tại Quốc Hội Âu Châu ở Strasbourg, tôi đã trình bày một đề xuất cho phép sự đàm phán mà không kêu gọi cho một sự ly khai hay độc lập của Tây Tạng. Kể từ đó, những mối quan hệ của chúng tôi với chính quyền Trung Cộng đã trải qua nhiều lúc cao và thấp. Sau khi bị gián đoạn gần mười năm, trong năm 2002, chúng tôi tái lập những cuộc tiếp xúc trực tiếp với chính quyền Bắc Kinh.

Trong khi nhất định từ bỏ việc sử dụng bạo lực để điều khiển cuộc đấu tranh của chúng tôi, tôi khẳng định rằng chúng tôi chắc chắn có quyền để khám phá tất cả mọi lựa chọn chính trị có thể được. Trong tinh thần dân chủ, tôi đã kêu gọi một cuộc gặp gỡ đặc biệt của những người Tây Tạng lưu vong tranh luận về vị thế của dân tộc Tây Tạng và tương lai cuộc vận động của chúng tôi. Cuộc hội họp đã xảy ra từ ngày 17 đến 22 tháng Mười Một, 2008, ở Dharamsala, Ấn Độ. Việc chính quyền Bắc Kinh không đáp ứng một cách thuận lợi những sáng kiến khởi đầu của chúng tôi kêu gọi lại sự nghi ngờ của nhiều người Tây Tạng vốn nghĩ rằng chính quyền Trung Cộng không quan tâm đến bất cứ giải pháp có thể chấp nhận được cho đôi bên dù là gì đi nữa. Nhiều người Tây Tạng tiếp tục tin rằng nhà đương cục Trung Cộng chỉ đang dự tính đồng hóa và hòa tan Tây Tạng bởi Trung Cộng, cho nên họ đã kêu gọi cho một nền độc lập hoàn toàn của Tây Tạng. Những người khác bênh vực cho quyền tự quyết và đòi hỏi một cuộc trưng cầu dân ý cho Tây Tạng. Mặc cho những quan điểm khác biệt này, các đại biểu tại cuộc họp mặt của chúng tôi đã nhất trí quyết định giao cho tôi toàn quyền quyết định sự tiếp cận tốt nhất có thể, giữ trong tâm hoàn cảnh hiện tại và những thay đổi ở Tây Tạng, ở Trung Hoa, và khắp toàn thế giới.

Tôi đã lập luận lúc kết cục thì dân tộc Tây Tạng là những người quyết định về tương lai của Tây Tạng. Như Pandit Nehru, từng là thủ tướng Ấn Độ, đã tuyên bố trước quốc hội Ấn Độ vào ngày 7 tháng Mười Hai, 1950: “Lời nói cuối cùng về Tây Tạng nên được nêu lên bởi người Tây Tạng và không phải ai khác.”

Vấn đề Tây Tạng có một không gian và quan hệ mật thiết vốn vượt khỏi số phận của sáu triệu dân Tây Tạng. Nó cũng liên hệ đến hơn mười ba triệu dân sống khắp Hy Mã Lạp Sơn, Mông Cổ, và những nước Cộng Hòa Kalmuk và Buriat ở Nga, cũng như sự gia tăng nhân khẩu của những anh chị em Trung Hoa, những người cùng chia sẻ nền văn hóa Phật giáo, vốn có thể cống hiến cho nền hòa bình và hòa hiệp trên thế giới.

*

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã có bài phát biểu trên tại Quốc Hội Âu Châu ở Brussels vào tháng Mười Hai 2008, sau cuộc nổi dậy lớn làm kích động Tây Tạng bắt đầu vào ngày 10 tháng Ba năm Thế Vận Hội của Trung Hoa, sau những cuộc biểu tình xảy ra trong khi trao đuốc Thế Vận xuyên qua các thủ đô trên thế giới. Sự đàn áp của Trung Cộng thật là dã man, mù quáng, và toàn diện. Người ta đồn đãi nói rằng có rất nhiều người bị bắt mà cảnh sát Trung Cộng không đủ công tay và phải trói tù nhân lại bằng dây điện.

Vào ngày 14 tháng Ba, Zhang Qingli, bí thư Cộng đảng của khu tự trị, đã diễn tả tình hình ở Lhasa như “đánh tới chết” chống lại những kẻ ly khai Tây Tạng. Tại cuộc gặp gỡ với những chỉ huy Cảnh Sát Quân Đội Nhân Dân, ông ta đã bày tỏ sự hân hoan rằng những cuộc biểu tình tháng Ba đã cho phép họ “thử nghiệm năng lực của họ để đáp ứng đến một tình trạng khẩn cấp trong trường hợp của những bạo loạn.”

Con số những nạn nhân chưa được xác minh, vì vẫn còn hơn một nghìn người bị mất tích. Và tin tức bị kiểm duyệt, và tất cả mọi cuộc giao tiếp đều bị cấm đoán – đến nỗi kéo dài như vậy ngay cả nhiều tháng sau đó. Người Tây Tạng ở Ấn Độ đã nói với chúng tôi rằng họ đã không dám gọi điện thoại cho gia đình họ vì sợ nguy hiểm cho người thân bên ấy.

Bây giờ chúng tôi biết rằng hàng nghìn người Tây Tạng – tăng, ni, cư sĩ, người già và kẻ cả trẻ con – đã bị bắt. Hơn 200 người bị kết án, và tối thiểu 150 người chết, đôi khi bị tra tấn và đánh đập. Người nào đó nói về “cuộc Cách Mạng Văn Hóa lần thứ hai” cho phép những phương pháp được sử dụng bởi nhà cầm quyền Trung Cộng theo sau việc đóng cửa hàng trăm tu viện khắp xứ sở. Những khu vực tu viện ở Lhasa bị bao vây bởi những xe thiết giáp nhiều tuần, và cư sĩ bị can ngăn trong việc đem thực phẩm và nước uống. Ít nhất một tu sĩ được nói là đã chết vì đói ở tu viện Ramoche. Một lần nữa người ta chứng kiến sự cướp phá tài sản quý giá của tôn giáo, và những cuộc hội họp “học tập cải tạo yêu nước” được tổ chức

bắt buộc những tu sĩ thọ giới phải nhận Đức Đạt Lai Lạt Ma trong bài viết, chịu hình phạt bị buộc tội ly khai và cầm tù.

Tuyên truyền của Trung Cộng buộc tội vị lãnh đạo tinh thần lưu vong xúi dục những cuộc nổi loạn này, gọi ngài là “một tội phạm”, một “phản bội mẫu quốc,” một “kẻ ly khai,” trong khi Zhang Qingli gọi ngài là một “con sói mặt người nhưng có trái tim thú vật.” Với những lời lăng mạ này, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đáp lại một cách tiếu lâm rằng đi thử máu để quyết định xem ngài là một con người hay một con thú. Nhưng nghiêm chỉnh hơn, ngài lấy làm tiếc về sự tấn công nghiêm trọng vào những quyền con người khi nhà đương cục Trung Cộng buộc những tu sĩ lăng mạ ngài và, dưới sự đe dọa, phải nhận ngài.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhận những báo cáo và những hình ảnh đầu tiên của những sự tàn bạo do nhà cầm quyền Trung Cộng tiến hành khi ngài cùng Samdhong Rinpoche. Ngài nhớ rằng đôi mắt của họ đầm lệ và ngài cảm thấy tràn ngập đau khổ: “Đơn giản là tôi buồn, buồn một cách sâu sắc,” ngài đã nói như vậy.

Vào đầu tháng Giêng 2009, trong một buổi giảng dạy ở Sarnath (Lộc Uyển), ngài tuyên bố rằng ngài đã quán chiếu lời cầu nguyện của đại hiền nhân Ấn Độ Shantideva, vốn nói về kẻ thù như một vị thầy tốt nhất, vì vị đó đã buộc chúng ta phát triển nhẫn nhục và làm sâu sắc lòng bao dung cùng tha thứ của chúng ta. Với một du khách hỏi ngài có sân hận không, Đức Đạt Lai Lạt Ma trả lời rằng sân hận xa lạ với ngài, vì cảm xúc này có nghĩa là ta muốn làm tổn hại một người nào đó: “Niềm tin của tôi giúp tôi vượt thắng cảm xúc tiêu cực này và giữ sự vô tư của tôi. Mỗi một nghi thức Phật giáo của tôi là một phần trong tiến trình nơi tôi và nhận. Tôi nhận lòng ngờ vực của người Hoa và tôi gửi lòng từ bi của tôi. Tôi cầu nguyện cho những người Hoa, cho những lãnh tụ của họ, và ngay cả cho những người mà tay họ vấy máu.”

Sự phân tích của Đức Đạt Lai Lạt Ma về tình hình bộc phát là sáng suốt. Ngài chú ý rằng sự áp bức và tra tấn đã không thành công ở những cuộc “học tập cải tạo” chính trị người Tây Tạng. Để bù lại những tranh cãi phát sinh bởi những cuộc định cư đông đảo người Hán, lãnh đạo Cộng đảng Trung Hoa đưa vào vài chương trình hiệu quả để cải thiện phẩm chất đời sống, bơm vào hàng tỉ nhân dân tệ trong việc xây dựng những cơ sở hạ tầng. Nhưng trong con mắt của những người Tây Tạng, điều quan trọng nhất là việc khôi phục những tự do căn bản của họ cùng với bản sắc văn hóa và sự bất cần tâm linh của họ.

Vào tháng Mười Hai 2008, tại Quốc Hội Âu Châu, Đức Đạt Lai Lạt Ma tái khẳng định sự thích đáng của chính sách Trung Đạo của ngài, với mục tiêu của nó về việc bảo đảm khu tự trị phổ quát và bảo đảm người Tây Tạng quyền giải quyết những vấn đề của một trật tự văn hóa, tôn giáo, hay môi trường của chính họ. Không có vấn đề của một sự độc lập quốc gia vì từ quan điểm của quốc tế công pháp, Tây Tạng được liên hợp trong Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, vốn vẫn chịu trách nhiệm về ngoại giao và quốc phòng.

Tuy nhiên, chính sách Trung Đạo đã là một chủ đề của sự tranh luận độc hại gia tăng, đặc biệt trong những thành viên trẻ của Đại Hội Người Trẻ Tây Tạng – một tổ chức “khủng bố”, theo Cộng Đảng Trung Hoa – những thành viên của nó kêu gọi cho một sự độc lập. Đức Đạt Lai Lạt Ma chính ngài cũng thừa nhận rằng chính sách Trung Đạo chưa tạo ra bất cứ hy vọng nào cho kết quả. Nhà thơ Tenzin Tsendu bình luận về những lý do của sự thất bại này: “Đức Đạt Lai Lạt Ma đặt căn cứ trên sự tin tưởng rằng các lãnh tụ Trung Cộng cũng là những con người, có thể ngồi chung quanh một chiếc bàn và thảo luận mọi thứ. Nhưng mặc dù kiên nhẫn qua bao năm tháng để tìm kiếm cho một cuộc đối thoại thỏa hiệp, duy trì thông suốt và mặc dù mọi thứ, mặc cho một nỗ lực chân thành với những mối quan hệ nhân bản, cuộc đối thoại này đã không thành công. Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận ra rằng Trung Cộng đã không chơi trò chơi này.”

Vì vậy, tại Quốc Hội Châu Âu gặp gỡ vào cuối năm 2008, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã không loại trừ khả năng từ bỏ đề xuất khu tự trị và trở lại kêu gọi cho một sự độc lập. Nhưng ngài cũng thừa nhận rằng ngài không thể giảm giá trị của khả năng của một giải pháp chung cuộc cho Tây Tạng: để giữ sự kiểm soát toàn Tây Tạng, một xứ sở phong phú tài nguyên thiên nhiên, những lãnh tụ Trung Cộng có thể áp bức dân số thậm chí tàn bạo hơn và dùng việc định cư dân số người Hán để làm cho người Tây Tạng vĩnh viễn thành một thiểu số không đáng kể ở một Tây Tạng tràn ngập người Hán.

Mặc dù bối cảnh không thể bị loại trừ, nhưng một nhân tố mới đã nuôi dưỡng hy vọng của Đức Đạt Lai Lạt Ma: sự tiến hóa của dân tộc Trung Hoa, và những sự nổi kết Giáo Pháp đã phát triển trong những thập niên gần đây. Sau khi chúc mừng Quốc Hội Châu Âu về phần thưởng nhân quyền Sakharov cho Hu Jia, lãnh tụ tinh thần Tây Tạng khẳng định rằng ngay cả nếu ngài có thể không còn tin tưởng vào những tuyên bố của chính quyền Trung Cộng, thì ngài niềm tin của ngài với dân tộc Trung Hoa vẫn còn “nguyên vẹn.”

*

Đến tất cả những anh chị em tâm linh Trung Hoa

TÔI MUỐN KÊU GỌI một cách cá nhân đến tất cả những anh chị em tâm linh ở Trung Hoa, cả bên trong và bên ngoài Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đặc biệt đến những đệ tử của Đức Phật. Tôi nói như một tu sĩ Phật giáo và như một học trò của bậc thầy tôn kính của chúng ta, Đức Phật. Tôi đã kêu gọi đến cộng đồng người Hoa trong phổ quát, nhưng lần này, các bạn là những người tôi đang nói đến, những người anh chị em tâm linh của tôi, về chủ đề của một tính nhân đạo cấp bách.

Dân tộc Trung Hoa và Tây Tạng cùng chia sẻ di sản tâm linh của Phật giáo Đại thừa. Chúng ta tôn kính lòng Từ Bi của Đức Phật – Quán Thế Âm trong truyền thống Trung Hoa và Chenrenzig trong truyền thống Tây Tạng. Chúng ta yêu mến như lòng từ bi lý tưởng tâm linh cao nhất cho tất cả chúng sanh khổ đau. Vì rằng Phật giáo đã phát triển ở Trung Hoa trước khi nó được truyền từ Ấn Độ vào Tây Tạng, cho nên tôi luôn luôn xem những người Phật tử Trung Hoa với sự tôn trọng như những người anh chị em lớn trưởng thành.

Các bạn biết không, như một tu sĩ, bắt đầu vào ngày 10 tháng Ba, 2008, một loạt các cuộc biểu tình đã xảy ra ở Lhasa và vài vùng khác của Tây Tạng. Những sự kiện này đã bị kích động sâu sắc bởi những chính sách của chính quyền Bắc Kinh. Tôi đã rất buồn vì sự mất đi mạng sống của cả hai bên, Trung Hoa và Tây Tạng, và tôi lập tức yêu cầu kèm chế trên bộ phận của cả hai bên Trung Hoa và Tây Tạng, tôi đặc biệt yêu cầu người Tây Tạng không được dùng đến bạo động.

Bất hạnh thay, nhà cầm quyền Bắc Kinh đã sử dụng những phương pháp tàn bạo để kiểm tra cuộc phản kháng mặc cho những khẩn cầu từ nhiều lãnh tụ các nước, NGO tổ chức phi chính phủ, và những người nổi tiếng thế giới, đặc biệt nhiều học giả Trung Hoa. Trong phạm vi của những sự kiện này, một số người đã mất đi mạng sống, những người khác bị thương tật, và nhiều người khác bị tù tội. Những cuộc tấn công tiếp tục, và nó nhằm mục tiêu đặc biệt tại những tu học viện, nơi mà những truyền thống của trí tuệ Phật giáo của tổ tiên chúng tôi được bảo tồn. Trải qua những năm lưu vong, nhiều tu viện đã bị đóng cửa. Chúng tôi đã nhận được nhiều báo cáo nói về việc bỏ tù những tu sĩ, đánh đập và bị đối xử tàn tệ. Những biện pháp đàn áp này dường như là một bộ phận của một chính sách có hệ thống, được phê duyệt chính thức.

Không có sự quán sát quốc tế, những nhà báo, hay ngay cả những khách du lịch được quyền đi vào Tây Tạng, tôi thật sự lo lắng sâu sắc về số phận của những người Tây Tạng. Nhiều người thương tật, nạn nhân của sự đàn áp, đặc biệt trong những vùng xa xôi, rất sợ hãi bị bắt bớ không bao giờ đòi hỏi đến chăm sóc y tế. Theo những nguồn tin đáng tin cậy, người ta đã chạy vào núi non, nơi họ không được tiếp cận với thức ăn hay chỗ trú ngụ. Những người tiếp tục đang sống trong một tình trạng sợ hãi liên tục, khiếp đảm bị bắt bớ.

Tôi cực kỳ lo lắng bởi những sự khổ đau liên tục này. Tôi cực kỳ quan tâm, và tự hỏi kết quả sẽ là gì cho tất cả những sự tiến triển bi thảm này. Tôi không tin rằng đàn áp là một giải pháp về lâu về dài. Cách tốt nhất để tiến đến việc giải quyết vấn đề liên quan đến người Tây Tạng và Trung Hoa là qua đối thoại, và tôi đã bảo vệ vị thế này trong một thời gian dài. Trong những năm gần đây, tôi đã thường bảo đảm với chính quyền Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa rằng tôi không yêu cầu cho một sự độc lập. Tôi đang tìm kiếm cho một sự tự trị đầy đủ ý nghĩa cho dân tộc Tây Tạng, có thể bảo đảm sự tồn tại lâu dài của văn hóa Phật giáo, và ngôn ngữ của chúng tôi, và bản sắc đặc thù của chúng tôi. Nền văn hóa phong phú của Tây Tạng là một bộ phận của di sản văn hóa phổ quát của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, và nó có thể lợi ích cho những anh chị em người Hoa.

*

Vào cuối tháng Tư 2008, ở Hoa Kỳ, trong lần du hành hải ngoại đầu tiên sau cuộc phản kháng khắp Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đưa ra một lời kêu gọi đến Trung Cộng. Trong một cuộc nói chuyện với cộng đồng Á châu, ngài đã hỏi tường lòng chân thành và cởi mở của ngài, trong khi lấy làm tiếc vì vắng mặt sự đáp ứng về phần nhà cầm quyền Bắc Kinh.

Trong bài nói chuyện thứ hai đến người Phật tử Trung Hoa, âm điệu cá nhân hơn. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói với những người “anh chị em”; đến từ ngài, những từ ngữ này không phải không có ý nghĩa. Liên kết huynh đệ tồn tại trong những trình độ con người, lịch sử, và tâm linh, vì tất cả mọi người Phật tử đều là đệ tử của cùng một vị Thầy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong năm 2008, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kêu gọi cho một cuộc tái khám phá tình huynh đệ chung quanh lý tưởng của tự do và dân chủ. Và những lời tuyên bố của ngài có tiếng vang trong Cộng Hòa Nhân Dân, vốn không thật sự đồng nhất. Trong năm 1996, nhà bất đồng chính kiến Lưu Hiểu Ba đã bị kết án ba năm trong trại cải tạo vì đã viết một lá thư cho Chủ tịch Giang Trạch Dân kêu gọi cho quyền tự quyết của cho dân tộc Tây Tạng và một cuộc đối thoại cởi mở với Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trong xã hội Trung Hoa ngày nay, những nhà báo, luật sư, môi trường, nghệ sĩ có lòng can đảm đối diện với nhà cầm quyền. Như nó đang trải qua một sự thay đổi lớn, Trung Hoa đang khám phá lại tôn giáo. Theo thủ tướng Tây Tạng, Samdhong Rinpoche, có 300 triệu Phật tử ở Trung Hoa, kể cả cựu lãnh tụ Cộng Đảng Giang Trạch Dân, và cựu thủ tướng Chu Dung Cơ. Nhiều thương gia và nghệ sĩ quan tâm đến Phật giáo, và những sách vở của Đức Đạt Lai Lạt Ma, được in ở Đài Loan, được lưu hành kín đáo. Trong khi tình cảm và tình đoàn kết với người Tây Tạng được làm cho tiếp tục gia tăng, những đại gia ân nhân giàu có đã đóng góp tiền bạc để tái thiết lại những tu viện bị tàn phá và những trung tâm trao truyền Phật pháp trong truyền thống vĩ đại của Tây Tạng.

Đức Đạt Lai Lạt Ma duy trì lòng hy vọng cho một sự dân chủ hóa cuối cùng ở Trung Hoa và cho công lý sẽ được trả lại cho dân tộc Tây Tạng bởi dân tộc Trung Hoa.

Đức Đạt Lai Lạt Ma tự hỏi, “Điều gì xảy ra nếu tâm linh lật đổ cộng sản Trung Quốc?” Ngài đã hỏi câu hỏi này nhiều lần, vì với giả thuyết này, dường như không có khả năng đối với ngài. Nó được ghi trong logic của cách mạng tâm linh mà ngài đã bênh vực và trong ba chí nguyện của ngài trong kiếp sống này. Nếu việc làm của ngài trong việc phụng sự cho tự do và hòa bình khắp thế giới không hoàn tất, thì kiếp sống tới, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười lăm, sẽ tiếp lấy ngọn đuốc của tự do, vốn không bao giờ tàn lụi – nó bốc cháy trong trái tim của con người mà đời sống không chấm dứt với sự chết.

KẾT LUẬN: Tôi Đặt Niềm Hy Vọng Của Tôi Trong Trái Tim Con Người

Chúng Ta Chỉ Có Thể Sống Trong Hy Vọng

MẶC CHO NHỮNG TỘI ÁC DIỆT CHUNG mà Trung Cộng đã làm trong xứ sở của chúng tôi, nhưng tôi thật tình không thù ghét trong tim tôi đối với người Trung Hoa. Tôi tin rằng một trong những lời nguyên rủa và hiềm họa của thời đại chúng ta là gán cho những quốc gia vì những tội ác của các cá nhân. Tôi biết nhiều người Trung Hoa đáng khâm phục.

Trong những ngày này của sức mạnh quân đội tràn ngập, tất cả những người đàn ông và đàn bà chỉ có thể sống trong hy vọng. Nếu họ được gia hộ với những ngôi nhà và gia đình yên bình, thì họ hy vọng được phép giữ chúng và để thấy con cái họ lớn lên trong hạnh phúc; nếu họ mất nhà cửa của họ, như chúng ta có, nhu cầu của họ cho hy vọng, và niềm tin thậm chí lớn hơn. Hy vọng của toàn thể loài người, trong sự phân tích cuối cùng, đơn giản là cho sự hòa bình của tâm hồn. Hy vọng của tôi đặt niềm tin trong lòng can đảm của người Tây Tạng và tình yêu thương cho sự thật và công lý vốn vẫn ở trong trái tim của loài người, và niềm tin của tôi trong lòng từ bi của Đức Phật Thế Tôn.

HÃY LÀ CỘI NGUỒN CỦA HY VỌNG

Bất cứ điều gì xảy ra
Đừng đánh mất hy vọng!
Phát triển trái tim của bạn.
Trong xứ sở của bạn, quá nhiều năng lượng
Được cống hiến để trau dồi tâm hồn.
Hãy là cội nguồn của lòng từ bi,
Không chỉ cho bạn bè của bạn,
Mà cho tất cả mọi người.
Hãy là cội nguồn của từ bi,
Cho hòa bình.
Và tôi nói với bạn lần nữa,
Đừng bao giờ đánh mất hy vọng.
Bất cứ điều gì xảy ra,
Bất cứ điều gì xảy ra chung quanh bạn
Đừng bao giờ đánh mất niềm tin!

*

Bài thơ này được Đức Đạt Lai Lạt Ma viết do yêu cầu của nhà văn người Hoa Kỳ Ron Whitehead, sáng lập một viện nghiên cứu y khoa nghiên cứu về gen con người.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đọc nó tại một đại học New York vào tháng Tư 1994 trong một lễ hội được tổ chức bởi Ron Whitehead cống hiến cho hòa bình thế giới.

“Đừng bao giờ đánh mất hy vọng,” là một châm ngôn của giới trẻ Tây Tạng, bây giờ được viết trong những ngôi nhà trong những làng trẻ em và được in trên áo thun.

*

Nguyện cho tôi là người bảo vệ của những thứ bị ruồng bỏ
Người hướng dẫn cho những ai lang thang trên con đường,
Và cho những khao khát trên những bến bờ khác,
Nguyện cho tôi là bình chậu, thuyền bè, cầu cống;
Nguyện cho tôi là hải đảo, cho những ai cần một hải đảo,
Ngọn đèn cho những ai cần một ngọn đèn,
Là giường cho những ai cần một chiếc giường;
Nguyện cho tôi là viên ngọc ước, chiếc chầu
Đầy châu báu, một chân ngón đầy năng lực, cỏ thuốc,
Cây ban cho mong ước, con bò của sự phong phú.
Khi thế gian vẫn còn tồn tại,
Khi chúng sanh vẫn còn hiện hữu
Nguyện cho tôi vẫn hiện diện
Để xua tan khổ đau cho trần thế!

*

*Chính là với bốn câu thơ cuối của lời cầu nguyện dài bởi Ấn độ đại thánh
Shantideva vốn ca ngợi lòng yêu thương của Đức Phật cho tất cả mọi chúng sanh,
mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kết thúc bài phát biểu nhận giải Nobel Hòa bình năm
1989.*

*Gần hai mươi năm sau, ngài tâm sự rằng vào lúc qua đời, ngài muốn để lại cuộc
đời này ghi nhớ những dòng này, tâm thức của ngài tắm gội trong lòng từ bi.*

*

LỜI BẠT

Đạt được hòa bình với Đức Đạt Lai Lạt Ma

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm mươi Đức Đạt Lai Lạt Ma lưu vong, quyển sách này muốn ăn mừng một chiến thắng.

Trong những quyển sách lịch sử chúng ta thấy rằng một quốc gia chiến thắng một cuộc chiến tranh trong khi một nước khác thua trận. Trải qua hàng thế kỷ, những cuộc xung đột đã thành công lẫn nhau; cho thấy thật đúng đắn như thế nào rằng không có cuộc chiến tranh nào đã chiến thắng mà biểu thị cho sự chấm dứt chiến tranh. Hoàn toàn mâu thuẫn. Sự đối đầu tiếp tục từ thế hệ này sang thế hệ khác, và những thành phần đầu hàng hôm qua hy vọng trở thành kẻ chinh phục ngày mai. Chí nguyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma là gì để phá vỡ vòng lẫn lộn của xung đột một cách chính xác. Từ quan điểm ấy, năm mươi năm đã trôi qua sẽ là không vô nghĩa cũng không mất mát. Trái lại, chúng sẽ đại diện cho chiến thắng trong chiến tranh.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã giành được hòa bình; ngài đã đến cùng với chiến thắng hòa bình.

Chiến thắng này không được công bố trên những trang nhất của báo chí, và các quốc gia không tặng cho một sự chào mừng chiến thắng đến con người đã chiến thắng chiến trận này, người đã lấy sự ngưỡng mộ của ngài và kiểu mẫu chính trị của Thánh Gandhi. Chiến trận được tiến hành bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma không thể được thấy như tương tự với hàng nghìn quả bom rơi xuống dân chúng bị làm con tin bởi những cuộc đụng độ giữa các chính quyền. Chiến trận của ngài không thể được nghe như những tiếng nổ vang động qua những gì thường được gọi là “sân khấu” của những cuộc khai triển quân đội. Nhưng một cuộc chiến trận đã được tiến hành và tiếp tục được tiến hành bởi một lãnh tụ tinh thần của người Tây Tạng, phù hợp với những quy tắc của một tiến trình được quyết định của bất bạo động, với sự kiên trì bền bỉ.

Trong chiến trận này, kẻ thù không phải là người có thể nghĩ nó là. Đức Đạt Lai Lạt Ma không chiến đấu chống lại người Hoa. Làm sao ngài có thể gọi người Hoa

là kẻ thù? Khi ngài nói về họ, đã trong nhiều năm ngài gọi họ là “những người anh chị em của ngài.” Một biện hộ của sự giải trừ vũ khí bên trong và bên ngoài, ngài tiến lên trường quốc tế với đôi bàn tay không. Không khủng bố, không kế hoạch đánh bom, không viện chứng máy bay tự sát (thời thế chiến thứ hai của Nhật) như sự ngưỡng mộ của ngài. Đối với thế hệ trẻ Tây Tạng, những người muốn chiến đấu với Trung Cộng chiếm đóng; ngài khuyến khích con đường bất bạo động, con đường mà ngài không bao giờ lạc lối.

Khi rời Tây Tạng năm 1959, Đức Đạt Lai Lạt Ma không mang theo thứ gì quý giá với ngài; đó là cái giá của chuyến bay thành công vượt qua bức tường Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng đó không có nghĩa là ngài nghèo khó. Tước bỏ những vật chất tốt đẹp, ngài mang theo mình những kho báu của tuệ trí, từ ái và bi mẫn mà ngài đã trau dồi từ lúc thiếu thời. Trong tu viện Potala, trong bí mật của những bức tường vàng son, ngài đã thực tập để cầm nắm vũ khí đánh bại tất cả mọi vũ khí, vũ khí vốn chuẩn bị cho sự chiến thắng của hòa bình.

Sự chiếm đóng quân sự của Trung Cộng đối với Tây Tạng, sự vi phạm quyền con người, sự buộc tội hình sự cư dân, sự xâm lược nhân khẩu là trắng trợn, đau đớn, và không thể chịu nổi. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã không ngừng tố cáo chúng hơn năm mươi năm qua với cộng đồng quốc tế, mà sự đáp ứng của họ không tương xứng với tình hình nghiêm trọng của những sự kiện trên Nóc Nhà của Thế Giới. Việc nhìn nhận sự diệt chủng người Tây Tạng của Ủy ban Luật gia Quốc tế (viết tắt là ICJ) năm 1950 không đưa đến những lượng định chống lại Trung Cộng. Và mặc dù Đức Đạt Lai Lạt Ma đã xoay sở để huy động công luận quốc tế khắp thế giới, nhưng ngài đã không đạt được những hứa hẹn từ những cộng đồng quốc gia trên thế giới có thể làm dừng lại việc vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng. Đó có phải nghĩa là lòng từ ái và bi mẫn bất lực chống lại những quan tâm kinh tế và sự nở bùng sức mạnh của Trung Cộng không? Người ta có thể nghĩ như vậy vào lúc đầu, người ta có thể mĩa mai về sự quá lý tưởng của vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, một tu sĩ, nền thần quyền cuối cùng của thời đại khác, vốn ngài đã chuyển biến thành một chế độ dân chủ ngay trong năm đầu tiên của sự lưu vong. Nhưng một sự diễn dịch khác sẽ nổi lên nhanh chóng.

Trong nửa thế kỷ, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã khẩn cầu với thế giới lương tâm. Vào một thời đại của xã hội hóa và lịch sử hóa toàn cầu, khi quyền con người bị khinh thường ở Tây Tạng, có phải là đó là tính nhân bản của tất cả chúng ta bị vi phạm không? Sự chiến thắng của hòa bình đối với một chế độ độc tài không tôn trọng Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ có thể là một sự chiến thắng cho tất cả mọi người.

Nếu mà, nhằm để chuyển hóa thế giới, chúng ta phải bắt đầu bằng việc chuyển hóa chính mình sẽ là gì? Bằng việc giả định trách nhiệm toàn cầu? Sẽ là gì, nếu chúng ta đi theo kiểu mẫu của Đức Đạt Lai Lạt Ma, tất cả chúng ta được kêu gọi để trở thành “những người đem lại hòa bình” nhằm để giải thoát chính chúng ta bằng việc giải thoát sáu triệu người Tây Tạng, và vì thế để lại cho những thế hệ tới với một thế giới nhân bản hơn, huynh đệ hơn?

Chúng ta phải đi đến một loại nhận thức nào đó bây giờ, vì thế chúng ta sẽ không bị hủy diệt bằng việc ân hận vì đã từng chứng kiến thụ động một thảm kịch và vì thế, với Đức Đạt Lai Lạt Ma chúng ta có thể đạt được hòa bình.

- Sofia Stril-Rever
Tu viện Kiri
Dharamsala, tháng Mười Hai 2008

*

PHÁT BIỂU HÀNG NĂM CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NHÂN LỄ KỶ NIỆM NGÀY ĐỒNG KHỞI Ở LHASA 10 THÁNG BA NĂM 1959

10 Tháng Ba năm 2007

Nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ 48 cuộc đồng khởi hòa bình của người Tây Tạng ở Lhasa năm 1959, tôi bày tỏ lòng tôn kính đến tất cả những người Tây Tạng đã đau khổ và những người đã hy sinh mạng sống của họ vì vấn đề Tây Tạng. Tôi dâng lời cầu nguyện cho họ. Tôi cũng khẳng định lòng đoàn kết của tôi với những người đàn ông và đàn bà, những người vẫn tiếp tục đau khổ từ sự đàn áp và những người ở trong nhà tù bây giờ.

Năm 2006, chúng ta đã quán sát thấy những sự thay đổi cả tích cực và tiêu cực ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Về một mặt, vị thế cứng rắn được tăng cường, đáng chú ý với cuộc vận động phá hoại chống lại chúng ta và thậm chí sự đàn áp hạn chế chính trị ồn ào, cao độ hơn ở Tây Tạng. Về mặt khác, tại chính Trung Hoa, tự do ngôn luận trở thành lan rộng một cách rõ ràng. Đặc biệt, những nhà trí thức Trung Hoa đã làm sinh khởi một ý tưởng rằng thật cần thiết để phát triển một xã hội đầy đủ ý nghĩa hơn căn cứ trên những giá trị tâm linh. Ý tưởng rằng hệ thống hiện tại ở trong một vị trí không thích hợp để tạo nên một xã hội như vậy đang đặt nền tảng; vì thế việc phát triển niềm tin tôn giáo trong phổ quát, và quan tâm trong Phật giáo và văn hóa Tây Tạng trong đặc thù. Điều gì nữa, nhiều người đang bày tỏ mong ước tôi thực hiện một cuộc hành hương đến Trung Hoa và giảng dạy cho họ.

Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã lập lại lời kêu gọi cho một xã hội hòa hiệp là đáng ca tụng. Việc nhận ra một xã hội như vậy liên hệ đến việc phát triển lòng tin giữa những con người, vốn chỉ có thể xảy ra khi có tự do ngôn luận, sự thật, công lý và cai trị bình đẳng. Do thế, thật thiết yếu rằng tất cả mọi cơ chế có thẩm quyền ở tất cả mọi trình độ không chỉ chấp nhận những nguyên tắc này mà phải thật sự đưa chúng vào trong thực hành.

Như những mối quan hệ của chúng tôi với Trung Hoa, từ 1974 chúng tôi đã nhận ra rằng cơ hội để mở ra một cuộc đối thoại với Trung Hoa sẽ hiện diện không thể tránh khỏi một ngày này hay một ngày khác. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị cho chính mình để đạt được một sự tự trị thật sự mà trong ấy tất cả mọi người Tây Tạng sẽ được thống nhất, như hiến pháp Trung Hoa đã long trọng tuyên bố. Năm 1979, Đặng Tiểu Bình đã gợi ý rằng trừ việc độc

lập, tất cả mọi vấn đề liên quan đến Tây Tạng đều có thể giải quyết thông qua đối thoại. Vì điều đó đồng thuận với nhận thức của chính chúng tôi, cho nên chúng tôi đã chọn chính sách Trung Đạo lợi ích hỗ tương. Vì lúc ấy, trong hai mươi tám năm, điều đó đã xảy ra, chúng tôi đã theo đuổi chính sách này với sự kiên định và chân thành. nó đã được hình thành sau khi những cuộc thảo luận sâu và phân tích nghiêm chỉnh với mục tiêu phục vụ những quan tâm ngay lập tức và lâu dài của cả người Tây Tạng và Trung Hoa. Nó cũng công hiến cho sự chung sống hòa bình ở Á châu và bảo vệ môi trường. Chính sách này được tán thành và hỗ trợ bởi nhiều người Tây Tạng thực tiễn cả ở bên trong và bên ngoài Tây Tạng, cũng như nhiều quốc gia.

Lý do chính phía sau đề xuất của tôi cho một khu tự trị chân thật cho tất cả mọi người Tây Tạng được bảo đảm bình đẳng thật sự và để tạo nên một cảm giác thống nhất giữa những người Tây Tạng và Trung Hoa, bằng loại trừ cả chủ nghĩa sô vanh người Hán và chủ nghĩa quốc gia địa phương. Nó cũng sẽ công hiến cho sự ổn định của xứ sở, cảm ơn sự hỗ trợ, tin tưởng và hữu nghị hỗ tương giữa hai dân tộc chúng ta. Nó cũng giúp duy trì sự phong phú về văn hóa và ngôn ngữ của chúng tôi trong một sự cân bằng thích đáng giữa việc phát triển vật chất và tâm linh, vì lợi ích của toàn thể nhân loại.

Đúng là hiến pháp Trung Hoa bảo đảm dân tộc tính một khu tự trị dân tộc. Vấn đề là nguyên tắc không được thực hành một cách trọn vẹn. Điều đó giải thích tại sao mục tiêu của nó, vốn là rõ ràng, lại không được thực hiện: bảo vệ bản sắc, văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số. Điều xảy ra trên căn bản giải quyết vấn đề trên các vùng thiểu số là phải theo dân tộc đa số. Kết quả là, dân tộc thiểu số, thay vì được bảo tồn bản sắc của chính họ, văn hóa và ngôn ngữ, đã không có lựa chọn nào khác mà phải tiếp nhận ngôn ngữ và phong tục của dân tộc đa số trong đời sống hàng ngày. Vì thế, hiểm họa của một tiến trình tiêu diệt ngôn ngữ và truyền thống phong phú của những dân tộc thiểu số. Không có gì sai gắn liền với việc muốn phát triển cơ sở hạ tầng, như đường sắt. Ngoại trừ đây là những nguồn gốc của nhiều vấn nạn, vì từ khi đường sắt đi vào hoạt động. Tây Tạng đã trải nghiệm việc tái lập di dân mới Trung Hoa, một sự tăng tốc làm xấu đi môi trường của nó, một sự gia tăng trong ô nhiễm, một sự quản lý sai lầm về nguồn nước và khai thác tài nguyên thiên nhiên – tất cả những nguyên nhân của sự tàn phá đất nước và hủy hoại sự sống của những cư dân ở đây.

Mặc dù có nhiều đảng viên có học thức, và có thẩm quyền là những người dân tộc thiểu số, đáng tiếc là quá ít người trong họ có được những vị trí lãnh

đạo trên cấp độ quốc gia. Một số người trong họ đã bị buộc tội ly khai. Nếu chúng ta có được những lợi ích rõ ràng cho cả những dân tộc đa số và thiểu số, cũng như cho chính quyền trung ương và địa phương, thì một khu tự trị đầy đủ ý nghĩa nên được thành lập. Vì đây là khu tự trị quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong cá biệt, cho nên sự đòi hỏi để thấy tất cả những người dân Tây Tạng được đặt dưới một cơ cấu hành chính là chân thành, công bằng và minh bạch. Rõ ràng là đối với thế giới chúng tôi không có chương trình gì dấu diếm. Cho nên đó là một nhiệm vụ thiên nhiên cho tất cả những người Tây Tạng tiếp tục đấu tranh cho đến khi đòi hỏi hợp lý này được hiện thực. Bất chấp là lâu dài như thế nào đi nữa; lòng nhiệt tình và quyết tâm của chúng tôi sẽ duy trì không thay đổi cho đến khi hoàn thành những nguyện vọng của chúng tôi. Cuộc đấu tranh của dân tộc Tây Tạng không phải là một cuộc chiến đấu vì vị thế đặc biệt của một vài cá nhân; đó là một cuộc đấu tranh của cả dân tộc. Chúng tôi đã chuyển biến cơ quan hành chính và cộng đồng lưu vong thành một cơ cấu dân chủ thiết thực vốn thấy một sự kìm hãm của những lãnh đạo được bầu cử bởi người dân của nó. Vì vậy, chúng tôi đã thiết lập một tổ chức xã hội và chính trị có gốc rễ sâu sắc và đầy năng lượng nhiệt tình sẽ tiếp tục sự đấu tranh của chúng tôi từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chung cuộc, những quyết định tối hậu sẽ được thực hiện một cách dân chủ bởi chính những người dân.

Vì việc nói lại sự tiếp xúc trực tiếp giữa những người Tây Tạng và Trung Cộng trong năm 2002, những đại diện của tôi đã đưa năm vòng thảo luận toàn diện với những đại diện của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đáp ứng cho vấn đề. Trong những cuộc thảo luận này, cả hai bên có thể trình bày một cách rõ ràng trong hình thức của những sự nghi ngại, ngờ vực, và những khó khăn thật sự cố chấp của cả hai bên. Tuy nhiên, những vòng thảo luận này giúp chúng tôi tạo nên một kênh truyền thông giữa hai bên. Phái đoàn Tây Tạng sẵn sàng tiếp tục cuộc đối thoại vào bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào. Nội các sẽ đưa ra những chi tiết trong báo cáo của nó.

Tôi chúc mừng tất cả những người Tây Tạng ở quê hương Tuyết Sơn, những người như những thành viên của Cộng đảng, lãnh đạo, công chức, chuyên gia và những người khác, đã duy trì tâm linh Tây Tạng bằng việc theo đuổi một cách kiên trì nỗ lực của họ trong vấn đề của dân tộc Tây Tạng. Tôi bày tỏ lòng ngưỡng mộ sâu sắc của tôi cho người Tây Tạng ở Tây Tạng, những người mặc cho tất cả những thử thách đã hành động để bảo tồn bản sắc, văn hóa và ngôn ngữ Tây Tạng. Tôi ngưỡng mộ quyết tâm và lòng can đảm không lay chuyển trong việc nhận ra nguyện vọng của dân tộc Tây Tạng. Tôi chắc chắn họ sẽ tiếp tục chiến đấu cho vấn đề chung của chúng ta với sự hy

hiến và quyết tâm. Tôi kêu gọi tất cả những người Tây Tạng cả ở bên trong và bên ngoài Tây Tạng hãy hành động cùng nhau cho một tương lai bảo đảm căn cứ trên sự bình đẳng và hòa hiệp giữa những dân tộc.

Tôi muốn nhân cơ hội này để cảm ơn dân tộc và chính phủ Ấn Độ từ đáy lòng của tôi vì sự hỗ trợ rộng lượng, không lay chuyển và vô song của họ.

Tôi bày tỏ tất cả sự biết ơn của tôi đến các chính phủ và các dân tộc của cộng đồng quốc tế vì sự quan tâm và hỗ trợ mà họ đã mang đến cho vấn đề Tây Tạng.

Với những lời cầu nguyện cho hòa bình và sự cát tường đến tất cả chúng sanh.

Đức Đạt Lai Lạt Ma

*

Mạn Đà La Thời Luân



Trong trung tâm của vũ trụ, mạn đà la Thời Luân, Kakachakra, được dâng hiến cho hòa bình . Nó được diễn tả như không gian vô giới hạn, bao hàm tất cả yêu thương, được diễn tả bởi lời cầu nguyện này của Shantideva, được Đức Đạt Lai Lạt Ma trích dẫn ở Oslo vào cuối bài phát biểu nhận giải Nobel Hòa Bình. Lời cầu nguyện này được diễn dịch bằng Tạng ngữ, Hoa ngữ, Pháp ngữ, Anh ngữ, và Việt ngữ:

As long as space remains,
As long as sentient beings remain,
Until then, may I too remain
And dispel the miseries of the world

Khi không gian vẫn còn tồn tại
Khi chúng sanh vẫn còn hiện hữu
Cho đến lúc ấy, tôi nguyện cũng sẽ hiện diện
Để xóa tan khổ đau của trần thế

Chữ ký của Đức Đạt Lai Lạt Ma vào ngày 11 tháng Hai, 2008 ở Dharamsala

Ân Tâm Lộ, Friday, June 14, 2019

Thư Viện Hoa Sen chuyển thành định dạng PDF ngày 11 tháng 6 năm 2025